

doãn quốc sỹ
Toàn Tập

P. M. CHUONG 97

Đi

truyện

VĂN HÓA



Đi

Đoãn Quốc Sỹ

đi

Doãn Quốc Sỹ

Bìa: ***NXB Văn Hóa***

Nguồn: *Thư viện Tiểu Lùn*

đi

DOÃN QUỐC SỸ

VĂN HÓA
xuất bản 1980

1

Bà nội bảy mươi bảy tuổi chẳng bao giờ ngờ chuyển đi từ Hà Nội vô Sài Gòn này lại chỉ để chúng kiến đám con cháu nội ngoại trong Nam ra đi gần trọn ổ. Thật buồn! Nhưng qua kinh nghiệm và cảm nghĩ bản thân, cụ cũng thấy rằng điều đó chẳng thể tránh được.

Đây là lần thứ hai cụ vô Nam đấy. Lần đầu cụ vô Sài Gòn vào tháng 3 năm 1977. Ngày đó thằng con trưởng của cụ (di cư vô Nam từ 1954) đã bị bắt giữ rồi.

Tuy nhiên cụ tuyên bố với đám con cháu miền Bắc:

– Tao vào Nam là anh chúng mày, bác chúng mày được tha!

Giọng cụ tuyên bố chắc nịch. Nhi – chú con trai thứ hai của cụ – cười hỏi:

– Chắc cụ đã xin thẻ (sâm) và được thánh dạy như vậy, có phải không cụ?

Cụ không trả lời. Cụ tập trung hết sức lực vào việc xin giấy tờ tại Công an huyện Từ Liêm, khu Ba Đình. Vô Nam lần thứ nhất đó, cụ chờ thẳng trưởng mười ba tháng liền, nó vẫn không được tha. Cụ đành về Bắc, thật ngao ngán. Cụ thương thẳng trưởng sau hai mươi ba năm xa cách, bố chết ngoài Bắc không được gặp mặt, mẹ vô Nam cũng không được gặp mặt. Cụ thương thẳng trưởng

đến chảy nước mắt. So với anh em trong Nam, nó nghèo hơn cả, nhưng bao giờ cũng giàu tình thương người, mà sao cứ gặp toàn vất vả. Củ trở về Bắc lần đó được ngót hai năm, tháng Giêng 1980 củ nhận được điện báo tin thăng trưởng của củ được tha. Thế là củ tức tốc đi lo liệu giấy tờ lấy. Cô cán bộ công an huyện sau khi nhận đơn bèn hẹn củ tuần sau. Tuần sau củ tới cô lại khất củ tuần nữa. Thế là củ dậm chân, dậm đầu gậy, sau đó củ đập bàn nữa. Củ nói lớn, lúc thì nghẹn ngào, lúc thì chảy nước mắt:

– Ô hay, cô nói gì lạ, nhà tôi luôn luôn chấp hành tốt chính sách, sao cô lại thất hứa. Nhà cô có người già không... Tôi ao ước trong bao nhiêu năm để vào Nam gặp con gặp cháu... Tôi già thế này rồi, tôi mà chết không gặp được con cháu, tôi oán cô ba đời...

Bao nhiêu cán bộ ở các phòng xung quanh nghe cộ to tiếng đều đổ xô lại, lựa lời xin cộ người người đi, một người đưa cộ gặp thẳng anh trưởng phòng. Nữ cán bộ nói với những người còn lại: “Mọi lần cộ dễ tính lắm kia.” Vì vậy mà lần này kịp giấy tờ để cộ vào Nam trước Tết Canh Thân, đúng trưa ngày 27 Tết, bằng đường hàng không.

Mẹ con sau hai mươi sáu năm trời xa cách (trên một phần tư thế kỷ) được gặp nhau trước Tết; lũ cháu nội ngoại được quây quần quanh bà riu rít chuẩn bị đón Xuân. Lũ cháu ngoại là đám con Quỳ, đứa con gái đứng hàng thứ tư trong tổng số bảy đứa con của cộ. Như vậy là sau hiệp định Genève 1954, năm con (ba trai, hai gái) ở lại miền Bắc, hai đứa (thằng trưởng và Quỳ) di cư vô Nam. Cháu nội cũng như cháu ngoại, mặt mũi

đứa nào cũng vắng vặc, mô Phật, và nhất là đứa nào tâm địa cũng trung hậu, điều này làm cụ mừng nhất. Suốt từ 1954 đến nay có ngày nào đêm nào cụ quên niệm Phật đâu: “Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn linh cảm Quan Thế Âm Bồ Tát!” “Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát độ cho gia đình con sinh tâm hiền, diệt tâm tham, trên thuận dưới hòa một nhà êm ấm!”

Tối lũ cháu nhỏ nội ngoại tranh nhau ngủ với cụ (kể cả đứa đã lớn tới mười lăm, mười bảy tuổi) để được cụ gỡ đầu và xoa lưng trước khi ngủ.

Hạnh phúc mẹ gặp con, bà gặp cháu của một đại gia đình thương yêu hòa thuận thực không bút nào tả xiết. Vậy mà cụ có ngờ đâu chỉ sau đó ít lâu cụ chứng kiến cảnh chúng nó ra đi dần, có

đứa bị bắt giữ rồi được thả, rồi lại ra đi nữa.

“Đừng đòi hỏi tuyệt đối, người thánh thiện đến đâu cũng có điểm bất toàn, gia đình hạnh phúc đến đâu cũng có điểm đen bất toàn.” Ấy giá là nhà hiền triết thì tự an ủi như vậy, nhưng cụ tâm Phật, cụ chỉ biết niệm Phật, tin Phật, thương và yêu tất cả mọi người. Cụ tin như hai với hai là bốn là cụ, con cháu cụ và tất cả những người tốt trên thế gian đều được trời Phật phù hộ dù gặp nghịch cảnh nào đi nữa. Và ở nghịch cảnh nào cụ cũng tìm ra được khía cạnh tốt đẹp để vui với nghịch cảnh đó, hoặc đương nhiên coi nghịch cảnh đó không còn nghịch cảnh chút nào nữa. Cụ há đã chẳng từng nói nhiều với mọi người về việc cụ được gặp thẳng trưởng:

– Thật là Trời Phật tận thương tận độ tôi mới được gặp cháu nó (hoặc em nó), mà cháu nó (hoặc em nó) cũng được Trời Phật tận thương tận độ mới gặp được tôi. Mẹ con được gặp nhau!

Ấy thằng trưởng của cụ tuổi trời cũng gần sáu mươi rồi, nhưng dưới mắt cụ thì nó cũng không khác gì hồi nó còn là thằng cu Tèo đánh bi đánh đáo, nên cụ vẫn đơn giản dùng những từ ngữ “cháu nó, em nó” để chỉ nó. Mọi người vẫn gọi ông là ông giáo, vì ông đi dạy học.

Từ lúc đột nhiên khám phá ra lũ con cháu trong Nam đang tuần tự ra đi dần cụ chỉ biết niệm Phật, hầu như thường xuyên niệm Phật, kể cả đêm khuya lúc cụ thiếp ngủ tâm tưởng của cụ vẫn hướng về lời niệm. Và sáng sớm cụ đốt ba nén nhang thật ngát (bao giờ cụ cũng kén mua và dự trữ bằng được những bó

nhang thật ngát) vái bốn phương rồi một nén cắm lên bàn thờ Phật, một nén cắm lên bàn thờ tổ tiên, một nén cắm lên bàn thờ lộ thiên mà cụ thường khấn vái thổ thần và bách linh. Nguyên do sự nhận xét của cụ như sau.

Qua Tết chừng mười hôm cụ thấy con cháu tụ họp xì xào bàn tán, chợt về chợt đi với vài khuôn mặt lạ. Thoạt cụ không để ý. Một buổi trưa con Hoa chợt lướt tới ôm cụ và hôn nhẹ lên gò má, nói rất nhanh:

– Cháu đi thăm người bạn vài ngày bà nhé!

Rồi quay lướt đi nhanh, cụ không kịp nhìn khuôn mặt nó. Bữa cơm chiều cụ hỏi bố nó:

– Con Hoa bảo đi thăm bạn vài ngày, thế bạn nó ở đâu?

Bố nó đáp:

– Bạn nó ở Bình Dương cụ ạ.

Cụ nhận thấy đáng diệu bố nó cực kỳ bút rút.

Vài ngày qua đi, không thấy Hoa về, vẫn trong bữa ăn cụ hỏi:

– Ô hay, thời buổi gạo châu củi quế, muối hạt trai này sao nó đến chơi nhà bạn lâu dữ thế!

Lần này bố nó nói thật là nó đã cùng Lịch, chồng chưa cưới của nó, vượt biên bằng đường biển. Lúc đó cụ mới rụng rời người vỡ lẽ rằng buổi trưa hôm đó nó đã ôm hôn từ biệt bà nội. Khổ thay hôm sau cả nhà hay tin chiếc ghe vượt biên của chúng không thoát. Cả đám người trên ghe đều bị bắt giữ hiện giam ở khám lớn Mỹ Tho thì phải. Bố nó nói:

– Xin cụ đừng lo, đàn bà con gái và trẻ nhỏ thường chỉ bị giữ trong vòng một tháng là thả thôi.

Ly, con em nó, cấp tốc đi Mỹ Tho, không đúng ngày thăm nuôi phải về không; lần thứ hai hai chị em mới gặp nhau. Cụ được biết thêm, trước đây nửa năm Hoa đã vượt biên lần đầu và cũng bị giam hơn một tháng mới được thả. Nào biết lần này bao giờ nó mới được thả đây. Tội nghiệp con bé, nó ẩn tuổi bà nội, tuổi Thìn. Tuổi Thìn bao giờ cũng vất vả thế đấy!

May thay lần này Lịch trốn thoát, chiều hôm sau đã có mặt ở nhà. Lịch chỉ kịp kể lướt với ông giáo là khi ghe công an vừa sát vào ghe nhà đương mắc cạn gần bờ thì Lịch và hai bạn nhảy ào xuống nước trốn lên bờ, lẩn vào rừng đước, công an bắn theo nhưng không sao. Kể

đó Lịch đi mất dạng, vừa để nghe ngóng tin tức về Hoa vừa lánh mặt công an truy lùng nếu chẳng may họ tìm ra manh mối.

Bà giáo vẫn cần mẫn trong coi “vườn trẻ” của bà trên lầu và âm thầm đợi Hoa về. Bà không quên – quên làm sao được – lần trước nó ở trại giam Thốt Nốt về trong như “người dưới hố đào lên.” Vườn trẻ của bà từ sau ngày “giải phóng” là căn gác nhà bà, trong nom ba đứa trẻ con mấy nhà hàng xóm, mỗi ngày được hai đồng mỗi đứa. Bà yêu trẻ, chăm nom chúng như chăm nom con cháu mình. Thôi thì cho chúng nó ăn, chúng nó bú, dọn cút dọn đái, dỗ chúng nó ngủ, trưa tắm cho chúng một lần, chiều trước khi trả về cho cha mẹ chúng, tắm một lần nữa. Vào lúc cả ba đứa cùng quấy hoặc đứa la hét, đứa ỉa, đứa đái, trong bà tả xung hữu đột thật tội nghiệp. Lần đầu

tiên, Chu, cô em chồng từ Hà Nội vô, thấy chị dâu như vậy cứ luôn miệng xót xa:

– Chị trông nom lũ trẻ như thế này thật là đổi bát máu lấy bát cơm.

Nghe vậy, bà giáo nói:

– Ấy cô đừng lo, tôi hoạt động như vậy lại không ốm, nhàn nhĩa cái là ốm liền, số tôi vất vả mà.

Đám con lớn ở nhà thấy mẹ quá vất vả đã có lần bảo mẹ thôi giữ trẻ. Bà hỏi chúng nó:

– Ồ tao trả lũ trẻ về cho bố mẹ chúng nó, đứa nào tháng tháng kiếm thêm trăm tám chục đồng cho tao đây? Chúng mày ra đường trong đám người đội mưa đội nắng bán hàng trên các vỉa hè, thấy bóng cảnh sát áo vàng, mũ vàng lại lật đật ôm

đồ chạy, chúng mày sẽ thấy tao trông trẻ ở ngay nhà còn sướng chán.

Đám con im thin thít không cãi vào đâu được. Một lần Ánh – đứa con gái thứ hai đã tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm ban Anh Văn “Thời Ngụy” – hiện dạy ở trường cấp ba Vũng Tàu – vào những ngày nghỉ về thấy mẹ vất vả cũng đã đề nghị mẹ thôi không trông trẻ nữa. Bà giáo bảo cô con:

– Lương mày giáo viên cấp ba, 51 đồng thêm vài lần chúng bán cho một ít nhu yếu phẩm, liệu có bằng nửa số tiền trăm tám tao kiếm ở ngay nhà này không?

Một lần mẹ đi chợ, Ly phải dọn cứt lau đài mấy đứa trẻ cái quá hết lên:

– Tụi quý này, ỉa đài vô tổ chức!”

Vừa lúc bà giáo xách giỏ chợ về, bà chỉnh Ly ngay tức khắc:

– Chỉ người lớn mới có thể thành quỷ, trẻ con bao giờ cũng là thiên thần!

Duy một lần – hiếm hoi lắm – đứng vào lúc cả ba đứa trẻ cùng khóc dữ quá như khúc tam tấu bi ai đến đoạn Fortissimo, bà vừa xoay quanh đồ đĩa này, đĩa vông cho đĩa kia, đặt bình sữa vào miệng cho đĩa nọ bú vừa nó nghe xúc động vô cùng:

– Vào thời buổi này người lớn không khóc thì thôi, chúng bay khóc làm gì!

Âu cũng là cái nghiệp của bà giáo!

Và lần này bà vẫn cần mẫn quay cuồng với lũ trẻ, âm thầm đợi Hoa về.

2

Riêng về ông Giáo, từ lúc hay tin con bé bị bắt giữ ở khám Mỹ Tho, ông luôn luôn hướng về ngày nó sắp được thả nên dáng điệu bớt bớt rút hẳn. Bà nội nhận xét rất đúng: buổi trưa hôm nào, sau khi con Hoa đi, dáng điệu bố nó cực kỳ bớt rút. Ông Giáo bị bắt vào ngày song tứ 4-4-1976 – thuộc diện “văn-nghệ-phản-động.” Họ thoát giữ ông ở sở Công an đô thành, rồi chuyển sang T.20 tức trại giam Phan Đăng Lưu

bên Gia Định, ở đây hơn một năm họ chuyển ông lên trại lao động cưỡng bách tại một thung lũng thuộc cao nguyên Gia Lai-Kontum. Cô trưởng nữ Hoa – lời ông Giáo vẫn thường gọi vậy – là đứa con đầu tiên vượt ngót chín trăm cây số từ Sài Gòn lên vùng thung lũng cao nguyên đó thăm nuôi bố. Ngồi đối diện với bố, Hoa chỉ biết khóc. Quen chúng kiến cảnh ông bố hiền hậu từ xưa tới nay được người ta quý mến nay chúng kiến lũ người thô lậu lời ăn tiếng nói nhất cử nhất động biểu lộ căm hờn hách dịch, Hoa chỉ biết khóc. Rút cục mười lăm phút bố con được phép đối diện chẳng nói với nhau được bao lời.

Sau hơn hai năm bố ở trại lao động cưỡng bách này, Hoa lại một lần tới thăm nuôi bố. Ông bố cười nói:

– Bố có cảm tưởng trước đây con khai mạc, giờ đây con bế mạc một chu kỳ, bố được thả đến nơi.

Lời nói vui để tự an ủi đó, ai dè đúng sự thực. Ba tuần sau ông Giáo được thả do sự can thiệp trực tiếp của Hội Ân xá Quốc tế với chính quyền Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa.

Khoảng thời gian hơn hai năm ông Giáo ở thung lũng cao nguyên thì tại Sài Gòn, Hoa làm lễ hứa hôn với Lịch, chàng trai quắc thước tháo vát, sĩ quan Không Quân mới học tập về, từng đã theo đuổi Hoa từ nhiều năm về trước, hồi còn chính phủ Quốc Gia. Khi nhận được tin này ông Giáo mừng lắm và viết thư về giục gia đình làm lễ thành hôn cho hai trẻ sớm ngày nào hay ngày đó đi. Tuổi xuân có hạn, chúng nó trai to gái lớn cả rồi. Ông Giáo nhận được thư bà giáo

nói chúng nó mới đi kinh tế mới về nên gây lăm. Thoạt ông thật thà tưởng chúng ngoan ngoãn theo lệnh chính phủ đi lập nghiệp tại vùng kinh tế nào rồi thất bại trở về. Nhưng khi đọc hết bức thư qua vài lời bóng gió nữa, ông vỡ lẽ chúng đã vượt biên bằng đường biển thất bại. Đó là khoảng tháng ba năm 1979. Nguyên do như thế này.

Lịch, vị hôn phu của Hoa, đã học được nghề tài công (lái tàu), anh chàng lái tàu rất thận trọng, có lương tâm nhà nghề. Một ụ đóng ghe ở khoảng giữa Long Xuyên và Cần Thơ vừa hoàn thành một chiếc ghe lớn (mà danh từ thời thượng cứ gọi là tàu) bề dài 22 mét, bề ngang 4 mét. Chủ ghe bắt liên lạc mời Lịch phụ trách chân tài công trong thủy thủ đoàn. Thế là Hoa Lịch quyết định cùng vượt biên trên chuyến tàu đó. Hai

hôm đầu Lịch cùng thủy thủ đoàn sắp xếp chỗ ngồi cho khách vượt biên nơi hầm tàu, thu xếp lương thực, dự trữ nước ngọt cùng than để thổi, nấu. Hết ngày thứ ba, về khuya, ba du kích xã ấp tới bắt giữ trọn ổ cả thủy thủ đoàn lẫn một số khách vượt biên. Kế đó công an xã tới.

Lý do: tiền đã chạy đầy đủ với cấp tỉnh nhưng vì sự chia chác từ trên xuống dưới không đều, công an bèn lật mặt bắt. Họ bắt mọi người phải rời thuyền tức khắc, lúc đó khoảng mười hai giờ khuya rồi, Lịch đã kịp nói với Hoa:

– Em hãy lục trong lồng xách tay của em và liệng đi hết bằng tài công, giấy tờ học tập và chứng chỉ đại học.

Hoa vừa đi vừa mò ra được những giấy tờ đó, vò nát cho gọn nhỏ mà không

dám vút xuống đường vì đêm đen giấy trắng công an áp tải có thể phát hiện ra ngay. Mãi tới lúc mọi người ra tới đường lớn, có chiếc Citroen đời đó, Hoa mới có dịp lảng những giấy tờ vo tròn đó vào một bụi rậm. Lần đó họ nhốt mọi người ở một trại tập trung giữa đồng không mông quạnh thuộc vùng Thốt Nốt, ăn uống tắm rửa đều là nước lạch. Điều kiện vệ sinh quá thiếu thốn, hầu hết mọi người đều ghẻ lở, tiêu chảy, riêng Hoa bị kiệt lực khá nặng, may xin lại được sổ thuốc họ tịch thu, loại trụ sinh cực mạnh, Hoa mới khỏi. Bị giam giữ trên một tháng, đám vượt biên đó được thả. Về nhà mẹ thoát không nhận ra Hoa.

– Trời ơi, làm sao mà mày như người dưới hố đào lên thế con!

Bà giáo vừa nắm tay con vừa khóc vừa nói. Nhẫn, vòng vàng, tiền, tờ giấy

hai mươi đô-la, tất cả mất sạch.

Ông giáo thương lũ con vô cùng. Ngày xưa làm được đồng nào ông nuôi chúng ăn học đầy đủ, ngày nay ông càng thương chúng vì thiếu thốn đủ thứ. Đã đành ông thương chúng như cha thương con, ông còn thương chúng như đạo hữu thương đạo hữu trong pháp nạn, như đám chúng sinh đói khát khổ nạn, thương chúng bằng thứ tình nhân bản tinh lọc nhất. Ngay thuở còn trong trại lao động cưỡng bách, ông đã viết thư về nói với tám con là ông cảm ơn Trời Phật đã ban cho ông tám vị bồ tát. Khi Hoa làm lễ hứa hôn với Lịch, ông viết thư về mừng con và mừng cho gia đình thêm một vị... bồ tát nữa. Đám con đọc thư bố cùng cười hô hố và đồng ý viết vào với ông là: “Bố ơi, xin bố cứ yên chí,

chẳng bao lâu nữa gia đình nhà ta sẽ có đủ mười sáu vị bồ tát.”

Sau ngoạn bốn năm bị giam cầm, ngày được thả về tới nhà, ông nhìn lũ con thấy chúng lạ hẳn. Những đứa đã lớn hết cỡ trước đây, nay thành già dặn chín chắn; những đứa con nhỏ trước đây, nay lớn bông. Vi, đứa con trai thứ hai, cao vồng tới một mét bảy mươi lăm, cao hơn bố gần mười phân; Hy đứa con trai thứ ba, hồi còn nhỏ mặt tròn xoay compas được, nay lớn khuôn mặt dài ra thành trái soan; Thiện, thằng con trai thứ tư cũng lớn đến mức ông lầm nó với thằng con trưởng lúc ông chưa kịp đeo kính cận (ông về tới nhà, gọi cửa khoảng năm giờ sáng). Điều ngộ nghĩnh là sau đó ông nhận thấy những đứa con ông – trừ cô trưởng nữ đã hứa hôn và cô út còn quá nhỏ tuổi – đứa nào cũng bắt cặp. Tuy

chúng gặp nhau trong triển vọng thành đôi lứa, nhưng hiện trong thời gian chờ đợi chúng thực tình coi nhau như bạn thân hoặc như anh em họ xa họ gần. ông bà giáo cũng thực tình coi đám bồ của con như hệt lũ con cháu trong nhà. Chúng đã tuân tự tổ chức “những buổi văn nghệ bỏ túi” – lời chúng thường dùng – để mừng ông giáo đã được thả về.

Đêm có chủ đề “Du Ca,” chúng mời được những tay đàn anh du ca “thời nguy” tới cùng trình diễn.

Đêm có chủ đề “Tình ca tuổi trẻ,” Vi, thằng con thứ hai của ông Giáo trình diễn với cây đàn lục huyền cầm Tây Ban Nha ba giai điệu xinh xinh của nó mà các anh chị và bạn bè gọi đùa là concerto số 1, concerto số 2, concerto số 3. Đêm nhạc chủ đề “dân ca” có mấy người học

trò cũ của ông giáo tới trình diễn dân ca ba miền, đặc biệt những bài hát quan họ trữ tình Bắc Ninh. Đúng như lời trưởng nữ có lần viết thư cho ông: “Bố mà được về chuyến này bố nghe nhạc mệt nghỉ”.

Được cái căn nhà ông Giáo ở tít sâu trong ngõ hẻm, xung quan toàn đám dân “ngụy,” “phản động” nên những cuộc họp văn nghệ bỏ túi đó không hề gặp trở ngại gì. Gia đình ông vốn có nếp sống phóng khoáng thoải mái và hiếu khách như vậy, nên tất cả lũ bè bạn con cái ông, ai tới một lần là mến ngay.

Quá gần gũi và thương yêu các con nên lần này khi được Hoa báo cho biết ngày nó sẽ đi, ông bàng hoàng, sững sờ đến rã rời cả người, mặc dầu

Hoa còn ở nhà hai ngày nữa. Ông nhớ lại thuở ông chào cha mẹ ở quê nhà,

năm 1954, rồi mang hai con và cô em gái (Quỳ) ra Hà Nội ngụ lại nhà bà dì để sớm hôm sau lên đường vô Nam. Ngày đó lên chiếc Dakota của phi trường Gia Lâm, bà Giáo bế Hoa mới hai mươi sáu tháng, ông bế con em nó, con Ánh, mới hai tháng rưỡi. Cuộc biệt ly nào như vậy người ta cũng tự an ủi là tạm biệt mà thực ra là vĩnh biệt hay gần như thế (ông Giáo với cha há chẳng vĩnh biệt từ ngày ấy.) Chính vì ý thức được điều này mà từ lúc hay con sắp ra đi lòng ông nặng trĩu u sầu (lòng bà Giáo nào có khác gì, người nọ giấu người kia đó thôi.) Đôi khi không chịu nổi, ông ngồi thiền, và mặc dầu đã “gồng mình” cố điều khiển hơi thở tĩnh tâm mà cơ hồ vẫn không xong.

Rồi một ngày qua mau, nghĩ rằng chỉ còn một ngày nữa biệt ly con, ông thấy ghen ngào thắt ruột. Trưa, nói chuyện

thời sự lạc quan với con cho người ngoại đi đôi chút. Hoa nhắc lại những ngày bị giam giữ ở trại Thốt Nốt, tuy không được gia đình tiếp tế nhưng những người đồng cảnh vẫn chia sớt đều thức ăn cho Hoa. Đặc biệt bên phòng đàn ông, Lịch gặp một ông bạn mới quá tốt, gia đình tiếp tế cho những gì đều chia ba; hai phần của hai người đàn ông, một phần gửi sang phòng nữ cho Hoa. Có lần có chiếc bắp cải, hai người đàn ông bẻ ăn những lá úa ngoài, phần nõn gửi sang cho Hoa.

Nghe con kể xong ông giáo kết thúc câu chuyện:

– Cõi đời có bao giờ thiếu người tốt đâu, con ơi. Có thể khẳng định người nào cũng tốt, chỉ cần mình có đủ thiện tâm dùng làm hùng lực thối bùng phần tốt đó ở mỗi người. Bố bao giờ cũng lạc quan về con người, con ạ.

Buổi tối bà giáo đi soạn thuốc cho con gái. Hàng tháng – đã từ mấy năm nay, kể từ sau ít ngày ông Giáo bị bắt giữ – bà vẫn nhận được quà yểm trợ của các bằng hữu từ Pháp, thường là một hộp đủ các loại thuốc cần yếu, bên ngoài đề rất rõ: “Những thứ cần thiết của gia đình!” Phần nhỏ bà giáo dự trữ cho gia đình dùng, phần lớn bà bán dần lấy thêm tiền nhật dụng. Buổi tối nay bà đặc biệt soạn thuốc trị tiêu chảy, thuốc trị kiết lỵ và một số thuốc bổ toàn diện cho Hoa. Bà còn nhớ lần trước, con bé về “như người dưới hố đào lên.” Suốt một tuần bà ra sức tắm bổ cho mà con bé vẫn gầy vêu, nằm bẹp dí trên giường. Thấy mẹ soạn thuốc, Hoa tiến lại gần bị bà đuổi đi. Ngược lại với ông Giáo, bà Giáo càng thương xót con càng không dám gần con, nhìn con. Cứ nghĩ đến ngày nó đi khuất rồi đành là mẹ con vĩnh biệt, bà chỉ còn biết giấu

mặt khóc thầm. Thấy Hoa lại định đến gần lần nữa, bà quát lên giọng nghen ngào u uất:

– Mày cắt đi chỗ khác cho tao soạn thuốc, công tao đẻ ra mày, nuôi mày lớn ngần ấy bây giờ mày bỏ tao, mày còn sán lại đây làm gì!

Hiểu thấu lòng mẹ Hoa rơm rớm nước mắt bước đi.

Sáng hôm sau, ngày cuối cùng Hoa còn ở nhà, Hoa mời bố và các em đi ăn phở. Ông Giáo thiết gì ăn, nhưng ông muốn gần con. Mỗi lần nghĩ đến giờ phút sinh ly sắp tới ông vẫn thấy thắt quặn nơi bụng, rã rời chân tay, lòng rầu rĩ, tim nặng nề thiếu não, người như phát sốt. Mọi người ăn xong, Hoa mang theo một ga-men đầy phở về cho bà nội và mẹ. Rồi giây phút sinh ly cũng phải tới.

Ông Giáo thấy Hoa khoác túi nhỏ lướt tới gần ghé bên tai ông nói khẽ:

– Bố! con đã chào bà, chào mẹ. Con đi!

Hương, đứa con gái út, đương tập dương cầm.

Thực ra Hoa chỉ ôm hôn bà nội và nói dối là đi thăm bạn vài ngày. Với mẹ Hoa có nói: “Con đi, mẹ!” Và bà Giáo không dám quay đầu lại chỉ nói được: “Ừ, con...” Mất chữ “đi” vì ghen lời. Ông Giáo nghe con nói dứt lời bàng hoàng hẳn, đất trời như sụp đổ. Ông cố điều hòa hơi thở giữ bình tĩnh lặng đưa mắt nhìn Hoa lướt ra cửa. Thiện, đứa em trai áp út đã âm thầm đứng ngoài cửa, tay giữ chiếc xe đạp đợi đèo chị tới chỗ xuống ghe taxi (tiếng lóng chỉ ghe nhỏ chở chừng ba bốn người tấp vào thuyền lớn.)

Chắc chắn nhiệm vụ đó Thiện đã được chỉ định trước, tới giờ chỉ việc lẳng lặng thi hành, tránh làm xao động tình cảm mọi người khác trong nhà. Bé Hương vẫn tiếp tục tập dương cầm không đưa mắt nhìn theo chị. Bé còn quá ngây thơ và vô tư.

Ông Giáo tiến ra cửa và nhìn theo xe hai chị em nó vừa ra khỏi hẻm, khuất theo một ngả đường lớn. Ông Giáo đeo kính và cũng thủng thẳng đi theo đường hẻm ra đường lớn. Bóng hai con khuất rồi còn đâu. Bóng chim tăm cá biết chúng đương tiến trên ngả đường nào! Ông Giáo rẽ sang một con đường lớn khác dừng lại trước một cổng trường sắp tan học như thể ông cũng đợi đón một đứa con hay một đứa cháu sắp tan học.

“Khoảnh khắc mà là thiên thu.” Từ trước tới nay ông chỉ nghĩ tới câu đó trên

quan điểm hạnh phúc. Hạnh phúc tràn đầy khoảnh khắc sánh tày thiên thu! Ông quên rằng khổ đau của cả thiên thu cũng có thể gom lại trong khoảnh khắc. Ông thương nhớ đứa con ra đi biết chừng nào. Nhớ thương nó trong khoảnh khắc này cũng tròn điệp u uất bằng cả thiên thu gom lại. Một chiếc xe hơi ngang qua. Ông Giáo nghĩ đùa: “Bố sẽ mua chiếc xe hơi như vậy lái xe đến thăm con ở nước ngoài, hay ở trong nước khi tình thế đã đổi thay, con đã về.” Nhưng cũng chỉ vui được vài giây. Ông trở về. Đứa con gái út – Hương – vẫn cần cù tập dương cầm. Bé đương ôn bài L’Adieu của Dussek, bé vô tư nhưng bản nhạc thật hợp cảnh hợp thời. Bé ngồi ngay ngắn chững chạc, tiếng nhạc diễn tả lời chào vĩnh biệt của Dussek vẫn nhẹ nhàng mà vẫn thật man mác, thật ngậm ngùi.

Ông Giáo mỉm cười nhìn đứa con gái út còn ngây thơ nên thoát được u sầu của cuộc sinh ly này. Ông nghĩ đến Ánh, đứa con gái thứ hai hiện đang dạy ở Vũng Tàu (ngày di cư vào Nam bố bế lên chiếc Dakota nó mới có hai tháng rưỡi). Chẳng biết giờ này Ánh có cảm thấy nóng ruột và trái tim có nặng u sầu như bố, do thần giao cách cảm? Chẳng biết cuối tuần này, Ánh có về thăm gia đình để biết chị đã đi.

Ba giờ chiều ông Giáo nhận được thư của Chu, cô em gái ngoài Bắc, nói đương thu xếp công việc ngoài đó để chừng một tháng nữa lại có mặt ở Sài Gòn. Thế là hai anh em sắp được gặp nhau sau hai mươi sáu năm – trên một phần tư thế kỷ, ghê chưa – xa cách. Ông giáo nín lấy niềm vui đó để quên mối sầu hiện tại. Cô em gái đảm đang đó đã thay ông tảo tần

buôn bán vào những ngày đầu tiếp thu Hà Nội Hải Phòng sau hiệp định Genève, đã thay ông phụng dưỡng cha mẹ, săn sóc nâng đỡ các em từ sau ngày ông di cư vào Nam. Hai anh em chuyển này gặp nhau có biết bao nhiêu chuyện để hàn huyên tâm sự. (Lần đầu tiên Chu vào – cách đây hơn hai năm – cũng không được gặp anh – giống trường hợp bà nội.)

Một ông sư khất thực mặc áo vàng, vẻ bình thản đứng khá lâu trước cánh cửa mở ngay sát phòng khách. Ông Giáo vội vàng cung kính biểu nhà sư một đồng.

Thiện đã đưa chị tới bến xuống ghe taxi xong, đương dắt xe vào nhà.

May sao buổi chiều có người học trò cũ đến biểu ông giáo một tấm vé tới xem đoàn vũ ballet Odessa của Liên Xô biểu diễn ngay tối hôm đó tại Câu Lạc Bộ

Lao Động, tức Cercle Sportif Saigonais cũ. Quả thực, đây là một trong những trường hợp cực kỳ quý báu ông Giáo được tiếp xúc với cái Đẹp (Nghệ Thuật) thực sự. Ông được xem những màn vũ của đàn thiên nga trắng muốt, một màu trắng trong suốt, cao quý, có tác dụng kỳ diệu lọc trong tâm hồn và giúp tâm hồn bay bổng vào một vùng trắng sao lồng lộng. Đó là những vũ khúc Hồ Thiên Nga, Hằng Nga Ngủ Trong Rừng nhạc Tchaikovsky và Cái Chết của con Thiên Nga nhạc Saint Saens.

Ngay khoảng thời gian mấy năm trước đây, hồi du học bên Hoa Kỳ, ông đã ao ước biết bao nhiêu được xem những vũ khúc bất hủ đó của Liên Xô mà không được. Những nghệ sĩ chân chính kia đã gột rửa giúp đi bao nhiêu là bùn nhơ hôi hám chính trị. Giấc ngủ đêm đó của ông

Giáo êm ả, màu trắng của đàn thiên nga đã thoa dịu mỗi sâu sinh ly tưởng không cách gì làm nguôi cho được.

Sớm hôm sau ông Giáo lượm những bông hoa khô héo trong các bình hoa (bày rải rác trong phòng khách) đem vứt vào thùng rác. Cô trưởng nữ có khiếu đặc biệt về nghệ thuật cắm hoa. Những chùm hoa ti-gôn, những cành hoa trạng-nguyên mầu đỏ, những dây hoa bìm bìm mầu tím, những cụm cỏ đuôi chồn, những cụm bông lau... nói tóm lại bất kỳ một loài hoa cỏ nào tầm thường đến mấy, lượm ở bất kỳ đâu, đến tay Hoa cũng thành những bình hoa trang trí thật đơn giản mà thật có nghệ thuật.

Tất cả những bạn bè ông Giáo đến chơi ngắm những bình hoa, lẵng hoa đủ kiểu đặt rải rác trên bàn nước, trên dương cầm, trên bàn học ngay phòng khách, đều

tỏ lòng mến phục. Rồi đây – ông Giáo nghĩ thầm – biết có ngày nào nữa không, bàn tay con lại trang hoàng phòng khách cho bố. Ông Giáo sờ lên đầu, tóc dài và rối bù. Trước đây Hoa vẫn sửa tóc cho bố bằng mince lame. Hồi ông Giáo còn ở trại cưỡng bách lao động, một lần Hoa viết thư vào: “Bao giờ bố được thả về con lại cắt tóc cho bố.” Vậy mà lần này Hoa đi chưa kịp cắt tóc cho bố. Biết có ngày nào nữa không con tự tay cắt tóc cho bố?

3

Khi biết cháu gái đã ra đi, bà nội dậy từ sớm tinh sương thấp nhang vái tứ phương rồi niệm Phật, được hai ngày thì gia đình hay tin Hoa bị bắt giữ. Đó là chuyến vượt biên thất bại thứ hai của Hoa. Nó tuổi Thìn vất vả thế đấy

– Cụ nghĩ. Cụ bỗng giật mình hốt hải hỏi thằng trưởng về ba đứa cháu ngoại:

– Này anh, thế con Bích đâu, không thấy nó tới tập đàn? Con Vân thằng Tỷ

đâu? Không thấy đứa nào tới ngủ để bà xoa lưng gãi đầu?

Thực ra đây là một điều khác ông Giáo giầu mẹ.

Quỳ, cô em gái cùng di cư vào Nam với ông, cũng tốt nghiệp Đại học Sư Phạm vào ngành giáo, lấy chồng có được bốn con, hai trai hai gái. Thằng con trai út của Quỳ – thằng Tú – đã theo cô Hoàn nó (trước làm ở sở Mỹ) vượt biên thoát, hiện ở tiểu bang California Hoa Kỳ. Hồi nhỏ khi ngồi một mình nó hay thè lưỡi rồi dẫu môi nói lú lo: “He lù! He lù!” Do đó ngay từ thuở bé nó đã được tặng thêm h绰 danh “thằng He lù”. Đứa con gái lớn của Quỳ – con Bích – rất có khiếu về nhạc được ông Giáo đích thân dạy vỡ lòng về dương cầm vào mấy tháng đầu sau khi Sài Gòn được “giải phóng”. Sau khi ông bị bắt nó tiếp tục được đi học từ

mấy bậc thầy vào bậc cao thủ vẫn dạy ở âm nhạc viện Sài Gòn. Nó học tiến bộ trông thấy và chuyển hộ khẩu về với bà Giáo để tiện việc học đàn.

Sau ngót bốn năm bị giam giữ, ngày được thả về, vào buổi tối trình diễn văn nghệ đầu tiên Bích đã trình tấu cho bác nghe bản *L'invitation à la Valse* của Weber, tiếng đàn thật bay bướm, kỹ thuật thật vững. Nghe xong bác đã vuốt tóc cháu khen Bích tổ hết lời. Các anh chị đều gọi Bích là Bích tổ vì tuy đã mười bảy tuổi, cao, xinh, đôi mắt sáng, khuôn mặt vàng vạc, nhưng tính tình gà tổ như đàn ông, ăn mặc hết sức cầu thả, quần rách gấu, áo đứt khuy coi như pha. Mỗi khi nghe mẹ nó quát mắng âm ỹ về tội cầu thả đó, ông giáo lại khuyên em:

– Thôi cô ơi, nó xinh như vậy, học giỏi như vậy cả về văn hóa lẫn piano, thì

nó phải ngó ngần một tí, gà tồ một tí mới tránh được tài mệnh tương đố chứ!

Một lần khác nghe em gái găm thét con, vắn về tội cầu thả, ông Giáo lại phải nhắc lại:

– Này cô ơi, nó xinh như vậy, học giỏi như vậy mà lại khôn ngoan sắc sảo nữa thì hồng nhan đa truân, khốn đấy chứ cô tưởng giỡn sao!

Riêng ông Giáo, ông chiều Bích tồ hết sức, ông coi thành quả khả quan về dương cầm của cháu như vậy là do công khám phá của ông. Có cái gì ngon ông cũng nhớ để phần cho nó. Thời khóa biểu: cô Út Hương tập đàn từ năm giờ đến bảy giờ chiều, Bích tồ từ bảy giờ trở đi. Đêm nào phải tập những bài khó, ông Giáo nghe tiếng đàn vất vả của cháu biết ngay, ông lẳng lặng pha cho cháu ly nước

đường. Một lần mãi tập chương đầu bản Sonate Pathétique của Beethoven, hơn mười giờ khuya lúc nào không biết, công an khu vực tới gõ cửa kỳ kèo là tập đàn ồn quá không cho hàng xóm nghỉ ngơi. Từ đó ông Giáo ra lệnh cho con cháu là từ sau chín giờ khuya không đứa nào được tập đàn nữa. Sáng sáng ông Giáo vẫn dậy sớm rang cơm hay xào mì cho mấy đứa con cháu kịp ăn sớm để đi học (trong số có Bích tổ). Bích tổ thường có cách nói riêng để cảm ơn bác: “Bác ơi, cơm rang của bác ngon thật là ngon!” “Mì xào của bác thơm thật là thơm!” “Cháu ăn no thật là no, bác ơi!”

Hoa đi được một ngày, Quỳ tới nói với ông Giáo:

– Em phải xin cho cháu Bích nghỉ học trường, sang năm ngay một nhà gần bên Vĩnh Hội, họ bốc là đi ngay.

Ông Giáo hỏi em:

– Cô nhất định cho cả ba đứa đi nốt?

– Chính ông nội các cháu cũng giục vậy. Cụ nói rất thiết tha, rất đúng: “Các cháu nó cần tương lai.” Tội cụ quá kia, từ ngày cụ bị đứt mạch máu đầu, bán thân bất toại, cụ không ngừng giục tất cả các con hãy cố cho tất cả các cháu đi, không việc gì phải lo lắng đến cụ, cụ già rồi, trước sau, sớm muộn gì cũng về với tiên tổ, cần là cần cho tụi trẻ có tương lai. Chúng nó được tự do, sung sướng là cụ được tự do sung sướng.

Hôm nay nghe mẹ hỏi về lũ cháu ngoại Bích, Vân, Tỉ, ông Giáo đành nói thực là chúng cũng đã đi rồi, chắc thoát, không đến nỗi như con Hoa.

Chúng đâu đã thoát! Ngay buổi tối

hôm ấy, Quỳ mang theo cả ba con lại với bà ngoại. Trong đám nhóc lại có tiếng rè rè của Bích tổ và vùng đêm từ bảy giờ đến chín giờ tối của lối xóm lại xao động tiếng đàn cực mạnh, sắc gọn của Bích tổ: chương đầu bản Sonate Pathétique của Beethoven. Quỳ thủ thủ thuật lại chuyển đi thất bại của lũ cháu với bà ngoại.

Thì ra chuyển đi của đám Bích tổ cùng các cô chú vừa rồi cũng vất vả nguy hiểm lắm, chỉ hên hơn Hoa là không bị nằm ấp (bị bắt giam). Ngày đầu các ghe taxi tới chỗ hẹn chậm, ghe lớn đành trở về bến cũ tại Sài Gòn. Lần thứ hai tất cả các ghe taxi đều đổ người lên ghe lớn kịp giờ. Ghe lớn vượt thoát vùng cổ chai cửa biển (nơi thường có tàu công an tuần phòng), nhưng ra khơi ngày biển động. Sóng cao bằng những nhà hai ba tầng cứ từ ngoài khơi hàng hàng

lốp lốp đổ tới như muốn dập vùi cho vỡ nát chiếc thuyền. Các thùng dầu, phuy chứa nước ngọt vì buộc không kỹ đổ xô sang một bên làm lệch thuyền. Chiếc máy chính, hai blocks, Yammar, chột dờ chúng ngưng chạy. Thủy thủ đoàn lúc đó mới xúm lại định lắp chiếc máy phụ F.10 một bloc, nhưng gió to, sóng lớn, thuyền tròn trành dữ dội, không sao lắp máy vào được, mọi người đã thất vọng cầm bằng làm cơm cho cá hết cả, may thay người thợ máy sửa lại được chiếc Yammar. Tuy vậy tình thế cũng chẳng khả quan hơn là bao, gió lên cấp, sóng đập chùng tăng thêm độ cao, thuyền phần đầu hết mình mà cơ hồ chỉ tiến lên từng tắc một. Biết đến bao giờ mới ra đến hải phận quốc tế. Gặp chiếc tàu Ba Lan thả neo ngoài khơi Vũng Tàu, xin họ cho lên tàu, họ cười bảo là đồng ý nhưng họ sẽ chở mọi người ra Hải Phòng. Thuyền

đành quanh quẩn bên chiếc tàu lớn đó chờ cho qua đêm và qua cơn biển động đương đạt tới tối cao điểm.

Sớm tinh sương, gió bắt đầu dịu, mọi người nhận thấy có ba chiếc ghe lớn của công an đương tiến ra săn bắt mình. Thì ra tàu xã hội chủ nghĩa Ba Lan đã điện báo cho công an Xã hội chủ nghĩa Việt Nam hay. Đám người vượt biển bèn cho thuyền chạy về phía Long Hải. Ba ghe công an rượt theo. Thuyền vượt biên chạy tuốt ra khơi. Gió tuy có dịu đôi chút, sóng còn lớn, ba ghe công an bỏ cuộc. Thuyền vượt biên đã gặp quá nhiều trục trặc chắc chắn không còn đủ lực ra tới hải phận quốc tế, đành rẽ về phía cửa biển Soài Rạp (thuộc hải phận Gò Công) và trở lại bến Sài Gòn bằng lối đó. Mọi người mệt đừ, mệt bã người, ai nấy như chiếc giẻ rách tắm nước tiểu.

Nhưng mà thoát nạn! Thế là may!

Bà ngoại tuần tự xoa lưng gãi đầu cho hai đứa cháu ngoại nằm rúc hai bên và cụ nói với cả cha mẹ chúng nó:

– Thôi chúng bay về được là hay rồi. Còn con Hoa biết bao giờ nó mới được thả đây!

Bích tổ tiếp tục đến trường, tiếp tục hằng tuần đi học đàn, sáng sáng lại được ăn hoặc cơm rang hoặc mì xào do bác trai làm bếp (bác gái lúc đó đương phải giặt đồ).

Và cũng như nhận xét của bà nội, kể từ lúc hay tin Hoa bị bắt giữ ở khám lớn Mỹ Tho, ông Giáo bớt bớt rút hẳn, việc cha con vĩnh biệt ít nhất được trì hoãn, chỉ giam giữ Hoa một thời gian, rồi tất nhiên chúng phải thả nó trở về sống dưới mái

nhà dù nhiều lo âu phiền muộn nhưng cha con lại gặp nhau. Đúng vậy, sau lần Ly đi thăm nuôi được gặp chị, Hoa được thả sau ba tuần bị giữ. Hoa về được ba hôm cô Chu nó mới ở Hà Nội vào. Thế là gia đình quyết định làm lễ cưới chính thức cho Hoa Lịch với sự hiện diện trang trọng của bà nội và cô Chu.

Đây là một dịp bằng vàng để bà nội bày tỏ quan điểm lạc quan bất biến của cụ về đời người và người đời, đặc biệt về đám con cháu hiếu hạnh của cụ. Tiệc cưới trong vòng đơn giản giữa những người thân quý, nhưng không kém phần trang trọng với các vị cha chú đứng tuổi, và cực kỳ vui nhộn với đám nhóc trẻ. Nó chụp hai cuộn phim đen trắng và một cuộn phim màu, về sau này rửa ra, ôi chao, con bé cô dâu cái nào khuôn mặt nó cũng tươi rói, đặc biệt những ảnh

màu nó mặc áo đỏ trông đẹp như tranh.

Cụ nói với cháu gái:

– Đấy mà xem, mọi sự đều do Trời Phật xếp đặt chứ người biết đàn nào mà mò. Cần nhất là mình phải giữ được cái tâm tốt. Trời Phật chẳng bao giờ phụ những người có tâm địa tốt đâu con ạ. Vì mà y lỡ chuyến đi, bị bắt giữ nữa, vậy mà chính vì thế lễ cưới của mà y vui vẻ biết chừng nào, có bà nội này, có cô mà y từ ngoài Bắc vào này.

Cụ giở quyển album chỉ vào những hình màu, giọng vô cùng đặc ý:

– Mà y xem, bà thấy ảnh mà y cái nào cũng đẹp như tranh. Số mà y tuổi Thìn – phải vất vả buổi đầu nhưng về sau nhất định sung sướng. Mà y xem, cưới xong, mà y và chồng mà y lại được ở ngay nhà

bố mẹ đẻ. Sướng hơn tiên rồi còn gì.

Sự thực thì tại nhà Lịch, ông bà thông gia của ông bà Giáo cũng đã trang trí một căn phòng thật xinh xắn và lịch sự cho hai vợ chồng Lịch, nhưng hai đứa khoái ở đằng nhà ông Giáo. Nơi đây, trên lầu ngoài cùng là khoảng terrasse có lưới mắt cáo, bên trên lợp những tấm plastic màu xanh trong suốt, bên dưới lát đá hoa xanh dịu, xung quanh terrasse là những cây cảnh: cây ngâu, chậu ngọc trâm hoa trắng và thơm ngát, chậu lan thủy tiên hoa cũng trắng muốt và thơm dịu, chậu dương xỉ, chậu tóc tiên. Cô dâu chú rể mắc màn trải nệm trên mặt đá hoa, ban đêm ánh đèn đường – đôi khi có thêm ánh trăng – đổ bóng lá đu đưa xuống đỉnh màn, ông giáo cho rằng con gái ông đúng là Hằng nga ngủ trong rừng, mà con rể ông đúng là hoàng tử.

Bà nội không hề chú ý đến vẻ thiên nhiên ùa vào tràn ngập khoảng terrasse hạnh phúc của đôi trẻ, cụ chỉ đặc biệt lưu ý Hoa về việc sau ngày cưới nó vẫn được gần bố mẹ đẻ. Cụ nhắc đi nhắc lại mấy lần sự kiện đó và lần nào cụ cũng kết luận:

– Như vậy là mày sướng hơn tiên rồi còn gì!

Hoa đã cười hì hì nói với bà nội:

– Đúng thế đấy bà ạ, các cô em chồng cháu cứ nói đùa cháu là làm dâu gì mà chỉ thỉnh thoảng đảo về nhà một lát hái hoa bắt bướm rồi lại cuốn xéo đi ngay!

Trong đám văn nghệ trẻ của gia đình có hai “anh thầy”: “anh thầy” dạy vĩ cầm cho Ly và Hy, “anh thầy” thứ hai dạy dương cầm cho Út Hương. Hai thanh

niên dễ dãi và vui tính này đều vừa tiếp tục học cao học ở Âm Nhạc Viện Quốc Gia vừa là giáo sư dạy vĩ cầm và dương cầm tại chính nơi này. Gia đình ông Giáo gọi họ là “anh thầy vĩ cầm” và “anh thầy dương cầm.” Tất cả những người trẻ trong gia đình và những bạn hữu trẻ của gia đình đều có những tên gọi tếu tương tự cho riêng từng người.

Lần này sau ngày cưới của Lịch Hoa ba hôm, hai “anh thầy” có tổ chức đêm văn nghệ bỏ túi chủ đề “nhạc cổ điển” vừa vẫn là để chào mừng ông Giáo được thả về đoàn tụ với gia đình, vừa mừng cặp Lịch Hoa còn trong tuần trăng mật. Đây là đêm văn nghệ bỏ túi của gia đình mà ông Giáo ưng ý nhất. “Anh thầy dương cầm” trình diễn bản *Fantaisie impromptu en Mi mineur* của Mendelssohn (lẽ ra phải cả một giàn nhạc đệm). Bích tổ chơi

rất vững khiến sau đó bác trai đã xoa má cháu mà rằng:

– Bác nghe đĩa Arthur Rubin– stein chơi bản này cũng chẳng hơn cháu là bao đâu.

Cô Út Hương trình diễn chương đầu Adagio Sostenuto bản Sonat Ánh Trăng cũng của Beethoven. “Anh thầy dương cầm” đã giải thích với ông giáo:

– Thưa Bác, vì đã có em Hương trình diễn khúc Adagio này nên lúc này em Bích khỏi phải trình diễn khúc Adagio Cantabile của Pathétique. Cả hai Adagio cùng dịu dàng tha thiết, nhưng Adagio của Moonlight dễ thương trên một bậc.

Phần hai chương trình là những bản nhạc ngắn. “Anh thầy dương cầm” đệm cho Ly trình tấu bản The Maid-

en's Prayers (Lời Cầu Nguyện của Nàng Trinh Nữ) của Thokla Badarcveszka. Rồi Bích tổ đêm dương cầm cho Hy trình diễn bài Chanson du Printemps (Khúc Hát Mùa Xuân) của Mendelsohn. Kế đó đám con cháu trình diễn những bản nhạc ngắn tương tự của Mozart, Schumann, Schubert. Kết thúc đêm nhạc cổ điển ông bà Giáo được nghe toàn ban nhạc gia đình đàn và hát bản Hymme à la Joie (Âu Ca Niềm Vui) của Beethoven.

Mấy ngày chan hòa hạnh phúc này giúp cho ông Giáo quên đi hoặc nguôi ngoai đi bao chuyện sầu thảm ngoài đời. Nửa đêm hôm đó mưa rơi thoạt hăm hờ ào ạt có cả tiếng sấm âm ỉ vọng lại từ xa. Nhưng rồi mưa dịu dần, một giờ sau tạnh hẳn, không khí mát lạnh và trong lành, thật trong lành. Mỗi lần có cơn gió lùa qua cửa sổ, ông Giáo lại hít mạnh cho

no hai buồng phổi. Trận mưa lớn đã rửa sạch không gian bụi bặm bên trên, rửa sạch cống rãnh bên dưới. Bầu khí quynh một giờ trước đây còn vẫn đục hôi hám giờ đây hoàn toàn được... hoàn lương. Ông Giáo ngủ thiếp lại êm đềm.

Khoảng năm giờ ông sực thức rồi nhòe dậy rón rén ra bao lơn, ông có cảm tưởng mình đi vào một khối ngọc mát thăm thẳm đúc thành tòa nhà. Trăng hạ huyền trước mắt với một số vì sao xung quanh như gà mẹ với đám gà con ánh sáng. Ông Giáo vẫn đứng đấy giữ cho đầu óc thật thanh thoi – ông linh cảm những giây phút như vậy hiếm hoi lắm, quý giá lắm. Ánh sáng chân trời Đông dần dần xóa các vì sao quanh vùng trăng lưỡi liềm. Một khối mây đen ngòm bỗng nổi bật lên sừng sững làm nền cho một tòa building xa mà những đường nét tựa

hồ một công trình vật chất giả tạo chìm
 chìm trong một khối tội lỗi đen ngòm.
 Ông Giáo vội dời tia nhìn khỏi khối
 hình ảnh bi quan hãi hùng đó, chuyển
 sang khoảng mấy ngọn cây nhiều cành ít
 lá nhô lên chút xíu sau đường thẳng cắt
 ngang của nóc nhà như những chòm tóc
 dựng đứng của những thằng cu ở chốn
 thôn dã thuần phác. Ông Giáo bám vào
 mọi hình ảnh ngộ nghĩnh, thối phồng
 lên mọi ý nghĩ lạc quan, đạo đức. Ánh
 sáng rạng đông dần xóa hết các vì sao
 trên đỉnh trời, còn sót lại một vì, trong
 như trên chiếu bạc, con bạc vừa vợ vội
 còn sót lại một đồng tiền sáng.

4

Cha con lại được tái ngộ, Hoa cắt tóc cho ông Giáo, phòng khách lại được trang hoàng giản đơn mà vẫn tuyệt mỹ bằng bất kỳ thứ hoa gì Hoa gặt và vừa tầm tay hái bên đường. Nhưng như một đầu gai vẫn mắc trong thớ thịt, không bao giờ ông Giáo quên là một ngày gần đây thôi con nó lại đi.

Lịch đạo này coi bộ làm việc hăng hái và cần cù dữ. Có hôm trưa nó cũng

không về ăn cơm. Là một thanh niên thông minh tháo vát và có quyết tâm, Lịch rút ở hai lần thất bại trước những bài học cần thiết, và lần này Lịch quyết lặn xả vào công việc, đích thân dòm ngó, tham dự, điều khiển mọi khâu, từ khâu tổ chức đóng thuyền đến khâu tổ chức sắp xếp chuẩn bị người đi, ngày đi... – khâu nào Lịch cũng cẩn thận tìm hiểu đến mọi chi tiết và cân nhắc chọn lựa, tạo dựng những yếu tố mà Lịch cho là đạt được thuận lợi tối đa.

Một hôm sau giấc ngủ trưa, Lịch đích thân đưa ông Giáo tới quan sát ụ đóng ghe của Lịch ở bên kia cầu Chữ Y, chiếc ghe này rộng hơn, dài hơn, chắc chắn hơn chiếc ghe lần trước nhiều. Lịch nói với nhạc phụ:

– Sở dĩ con chọn ụ này để đóng ghe

vì có đầy đủ gỗ tốt, từ ngày khởi công tới ngày hoàn tất chỉ chừng hai mươi ngày thôi bố ạ.

Lịch chỉ cho ông Giáo thấy mũi ghe đứng thẳng góc nói tiếp:

– Thuyền đi biển quan trọng nhất là mũi, con cho đóng mũi Thái Lan góc đứng thẳng tới bảy tám mươi độ chịu được sóng, tới lui dễ hơn loại mũi xiên bốn mươi lăm độ. Con lại mua được máy GM của Mỹ, ba blocs chạy tốt nhất. Bố ơi, quan trọng là máy nổ phải nhỏ, cách xa mười thước không nhận ra, muốn vậy ống pô con cho truyền xuống nước.

Cũng tới hôm đó ông Giáo mới được con kể tường tận cho nghe chi tiết về chuyến đi thất bại trước. Coi như Hoa Lịch chuyến đó khởi hành khoảng năm giờ chiều từ một quán thuộc quận Tám

bên kia cầu Chà Và. Mọi người đi xuống chân cầu, vòng theo cột cầu xuống một ghe máy. Đi được một quãng, một ghe taxi nhỏ tấp vào đỗ thêm ba người lên. Ghe máy tiếp tục xuôi dòng uốn éo từ lạch này sang lạch khác (tránh những địa điểm công an án ngữ.) Chợt nhận ra con lạch mỗi lúc một hẹp dần. Lạch đường mất rồi. Xung quanh thuần dừa nước, ô rô, máy lại không nổ. Mấy người đàn ông phải nhảy xuống nước đẩy, nửa giờ sau ghe mới quay đầu xong, phải chèo trở ra. Một giờ sau ghe tới lạch lớn gặp được chiếc ghe chở lương thực cùng mấy ghe taxi khác. Tất cả đám cũng mới rẽ vọt vào đây trốn lẫn một thuyền công an chừng mười người đương lùng bắt. Mọi người quyết định ngủ đêm lại, ai nấy hiểu với tình hình đó chắc chắn phải chiều hôm sau thuyền lớn mới khởi hành được.

Lúc đó khoảng ba giờ sáng. Xung quanh, những bụi dừa nước cùng ô rô ngút ngàn một màu đen thui. Mọi người nhẩy xuống nước sát bờ cao, sinh ngập đến đầu gối. Người leo được lên bờ trước cúi kéo người lên sau, rồi cùng lội qua cánh đồng mới cày bừa xong, bùn lầy cùng gặc rạ lổn nhổn. Mọi người tới một căn nhà lá (nhà một người trong tổ chức chạy ghe taxi), ra ao rửa chân qua loa rồi vào nhà ngủ vùi ngay trên nền gạch. Mọi người nằm ngồi ngả nghiêng, nhưng cùng im thin thít suốt ngày hôm sau mãi đến tối mịt khoảng bảy giờ rưỡi mới rời căn nhà trở ra ghe. Khoảng chín giờ rưỡi ghe xuất phát để tới chỗ hẹn gặp thuyền lớn. Ghe qua mấy cầu có bót gác, mấy bà mẹ mang theo con mọn phải cầm sẵn mùi-soa để lỡ con có khóc thì bịt miệng cho khỏi bị lộ. Thấy sóng nhồi mọi người biết tới vùng cửa biển. Thuyền lớn đã có

đó, các ghe nhỏ tuần tự tấp tới đổ người lên. Cuộc sắp xếp chỗ ngồi bắt đầu, ai ở hầm giữa (hầm máy), ai ở hầm trước (nơi chứa cá, vì đây là thuyền đánh cá), một số nhỏ người nhà của thủy thủ đoàn được ưu tiên ở phòng cabin. Khi ai nấy đã yên chỗ, thủy thủ đoàn cho nổ máy. Thuyền vượt đáy – có nghĩa là vượt qua khỏi cửa biển có những cột bê tông để giăng đáy bắt cá. Ở phòng lái không trông thấy những cột bê tông đó nên phải có một người đứng ở mũi thuyền ra hiệu để tài công điều khiển tay lái tránh những cột bê tông cực kỳ nguy hiểm đó.

Thời gian vượt đáy kéo dài tới hơn một tiếng đồng hồ. Thuyền ra tới biển khoảng gần năm giờ sáng. Ai nấy vui mừng cho rằng chỉ còn thẳng tiến là xong. Chợt thuyền đụng cực mạnh phải một cái gì, máy chết luôn cùng với tiếng

thốt của tài công: “Chết cha rồi!” Tài công để lại máy, máy nổ nhưng hễ sang số là máy tắt. Trời còn tối. Đành bỏ neo vẫn cho máy chạy để bơm nước ra. Trời rạng dần, một người thợ máy lặn xuống khám phá ra rằng thuyền đã vấp phải cái gì cứng lắm làm cong cánh quạt vịt. Vô phương!

Chỉ còn cách gắp tàu đánh cá nào nhờ họ kéo vào. Mấy tàu đánh cá ngang qua không chịu kéo. Đành cất neo, căng buồm cho thuyền rạt trở lại phía trong hàng đáy. May mà khi thuyền căng buồm bập bênh giạt vào như vậy, không bị đụng vào cột đáy nào. Sau cùng gắp được một ghe đáy thuận kéo giùm hẳn vào cửa sông, trả công họ bằng mấy can dầu. Làm xong nhiệm vụ, ghe máy sợ trách nhiệm đi báo công an, trong khi nước triều rút, thuyền mắc cạn. Chẳng

bao lâu công an tới, còi huýt âm ỉ. Đợi lúc ghe công an áp vào mạn thuyền bên ngoài, ba thanh niên (trong đó có Lịch) nhảy ào xuống nước phía mạn thuyền bên trong, bơi vội lên bờ, lẩn vội vào rừng đước. Khi công an lên thuyền, gác trước gác sau, khám phá ra sự kiện đó bèn bắn xả về phía rừng đước trên bờ. “Bắn cho chết mẹ chúng nó đi!” Một công an nói.

Tám giờ tối – tàu kéo tới, kéo con thuyền mắc cạn về đồn, từng ba người tuần tự lên, tập trung tại một căn phòng lớn thường dùng làm hội trường thì phải. Lập xong danh sách, mọi người lên cam nhông trở về Gò Công. Cuộc khám xét thường lệ từng người bắt đầu, những vòng vàng, nhẫn vàng, những đô-la, những tiền Việt Nam bị tịch thu nhẵn nhụi như thường lệ. Trưa hôm sau chuyển một lần chót về khám lớn Mỹ Tho. Những ngày

kế tiếp người bị nhốt ngày một đông nghẹt, toàn dân vượt biên. Viên chủ tịch già của chính phủ chết. Đài phát thanh, báo chí tuyên bố để quốc tang. Đám đàn bà trẻ con – trong đó có Hoa – được thả vào dịp quốc tang này, sau ba tuần bị giam giữ. Ai cũng biết lý do họ được thả sớm như vậy chỉ đơn giản là khám lớn (và các khám nhỏ khác) không còn đủ chỗ chứa đám người vượt biên ngày một đông vô kể, ngày một đông ngút ngàn.

Lịch và hai thanh niên khác trốn lẫn vào rừng được bị súng công an bắn xả tới nhưng không ai việc gì. Họ tiến sâu hơn nữa, gặp những con mương, con kinh, con lạch, bảo nhau nằm im thín thít chịu trận muỗi vắt qua đêm, hôm sau lẫn vào một thôn gần, kín đáo hỏi đường lũ trẻ nít, rồi làm bộ sẵn quần, phanh áo hở ngực như thể là dân địa phương, đón

xe lam lên Gò Công. Từ Gò Công lên xe lam khác đi Cầu Nội. Từ Cầu Nội qua phà sang bên kia, lên xe đi Cần Đước, thế là về đến cổng ngõ Sài Gòn rồi.

Rút kinh nghiệm hai lần thất bại trước, lần này Lịch lặn xả vào mọi ngõ ngách của toàn bộ tổ chức vượt biên. Lịch điều khiển việc đóng thuyền, đích thân đi thương lượng mua chiếc máy GM của Mỹ ba blocs thật tốt, đích thân nhận những khách vượt biên, mỗi người đóng ba cây (ba lạng vàng). Lịch lại đích thân điều khiển một ghe taxi chở khách cho mấy chuyến vượt biên trước, mỗi chuyến được ba cây. Do đó sau ngày cưới, cặp vợ chồng trẻ Hoa Lịch coi bộ làm ăn phấn chấn. Sáng sáng hai vợ chồng đưa nhau bằng xe Honda đi ăn phở, ăn bánh bao, ăn bún chả. Nhiều buổi chiều vợ chồng kéo nhau đi ăn tiệm. Lần nào

hai vợ chồng đi “tắm bổ lễ” như vậy đều có mua quà về biếu bà và bố mẹ. Những hôm ăn cơm ở nhà, hai vợ chồng mua thêm thịt quay, hoặc thịt bò hoặc thịt gà. Có lần hai vợ chồng mua mấy con vịt về tổ chức một bữa mì vịt cho cả nhà. Một lần khác, mua gà về nấu cà-ri với khoai tây ăn với bánh mì. Sau mỗi lần lái ghe taxi về, có nhiều tiền hơn cả, Hoa Lịch đưa biếu bà Giáo một hai trăm bạc làm tiền chợ thêm.

Trước sự kiện con gái và con rể hỗ trợ về tiền nong liên tiếp như vậy thoát ông Giáo thấy ngỡ ngàng. Cho tới ngày đó ông vẫn quen cảnh chính vợ chồng ông phải chi viện mọi thứ cho cả lũ con – dù phần lớn đã trưởng thành có đứa đi làm hủn hoi (lương lậu chúng là bao, họa hoàn chúng mang về được chút ít nhu yếu phẩm).

Buổi tối hôm đó sau châu cà phê với bánh croissant do chính Hoa làm (tất cả đều do tiền của Hoa Lịch) ông Giáo thủ thỉ nói riêng với bà Giáo:

– Mẹ nó ạ, dòng đời như dòng sông, thuyền mình trôi đến khúc nào, phong cảnh bất ngờ mở ra với khúc ấy. Tôi thoát cú ngỡ ngàng về việc con Hoa thằng Lịch bù trừ cho gia đình, nhưng rồi bỗng vỡ lẽ. Thì ra con nó đã trưởng thành đã ăn tây ở riêng, lại kiếm được tiền, chúng nó phụng dưỡng bố mẹ chứ có gì đâu. Thế là vợ chồng mình trồng cây đã tới ngày ăn quả đấy, chúng mình hết giai đoạn phải nai lưng ra chi viện cho các con, bắt đầu sang giai đoạn lũ con trưởng thành dồn nước về sông mẹ!

5

Nhưng dù vui về sự kiện các con đã tới mức trưởng thành, ông Giáo (chắc hẳn cả bà Giáo nữa) vẫn không sao quên được canh cánh nỗi lòng: “Chẳng còn bao lâu nữa đâu đã đến ngày chúng nó đi!” Bao giờ nghĩ tới điều đó lập tức ông giáo lại thấy nhói buốt nơi bụng, nghẹn ngào nơi tim, và màu xám của sinh lý lại phủ xuống ủa ề cả cuộc đời dưới nhãn giới của ông.

Đến hôm được Hoa Lịch cho hay chuyển đi sắp tới chúng nó sẽ mang theo cả thằng Thiện đi thì thực tình lúc đó ông Giáo tưởng như có thể quy xuống. Lần trước mới chỉ một Hoa đi mà tinh thần ông đã xuống thế, lần này lại thêm thằng Thiện nữa! Bây giờ ông tập trung kỷ niệm ôn lại bao nhiêu chuyện về Thiện, thằng con trai thứ tư, mười bảy tuổi, vừa học xong lớp 11.

Thiện quả thực là đứa con trai chịu thương chịu khó nhất trong bốn đứa con trai của ông. Hồi ông còn bị giam giữ ở trại cưỡng bách lao động trên thung lũng cao nguyên, Thiện nửa ngày đi học, nửa ngày tới một nhà in gần khu phố gấp giấy in để đóng thành sách, kiếm thêm mỗi ngày được từ một đồng đến một đồng rưỡi. Tuần đầu tiên Thiện lĩnh được mười đồng rưỡi đem về đưa mẹ nói là

“con làm thêm để giúp mẹ.” Bà Giáo mếu máo trả lại tiền con:

– Thôi con biết đưa cho mẹ thế là quý rồi, bây giờ bữa ăn chỉ rau, dưa, muối vùng, con giữ lấy tiền để tắm bổ thêm.

Bà Giáo lại chỉ cho con cách tắm bổ rẻ mà ngon:

– Chẳng hạn buổi sáng con lấy mì sợi của nhà luộc đầy một bát rồi đầu hẻm mà mua một đồng nước lèo phở, thế là con có được một bát mì đầy ăn thoải mái.

Thiện đã nghe lời mẹ, quả nhiên ít lâu sau Thiện cảm thấy bớt thèm ăn thèm uống, còn chút ít tiền dư Thiện bao ba anh lớn cà phê thuốc lá hay cho con em gái út tiền ăn đồ ngọt như chè chuối, chè bột khoai, chè bột báng... là những thứ nó rất thích. Một hôm có một ông cũng làm công cho nhà in tới hỏi Thiện:

– Nè, có phải cháu là con ông Giáo T.Q. không (người ta cười), con nhà văn phản động hả?

Ông lục hết các túi áo túi quần, gom được trên ba chục đồng trao cho Thiện:

– Cháu cầm lấy về đưa cho mẹ nhé.

Thiện lắc đầu quây quây không chịu nhận. Ông ta cố ấn vào tay Thiện:

– Cháu nói với mẹ là mẹ dùng số tiền nhỏ nhoi này mua thêm thức ăn cho các cháu hoặc mua thêm đồ thăm nuôi cho bố.

Nghe đến “thăm nuôi bố” Thiện mới chịu nhận tiền mang về đưa mẹ. Bà Giáo tới cảm ơn, tiện thể xem bạn chồng mình là ai. Thì ra ông ta cũng chỉ là độc giả có lòng với “nhà văn phản động.” Ông ta

nói với bà Giáo rất chân tình và rất cảm động:

– Anh viết là viết cho chúng tôi, lên tiếng là lên tiếng cho chúng tôi. Giờ đây anh vào tù cũng là vào tù cho chúng tôi. Khốn nạn số tiền tôi gửi biếu chị như vậy có là bao. Nghe chị cảm ơn mà tôi xấu hổ.

Bà Giáo chỉ còn biết cảm động và lại... cảm ơn lần nữa. Bà nhớ tháng tháng vẫn nhận được giấy gọi tới nhà Bưu điện Chợ Lớn lĩnh đồ, hộp thuốc tây đem về bán đi đổi lấy gạo cùng những nhu yếu phẩm khác, chứng tỏ bằng hữu xa gần không hề quên vợ chồng bà. Niềm vui đó mới thật quý giá và giúp bà giữ vững được tinh thần qua bao sóng gió suốt ngót bốn năm trời ông Giáo bị giam giữ.

Sau đó còn thêm hai lần người đọc giả làm nhà in lục soát hết túi áo túi quần (lần nào chợt gặp Thiện và có ý định biểu tiền bà Giáo, ông ta cũng làm vậy), gom lại khoảng bốn, năm chục bạc đủ các thứ giấy kể cả giấy năm mươi xu và đưa cho Thiện nhờ Thiện chuyển về cho mẹ. Rồi Thiện thôi không tới gấp sách cho nhà in, chiều chiều Thiện vò xương xâm ngay lối xóm, số tiền kiếm được cũng khoảng từ một đồng đến một đồng rưỡi mà lại khỏi phải đi xa.

Thái độ Thiện học có vẻ như phất phơ, nhưng ông Giáo rất yên lòng là Thiện rất thông minh và tự hiểu ở tuổi đó phải học đã! Mấy thằng anh Thiện kể với ông Giáo rằng có những bài toán trên Thiện một lớp, Thiện đọc và tìm ra ngay đường lối phải làm để ra đáp số. Về nhạc cũng vậy, Thiện quan sát các anh chị chơi piano rồi

học lấy, tiếng đàn thật bay bướm. Thiện ưa chơi nhạc mới và linh cảm ngay cách đệm thật hay, thật hợp, thật linh động cho từng bản nhạc. Kể cả những bản cổ điển nhỏ như *Serenata* của Toselli, *Valse aux regrets* của Brahms, *Tristesse* của Chopin Thiện cũng đệm theo phương thức hòa âm của mình, và ông Giáo lắng nghe rồi gật gù thấy rằng cũng không đến nỗi nào. Có lẽ bản nhạc cổ điển duy nhất Thiện tôn trọng hoàn toàn nguyên bản là bản *Prelude* số 1 của J.S. Bach, sở dĩ vậy là vì muốn áp dụng nét nhạc đó là một phương thức đệm nhạc của mình.

Thiện mà đi thoát ra nước ngoài chắc chắn nó sẽ thành công trong việc học – ông giáo nghĩ vậy.

Tám đứa con mỗi đứa có cách biểu lộ lòng kính mến bố của mình riêng. Ông Giáo thường đọc lại vài đoạn thư

của Thiện gửi tới hồi ông còn bị giam giữ ở trại lao động cưỡng bách...

... Trong những lá thư trước, bố có khuyên con nên chơi một loại nhạc khí nào đó để tạo những khu vườn thật nhiều bóng mát nhẹ nhàng, tinh khiết cho tâm hồn mình. Bố rất... rất cần biết rằng những tên con trai của bố không đứa nào dốt và ghét âm nhạc hết! Con mong bố đừng lo lắng gì về gia đình nhà ta, bốn tên con trai của bố bây giờ đã lớn. Bên cạnh sự trưởng thành đó còn những lời niệm Phật của bà và mẹ, những lời khuyên thật bổ ích của các chị giúp chúng con hiểu được thật nhiều so với những ngày còn gần bố. À bố cần phải thật ấm bố nhé! Trời dạo này đã bắt đầu lạnh, bố mà để bị cảm lạnh sẽ cản trở không ít tính lạc quan của bố đây.

... Bố ơi, ba năm qua mau quá, phải không bố. Có biết bao thay đổi khiến nhiều lúc con phải ngỡ ngàng. Con vẫn nghe lời bố cố gắng vươn lên trong khó khăn. Học là nhiệm vụ chính của con và bố là một trong những động cơ mạnh nhất đã thúc đẩy con trong nhiệm vụ này. Là con của bố thì nhất định không thể học kém được. Ít ra mình phải được một phần trong biết bao cái đáng quý của bố chứ. Con vẫn nghĩ như vậy đấy bố ạ. Đàn là môn giải trí đồng thời cũng là người bạn quý của con. Khi đàn dương cầm con không nghĩ rằng sẽ thành tài mà chỉ để làm đẹp tâm hồn của mình, vì cái đẹp của âm nhạc có lẽ vô bờ bến.

Một lần chú mười bảy tuổi đó đã vượt ngót chín trăm cây số tới thung lũng cao nguyên thăm nuôi bố, khoảng bốn tháng trước ngày ông giáo được thả.

Bức thư của Thiện viết cho bố sau khi đã về tới Sài Gòn có đoạn như sau:

... Sáng sớm ngày 9 - 9 con về tới Sài Gòn sau bao ngày nằm đường. Về tới nhà con la lớn: “Người về từ rừng núi Tây Nguyên!” Cả nhà đã ùn ùn từ trên gác kéo xuống; con mất cả nửa giờ để kể chuyện đi đường thăm bố cho cả nhà nghe. Cực khổ thật nhưng con đã có được niềm vui thật lớn lao: con được gặp bố! Hình ảnh bố tiếng nói của bố đến giờ vẫn in sâu trong tâm trí con. Bài nhạc hôm đó bố hát cho con nghe bây giờ con không nhớ, nhưng con vẫn còn nghe được, thấy được bài học của bố cho con qua nó: Hãy giữ vững cho tâm hồn thanh thản trong sáng, cao đẹp trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Bố ơi con sẽ cố gắng... cố gắng nhiều nữa để được như bố.

Ông giáo nhớ lắm, ngày đó khi được gọi tên ra gặp người nhà thăm nuôi, thoát thấy Thiện ông sững sờ cả người, rồi cả ngày hôm ấy, cả mấy ngày hôm sau nữa thỉnh thoảng ông lại chợt thấy trào nước mắt. thằng con trai mười bảy tuổi, mặt non choẹt, nụ cười còn ngờ nghệch chịu bao cực nhọc vượt ngót chín trăm cây số thăm nuôi bố.

6

Được trả tự do về một hôm, thấy Thiện ngồi một mình, hai bố con thủ thủ nói chuyện với nhau.

Bố: – Chuyển con đi thăm nuôi bố vất vả lắm hả?

Con: – Sau chuyển đi đó con trưởng thành hẳn đấy bố ạ.

Bố: – Lúc con đi, con lấy vé suốt Sài Gòn – Pleiku?

Con: – Không, con phải tới nằm ở bến xe Sài Gòn từ nửa đêm mà cũng chỉ mua được vé Sài Gòn – Qui Nhơn. Từ Qui Nhơn con và các bác, các anh chị cùng đi thăm nuôi lại “nhào zô” sắp hàng lấy vé đi Bình Định. Cái gì cũng sắp hàng đăng ký, dây thần kinh căng thẳng thường xuyên.

Bố: – Thế con tới Bình Định mới lại “nhào zô” sắp hàng mua vé đi Pleiku hả?

Con: – Đúng đó bố!

Bố: – Lúc con về cũng theo lộ trình đó?

Con: – Lúc về mới thực là cực nhọc. Con thực cảm thấy trưởng thành ở chuyến về. Thoạt từ trại tập trung cưỡng bách lao động của bố ra quốc lộ số 19 bọn đi thăm nuôi trong số đó có con chờ

đón xe đi Pleiku để sẽ mua vé suốt Pleiku – Sài Gòn, nhưng chờ từ mười giờ sáng đến mười hai giờ không hề có xe lên Pleiku, chỉ có một xe xuống Qui Nhơn, cho nên khi thấy chiếc xe thứ hai xuống, cả bọn “nhào lên”. Không phải sắp hàng đăng ký vì đây là trả giá chợ đen, nhưng xe này lại chỉ chở tới An Khê, còn chừng một phần ba đường nữa mới tới Quy Nhơn.

Bố: – Thế là con ngủ ở An Khê rồi.

Con: – Lạnh kinh khủng bố ơi. Trên đèo mà, bố. Tụi chúng con thoát định ngủ ngay ngoài bến xe, nhưng sợ mất đồ, chắc chắn sẽ mất đồ. Cả đám người trẻ con có, thanh niên có, trai có, gái có, bu xung quanh tụi con với những con mắt hau háu, ớn xương sống bố ơi. Cái gì cũng ớn xương sống đó, bố. Lo mất đồ cũng ớn xương sống, nhìn tụi trộm

cấp lưu manh vì nghèo đói đánh nhau cũng ớn xương sống. Nhìn chúng ngang ngược để sinh sự với mình cũng ớn xương sống; dọc đường cái gì cũng dữ dằn, bố ơi.

Bố: – Thế con không ngủ ở bến xe thì con ngủ ở đâu?

Con: – Bọn con ngủ ở hành lang một căn nhà mà chủ nhân có hảo tâm cho ngủ nhờ. Tụi con trên mười người nằm úp thìa sát nhau mới bớt lạnh chút ít. Con quen sống ở Sài Gòn, gặp cái lạnh cao nguyên, dễ sợ! Bốn giờ sáng bọn con đã phải nhòem dậy nhào zô sắp hàng mua vé đi Quy Nhơn. Sáu giờ sáng họ mới bán vé. Về tới Quy Nhơn khoảng mười hai giờ trưa, bọn con đã phải zô sắp hàng đăng ký mua vé về Sài Gòn ngay mà cũng không kịp. Họ thông báo hành khách hãy đợi đến ngày hôm sau.

Bọn con ai nấy nôn nóng về quá đi, bèn bảo nhau bỏ bến xe đò tìm đường ra ga, sắp hàng dài cả trăm người chờ mua vé xe hỏa, loại tàu chợ, nghĩa là tới ga nào tàu cũng đỗ, hành khách tạp nham kinh khủng, mất cắp kinh khủng. Luật rừng bố ời. Người đối với người tệ hại hơn cầm thú nhiều, con dám nghĩ thế đó bố. Lừa nhau từng miếng ngay sau khi sắp hàng lấy vé ở bến xe đò cũng như ở ga xe lửa. Mình đương sắp hàng, có người đến cười nói rất ngọt xin mình tạm dời hàng cho qua nhờ để dặn người nhà bên kia mấy lời. Mình cả tin ra khỏi hàng nhường lối cho đi, nó chiếm luôn chỗ mình đứng tỉnh bơ. Đánh lộn không được bởi vì tội nó là tội chuyên môn đi mua vé bán chợ đen, nó có cả băng xúm lại đánh mình chết bỏ, nếu cần. Hôm đó chính con chứng kiến cảnh một đứa lừa một người khác. Nó bảo bà ta: “Bà

oi, bà đứng lằm hàng rồi, những người có tuổi như bà được đứng ưu tiên bên hàng công nhân viên, cán bộ kia kìa”. Bà ta ngay tình, bỏ hàng, nó đứng vào chỗ đó, nháy một thằng lưu manh khác cùng băng với nó, cả hai cười đắc thắng. Tất cả những người chung quanh biết vậy mà không ai dám ho he. (Ông Giáo khẽ lắc đầu ngao ngán nghĩ thầm chúng nó đã “ưu việt” kiến tạo được một xã hội cực kỳ đê mạt, trong đó mạnh ai nấy sống, đau khổ, thua thiệt, phần nọ, chỉ còn biết kêu trời là... của chung. Chacun pour soi. Dieu pour tous.)

Bố: – Mấy giờ tàu chạy, con?

Con: – Ba giờ chiều mọi người lên tàu, dĩ nhiên lại một màn chạy ào như đàn vịt chen lấn nhau lên toa giành chỗ trước. Con vừa lên được toa thì một chị phía sau bị móc túi. Chị la lên: “Thằng

này móc túi tôi này!” Lập tức chị bị thằng móc túi thẳng tay đâm vào mặt. Nó đâm như vậy để chặn họng. Lúc đó con tức uất người, bèn nhanh như chớp phóng chân đập vào mặt nó một cái cực mạnh rồi lẩn vào đám đông trong toa ngay. Thằng lưu manh không kịp nhận ra con – nó mà nhận được thì con dám chết bỏ xác trên tàu đấy, bố ơi – Nó găm lên, chỉ vào mặt chị nó vừa móc túi: “Tao sẽ về gọi anh tao đến đánh chết mẹ mày luôn.” Mọi người khuyên nạn nhân nên chuyển sang toa khác. Tránh voi chẳng xấu mặt nào. Người ta nói vậy đó bố! Con lên như vậy mà cũng hết chỗ ngồi rồi, phải ngồi xuống sàn toa.

Bố: – Ô chắc bắn thủ dũ?

Con: – Dơ dáy lắm, bố. Đủ cả đòn rã, nước tiểu, phân tha theo giày lên... nhưng còn sạch hơn sân ga nhiều, nhiều

lắm. Sân ga cũng có đủ thứ đồ và rất... rất nhiều những thứ dơ dáy khác nhưng ngập ngụa hơn nhiều... nhiều lắm! Chỗ ngồi trên sàn toa cũng bị thu hẹp dần, sau cùng con phải co chân lại, ngồi bó củi, đồ của mình phải giữ rịt lấy ở dưới chân, ở trên đầu gối. Xềnh cái là bị cướp giật đấy. Cướp giật chứ chẳng còn là ăn cắp đâu bố ạ. (Ông Giáo thấy khuôn mặt đứa con chột tươi rói). Tàu chật ních như vậy, bố phải được trông thấy những người đi bán hàng cơm bố mới phục.

Con phục họ sát đất (Thiện làm điệu). Một tay họ ôm thúng cơm có thêm thức ăn và đĩa muống như thế này, một tay họ xúc cơm, lấy thức ăn trao cho khách mua như thế nào. Làm xiếc đi trên dây cũng chỉ giỏi đến thế thôi bố ạ. Trông những người bán cơm thương và phục bao nhiêu thì nhìn cảnh những tên lái củi

quảng đại những bó củi qua cửa sổ tàu vào toa tắm bấy nhiêu. Bọn lái củi tranh thủ thời gian khi tàu vừa đỗ, quảng đại những bó củi lên như vậy, rúi vào đầu, cổ, chân, tay ai thì ráng chịu. Người ta kể những tàu chợ này tới ga Phan Thiết cụp lạt một cách khác, đó là những màn quảng những thùng nước mắm lên, tàn bạo không kém, thiếu gì người lãnh đủ nước mắm từ đầu đến chân, quần áo tắm đầm...

Bố: – Thôi đành phải rúm người hay gồng mình chịu trận cho đến Sài Gòn vậy chứ biết làm sao con nhỉ?

Con: – Đúng vậy bố. Còn chuyện mỗi khi xe hỏa vừa cui vô hầm, tụi giệt đồ đã canh chừng con mỗi trước, bèn tức khắc giệt đồ rồi chạy, xéo cả lên đầu lên cổ người khác, thầy kệ!

Bố : – Thế lúc tàu vào hầm họ không bật đèn các toa lên sao?

Con : – Làm gì có chuyện đó, bố. Mỗi lần xe sắp chui vào hầm, đặc biệt là hầm Đèo Cả dài nhất, chúng con nhất loạt quàng tay nhau, giữ chặt lấy nhau, giữ chặt lấy đồ.

(Ông Giáo lại ngao ngán lắc đầu).
Bố : – Chịu hết nổi!

Con : – Tinh thần căng thẳng quá bố ơi, vì vậy mà mười hai giờ khuya tàu tới Nha Trang bọn con không ai dám tính chuyện ngồi lì trên chuyến tàu chợ đó đi suốt về Sài Gòn, mà xuống ga tìm tới bến xe đò “nhào zô” sắp hàng đăng ký từ bốn giờ sáng; mặt khác một người của bọn con tìm cách liên hệ với bọn bán vé chợ đen. Bọn này toàn các bà, thu của bọn con mỗi người hai mươi đồng, rồi họ đi

thuê trẻ nít bông trên tay thành các “bà má có con mọn” được sắp hàng ưu tiên. Rủi cho bọn con, bố trí đến như vậy rồi mà vẫn không mua được vé như thường, vì có thông cáo là xe về Sài Gòn không có. Bọn con vội chặn đón các “bà má có con mọn” đòi lại tiền. Họ trả rồi, đi rồi, soạn lại tiền mới hay họ trả thiếu mười đồng. Thôi coi như trả công họ sắp hàng và thuê con mọn vậy.

(Con miết mãi kể, ông Giáo lắng nghe, đồng thời ôn thâm những kỷ niệm của chính mình, thỉnh thoảng lại lắc đầu điểm xuyết, tuyệt nhiên không thốt thêm lời nào, bởi tất cả những điều đó bệ rạc ngoài trí tưởng tượng của chính ông, nói chi đến những người bên thế giới văn minh trọng văn hóa, trọng tự do, trọng nhân phẩm).

Bố : – Hôm đó con đành ở lại Nha

Trang? Con – Không đâu bố. Ai cũng nôn muốn về. Bọn con rời Nha Trang ra Ngã Ba Thành đón xe đò trên Quốc lộ số 1. Đợi từ mười giờ đến hai giờ trưa mới gặp được một xe chở hàng nhận chở bọn con, hai mươi đồng một người. Thoạt còn rộng chỗ, mỗi lần thấy có đám đông bên đường bác tài lại cho xe đi chậm lại, trong khi hét la lên “Xe Sài Gòn đây! Xe Sài Gòn đây!” Hai ba tiếng qua đi chỉ thêm có ba hành khách, xe bỗng cà rịch cà tàng ngừng lại bên vệ đường giữa khoảng đồng không mông quạnh. Anh hét tuyên bố xe bị pan. Anh mang đồ nghề chui vô gầm xe. Một trong ba hành khách lên sau nói với cả bọn: “Xe pan dầu đây.” Quả nhiên hét từ dưới gầm la lên: “Xe pan dầu mất rồi thưa quý vị!” Vẫn người hành khách tiên đoán “phải sửa bộ phận hút dầu!” Quả nhiên anh hét từ gầm xe chui ra tuyên bố: “Xin quý vị cảm phiền

cho bọn tôi đi sửa bộ phận hút dầu.” Rồi anh ét vẫy xe lam có mang theo một bộ phận máy. Vắn người hành khách bình giải: “Nó chỉ đi ăn cơm ở huyện lỵ gần đây rồi mang cơm về cho bác tài ngồi lại đây canh xe, họ sẽ quyền thêm tiền hành khách chúng ta, nói là để “buốc boa” cho anh công nhân trong xưởng máy sửa xe để anh ta sửa gấp cho bọn mình về, khỏi lỡ độ đường một đêm nữa.” Lại một lần nữa người đó đoán đúng y chang. Bọn con phục quá, sẵn sàng quyền thêm mỗi người năm đồng nữa.

Bố – Người khách đó đã có kinh nghiệm về những chuyến xe dò lửa đảo đầy con ạ.

Con – Đúng vậy, bố. Hễ ít khách họ lại dờ trò sửa lại bộ phận hút dầu, lần nào cũng chỉ có trò sửa lại bộ phận hút dầu.

Bố – Nhất cử lưỡng tiện, vừa là một dịp bắt bí hành khách quyền tiền thêm, vừa là dịp họ nghỉ ngơi ăn uống và cho máy nghỉ.

Con – Đúng quá bố ơi. Người hành khách vốn là dân đi buôn nên sau đó ông ta kể thêm bao nhiêu là chuyện lừa đảo, ăn cắp của đám tài xế, ét, lơ xe đò. Mở vali lấy cặp quần áo, mở kiện hàng lấy cặp thực phẩm trên mui xe, có người chỉ lên đi một quãng đường, lúc xuống tên lơ quảng vali xuống trả, xe chạy ngay, người đó hốt hoảng gọi với, hai tay giơ lên cao, chiếc vali mở rộng.

(Ông Giáo lại lắc đầu ngao ngán)

Bố – Người dân bị tước đoạt quyền tự do kinh tế biến thành đám nô lệ cho chính phủ quản lý, bị bán cùng hóa đến hết mức, xoay ra ăn cắp lẫn nhau. Tội

nghiệp, con nhìn xem, cả nước ăn cắp – trực tiếp hay gián tiếp – gặp thời thế, thế thời thế, chẳng có cách nào khác. Tội nghiệp! Thế rồi xe con về thẳng Sài Gòn, không... pan dầu thêm lần nào nữa chứ?

Con – Quyên tiền bọn con xong, đến phiên họ phát. Người vẫy quá giang liên tiếp. Tới hai chục người thêm. Tới Phan Rang họ chở thêm trên hai chục cần xé ớt và cá khô nữa. Chúng con hoàn toàn ngồi bó gối như trên xe hỏa đêm hôm trước, còn ngộp thở và cay mắt nữa; cay mắt kinh khủng, ớt mà, bố! Nhiều người la đòi ngừng lại cho thở, tài xế làm thinh, mặc kệ, chỉ ngừng một chút khi qua trạm kiểm soát. Nhưng tới một trạm kia thì một chị trong đám đi thăm nuôi không chịu được nữa, vùng đứng dậy nhảy xuống để thở. Thêm mấy người nữa vừa nhảy xuống theo thì có tiếng

kêu: “Cô Quang bị xỉu nè.” Quang là con bác Khánh bạn bố, nhốt cùng chỗ với bố đó. Con vội nhảy xuống nhảy lẹ và vụng nên bị trật cẳng.

Con tập tễnh tới thấy mặt Quang xanh lè, mọi người đương, kẻ thì thoa đầu, kẻ thì dặt tóc mai. Chính công an trạm kiểm soát đó cũng phải mắng tài xế là chở đông người, nhiều hàng như vậy mà không mở cửa sổ xe cho người ta thở.

(Chẳng nói sao hết được về ngao ngán của ông Giáo, lắc đầu lần này.)

Bố – Rồi con cũng về được đến Sài Gòn!

Con – Vâng, về tới xa cảng miền Đông bên kia cầu Sài Gòn trên xa lộ Biên Hòa khoảng bốn giờ sáng thôi, bố. Trong

chuyến đi đó con còn đường chúng kiến và nghe kể nhiều... nhiều chuyện khủng khiếp nữa về cảnh tàu hỏa, xe đò, đường xa, nhưng bây giờ con quên mất rồi. Con cũng chẳng muốn nhớ làm gì bố ạ.

Bố – Con nói đúng đấy. Nhớ lại làm gì!

Con – Con về tới nhà, hôm trước hôm sau thì bà nội thằng bạn cùng lớp con (cũng ở hẻm gần nhà ta thôi) chết. Cụ cũng cỡ tuổi bằng bà nội nhà ta. Cụ tức cười lắm bố ời, suốt ngày cụ cầu Trời khẩn Phật cho mình chết sớm để bớt gánh nặng cho con cháu. Cụ biết con cháu sẽ vất vả lắm nếu phải sắm áo quan cho cụ nên cụ dặn là hãy lấy cái sập hộp cụ dương nằm làm áo quan. Nhưng bố có thấy không, nếu lật ngược cái sập lên thì thiếu nắp. Một lần cụ đứng trước một đồng rác lớn ngoài đường, loay hoay cúi

xuống lấy ra được một tấm ván ngắn. Con và bạn con vừa đi học về tới đấy, hỏi cụ lấy tấm ván bản thủ đó làm gì, cụ cười bảo bản gì mà bản, về rửa là sạch ngay. Chỉ cần kiểm năm cái như vậy là thay được nắp quan tài. Dễ sợ!

(Lần này ông Giáo cất tiếng cười cổ cho giảm bớt vẻ ngao ngán.)

Bố – Ủ, dễ sợ! Tội nghiệp cụ!

Con – Ngoài Bắc quan tài cũng là cả một vấn đề đó bố. Lần trước khi cô Chu vào đây bố đã bị bắt, nhốt ở trại Lê Văn Duyệt, Gia Định. Cô làm đơn bao nhiêu lần xin được gặp mặt bố vào mỗi kỳ thăm nuôi mà không được. Cô nói cho tụi con hay là quan tài ở ngoài Bắc mua ở tiệm quốc doanh không phải là luôn luôn được đúng với thành ngữ là “bốn tấm dài hai tấm ngắn” mà nhiều khi là năm sáu

tấm dài, ba bốn tấm ngắn. Đóng quan tài bằng ván ghép đầy bố ới. Cô kể một lần chúng kiến cảnh nhập quan, người chết nằm trong cỗ áo quan trống hốc trống hoác, lòi tay ra ngoài, cô sợ quá bắt chú Ba lúc đó đương công tác ở Hòa Bình, nơi có sẵn gỗ, phải lập tức thuê đóng hai cỗ áo quan thật tốt mang về để sẵn trong nhà. Do đó, ông nội mất mới có cỗ áo quan tốt làm cả nhà yên trí, còn một cỗ áo quan nữa của bà nội đó bố!

(Lần này ông Giáo không có một lời hoặc một cử động nào để điểm xuyết lời con; ông ngồi lặng đó như tượng, bảo là suy tư vào chiều sâu, không đúng hẳn, bảo là tâm trí trống rỗng cũng không đúng. Vào lúc đó Thiện có liếc nhìn bố rồi tiếp nối câu chuyện.)

Con – Vào mấy ngày con vừa đi thăm nuôi bố về này, xóm nhà đồn dập

nhiều cảnh bất hạnh dễ sợ, điều này giúp con quên được những gian nan vất vả dọc đường vừa qua. Cô con Bo-Bo trong vườn trẻ của mẹ đó bố.

(Ông Giáo mỉm cười nghĩ đến tình thần hài hước đáng yêu của gia đình, đứa nhỏ nào nhận vào vườn trẻ, y như hôm trước hôm sau đã nhận được một biệt hiệu tiêu tếu. Con bé xinh xinh mắt thao láo đen tròn, trông dễ thương như những hạt bo bo.)

Bố – Ủ, sao con?

Con – Tự tử chết.

Bố – Tội nghiệp chưa, sao vậy con?

Con – Nhà nghèo quá, túng quá, anh em cãi nhau, người anh tát cho một cái sưng mặt. Tối cô ta uống liền khoảng hai chục viên Tylenol, sáng sớm nhà biết, xe

vào nhà thương cứu không kịp. Người ta kể khi người anh đánh cô hôm trước bước vào, quai hàm cô động đập trong tưởng như đương nghiêng răng kèn kẹt. Dễ sợ! Người ta bảo gái hai mươi mốt tuổi chết trẻ như vậy thiêng lắm, có thể thành ma thành quỷ tác hại cho cả gia đình.

Bố – (Cười hiền hòa như tia nắng sớm.) Nhưng cũng có thể thành phúc thần che chở cho cả gia đình! Linh hồn người chết, nếu quả thực sau khi chết linh hồn còn, không nô lệ cho thể xác nữa, tất nhiên nhìn vấn đề sáng suốt hơn, thấy rõ vì sao và tự đâu có cái nghèo làm mình chết. (Ông Giáo nói với con mà như nói với mình). Còn bao nhiêu cái chết tức tưởi vì cùng khổ như vậy mà mình không biết. Kể từ 1946 đến 1954 chỉ có tám năm kháng chiến chống thực

dân Pháp này là có chính nghĩa thôi con ạ. Sau đó đấu tố, nội chiến; sau nội chiến đất nước thống nhất, lại đấu tố địa chủ, đánh tư sản, kiểm kê văn hóa, chiến tranh biên giới với Cao Miên, chiến tranh biên giới Hoa Việt, người chết, dân nghèo, trí thức tàn lụi. Sau năm năm thống nhất, thế giới phê bình Việt Nam theo đuổi một chính sách ngu xuẩn, điều đó đâu có oan gì. Lãnh đạo đất nước cho đến nay ba mươi sáu năm chiến tranh liên tục, nước mình quả là một... siêu cường về chiến tranh. Vậy mà giới lãnh đạo không hề xét lại đường lối chính sách của mình đủ biết họ ích kỷ và bất nhân tàn nhẫn đến mức nào. Họ đâu còn là người Việt mà đòi họ thương người Việt, họ đâu còn nhân tính, hay đúng hơn tiêu chuẩn về đạo đức nhân tính của họ đâu có giống của mình mà đòi hỏi ở họ sự xót xa cho tình người. Con ơi, cô con Bo Bo

mới hai mươi tuổi, cái tuổi dễ vui nhưng cũng dễ hờn tủi, chết như vậy quả là tội lắm, tội lắm!

Con – Đến Xuyên, em gái anh Huỳnh cùng học một lớp với con, bị nạn mới lãng xẹt. Đêm đương ngồi học trên gác, công an phường rượt đuổi thanh niên trốn nghĩa vụ quân sự trong lối xóm bắn chỉ thiên thế nào viên đạn xuyên qua phổi Xuyên, mang đến nhà thương mổ lấy viên đạn ra, khi khâu lại xong xuôi, ông bác sĩ “quốc doanh” (danh từ quốc doanh được dân chúng dùng thành phẩm từ để chỉ mọi thứ quá kém sút về phẩm của “cách mạng”) bỗng hỏi: “Ừa, lưỡi dao số 10 đâu rồi?” Mấy cô y tá quốc doanh phụ tá mổ cũng giật mình, một cô nói: “Bỏ quên trong bụng bệnh nhân rồi, đồng chí!” Mổ lại. Lấy lưỡi dao ra. Bố thấy không? Dễ sợ!

Bố – Chết chưa con, vài tháng nữa thi tú tài C.

Con – Phải bỏ thi thôi, biết sao, bố, mà bỏ cả học luôn. Bây giờ Xuyên như người mất trí.

“Thằng bé thật thông minh,” – ông giáo tự nhủ thầm khi ôn lại một số kỷ niệm gần đây về Thiện, thằng con trai áp út sắp ra đi của ông – nó nhận xét nhiều khi tinh tế đáo để!

Ánh, đứa con gái thứ hai, cô giáo Vững Tàu, thực hiền hậu nhưng tinh thần hài hước lại vô cùng sắc bén. Ánh đã đặt cho Thiện cái biệt danh “thằng trùm cu li xóm chùa.” Nguyên trong hẻm này có ngôi chùa Cao Đài nên dân chúng vẫn gọi hẻm là xóm chùa, một xóm lao động nghề chính là vò xương xâm. Thiện tính tình hồn nhiên giao du thân mật với

hầu hết đám trẻ cùng lứa tuổi trong xóm mà còn gần gũi cả với đám nhóc chín, mười tuổi lúc nhúc trong xóm nữa. Mỗi lần nhà tổ chức buổi văn nghệ bỏ túi tối, luôn luôn có mặt Thiện ở ngoài đường hẻm ngay trước cửa nhà. Vì nghe tiếng đàn hát, lũ trẻ lối xóm bèn bu lại ngay trước cửa ra vào và cửa sổ, chen nhau, cãi nhau chí chóe để giành chỗ nhìn vào. Lúc đó nếu không có Thiện đứng đấy vừa ngọt vừa sảng, dàn xếp thì sẽ cản trở không ít cho đám khán thính giả bên trong. Trùm cu li xóm chùa là thế!

7

Chính Thiện cũng vậy, khi được chị Hoa anh Lịch bảo cho đi, chú cũng thấy thót nơi bụng nhói nơi tim, vừa bàng hoàng sung sướng được vượt biên tìm cuộc sống có tự do nhân phẩm, có tính người tình người, vừa bàng hoàng sâu muộn vì sắp xa nhà, xa bố mẹ. Lũ trẻ ngủ cả, vườn trẻ của mẹ được lúc yên tĩnh. Thiện kín đáo đưa mắt nhìn mẹ lúc đó đương ngồi trước máy khâu vá chiếc quần gín dày cộm thùng tròn của chính

Thiện, khuôn mặt mẹ buồn thật buồn, nhưng cố làm ra vẻ bình tĩnh, đúng như hai lần trước vào những ngày mẹ biết chị Hoa sắp đi. Thiện cảm thấy mình nhỏ đi, thơ dại đi rất nhiều.

– Mẹ!

Thiện đã đứng bên mẹ cất tiếng gọi thoảng như vậy. Chú thấy tiếng mình gọi mẹ như một vật gì trôi bênh bồng trên cái biển cồn cào nung nấu trong thâm tâm chú. Thấy mẹ lơ đãng vẫn chưa nghe tiếng mình, Thiện gọi lần nữa:

– Mẹ!

Bà Giáo sực tỉnh:

– Gì thế con?

– Chị Hoa, anh Lịch bảo cho con đi theo, mẹ có bằng lòng cho con đi không mẹ?

Đến lượt bà Giáo thót bụng nhói tim rụng rời cả người biết lần này thêm một đứa con nữa đứt ruột mình ra đi, bà không giữ được khỏi nước mắt rưng rưng, bà phải nường giọng khéo lắm mới khỏi bị tắc nghẽn giữa hai tiếng nấc:

– Ủ, thì con đi, mẹ giữ con làm chi. Con đi mới có tương lai mà ăn học cho ra trò, cho nên người chứ.

– Mẹ!

– Gì con?

– Con chịu cực quen, ra được nước ngoài ngày con đi học tối con đi làm kiếm tiền gửi về biếu mẹ.

Hai giọt nước mắt rớt bộp cùng một lúc trên chiếc quần gin bà đương vá. Sensitive một chút lãng tâm bà không giữ được chúng trên mi mắt. Đôi mắt Thiệt

cũng nhòe đi khi nhìn và nghe thấy hai giọt nước mắt nhỏ của mẹ rơi trên chiếc quần gin. Tiếng mẹ nói rất nhỏ để tránh thành tiếng nấc:

– Cần việc học thôi con ạ. Ra được nước ngoài con gắng học, sau này con thành kỹ sư, bác sĩ, thế là mẹ mừng. Con còn nhớ ba điều tận lực mà bố viết về khuyên các con năm ngoái, hồi bố còn ở trại cưỡng bách lao động?

– Dạ, tận lực học hỏi để thường xuyên trau dồi kiến thức, tận lực làm việc để trả ơn đời, tận lực tu đức để bảo tồn hạnh phúc! Không bao giờ, không bao giờ con quên lời bố khuyên đâu, mẹ!

– Tốt lắm!

Thiện dời chỗ mẹ ra ngay với bà nội. Cụ đương xếp bằng tròn, tay lần tràng hạt miệng lâm râm niệm Phật.

– Bà!

– Gì thế con?

– Cháu sẽ đi với chị Hoa bà ạ.

Bà nội xoa lưng và gỡ đầu Thiện:

– Ủ, con đi. Con đi là con học tiến bộ, là con làm vui lòng bà và bố mẹ con.

Thấy Thiện khóc, cụ gỡ đầu cháu mạnh hơn:

– Rồi bà sẽ trở ra Bắc, nhưng ở đâu thì bà cũng niệm Phật cầu trời cho các con các cháu. Mà các con các cháu ở đâu cũng phải nghe lời bà: giữ cái tâm đạo đức! Thế là bà yên lòng. Con chẳng việc gì phải khóc, con đi là tiến bộ mà!

Khi Thiện xuống nhà, đến lượt cụ đổ nước mắt ra. Trước đây, nhiều buổi chiều, cụ ngồi trong nhà nhìn qua cửa

sổ ngắ m dáng điệ u cần cù dẻ o dang của thắ ng chấ u vò xươ ng xấ m cụ muố n đở nước mắ t. Thự c sự trướ c đầ y cụ cầ ng đầ mố t lầ n vừ a cườ i vừ a khó c. Vầ o buổ i chiề u hờ m đố thắ ng bẻ xắ n lặ i nố i:

– Bà ơ i hờ m nă y chấ u cồ vò xươ ng xấ m đượ c mố t đố ng tám, nghe con nố i mắ i là ngà y giố ông nộ i, ngườ i ta trắ con cả hai đố ng, con để dầ nh đượ c mườ i đố ng tắ t cả đư a bà để bà mư a hoạ quả về cú ng ông.

Bà nộ i đườ ng cầ m cái quặ t, cụ phấ y phấ y quặ t mắ t cho thắ ng chấ u, cụ vừ a cườ i vừ a khó c, nước mắ t đở ra cụ cầ ng cườ i lố n để trắ n á t đò ng nước mắ t khồ ng cho chắ y thề m:

– Cha bố mầ y, ấ y mầ y có tầ m tồ t như vậ y bà quý hờ n bắ đượ c vầ ng đắ y con ạ. Ủ để rồ i sỏ m mắ i bà rắ chặ mư a thề m

hoa quả về cúng ông. Bà sẽ khẩn cho ông hay là phần hoa quả đó mày vò xương xâm thuê mà có.

Thiện chỉ thủ thủ tâm sự việc sắp ra đi với mẹ và với bà nội, còn với bố thì không. Bố cho ly nước trà đường, Thiện lẳng lẳng nhặt uống, bố sai vài việc lật vật, Thiện làm ngay rất chu đáo, nhưng khi chỉ còn có hai bố con trong bếp hoặc ngoài phòng khách, Thiện thấy lúng túng, chân tay như thừa, lẳng nhìn đi phía khác, thỉnh thoảng liếc trộm bố. Bố thương Thiện và gần gũi Thiện nào kém gì mẹ, nhưng với mẹ thì nói được mà với bố thì không. Biết nói gì và nói ra sao? Quả thực Thiện chịu. Đành vậy.

Ngày lại ngày qua mau. Ông giáo không dám hỏi Hoa ngày nào con đi. Hoa cũng không dám đả động với bố về chuyện sắp ra đi. Nhưng rồi cái ngày

định mệnh cũng đến và chẳng giấu được nữa, như con bài đến lúc phải lật lên. Suốt đêm hôm trước nghe chuột rúc liên hồi bà Giáo mừng lắm. Bà vốn tin hễ có chuột rúc là có tin mừng. Trước đây, thoát mỗi khi nhận được quà bằng hữu nước ngoài gửi về, bà Giáo lại sức nhớ rằng hôm trước (hoặc mấy hôm trước) nhà có vang tiếng chuột rúc. Kể đó nhà mỗi khi vang tiếng chuột rúc là bà có ý chờ giấy nhà bưu điện báo tin tới nhận đồ. Rồi vào những ngày thật túng quẫn, bà thường nghiêng tai nóng lòng đợi được nghe tiếng chuột rúc. Lần này bà nói với chồng:

– Anh có nghe thấy không, chuột rúc từng bưng, chắc chắn chuyến đi này của con nó êm đẹp. Con nó có đến hỏi ông thầy đường Trần Bình Trọng, ông nói rằng chuyến này đi trôi chảy.

Con nó cũng có đến lễ chùa Pháp Hoa, cũng được thượng tọa chủ trì chùa đó nói là chuyến đi này tốt lắm. Lần trước vào đêm trước ngày đi Hoa tổ chức bữa nhậu thịt bò xào lẫn với mấy người bạn thân và lũ em, hôm sau lại đưa cả nhà đi ăn phở coi như bữa phở tiễn hành. Như vậy là không được! Lần này tuyệt nhiên không làm gì, coi như vợ chồng Hoa vẫn ở nhà, chỉ đi chơi đâu đây rất gần, thế mới được, chuyến đi như vậy mới trót lọt.

Trong khi bà nội luôn luôn niệm Phật, bà Giáo đi lật đật và vấp vào bất kỳ cái gì hơi cao một chút (bà có nhìn thấy gì đâu, bà chỉ nhìn chăm chăm vào cái giây phút sầu khổ hai con bà rút ruột bà ra đi), thì ông giáo cũng luôn luôn lòng nhủ lòng để tự an ủi: “Tuổi trẻ phải có tương lai, phải tranh thủ thời gian mà

học hỏi đủ thứ, chúng nó đi là phải, nhất là thằng Lịch đã bị xóa tên trong hộ khẩu. Ở cái xã hội khắc nghiệt này mà không có tên trong sổ hộ khẩu thì sống cũng như chết thôi. Chúng nó phải đi, không có cách nào khác!”

Ông Giáo không chỉ nhủ lòng có thể, dòng tư tưởng của ông còn khơi rộng thêm nhiều, vẫn là để tự an ủi cảnh sinh ly nào nể sắp tới: “Gia đình nào bây giờ cũng thế thôi. Cứ việc xé lẻ ra, người nào đi được thì đi. Cha mẹ già yếu thúc giục các con ra đi bằng được, vợ thúc giục chồng hãy đi lập tức khi vừa có dịp, ngày đoàn tụ sẽ tính sau; người cha, người chồng ở những trại tập trung cưỡng bách lao động nhan nhản trên khắp các ngã đường đất nước được bí mật nhắn cho hay tin toàn thể vợ con hay một phần gia đình đã đi thoát, thì mắt sáng lên, bụng

mừng rơn, nhẹ hẫng người.

Ông Giáo còn biết chuyện một ông cậu ở ngoài Bắc vô Nam rắp tâm sẽ trách mắng một thằng cháu có sáu con mà cho đi tất, nhưng vào tới Nam, ông là người cởi mở sáng suốt, quan sát những vang bóng một thời của người miền Nam (hoặc đã sống lâu ở miền Nam), ông thông cảm ngay với thằng cháu mà nói rằng:

– Bây giờ thì cậu thấy rằng cháu đã hành động đúng.

Ông còn căn dặn thằng cháu:

– Ở nhà, cháu hãy ít giao du để tránh trường hợp bị họ gài người vào giăng bẫy. Ra đường, gặp người lạ tung lời phản động, chớ vội bắt ngay kéo như ếch vô hoa mà mắc phải lưỡi câu, thiếu

gì những công an ngầm chuyên làm việc đó.

Sau này nếu có cuộc bầu cử, dù là cử tri được bầu trong phòng kín cũng đừng bầu ngược với chỉ thị. Cháu đừng tưởng họ không biết, vì trong khu phố, hay trong làng xã, họ đã điểm sẵn những người khả nghi, phiếu bầu họ điểm nhiên phát đã có mật mã riêng cho mỗi người, khi kiểm phiếu họ khám phá ra ngay. Cháu mà bị ghi vào sổ đen thì không còn làm ăn gì được với họ đâu.

Tuổi trẻ phải có tương lai – ông giáo trở lại điệp khúc tự nhủ – chúng nó phải đi là phải, càng sớm càng hay, đi được đứa nào hay đứa đó!

Bố thương Thiện biết là chừng nào, kém gì mẹ đâu, Thiện quý bố, gần gũi với bố kém gì mẹ đâu, vậy mà sao thủ thủ

nói chuyện đi với mẹ, với bà nội (cũng là cách gián tiếp chào từ biệt) thì được, với bố thì chịu, không biết nói gì, không biết nói sao. Đành vậy! Và quả thật cho đến lúc theo chị xách chiếc túi nhỏ ra đi, Thiện vội vã đi thẳng không dám nhìn chào bố lúc đó ngồi ngay bên dương cầm. Chị Hoa cũng vậy. Và cả hai chị em suốt đêm trước không hề chợp mắt.

Ngày hôm đó bà giáo nghỉ trông trẻ, bảo ba má lũ nhóc giữ chúng ở nhà. Hoa Lịch đã chọn ngay nhà mình làm trụ sở cho một tổ gồm mười lăm người, đi làm năm bận, mỗi bận ba người. Giờ khởi hành: 8 giờ sáng. Cứ từng tốp ba người lần lượt tới phiên được báo thì lẳng lặng đi, chuyến cuối cùng dự định vào khoảng sáu giờ chiều. Hai chị em Hoa Thiện đi vào chuyến thứ nhì lúc mười giờ sáng. Ngồi bên dương cầm, ông Giáo

kín đáo nhìn hai đứa con cố làm bộ bình tĩnh ngoe nguẩy đi ra khỏi cửa. Tuy ngao ngán, náo nức, ông vội vã lên gác để kín đáo theo dõi con gái, con trai dọc theo đường hẻm. Hai đứa đi quá nhanh, ông chỉ kịp bắt hút chúng chừng vài giây, chúng đã rẽ khuất dạng vào đường lớn. Trên gác lúc đó bà nội đang lâm râm đọc kinh Phật, bà Giáo đương vá quần, Chu (cô em gái) đương đọc sách, tất cả cố làm ra vẻ bình thản. Ông Giáo không báo là hai đứa đã đi để mọi người nghĩ là chúng còn ở dưới nhà, cuộc sinh ly chưa tới. Riêng lòng ông hoang vắng, ông bước ra cửa dọc theo hẻm ra đường lớn, cả Sài Gòn cũng như vắng hoe, gió hắt hiu, mây giăng mắc.

Bây giờ thì bà nội niệm Phật cầu nguyện thường xuyên . Bữa cơm chiều không ai ăn, mỗi người ngồi hay nằm

một xó cổ thu nhỏ người lại, gương mặt đăm chiêu. Hôm sau cơm thối một bữa mà ăn cả bữa chiều, không hết, vẫn còn cơm nguội. Có tin do những người lái ghe taxi về báo là chuyến đi rất trót lọt, thuyền vượt khu cổ chai thoát ra biển Soài Rạp. Máy nổ rất êm, thuyền đi rất nhanh.

Quả thực chuyến này Lịch đích thân xông vào can thiệp và tổ chức ở mọi khâu nên chi sơ xuất vẫn còn nhưng ít hẳn. Trước hai ngày đánh (xuất phát vượt biên) Lịch cho gom hết vật dụng, thuốc men, thực phẩm chất vào một ghe chở đi trước, đậu ở một bến riêng đợi. Người đi – tập trung ở nhiều địa điểm – ra đi từng tốp ba người, xuống ghe taxi tại nhiều địa điểm khác nhau rải rác. Một ghe bầu (ghé khá lớn, bên trên phủ lá ngụy trang) được buông neo vào một khúc

sông thuận tiện nhất. Vật dụng thuốc men, thực phẩm, người, được chở tới tập trung hết tại ghe bầu. Thuyền lớn xuất phát nhẹ thênh tới đó lái ráp vào, người và tất cả vật dụng tự ghe bầu chuyển lên, rất kín đáo. Kế đó thuyền tiến vào vùng cỏ chai thoát ra biển vào giờ thuận tiện nhất, không có tàu công an tuần canh, và ở phía đối diện ra xa với đồn công an có tàu tuần canh đậu, dĩ nhiên là phải vào ban đêm rồi, thường là vào khoảng nửa đêm. Trên thuyền lớn, Lịch dự trữ một ngàn lít dầu và sáu trăm lít nước ngọt, ngoài gạo mẩm, còn một số lương khô của quân đội Trung Cộng, ăn một cái bánh, uống một ly nước có thể no nửa ngày. Lúc vượt cửa biển, Lịch cho thuyền chạy theo góc 130 – độ hải bàn, kế đó theo góc 150 độ để ra hải phận quốc tế. Lịch nhất định điều khiển thuyền theo hướng Tân Gia Ba – Nam Dương, hết

sức tránh sát vào phía vịnh Thái Lan – Mã Lai. Hải trình của Lịch tuy xa nhưng bảo đảm được nạn hải tặc.

S

Sau chuyến xuất phát của Lịch Hoa có một ngày tới chuyến xuất phát của đám người bên gia đình nhà chồng Quỳ.

Quỳ, cô em gái ông đã cho cả ba đứa con còn lại của vợ chồng mình đi chuyến này. Chuyến đi do chính Quỳ cương quyết thúc giục. Nguyên do Quỳ thấy ông nội lữ trẻ yếu quá rồi, cụ ăn ít dần, chỉ ăn được nước súp hay sữa, thỉnh thoảng phải tiêm thêm nước biển. Da cụ

trở thành vàng ệnh, thị sút đi trông thấy, cụ rên la gằn như suốt ngày đêm chẳng khác gì người bị ung thư. Rồi cụ hoàn toàn mất tri thức chỉ còn như một xác sống, tới bữa đổ nước súp, nước sữa vào miệng cho cụ. Cả đám con cháu bịn rịn không dám ra đi. Một cuộc họp toàn thể gia đình được triệu tập. Quỳ phát biểu giữa đám em chồng, em rể, em dâu:

– Chính khi ba còn tỉnh táo, ba luôn luôn thúc giục con cháu hãy ra đi càng sớm càng hay. Bây giờ cụ như ngọn đèn hết dầu, bắc lụi dần, tắt lúc nào không biết. Việc sông biển là việc lớn, đám con cháu đành phải coi như chạy đua với tử thần (tới đón ba) mà ra đi ngay. Đợi cụ nằm xuống, thọ tang xong, thì theo như các cụ xưa, vận áo xám xui lăm đó, việc ra đi trên sông biển khó thành công lắm đó. Và lại các cô các chú còn việc gì thắc

mắc nữa. Ba năm xuống đã có vợ chồng tôi ở nhà lo liệu, mọi sự trôi chảy mà. Các cô chú hãy cho các cháu đi ngay, vợ chồng chúng tôi chỉ nhờ các cô chú có một việc là trong nom dùm ba cháu của chúng tôi. Các cô chú thu xếp cho ba đứa này sống đoàn tụ một nhà với thằng Tú, em út của chúng nó đã ở bên đó (Hoa Kỳ), các cô chú điều khiển thật cẩn thận việc học hành cho chúng nên người, giả nghĩa ba xong, vợ chồng tôi và má sẽ tính chuyện đi sau. Các cô chú cứ yên chí!

Cuộc họp giải tán, mọi người quyết định ra đi gấp. Má (bà mẹ chồng) cười tươi và hiền hậu, cụ ngừng nhai trầu cất lời khen Quỳ:

– Gớm, ít khi má thấy chị Cả nói hăng và cương quyết như hôm nay!

Cụ chớp mắt, gương mặt thoáng vẻ

lo lắng, sau cùng cụ nói:

– Giá như anh chị để một con Vân ở lại thì hơn.

Quỳ biết – thâm ý cụ muốn nói là nhờ có thế nào thì ít ra cũng còn lại một đứa bên mình. Quỳ cũng biết mình đã liều đánh một ván bài tận lảng, thôi thì bây giờ cũng chỉ còn biết hồi hộp và cầu Trời khẩn Phật thôi chứ còn biết sao.

Quỳ sở dĩ tha thiết cho các con vượt biên bằng đường biển vì hình như do trực giác Quỳ thấy đường biển hợp với các con mình hơn, chứ đường bộ (qua biên giới Miên) với đường biển thì cũng đều gian nan, cực nhọc, tính mạng treo leo trên đường tơ sợi tóc như nhau thôi. Cũng có thể Quỳ tha thiết cho các con vượt biên bằng đường biển vì trước đó ít lâu chồng một người bạn thân (cùng dạy

một trường với Quỳ) đã vượt biên thoát bằng đường biên giới Miên. Từ một trại tỵ nạn tại Thái Lan, ngưỡng chồng biên thư về cho vợ qua tay một người bạn ở Pháp (ở bất kỳ một trại tỵ nạn nào, người Việt Nam tỵ nạn chưa được quyền viết thư hay đánh điện về Việt Nam). Bức thư viết ở Thái Lan ngày mừng 5-4-1980, qua Pháp rồi tới tay người vợ (bạn Quỳ) ngày 17-6-1980, hơn hai tháng mới nhận được. Quỳ được chị bạn cho đọc bức thư để được biết thêm một phần nào những thảm cảnh trần ai mà những người vượt biên bằng đường bộ đã trải qua. Khởi hành ngày 20-4, qua biên giới lại một lần xét hỏi gần đứng tim, 6 giờ chiều đến bến đò Neak Luong, ngủ lại một đêm. Hôm sau ngủ cách Battambang hai mươi cây số. Hôm sau đến gần Battambang thì bị giữ lại, chút xíu nữa thì bị giam nhưng cũng điều đình xong, mất

một cây (một lạng vàng.) Ba giờ chiều ngày 2-4 đến Sisophon, 7 giờ tối đã phải lên đường ngay. Hoàn toàn đi bộ, băng rừng vượt suối, cỏ tranh đâm vào chân đau buốt, Đói không có ăn, khát uống nước bùn, mệt nằm lăn xuống ruộng mà ngủ, hai chân gầy như lết không nổi vì hai bắp chuối cứng đơ xưng vù. Phải trải qua như vậy hai đêm một ngày, tránh né đủ mọi lực lượng, cái chết luôn luôn theo sát một bên. Tới Sisophon dám vượt biên được giao cho bốn người địa phương dẫn đường (không bị họ cấp duồn – cắt đầu người Việt – là may đấy).

Nhưng khi còn cách biên giới Thái Lan khoảng hai mươi cây số thì bị một bọn cướp chặn đường, mất sạch kể cả cặp mắt kính đọc sách. Bọn cướp bắt mọi người quỳ xuống, cởi hết quần áo ra trần như nhộng, khám xét từ kẽ răng

chân tóc, nòng súng lục dí vào gáy, nòng súng mới bắn chỉ thiên còn nóng hổi. Lấy xong xuôi chúng để lại mỗi người một bộ đồ, ít thứ lặt vặt cùng thuốc men và chỉ đường cho đi Thái Lan. Mười hai giờ đêm bốn người vượt biên xơ xác, rã rời, cơ hồ ai cũng muốn khuyu xuống mà xỉu đi cho rồi, thì được biết đã sang biên giới Thái Lan. Bốn dẫn đường đem cả đám đến trình diện tại đây là bốn người Miên đưa đường đã bán đứng người Việt để đổi lấy mỗi người một bao gạo 100 ký. Lại một màn lục soát ở trại ngoài, ít đồ còn lại bị tước đoạt thêm một lần nữa rồi được dẫn vô trại trong, lại một màn lục soát và tước đoạt kế tiếp liền, tất cả phụ nữ bị hăm hiếp hết, cưỡng lại bị bắn chết ngay, trong nhóm cùng đi có một cô la hét kháng cự bị nổ súng vào đầu, chết ngay tại chỗ. Đói, khát, cá sấu, rắn rừng, rắn rết, đĩa, vắt, voi, hùm, beo, rồi người

(còn tàn bạo gấp ngàn lần hơn tất cả những giống vật trên hợp lại) đều không thành vấn đề, người đi tìm tự do phải có một ý chí sắt đá chỉ biết tiến không lùi mới thành công được...

Phần cuối bức thư người chồng báo cho vợ hay là đã được sang trại tỵ nạn của Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế tại biên giới Miên Thái, chưa được vào nội địa Thái Lan, vì Thái Lan mới đóng cửa biên giới. Mấy dòng cuối thư người chồng căn dặn vợ chờ bảo lãnh hãy đi, đàn bà con gái chớ đi.

“Em hãy tin tưởng, anh sẽ xin vào Tây Đức nơi đây thủ tục bảo lãnh chóng hơn cả. Thương nhớ em và các con nói sao cho xiết. Hôn em và các con ngàn cái, thêm cho bé út một trăm cái nữa.”

Thấy Quỳ đã đọc xong người bạn tỉ tê tâm sự:

– Ngay khi đọc xong bức thư của anh ấy và sau này mỗi lần ôn lại, bao giờ cũng vậy, thoát tôi cảm thấy lòng mình sôi động công phần như một người đàn ông hung hăng nóng tính muốn đập phá, muốn đập đổ một cái gì, rồi sau đó là những cảm giác tản mạn lộn xộn, nhưng có tác dụng làm cho lòng mình dịu đi như cả một khối nước ùn tới được thoát ủa vào những ngả sông, lạch, kinh, mương. Có điều kể từ lúc tình cảm công phần sôi động đến lúc bàng hoàng dịu dần đi, bao giờ cũng trên cái nền âm thanh tiếng la hét khạc cự của cô gái bạc mệnh bị tên lính Miên bắn chết.

– Điều đó đúng chị ạ – Quỳ góp ý – chính tôi khi đọc xong bức thư cũng bị ám ảnh hoài đúng cái điều chị nói. Có lẽ

tại chúng mình là đàn bà chị ạ.

Người bạn tiếp nối câu chuyện:

– Thoạt là tôi muốn găm thét lên:
 “Con người với người mà khốn nạn, đê tiện, đê mạt, ti tiện như vậy sao, tàn độc đến gấp ngàn lần ác thú như vậy sao? Gặp những người hoạn nạn bị đẩy đến bước đường cùng phải bỏ tài sản và bao nhiêu người thân dứt áo ra đi, đã không giúp đỡ người ta được gì thì quay mặt làm ngơ đi, nỡ nào còn bóc lột, tước đoạt, hãm hiếp và hạ sát.

Một nụ cười thoáng hiện nửa chua chát ủ ê nửa nhẹ nhàng thanh thoát và người bạn tiếp:

– Nhưng rồi con sông đầu tiên giúp tôi giải thoát khỏi lượng căm hờn là tiên trách kỷ hậu trách nhân chị ạ. Đất nước

chiến tranh ba mươi lăm năm trời; anh em nội chiến cốt nhục tương tàn từ sau 1954 đến nay một phần tư thế kỷ có dư rồi; thống nhất đất nước năm năm rồi, người ra đi hàng triệu, bỏ xác nơi đáy biển sơ sơ khoảng mấy chục ngàn người, niềm đau nhức thống khổ làm xúc động cả thế giới, mình đối với mình như thế đấy đòi chi người dân Miên, người lính Miên xử với mình tử tế? Rồi chính những người Miên với nhau, Khờ Me đỏ thanh toán Khờ Me trắng, giết nhau trong hai ba năm xấp xỉ bằng cả một cuộc nội chiến Việt Nam trong hai mươi năm, thế giới tự do phải la làng lên là cuộc chiến tranh diệt chủng. Mình như vậy, người như vậy, trách ai?!

Người bạn nín bật giây lâu.

Quỳ đưa mắt nhìn bạn không bằng tia nhì lơ đãng nữa. Tới lúc đó Quỳ mới

nhớ thêm rằng chị bạn thân của mình trước đây dạy Triết lớp mười hai, tới ngày “cách mạng” chị được ủy cho dạy Văn. Dạy văn chương đúng một năm, chị nhất định từ khước, xin làm văn phòng, rồi trông nom căng-tin cho trường, rồi hoạt động trong ban lao động. Lương tri, sự liêm khiết trí thức bị xúc phạm quá nhiều khi phải dạy Văn hay Sử ở chế độ này, chị bạn không kham nổi. Mới từ niên học năm ngoái chị bạn trở lại làm giáo viên giảng dạy, chị dạy Pháp văn (chị là nữ sinh cũ trường Marie Curie). Quỳ nói với bạn theo dòng suy tư của mình, vì vậy thoát nghe tưởng như lạc đề:

– Ô tôi biết chị vốn thẳng thắn ghét gian dối.

Người bạn tiếp:

– Nước Thái Lan theo đạo Phật là quốc giáo. Các nhà lãnh đạo Thái Lan đã tránh cho dân bao lần khỏi hiểm họa chiến tranh. Phe khuynh hữu lên thì tiến phe tả ra chiến khu. Phe khuynh tả lên cũng chẳng hề tàn bạo với phe khuynh hữu. Thủ đô Bangkok, tôi đã một lần qua thăm vào dịp dự một hội thảo giáo dục Đông Nam Á, rộng ngút ngàn, rộng hơn Sài Gòn nhiều, có khu như hệt New York, người dân Thái thật hiền hòa dễ thương, mà sao lại sinh đám hải tặc nọ cũng cướp bóc, cũng hãm hiếp, đôi lần cũng cắt cổ những người vượt biên khổ khổ nạn đã từng trải qua trăm cay ngàn đắng từ lúc còn ở trong đất liền đến lúc lênh đènng ngoài biển cả.

Quỳ góp ý:

– Thôi cứ cho là nghiệp chương đi, cái nghiệp của người Việt phải là nặng

lắm mới đến nông nổi chịu thảm cảnh chiến tranh trên ba mươi lăm năm rồi mà còn “lai rai nhấm nháp” như vậy chưa biết bao giờ mới dứt hẳn.

Người bạn cười – lần này vui hơn buồn:

– Ấy, chuyện trò giữa đàn bà như mình cứ hay lý luận như vậy cho... tiện sổ sách. Tuy nhiên đã có đôi lần tôi đặt thềm một câu hỏi lịch sử nếu như các nước khác chạy nạn Công sản như mình bây giờ, trong khi Việt Nam an hưởng thái bình, liệu mình có chặn đường ăn cướp, bóp cổ mổ hầu hãm hiếp trên bộ dưới thủy như vậy? Nếu quả có thì chị ạ tôi ưng thà làm nạn nhân như thế này còn hơn. Người mà độc ác hơn cầm thú kém xa cầm thú lắm lắm. Rồi tôi đâm ra nghĩ lan man: Dĩ nhiên vai trò của giáo dục là quan trọng, giáo dục ra sao đây để

cho con người sáng ngời chất người. Giá trị một cá nhân cũng như giá trị một xã hội, chị ạ, tôi nghĩ được định mức ở ngay chỗ họ biết quý con người, tôn trọng con người đến mức nào. Giá trị nhân bản là thế chứ còn là gì nữa, phải không chị?

Câu chuyện đến đây thì hai người sửa soạn chia tay. Quỳ còn nhớ lắm, người bạn kết thúc vẻ mặt hơi cong cớn:

– Cường quốc hay siêu cường cũng vậy thôi, định mức ở chỗ đó. Nhân bản mà!

Rồi hai người chia tay. Nhưng câu chuyện vừa qua còn để hơi ấm lại, dư âm lời nói thống thiết về giá trị con người, giá trị nhân bản còn vang vang bên tai Quỳ. Và Quỳ quá xá đồng ý với bạn. Sở dĩ Quỳ không tô đậm thêm vì thấy không cần thiết đó thôi. Cứ để lời nói của bạn vang

lên trong đơn độc nghe lại càng tròn trịa càng thống thiết hơn.

Thuở còn nhỏ, vào năm có cuộc Cách mạng tháng Tám (1945), Quỳ có giọng hát hay. Năm 1946, vào trước ngày xảy ra cuộc toàn quốc kháng chiến, Quỳ được trao giải nhất về ca tại một buổi trình diễn văn nghệ toàn huyện. Năm đó Quỳ mới lên chín. Thế rồi toàn quốc kháng chiến với bao lo âu của gia đình tản cư chạy giặc. Về kinh tế lo sao có đủ gạo ăn, nếu không ít ra cũng đủ cháo ăn; về mạng sống lo sao không ai là nạn nhân của bom rơi đạn lạc; về học vấn Quỳ tiếp tục theo lên trung học, học đêm ở trường bên kia sông. Sau bữa cơm chiều sáu giờ, Quỳ cắp sách theo đường ra bến đò mang theo chiếc đèn dầu lạc, lớp học trong xa như một buổi lễ tế sao của nhà đám nào. Mấy năm kháng chiến cách

ngõ vất vả, quay cuồng, đen tối như vậy trách nào Quỳ chẳng quên khuấy chính giọng ca của mình.

Khi theo gia đình bỏ dở cuộc kháng chiến vào Hà Nội, Quỳ tiếp tục học, thi xong Trung học đệ nhất cấp. Di cư vào Nam, Quỳ tiếp tục học lên Tú tài rồi Đại Học Sư Phạm, rồi tốt nghiệp thành giáo sư Anh văn. Rồi Quỳ lấy chồng, rồi Quỳ có con trong khi vẫn tiếp tục nghề giáo, Quỳ hoàn toàn quên khuấy giọng ca của mình, hoàn toàn quên khuấy mình trước đây đã giật giải quán quân về ca trong toàn huyện đem lại vinh dự cho làng.

Cho đến sau ngày “giải phóng” miền Nam được dịp tái ngộ những anh em bà con bằng hữu cùng làng cùng lứa tuổi, nghe họ ôn lại chuyện cũ xưng tụng mình “đệ nhất danh ca” của làng xưa, Quỳ mới giật mình và cố ôn lại thời xa

xưa đó. Quỳ có cảm tưởng thời thơ ấu mờ ảo trong màn sương dĩ vãng đó ở vào một tiền kiếp nào. “Đệ nhất danh ca của làn xưa.” Sao từ ngày ấy đến nay mình chả bao giờ cất tiếng hát. Kỳ thật! Quỳ không tự kiểm soát sâu để thấy rằng tuy mình không hề cất tiếng hát nhưng lòng yêu nghệ thuật vẫn còn đó, rất bén nhạy.

Đã hai lần Quỳ đi lòng mua piano cho xe về nhà anh (ông Giáo,) để anh và đám con cháu yêu nhạc (nhưng chẳng bao giờ dư tiền) có được phương tiện giải trí tao nhã một khi công việc tinh thần làm cơ thể mệt mỏi. Lần thứ nhất thất bại, mua phải chiếc dương cầm bị mối xông, phải bán tốc bán táng ngay, mất nửa tiền. Lần thứ hai thành công mua được chiếc dương cầm Đức, âm thanh tròn ấm. Chính vào lần này Bích tổ vừa đủ lớn để được bác võ lòng cho về dương cầm và

khi bác vào tù thì viên ngọc phác (năng khiếu của Bích tổ) đã được giải thoát khỏi lòng đá và trau chuốt cho ngày một sáng đẹp. Quỳ sung sướng vô cùng, thỏa thuê vô cùng khi nghe tiếng đàn của con mà không ngờ rằng trạng thái tinh thần sung mãn đó là do chứng kiến thấy tiềm năng nghệ thuật nơi mình được thể hiện phơi phơi nơi con.

Tuy nhiên, việc thẩm định nghệ thuật Quỳ giữ vững sở thích riêng. Vào những ngày Bích tổ đã tập xong trọn vẹn một bài, Bích tổ cười toe toét nói với mẹ: “Để con uýnh cho mẹ nghe!” Đây toàn là những bản nhạc cỡ trung đẳng của những khuôn mặt cổ điển lớn trong các tập *Classiques Favoris du Piano* 4, 5, 6. Có khi nghe con uýnh dứt bài Quỳ mới phê bình bản nhạc theo sở thích, nhưng thường là nghe con đánh đến đâu mẹ

điểm xuyết phê bình ngay đến đây: Ô chỗ này như vẽ bùa âm thanh, tao không thích. – À, chỗ này được đó, thanh thoát lắm! – Ủa, tiếng đàn mạnh như búa bổ tao không khoái – À, à... được đó, nghe riu rít như chim ấy hả!” Qua cách thẩm âm và phê bình trực tiếp của Quỳ, đám con cháu (về sau cả ông Giáo nữa) cùng khám phá ra rằng Quỳ có một trực giác rất bén nhạy để khám phá ra đoạn nhạc nào nặng nề về kỹ thuật, đoạn nhạc nào tình cảm được trau chuốt, kỹ thuật giữ đúng việc phục vụ ở thể quân bình “chủ tài tứ giỏi”.

Một lần vào thời “ngụy” (trước 1975,) Quỳ cùng một số giáo sư Anh văn được mời tới thăm mấy trường Sư phạm miền Trung. Khi xe đồ qua quăng có rừng dừa Tam Quan, tháp Chàm Bình Định, Quỳ chợt thấy lòng buồn như có bóng tối đổ

xuống, như có máu đào xương trắng của kẻ bị trị rồi đồng hóa. Quỳ tưởng như mình đang ngồi dưới bóng dừa nghe khóm trúc lao xao gần đấy trong cơn gió nhẹ và cảm thấy cả đời người cũng lẹ như thoi đưa thôi.

Quỳ dạy Anh ngữ lớp 12, lớp thi Tú tài, cũng như ngày xưa Quỳ hát mà thôi. Quỳ dạy hay và dạy tận tâm chu đáo là dư luận của đám học trò đương học hay đã rời trường từ lâu, còn chính Quỳ không hề để ý đến cái đó, ông Giáo cũng không hay, lũ con cháu Quỳ cũng không hay. Ông Giáo chỉ nhớ thỉnh thoảng cô em mình có tới hỏi mượn hoặc mượn thêm tài liệu bổ túc về các thời kỳ văn học Anh. Một lần Quỳ đã thảo luận rất tỉ mỉ với ông về kịch nghệ Anh trước Shakespeare, đương thời Shakespeare và sau Shakespeare. Quỳ đã ghi vào sổ tay

giảng dạy: “Hình ảnh ông vua Anh dưới ngòi bút Shakespeare thực sống động và gợi cảm, gây nơi độc giả một ấn tượng không một cuốn sử ký nào làm nổi. Cho hay sự phong phú và sinh động của cốt truyện có tác dụng thật tốt đẹp dù với đám khán giả và độc giả bình dân ít học.

Một lần khác, Quỳ cùng ông Giáo tìm hiểu về các thi sĩ nhóm Siêu Hình và nhóm Bảo Hoàng thế kỷ thứ XVII; một lần khác nữa đặc biệt về thi sĩ A. Pope thế kỷ XVIII, thời kỳ văn học cổ điển Anh.

Có những học trò cũ của Quỳ xuất ngoại theo đại học ở nước ngoài gửi những hộp đồ đủ các loại cần thiết để gọi là tỏ chút lòng nhớ ơn dạy dỗ của cô.

9

Phương (chồng Quỳ) rất mến Hoa, hai chú cháu rất hợp nhau. Một lần Phương tới gặp ông Giáo (sau ngày cả đám của hai gia đình đã ra đi) Phương đều nói:

– Chắc hẳn chuyến này thành công anh ạ, anh có thấy đúng như mẹ nhận xét, ảnh nào của cháu chụp vào ngày cưới, mặt nó cũng tươi thật là tươi, nhất là ảnh màu. Không thể gặp xui được!

Nghe em kể nói lần nào ông Giáo cũng gật đầu phụ họa:

– Tôi cũng thấy lòng êm ả lắm, và lại trời mấy hôm nay, mặc dầu đã vào đầu mùa mưa, trông đẹp vô cùng.

Đúng vào dạo này cả Sài Gòn chỗ nào cũng chỉ thấy nói đến chuyện đi. Gặp nhau hỏi gia đình đã đi được những ai, bản thân đã tính đến chuyện đi chưa, bao giờ đi. “Thứ nhất nhà đá (bị công an bắt), thứ nhì cá ăn!” Đó là khẩu hiệu chung của những người cương quyết ra đi, chấp nhận mọi rủi ro cực khổ để đổi lấy tự do, tìm lại nhân tính, sống lại nhân phẩm. Do đó những giai thoại của những chuyến đi được truyền miệng rất nhanh chóng. Có biết bao nhiêu chuyện rùng rợn ly kỳ tưởng như huyền thoại vậy mà đó chính là những chuyện đã được tường thuật trên báo chí và đài phát thanh quốc

tế với những chứng hiệu chính xác đầy đủ.

Chuyện mấy mẹ con chỉ bạn có bộ đồ tắm lênh đênh giữa biển cả mấy ngày liền trên một chiếc thuyền thể thao nhỏ, khi được tàu ngoại quốc vớt, da người cháy phỏng, mấy đứa nhỏ đều thiếp lả. Người mẹ Việt Nam vượt biên đó được bầu là “Người đàn bà can đảm nhất thế giới.”

Chuyện một em nhỏ cũng trải qua những gian nguy trăm cay nghìn đắng không kém, đơn thương độc mã vượt biên được bầu là “Đứa trẻ can đảm nhất thế giới.”

Vào tháng ba năm 1979 chính quyền còn thực thi cái trò cho đi bán chính thức, thoạt là 12 cây (mười hai lạng vàng) mỗi người, sau xuống tám cây, một nửa

chính phủ lấy, một nửa cho nhóm chủ tàu có công tổ chức. Dư luận quốc tế coi đó là dịch vụ bán thủ xuất cảng người, vàng chính phủ thu, người quảng ra cho quốc tế nuôi. Dịch vụ “xuất cảng người” phải tạm hủy mặc dầu hàng vạn người đã đóng tiền, đóng vàng (giữ biên lai chính phủ hẳn hoi) đợi ngày đi. Tàu của dịch vụ đi bán chính thức đóng rất cầu thả, chính những người có trách nhiệm tổ chức dịch vụ này cũng sợ không dám cho người nhà mình đi. Một vụ đắm tàu bi thảm đã được nhắc nhở nhiều. Tàu đi bán chính thức đó đã chở trên ba trăm người, gấp đôi số người ở mức an toàn bảo đảm.

Tàu ra khơi trong đêm tối chẳng may va vào cồn cát. Vì tàu đóng cầu thả, một khoảng mũi tàu bị nẻ đôi, nước ủa vào vô phương cứu chữa. Một số lớn nạn

nhân bị sóng cuốn đi ngay. Mọi người hè nhau cố bám vào những mảnh thuyền. Trời rạng sáng những người bơi giỏi đã dùng dây chèo cố kéo tập trung những người lênh đênh sống sót (vì đã bám được những mảnh ván) vào khoảng cồn nổi cao nhất, có thể đứng mà nước không ngập tới ngực. Vừa lúc đó một bà đau đẻ. Bà cũng đã tự biết đến tháng ở cũ những vì tới phiên báo cho đi nên bà cứ đi. Nghe lời bác sĩ, bà mang theo chiếc kéo cắt nhau, dự phòng trước việc sinh đẻ ngay trên chiếc tàu chở người đi bán chính thức.

Không dè tàu đắm. Bốn đứa con đi theo bà, đứa nhỏ nhất sáu tuổi đã bị nước cuốn vào lúc tối trời đêm qua, giờ đây bà lại đau đẻ. Một thanh niên vốn ưa thể thao, rất tháo vát đã tìm được một mặt bàn tròn trong chiếc tàu bị đắm. Anh đặt

người sản phụ nằm trên mặt bàn như trên một cái bè xinh. Chũng mười người vây xung quanh giữ cho mặt bàn khỏi trôi đi. Tới lúc đó người sản phụ mới trao cho người thanh niên chiếc kéo cắt nhau mà bà mang theo và còn giữ được. Rồi bà đẻ như người... biểu diễn đẻ, mười người quây quanh giữ mặt bàn như một bộ tham mưu hùng hậu các bác sĩ sản khoa phụ tá cho một bác sĩ trẻ biểu diễn đỡ đẻ giữa một bối cảnh mênh mông chập chùng màn trời chiếu biển. Thế rồi dĩ nhiên bà đẻ thật, dĩ nhiên người thanh niên cắt và buộc xong nhau, một người trong “bộ tham mưu” đỡ đẻ lấy một chiếc áo ướt (dĩ nhiên) quần lấy đứa hài nhi khóc át tiếng sóng và gió biển và trao cho một ông ngồi trên một chiếc phao sấm ô tô duy nhất mà ông vớ được. Ông ôm mà chả cần hát ru, sóng biển đu đưa thành vồng, đứa trẻ thiếp ngủ, đến chiều

thì có chiếc tàu tuần cảnh của công an qua đó vớt.

Hơn ba trăm người trên chiếc tàu bị nạn chỉ còn hơn một trăm người sống sót. Sau khi vớt, tàu công an đưa họ về Mỹ Tho. Nơi đây vì đã biết họ là đám người ra đi bán chính thức quân đội cử một quân nhân lái xe jeep tới kho lấy một số quân trang phát cho các nạn nhân vừa đói vừa rét. Tới lúc đó nét kinh hoàng mới thoáng hiện trên khuôn mặt can trường của người sản phụ khi bà giờ tay bế đứa con và cũng tới lúc đó cặp mắt bà mới long lanh ứa lệ khóc đứa con lên sáu bị hải thần cướp đi. Qua loa phóng thanh đài Hà Nội đương báo tin một phái đoàn nước xã hội chủ nghĩa anh em tới lăng viếng Bác. Một người nói đùa: “Thằng bé này đáng là cháu ngoan của Bác!”

Một thiếu phụ thoát chết khác thủ
thỉ nói với người đàn ông vừa nói đùa:

– Tôi đã trông một bức hình bố trí
chụp ông ta ngồi giữa đám thiếu nhi. Tôi
được biết cả đám lãnh tụ chớp bu ngoài
đó tìm thuật trường sinh bất lão bằng ăn
nhau hài nhi hoặc bào thai con so ba bốn
tháng, tán nhỏ hòa với bột nghệ. Ông
có biết không, từ đấy mỗi khi nhìn thấy
một em thiếu nhi quàng chiếc khăn đỏ
thắt nơ tôi lại rùng mình tưởng như em
đương bị yêu tinh cắt cổ có hai giọt máu
đỏ nhỏ xuống.

Câu nói đơn giản của người thiếu
phụ dư sức gợi hình gợi cảm, ai nấy bỗng
lặng ngắt như có rùng mình. Mãi sau đó
mới có người tiếp nối câu chuyện vui để
sưởi ấm lại bầu không khí:

– Việt Nam đã có người đàn bà can đảm nhất thế giới, đứa trẻ can đảm nhất thế giới. Thành bé này nhất định phải được vinh sùng là đứa hài nhi cường kiện nhất thế giới.

Một người khác phát biểu nhân đà câu chuyện:

– Quốc tế phải lấy ngày sinh của bé này làm ngày nhi đồng quốc tế, như vậy nhi đồng quốc tế mới tràn đầy sinh lực.

Lời một người khác tiếp nối:

– Theo thần thoại Hy Lạp, nữ thần Vénus sinh ra từ một bọt biển, tôi ngờ rằng nữ thần cũng đã được sản sinh trong một hoàn cảnh tương tự. Giá bé này là gái nhất định nó là vệ nữ thần tái sinh. Giá nó lại được một tàu Hy Lạp vớt nữa!”

Câu chuyện đã hoàn toàn được hâm nóng mỗi người góp một ý ngộ nghĩnh, tựu trung mọi người đều đồng ý đây là một trường hợp sinh nở triệu năm một thuở, nếu được một tàu ngoại quốc vớt, quốc tịch của nó sẽ là biển và trời nghĩa là cả vũ trụ, sau này quỹ tiền tệ quốc tế ắt có bốn phần cung cấp cho nó đi bất kỳ đâu nó muốn, kể cả những cuộc du hành lên hành tinh. Tiếc thay chẳng có một chiếc tàu quốc tế nào có mặt ở vùng biển đó lúc đó, đám người sống sót đành phải trở về Mỹ Tho với quái kiệt hài nhi.

Chừng hơn một tháng sau một số trong đám người sống sót đó lại vượt biên trong số có mẹ con quái kiệt hài nhi. Và lần này đám người đi thoát. Trên con thuyền vượt biên bà vẫn mang theo bốn đứa con: biển cả cướp đi một đứa

thì cũng trên biển cả bà sinh hạ một đứa khác.

Những chuyện dũng cảm không thiếu, những chuyện bi thảm càng không thiếu. Chuyện tàu vượt biên bị hải tặc Thái Lan nhốt sống trên một hoang đảo, thỉnh thoảng chúng lên hãm hiếp những phụ nữ. Mãi đến hơn một tháng sau mới có dịp đốt khói cho một phi cơ bay ngang qua biết mà gọi trực thăng Hải quân Hoa Kỳ tới cứu. Chuyện cả một chuyến tàu vượt biên khác cũng bị xua lên một hoang đảo, chết đói dần (có lời kể lại người sống phải ăn thịt người chết). Khi có tàu đến cứu mười phần đã chết chín. Chuyện cả một chiếc tàu bị đắm, phần thì bị chết đuối ngay, phần bơi cầm cự chết dần, sau cùng còn một thiếu nữ kiệt sức nằm thiếp trên một tấm ván làm phao được một trực thăng Anh tới cứu. Chuyện cả

một chiếc tàu vượt biên bán chính thức chạm thủy lôi bị đắm ngay ở khúc sông Cát Lái, thuyền tử nhân muốn ra cứu bị công an cản lại. Vài ngày sau còn những xác nạn nhân giạt vào bờ công an lục soát lại xác người, lột vòng vàng, nhẫn vàng, nhẫn kim cương, đô la. Dư luận cho rằng chính chúng bố trí chất nổ. Tàu này toàn dân giàu sụ Chợ Lớn.

Có những chuyện nhuộm màu sắc huyền bí. Một thuyền vượt biên đi vào một vùng biển thấy không biết bao nhiêu cánh tay giơ lên khỏa mặt sóng với những tiếng kêu ảo não: “Cứu tôi với! Cứu tôi với!” Được biết đó là những oan hồn của những người vượt biên chết đuối, mọi người trên tàu cùng niệm Phật, cầu Chúa, cầu Đức Mẹ, vùng ảo giác tan đi, trời biển lại nổi liền cùng một màu xanh.

Có những người trên một chuyến

tàu vượt biên nghe thấy vang lên từ mặt sóng trong đêm khuya: “Tôi là Hồng xin báo cho mẹ tôi ở số nhà... đường... biết là tôi đã chết đuối!” Trong đám vượt biên thoát có người viết thư về nhờ người nhà điều tra thì quả nhiên tại số nhà đó, đường đó có người mẹ có con gái tên Hồng đi chui (vượt biên) mất tích từ lâu.

Từ sau ngày chính phủ xã hội chủ nghĩa tạm tốp dịch vụ xuất cảng người bằng những chuyến đi bán chính thức, đám công an nào đó đã tổ chức những cuộc ra đi gài bẫy. Mọi người cũng góp vàng, cũng từng tốp nhỏ xuống ghe taxi chở đến thuyền lớn, thuyền lớn cũng thoát ra biển một cách lén lút vào lúc nửa đêm. Tại vùng cửa biển này, thủy thủ đoàn vẫy một chiếc ghe chợt ngang qua (thực ra tất cả đã được xếp đặt trước), nói với mọi người trên thuyền lớn là họ đi lấy thêm

nhiên liệu. Họ đông tuốt. Thuyền không người lái bập bênh trôi dạt theo chiều gió, tàu công an ập tới bắt, kéo thuyền về đồn. Tới đây mọi công việc chỉ còn thuận theo thủ tục thường lệ: làm danh sách; khám người; tịch thu vòng, nhẫn, tiền của rồi cho đi nằm ấp...

Trong số thuyền vượt biên của công an gài để lừa gạt này có một thuyền mà rồi đi thoát. Sau khi thủy thủ đoàn xuống một ghe nói là đi lấy thêm nhiên liệu, một khách vượt biên phát hiện ngay ra trò lừa đảo. Trên thuyền có một người trước ở Hải Quân, tuy không phải là hoa tiêu nhưng cũng biết qua loa cách xử dụng hải bàn định hướng tiến cho thuyền. Nhiên liệu thì còn nhưng thực phẩm không hề có, nước ngọt cũng khánh tận. Bốn ngày lênh đênh đói và khát, trẻ con nằm lịm, người lớn gần xỉu thì tới một

hòn đảo của Nam Dương. Một đứa con gái thoát chết viết về cho mẹ (bạn của gia đình ông Giáo):

Mẹ muôn vàn thương quý của con,

Mẹ ơi, con vừa thoát qua một chặng đường gian lao, nguy hiểm chưa bao giờ con dám nghĩ tới. Thật là khủng khiếp. Giờ đây viết thư cho mẹ trên hòn đảo vững trãi với đầy đủ lương thực tiếp tế mà con còn hãi hùng tưởng như vẫn còn đói khát, vẫn còn nghe thấy tiếng mê sảng của trẻ em trên chiếc thuyền không người bảo trợ, chỉ có vài thanh niên thiếu niên đứng ra chỉ huy và trấn an tinh thần mọi người đã kiệt quệ tới mức sắp té xỉu cả rồi. Mẹ ơi, đây là một cuộc hành trình táo bạo nhất, ghê gớm nhất, ngoài ý muốn, ngoài sức tưởng tượng của bất kỳ ai. Con sẽ nhớ mãi mãi, nhớ suốt đời mẹ ạ. Nhưng thôi, con chỉ kể sơ phớt như

vậy là đủ, quá khứ con xin được bỏ qua để bước sang hiện tại trước mắt. Người Nam Dương đã tiếp đón chúng con rất tử tế, ăn uống đầy đủ, chỉ phải tội toàn đồ hộp, tuần lễ đầu ăn thấy ngon, qua tuần thứ hai thấy ớn, sang tuần thứ ba tưởng chịu không nổi. Đành rán chịu vậy chứ biết sao bây giờ mẹ nhỉ, chả lẽ người ta đùm bọc giúp đỡ mình như vậy mà còn đòi hỏi quá đâu có tiện, phải không mẹ. Nằm trên đảo này nhớ nhà quá mẹ ơi, nhiều đêm con mơ thấy về thăm mẹ, có đêm con mơ thấy ngồi xích-lô với mẹ. Nhiều đêm thức giấc, nghĩ đến mẹ con khóc thật nhiều. Mẹ có biết không, cái gì đã vượt khỏi tầm tay rồi mới thấy là quý giá vô cùng.

.....

Một gia đình người bạn thân khác của ông Giáo có đứa con trai út ra đi

không phải trên tàu công an gài bẫy như trên mà trên tàu của một đám chủ tàu lừa đảo bất nhân bất nghĩa, chỉ cốt hốt vàng – hốt càng nhiều càng hay – sinh mạng khách hàng không nặng hơn sợi tóc, mặc kệ, thực phẩm dự trữ gọi là chút xiu, còn ăn hết nhin, chiếc ghe mong manh chở người chật ních phó cho sóng gió, sóng gửi... thác về. Đứa con trai thoát chết viết thư về:

Ba mẹ, các anh chị thương nhớ,

.....

Tới đây con xin tạm kể qua rất sơ sài lịch trình 99 phần trăm chết 1 phần sống của con với các bạn đồng hành. Thời gian bọn con lênh đèn trên biển 12 ngày, mỗi ngày là một thử thách căng thẳng như tứ mã phanh thi cho đến lúc sức cùng lực kiệt chỉ còn như một xác

chết rũ. Ghe dài 12,59m mà chở tới 139 người, đủ để ngồi xôm. Ăn cầm hơi kể từ ngày đầu tiên. Đáng tiếc là cả một bịch thức ăn khô mẹ sửa soạn cho con bị mất ngay từ lúc con dời ghe taxi lên thuyền lớn. Cho nên kể từ ngày thứ hai con đã phải đi ăn xin trên thuyền rồi. Tài công gà mờ không biết định hướng. Anh ta lái tàu như đi vào cỏi chết. Nước rỉ vô, không có máy bơm, các thanh niên trên ghe phải chia phiên nhau tát nước 24 giờ trên 24. Bọn tổ chức quá ư bất nhân, chúng hoàn toàn coi sinh mạng con người không bằng con gà, con chó, sống chết mặc bay, chỉ cần hốt vàng. Chúng bất nhân bất nghĩa đến rợn người.

Thuyền lênh đênh đến ngày thứ ba thì hoàn toàn mất phương hướng, đứng là rập rình đi vào hư vô, đi vào cỏi chết 100 phần 100. Riêng về phần con cứ mỗi

lần sắp chết khát thì trời đổ mưa. Phúc đức! Sang ngày thứ mười, toàn thể mọi người trên thuyền tuyệt vọng, tài công bỏ tay lái, con thuyền buông trôi trên biển thì gặp tàu hải tặc Phi Luật Tân... ân nhân. Chúng lên thuyền cướp hết (nói là thu thập thì đúng hơn) vàng bạc rồi cho ăn, rồi lại chỉ đường cho đi. Thật là mâu thuẫn cười ra nước mắt “tàu hải tặc ân nhân.” Không gặp chúng chắc chắn là bọn con chết đói, chết khát, chết phơi xác ngời bó gối cho đến khi con thuyền lật chìm.

Sáng ngày thứ mười hai, vẫn trên hải phận Phi Luật Tân, bọn con gặp được tàu khoan dầu Mỹ – Panama. Họ cho lương thực, cấp bản đồ và chỉ đường thêm một lần nữa. Lần này thuyền đi chừng mười tiếng đồng hồ thì tới Bornéo (phần đất của Mã Lai). Thuyền cập ngay cảng Kota

Kinabalu thuộc Sabah và được Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc đến nhận đúng lúc cảnh sát Mã Lai còn phân vân không muốn cho lên cảng. Sau đó thuyền được kéo ra đảo Labuan. Chúng con sống tại trại tị nạn nơi đây được một tháng rưỡi thì các trại tị nạn được lệnh giải tán. Chúng con được chở bằng phi cơ tới Kuala Lumpur, tại đây con được Cao Ủy Tị Nạn phỏng vấn. Con bày tỏ nguyện vọng xin định cư tại một trong ba nước: Mỹ, Gia Nã Đại và Úc, nghĩa là những nơi nói tiếng Anh. Tại Kuala Lumpur, trong khi chờ đợi ngày đi định cư, con đã có thể thoải mái đến thư viện tìm đọc sách để trau dồi thêm Anh văn. Ba mẹ và các anh chị có thể cứ làm lễ cầu siêu cho con vì quả thực con vừa từ cõi chết trở về. Trên đây là con chỉ kể sơ qua, rồi đây khi hoàn cảnh thuận tiện cho phép, con sẽ viết tỉ mỉ lại. Nhưng chắc ba mẹ và các

anh chị còn phải đợi lâu lắm. Bây giờ mà bắt con nhớ lại tình tiết khủng khiếp của những ngày địa ngục vừa qua chắc chắn là con chết lại mất.

Con của ba mẹ, em của các anh chị.

Có thể nói trong mấy ngày đợi tin lũ con cháu, ông Giáo đi tới đâu, thăm bất kỳ ai, cũng chỉ nghe rặt chuyện vượt biên đủ loại như trên. Người ta bảo nếu có được báo ngoại quốc mà đọc thì còn biết được nhiều chuyện vượt biển ly kỳ, rùng rợn, sâu thẳm hơn nữa. Nhưng như một phóng viên quốc tế đã trà trộn được vào môi trường đám cướp biển và khám phá ra trong số có một trung tá hải quân Việt Nam trước đây nằm vùng, sau ngày “giải phóng” miền Nam, y được cử đi liên lạc rồi gia nhập đám hải tặc để đẩy mọi hình thức khủng bố, cướp bóc, hãm hiếp đám người vượt biên trên biển

tới mức thần sầu quỷ khốc. Điều làm thế giới kinh ngạc đến hải hùng là càng gian nguy số người dắt díu nhau ra đi ngày càng đông theo cấp số nhân. Dư luận quốc tế ước lượng trong số hàng triệu người Việt Nam ra đi đã có khoảng vài trăm ngàn người gửi thân nơi đáy biển.

Rồi chính ông Giáo nhận được lá thư của một người bạn ở Pháp gửi về kể lại một chuyến vượt biên bi thảm. Cả chuyến thuyền bị hải tặc bắt nhốt hai mươi ngày trên đảo hoang, mỗi ngày hãm hiếp chừng hai mươi lần phụ nữ. Ngay cả trẻ em gái cũng không chừa; có một em mười hai tuổi bị luôn mười sáu lần trong ngày và hai lần liên tiếp. Những người xấu số khốn nạn đó đã được tàu Liên Hiệp Quốc cứu và đưa nội vụ ra tòa. Nhưng tội cướp biển này là cả một tổ chức ghê gớm loại Mafia.

Số nhân chứng có tới 157 người nhớ rõ số tàu, mặt mũi chúng mà tòa về phe chúng vẫn kêu là chưa đủ chứng cứ, đình lại ba bốn lần, chỉ mới có năm tên bị bắt. Vì vậy cả đám nhân chứng còn nằm ì lại nơi tị nạn, chưa đi định cư nơi đâu, đợi tòa xử trắng đen rõ rệt đã.

Mặc dầu được nghe bao nhiêu chuyện sâu thẳm về vượt biên lần này ông Giáo vẫn cảm thấy êm ả về đám con cháu ra đi. Ông mở lại cuốn album nhìn lại những tấm ảnh ngày làm lễ cưới Hoa Lịch. Lúc hai vợ chồng nó lễ trước bàn thờ Phật trên cao, mắt con bé ngược lên, hai bàn tay chấp lại. Nhìn vào tấm hình tưởng như chúng nó đang đóng phim, cuốn phim thành công nhất, ưng ý nhất của chúng nó. Mấy ngày liền sau ngày chúng nó đi, trời lại quá êm ả, không mưa, chỉ có gió hiu hiu. Chỉ còn sợ có

hải tặc, thì Lịch đã lái tàu theo hải trình hướng về Tân Gia Ba xa hơn nhưng an toàn. Đài BBC, đài VOA loan tin mấy ngày nay số người vượt biên bỗng tăng rộ, vì mọi người tranh thủ lấy khoảng thời gian ít ỏi đẹp trời còn lại. Mùa bão đã đến nơi rồi. Vẫn hai đài phát thanh trên báo tin có ngày Hồng Thập Tự Tây Đức và tàu Mỹ vớt được khoảng trên sáu trăm người, đưa về các trại tị nạn ở Mã Lai, Tân Gia Ba, Thái Lan.

Lục tập nhạc cũ vô tình ông Giáo lượm được một mảnh bìa màu trắng trên có những hàng chữ. Ông nhận ra ngay nét chữ của Thiện. Ông đọc, ông mỉm mỉm cười. Vừa lúc đó bà Giáo xách giỏ rau đậu ở chợ về, ông nói với bà:

– Nay mẹ nó xem mỗi đứa con có cách riêng nghĩ về bố.

Đặt giỏ rau xuống, bà Giáo đón lấy tấm bìa màu trắng, bà thốt tiếng reo:

– Ủa, chữ thằng Thiện nè!

Và bà đọc. Và bà cũng mủm mím cười:

Bố

Tên: T.Q.

Sinh: Năm 1923 (tại một làng gần Hà Nội) Nghề nghiệp: Giáo sư – viết văn

Thích:

– Rửa bát đĩa sau bữa cơm.

– Sáng dậy sớm rang cơm, xào mì cho con cháu ăn trước khi đi học.

– Ăn cơm với muối vừng, ớt-se chuối với đậu phộng.

Ghét:

– Những quân gian dối, lưu manh bịp bợm. Vì vậy bố bị chúng nó bắt.

– Kể từ 4-4-1976: bố nằm tù chơi để tụi nó nuôi cơm.

– Sáng 27-1-1980: bố gọi cửa: “Hoa ơi bố về nè!”

Ông Giáo tiếp tục lục chồng vở cũ, thoát ông thấy một xấp bảng danh dự của Hoa và Ánh hồi cả hai đứa còn theo trung học tại trường Marie Curie, kể đó ông thấy đủ cả văn bằng Tú Tài Pháp, giấy chứng nhận tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm ban Pháp Văn của Hoa, cùng mấy chứng chỉ đã thi đậu Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Vương vất giữa đám văn bằng đó còn giấy tờ quay ronéo mời Hoa tới trường Marie Curie để nhận phần

thường với lời yêu cầu y phục chỉnh tề. Đọc tờ giấy đó ông Giáo mỉm cười nhớ rằng trong tám đứa con, hai đứa con gái đầu lòng của ông – Hoa và Ánh – học chăm và giỏi nhất. Các giáo sư Pháp đặt cho Hoa cái tên Sylvie (và cho Ánh cái tên Catherine) để dễ gọi:

Lycée Marie Curie Saigon

Distribution Solennelle Des Prix

Mlle Trần Thị Ngọc Hoa Sylvie est invitée à se rendre au Lycée Marie Curie, le Vendredi 7 Mai 1971 à 16h30 pour y recevoir les Prix qui lui ont été décernés par le Conseil des Professeurs. Tenue soignée de rigueur.

Le Proviseur

Ông Giáo vui vẻ kể, tưởng như vừa tức thì được gặp lại Hoa, không phải Hoa

đã trưởng thành bây giờ mà là con Hoa thuở nữ sinh trung học.

Cũng vương trong đám văn bằng còn một lá thư của Thúy gửi cho Hoa. Ngày nhận được lá thư đó, đọc xong Hoa cười đưa cho bố: “Này bố xem lời con Thúy thật ngộ nghĩnh.” Thúy là một trong số những khuôn mặt bạn ngộ nghĩnh của gia đình. Thúy xinh như búp bê, ở Đà Lạt và là cô gái Tàu hoàn toàn, điều mà ít ai ngờ nổi. Bà nội và bà ngoại Thúy là những vị nữ nhân Trung Hoa có tinh thần dân tộc hết sức cuồng tín. Hai cụ không muốn Thúy giao thiệp thân mật với bất kỳ cậu trai Việt nào. Trong gia đình, các cụ bắt đám con cháu hoàn toàn nói tiếng Tàu với nhau.

Thúy có người anh học kiến trúc ở Sài Gòn. Bạn đồng học người Việt của anh có mấy người mỗi lần lên Đà Lạt tới

nhà chơi là bà nội nhìn bằng con mắt nghi kỵ đến gần như hằn học. Thúy chỉ biết mỉm cười. Bước ra khỏi ngưỡng cửa gia đình, Thúy hoàn toàn là một thiếu nữ Việt chỉ biết giao thiệp với người Việt. Xuống Sài Gòn thăm anh (người anh học Kiến Trúc), một lần Thúy gặp Hoa, quen Hoa, tới nhà Hoa, đem lòng quý mến ngay không khí văn nghệ và cởi mở của gia đình này. Từ đấy, mỗi lần rời Đà Lạt xuống Sài Gòn thăm anh là Thúy tới tạm trú nhà Hoa. Lần xuống Sài Gòn mới đây, Thúy đã gặp ông Giáo thừa ông vừa được thả về khoảng hơn một tuần. Bức thư của Thúy viết cho Hoa không chỉ ngộ nghĩnh như lời phê bình đơn giản của Hoa mà còn là cả một thế giới tế vi giăng mắc ẩn hiện biết bao buồn vui thao thức của tuổi trẻ thụ nạn đương thời:

Đà Lạt ngày...

Chị (Trần Thị Ngọc) Hoa,

Một năm lâu quá mà hình như cũng nhanh quá, chị Hoa nhỉ. Tối hôm qua em tổ chức sinh nhật, có bánh, cà-phê, hoa và hát hồng. Nếu tổ chức dưới Sài Gòn chắc chắn vui gấp bội vì còn được yểm trợ văn nghệ của Trần gia nữa. Sáng nay trời sập mưa bất ngờ, mưa bão hắt hoi, điệu này gió mưa còn dai dẳng kéo dài vài ngày nữa là ít, hậu quả là cả một chùm bông cỏ đại mầu tím em mới gây giống ngoài vườn kia trôi mất tiêu rồi. Tiếc không?! Nhưng thôi, gần nhà em có một cây to, thật to, em cứ gọi đại là cây bồ đề. Vào dịp này các cành cây mới đầy đầy những trái xanh, nhỏ như hạt nhãn, chỉ ít bữa nữa thôi những trái đó đen bóng lên, trong xa như những chuỗi tràng hạt ai mới đem mắc lên. Từ hôm cây có trái thì những con cú không đến

đậu, và những đêm nằm vật vã với chính hơi thở của mình em lắng nghe và bỗng thấy nhớ... tiếng cú kêu. Chị tính có kỳ không kia chứ, em vốn ghét thậm tệ loài cú! Đời sống thiệt ngộ nghĩnh, vừa lạnh lùng vừa khốc liệt làm sao ấy, khó tả quá đi mất.

Chuyên, con em em, yêu đời hơn tất cả nhà. Nụ cười, ánh mắt và cả máu, tim nó đều muốn nói lên. Mùa xuân khi đã qua rồi còn ở lại rất lâu trong ánh mắt nó, trong khi với em, ngay cả mùa xuân vừa tới em đã thấy là xuân đương hiu hắt tàn lụi rồi. Với em, mùa xuân luôn luôn là một cái gì mong manh như những giọt nắng quá đẹp chỉ chực tắt. Quái ác! Chính vì vậy mà em vừa yêu vừa sợ mùa xuân. Tựa như có cái gì thâm u bí ẩn muôn đời của thiên nhiên trầm lắng trong đó. Mùa xuân không chỉ hiện diện trong những

sắc màu tươi thắm mà trong tất cả mọi sự vật, tỉ như trong trái tim bệnh hoạn của em, hoặc sau những tấm bia mộ quanh hieu nơi nghĩa trang cô tịch, và cả trên những cánh bay của con cú già nữa. Vào mùa xuân này chẳng hay chị Hoa có còn hay cúi đầu rũ tóc xuống và kêu “Ô, sao tôi buồn rũ thế này” không? Chúc chị Hoa làm hòa được với những cơn “buồn rũ,” hay mau rũ được những cơn buồn đó nhé.

Em, Thúy

Loay hoay suy nghĩ một cách thích thú về những thao thức nhiều khi, những dằn vặt tội nghiệp đó của tuổi trẻ trong quốc nạn hiện giờ, ông giáo cũng quên đi phần nào nỗi lo âu thương nhớ lũ con cháu vừa ra đi chưa có tin tức gì.

Nhưng không lâu!

10

Ông Giáo quyết định trong thời gian còn đợi điện tín của lũ con cháu đánh về báo tin đã được tàu nào vớt, ông sẽ không lang thang đi đến nhà bè bạn để khỏi phải nghe kể những chuyện đi bi hùng và bi thảm nữa. Nghe đủ rồi! Đủ quá rồi!

Ở nhà ông giúp bà Giáo trông nom vườn trẻ. Ông lau cứt đái lũ trẻ rất cẩn thận. Lúc chúng chịu chơi êm ả, hay lặng lẽ ngủ, ông cũng nằm khoèo vắt tay lên

trán ôn lại những chuyện nổi bật nhất hồi ông còn ở trại lao động cưỡng bách cao nguyê cho tới ngày về với gia đình.

Ở trại lao động cưỡng bách nơi cao nguyên, điều nổi bật bao trùm là ĐÓI. Ông Giáo vốn ăn yếu, ăn ít mà cũng còn đói nói chi những tay sức lực thanh niên. Đói dai dẳng, đói thường xuyên nên tất cả ý nghĩ đều thâm hút vào bữa ăn. Vào những ngày đầu vụ thu hoạch bắp rồi khoai, rồi mì (sắn), còn được no một chút, nhưng chỉ được một tuần là cùng, bàn tay của ban quản lý trại đã vội siết chặt để kịp dập tắt những ánh mắt những nụ cười và để khuôn mặt đói, đói dai dẳng, đói đến ngơ ngác của toàn trại tái xuất hiện cho đúng... tiêu chuẩn. Người nhà ở Sài Gòn hay ở các tỉnh miền Đông, miền Tây, vượt từ 800 đến 1000 cây số thăm nuôi chồng con, nội quy trại

chỉ cho nhận 3 ký đồ, khéo nài nỉ được khoảng 5 ký, về trại chia sớt cho những bạn nghèo không bao giờ được thăm nuôi, và đáp lễ những người đã từng chia sẻ cho mình, còn lại chừng hơn một ký đồ, ăn dè được một tháng là cùng.

Bởi vậy, ngay khi còn đồ, đồ thăm nuôi ăn thêm mà có được là bao, khuôn mặt của toàn trại bao giờ cũng ĐÓI thường xuyên đói, dai dẳng đói. Nguồn protéine thạch sùng thật mong manh, chỉ mấy lần bị đám phạm nhân bố ráp là tuyệt chủng. Thỉnh thoảng có được chú rất đại dột thấy ánh đèn nê-ông bật sáng trên sà nhà vào lúc chập tối vội ngoe nguẩy ra dự hội... hoa đăng, lập tức bị đám phạm nhân ngủ sà trên võng ngay (dĩ nhiên về phần anh lệ tay) bẻ nghiêng một bên ngàm để khỏi bị cắn, hôm sau đem ra hiện trường nướng ăn ngon nào kém

gì tôm nướng. Những anh khéo tay làm được bầy chuột bầy chim, mỗi ngày được thêm một con chim con chuột nướng ăn, đều được anh em nhìn bằng con mắt thần phục và thèm muốn. Ngoài hiện trường, những người lanh tay lẹ mắt cố gắng kiếm thêm được chút rau (rau tàu bay, rau cuống chiếu, rau dền cơm...) tát vôi một khoảng nước cạn may ra bắt được vài con tép, con cua, đi qua vùng rậm cỏ bắt vài con cáo cáo, châu chấu, nếu lại đập chết được con rắn nước, con thằn lằn, con rắn lục, bữa ăn được coi là tiệc rồi đó... Đói, đói dai dẳng, đói ngơ ngác. Nói với nhau thuần bàn chuyện ăn: bố trí bữa ăn, phương pháp kiếm thêm thức ăn. Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm mà! Khi không nói chuyện ăn, tư tưởng trong yên lặng vẫn âm thầm... suy tư về ăn. Ăn xong bữa sáng thì tư tưởng hướng về bữa ăn trưa khi lao động ở hiện trường về; ăn

xong bữa trưa tư tưởng hướng ngay về bữa chiều khi lao động ở hiện trường về.

Sở dĩ như vậy vì bữa ăn nào cũng thiếu, thiếu quá đi. Khẩu phần mỗi bữa đổ vào dạ dày như gió hiu hiu thổi vào nhà trống. Tuổi trẻ nhiều khi “yêu mà như chưa yêu,” phạm nhân nơi đây thì “ăn mà như chưa ăn.” Với nhiều người dù đã cố tình nhai rất chậm, ăn rất lâu mà khi ăn xong cảm thấy càng bị cồn cào, càng bị kích thích cho đói thêm. Thường thì chợp ngủ là mơ ăn, có người mở miệng nhai tóp tép hân hoi. Đói và thiếu thốn đến mức khi được nhắm hạt muối mà thấy ngọt thiu.

– Kinh khủng quá bác ơi, cháu chưa thấy tù nào như tù này, ngoài sức tưởng tượng.

Một người bạn trẻ thốt khẽ với ông

Giáo. Một người bạn trẻ khác, trí thức hơn, dùng lời Pascal:

– Thừa bác, trí tưởng tượng phồn thịnh đến mấy cũng chết đuối nơi này – (l'imagination s'y perd).

Riêng ông Giáo cũng tự nhận là dù khảnh ăn và ăn yếu như ông mà dạ dày cũng biến thành thú cân tiểu ly rồi, ông cũng như bất kỳ một phạm nhân nào khác nhặt từng hạt cơm vãi, kể cả hạt cơm rơi trên vệt máu rệp bị giết trên khoảng sàn nằm. “Không một giọt máu chảy ngoài huyết quản” – ông vẫn thường cười và nói đùa như vậy. Dĩ nhiên tất cả những việc cải thiện bữa ăn như kiếm thêm rau rừng, bắt cua bắt cá, bẫy chim bẫy chuột đều phải làm lén lút, mắt trước mắt sau, cán bộ bắt được là đứng chào cờ (đứng nghiêm trước cán bộ), uống cà phê đắng (chịu trận mắng chửi lên lớp của cán bộ

quản giáo hay cán bộ quản chế) và viết kiểm điểm.

Có phạm nhân kiên nhẫn tích trữ tất cả những hạt thóc nhặt được bữa này qua bữa khác để tới một chiều chủ nhật nào đó được nghỉ hẳn hoi đem số thóc thu nhặt được ra cán từng hạt, bỏ trấu lấy gạo, hôm sau ra hiện trường lén lút đun vụng cũng được một gô (lon đựng sữa bột guigoz xưa) cháo loãng.

Vào mùa mưa, những phạm nhân lạnh tay lạnh mắt còn thêm được hai nguồn thức ăn rất phong phú: nắm mối và măng. Măng khi luộc bỏ thêm vào nước sôi một cục than hồng, như vậy – theo kinh nghiệm đồn đại của những người đi trước – măng sẽ hết đắng. Còn nắm mối thì khỏi chê, đúng là thứ sơn hào quý giá, nướng hay luộc đều thơm và ngọt, nhai như nhai thịt gà.

Vào hôm trời sắp nổi dông bão, kiến mỗi bay ra rồi tự cắn đứt cánh, phạm nhân bắt chúng ở quanh đèn nê-ông hay dọc theo hàng rào, gội nước cho sạch đất rồi đun với chút mắm thừa, ăn với cơm thấy bùi ngọt tưởng chừng có thể phân nào so sánh với đậu phộng. Mãng và nắm, ông Giáo được những người bạn trẻ có lòng ưu ái mời ăn, nhưng suốt hơn hai năm trời bị giam giữ ở trại lao động cưỡng bách này, ông giáo chưa hề ăn thịt chuột thịt rắn. Những hảo thủ đã từng ăn những thứ đó thì khen thịt chuột ngon như thịt chim, thịt rắn như thịt gà.

Ông Giáo tự hứa khi nào được về với xã hội bên ngoài ông sẽ thử ăn hai thứ thịt đó xem sao. Thì ở Sài Gòn trước đây, vào thời “ngụy” há chẳng có mấy tiệm chuyên bán thịt ba ba và thịt rắn đó sao, còn thịt chuột thì ở miền Tây, chuột

đồng béo tròn bị bắt cả đàn lột da moi ruột rồi cho vào chảo mỡ đầy, ăn giòn và thơm phức kèm gì thịt chim thất đó. Có điều – vẫn lời đám hảo thủ ở trại giam này căn dặn nhau – thịt chim, thịt rắn, thịt chuột ở hoàn cảnh thiếu đủ mọi gia vị này chỉ có cách duy nhất là nướng mà ăn, chớ ăn luộc, tanh ngòm!

Có một đạo ông Giáo được cử công tác ra suốt gánh cát về cho các bạn đồng đội khác rải sân và tráng khuôn đóng gạch. Một lần ông Giáo xúc cát thấy lộ ra một quả trứng trắng phau xinh thật là xinh, ông cúi xuống lấy tay bới cát thì moi ra được mười lăm quả nữa, đem về chia cho một số bạn trẻ thân. Ai nấy tưởng trứng ba ba, đến khi luộc ăn thấy bên trong đã thành hình tắc kè nhỏ. Trứng luộc tanh ngòm nhưng ông Giáo cố nhắm mắt nuốt cho xong để gọi là

tiếp tế cho cơ thể chút ít “chiến lợi phẩm” ngoài hiện trường suốt thời gian hai năm rưỡi bị giữ ở nơi đây.

Và cũng khoảng thời gian được chỉ định công tác xúc cát gánh về này, ông Giáo được sống thoải mái hơn cả giữa một vùng thiên nhiên núi rừng và suối. Lúc ngừng xúc cát bên bờ suối, ông ngửa mặt nhìn khoảng ngọt cây rừng reo vui với nắng gió tít trên cao; hạ thấp tầng nhìn khoảng ngang thân cây, bóng rừng âm thầm hơn ấp ủ bên trong cả một chu kỳ sống và chết, sinh trưởng và tàn lụi của thực vật; dưới nữa là dòng suối ngay bên ông. Nhắm mắt lại: tiếng suối reo vui, tiếng suối tung bùng; mở mắt ra: dòng nước hung hãn nơi này, lao mình vào những tảng đá tròn nhẵn thín nhô cao, bọt nước tung tóe trắng xóa; dòng nước phẳng lặng nơi kia, vẫn cuộn cuộn miệt

mài xuôi dòng đầy nhưng trầm lặng hơn nhiều. Có lúc đương xúc cát, mấy chiếc lá vô tình rụng xuống va đúng vào đầu, vào vai, ông Giáo mỉm cười nghĩ rằng thần rừng thần suối vừa tinh nghịch lên tới vỗ nhẹ lên đầu lên vai để trêu ông. Ông xúc cát cảm thấy bớt cô tịch, mà dường như cả khoảng rừng suối này cũng bớt cô tịch đi nhiều.

Cũng vào dịp này, ông được thoải mái nhắm nháp những nồn lá đọt cây. Có những nồn lá màu vàng mượt ăn vào thấy ngày ngày như có chất mỡ chất thịt; có những nồn lá màu đỏ thoạt nhai thấy chát nhưng chỉ lát sau chuyển thành giòn ngọt, hương vị giòn ngọt ấy còn lưu luyến khá lâu nơi cuống họng. Ông có tìm ra được mấy cây bứa nhỏ ngay bên bờ suối, đọt bứa ăn chua như me, chắc chắn cung cấp cho cơ thể ông một dung lượng

không nhỏ Vitamine C. Nhân một lần có anh bạn trẻ chỉ cho ông một loại cỏ trâu bò vẫn ăn, nói rằng trước đây anh ta vẫn đi nhổ từng cụm cỏ đó về giã lấy nước pha đường uống rất mát và bồi bổ sinh lực rất chóng. Ông Giáo đã nhổ những cụm cỏ đó, rửa sạch dưới suối rồi cho vào miệng nhai dần, hương vị ngọt nhẹ và tinh khiết vô cùng. Nhai nuốt hết chất ngọt thơm tinh khiết của nó, ông nhả bã và cho vào miệng những cọng khác. Mấy ngày như vậy qua đi, ông có cảm tưởng tinh thần sảng khoái hẳn, sinh lực dồi dào hẳn. Chẳng biết có phải do ảo giác tự kỷ ám thị? Tuy nhiên chính vào dịp này ông mới có dịp suy ngẫm nhiều về bầu sữa mệnh mông bất tận của bà mẹ thiên nhiên đã nuôi lớn nhân loại. Buổi chiều, vào lúc sắp hết giờ lao động trước gánh cát cuối cùng, ông xuống suối tắm. Dắm mình dưới làn nước thoát lạnh buốt sau

thành mát thăm thẳm, ông kỳ cọ thân thể mà có cảm tưởng như đang gột rửa cả tâm hồn.

Ngày 22/1/80 ăn xong phần khoai sáng còn dôi meo, ông giáo theo tiếng còi ra tập hợp cùng toàn đội tại sân lớn trong trại đợi điểm danh xong là ra hiện trường. Một cán bộ trại tới đội bảo ông ở lại để lao động trong (có nghĩa là lao động trong trại). Khi đội nào đội nấy đã tiếp nối nhau ra hiện trường, toàn trại vắng hoe. Viên cán bộ trực bảo ông giáo về thu xếp áo quần chăn màn và nói thêm:

– Có thể anh được trả tự do.

Dĩ nhiên ông giáo mừng lắm và biết đích thực là mình được trả tự do rồi, chẳng còn nghi ngờ gì nữa, nhưng ông vẫn hoàn toàn làm chủ được tính cảm,

bình tĩnh thu xác đeo, lẳng xách, để lại những thứ không cần thiết cho những bạn kế cận sử dụng, rồi vẫn điềm đàm nghiêm cẩn, ông theo người cán bộ trực tới văn phòng làm tờ cam đoan khi trở về với xã hội sẽ tuân hành nghiêm túc luật pháp của chính phủ. Giữ được bình tĩnh như vậy không một cử chỉ bứt rứt, không một tâm trạng xao động nôn nao, ông giáo tin rằng đó là tác dụng của thiền. Suốt ba năm chín tháng bị tạm giữ, ba lần thay đổi trạm giam, đêm nào ông cũng thức giấc vào giờ Tý hoặc giờ Dần, ngồi thiền chừng khoảng nửa giờ, trừ một số đêm rất ít vào trường hợp ông bị bệnh hoặc bị mệt.

Sau khi nhận số tiền hai mươi lăm đồng làm tiền lệ phí về với gia đình, ông chào các cán bộ tại văn phòng, đeo xác lên vai và xách lẳng ra khỏi cổng trại theo

đường đổi ra quốc lộ số 19 đón xe. Trên đường ông giáo gặp một cán bộ quản chế đi ngược đường vào trại.

– Anh kia đi đâu? Giọng người cán bộ nghiêm khắc như thường lệ.

– Báo cáo cán bộ, tôi đã được cấp giấy trả tự do.

Khuôn mặt người cán bộ dịu đi, thoáng một chút băng khuâng. Có thể người đó thoáng nghĩ đến quê hương gia đình, ngoài miền Bắc xa xôi. Không có nụ cười, nhưng giọng nói thật dịu.

– Ờ thôi, anh về sum họp vui vẻ với gia đình vào dịp Tết này nhớ.

– Cám ơn cán bộ!

Ông giáo đã đi được mấy bước, người cán bộ còn nói theo:

– Về với gia đình vào dịp Tết này thì nhất rồi còn gì!

Vẫn giữ được trạng thái tâm hồn thật bình tĩnh, ông giáo vừa đi vừa ngắm qua cảnh trí xung quanh: đường quanh co, đôi chập chùng với những bụi cây thấp, đây đó vài cụm mua hoa tím, gợi ông nhớ nhiều tới miền Trung du tiếp giáp với Thượng du Việt Bắc thời kháng chiến. Ra tới quốc lộ số 19, ôi chao, lâu... lâu lắm rồi ông mới được ngắm màu xám thẫm như đá mài của con đường thiên lý trườn mình về hai ngả. Có năm em bé khôi ngô trong số đó có một em gái người Thượng đương ríu rít từ xa lại, em trai đi đầu cầm chiếc gậy múa may một cách hào hứng. Thấy ông giáo ngồi chờ xe bên lề đường, các em ngừng lại, ngắm nghĩa tò mò. Thái độ đó thoát làm ông méch lòng; ông nghĩ tới loại nhi đồng

sớm bị bôi bẩn, dạy cho cách do thám
canh chừng người lớn, như một em bé
Hàng Bạc đã kín đáo theo dõi biết chỗ
cha mẹ em chôn giấu vàng ở chân tường
phòng ăn, kịp thời báo cáo với công an
tới tịch thân.

Em bé cậm gậy nói khẽ với bốn em
kia:

– Ông này giờ đây sướng nhất trần
đời!

Là dân địa phương, thoáng trông,
em biết ngay ông là tù vừa được trả tự
do... Em tiến thêm một bước tới gần nói
với ông giáo:

– Chú sẽ về đâu?

Ông giáo cười hiền nhưng trong
lòng vẫn ác cảm với em bé:

– Chú về Saigon, cháu.

Em bé nói ngay:

– Thế thì chú nên đón xe lên Pleiku rồi từ đấy chú mua vé xe về thẳng Saigon.

– Cám ơn cháu, chú cũng định vậy đó.

Sự thực tới lúc đó, nghe em bé nói ông mới quyết định như em gợi ý, vì chợt lẫm ý ông giáo không rõ em bé vừa nói thêm câu gì với ông, ông chỉ kịp bắt được ba tiếng sau cùng “năm đồng chú”. Cho rằng “em bé do thám” của chế độ cuối cùng ngỏ ý xin ông năm đồng, ông trả lời giọng nghiêm lạnh:

– Chú vừa ở tù ra, chú làm gì có năm đồng cho cháu.

Em bé lắc đầu quấy quậy:

– Chú không hiểu cháu nói. Cháu bảo: xe từ đây lên Pleiku năm đồng là cùng.

Ông giáo chợt hồi hận vô cùng, hồi hận đến xấu hổ vì đã hiểu lầm em bé. Sự xấu hổ đó càng thấm thía khi ông nghe em bé nói tiếp:

– Chú mới ở trại học tập được thả ra, chú có thể xin đi nhờ, người ta không lấy tiền đâu. Kìa xe lên Pleiku sắp tới kìa.

– Chú nhớ xin người ta khỏi trả tiền nhé. Chú về mạnh khỏe với gia đình.

– Cám ơn cháu! Cám ơn cháu!

Ông giáo vừa nói vừa vội lên xe cùng xác và lỉnh đố, lòng càng cảm thấy xấu hổ thấm thía hơn vì đã trót hiểu lầm em

bé phúc hậu. Xe chạy, ông ôn lại trong trí hai năm rưỡi trước đây ngày xe chở phạm nhân di chuyển từ trại Phan Đăng Lưu (T.20) Gia Định, lên trại lao động cưỡng bách cao nguyên này, xe ngừng lại nơi đâu (Nha Trang, Sông Cầu, Bình Định) là dân chúng quảng thức ăn lên xe (bánh tráng, bánh cuốn, bánh chưng...) bất chấp cán bộ áp tải ngăn cấm. Đám phạm nhân trong xe muốn đứng lên ló đầu ra cảm ơn đồng bào, bị đám cán bộ áp tải uy hiếp ngăn cấm bằng được. Phải đợi lúc xe bắt đầu chuyển bánh cả đám phạm nhân mới nhất loạt đứng lên chào vẫy đồng bào hảo tâm, cả hai bên cùng xúc động chảy nước mắt.

Thực ra hồi còn bị giam ở trại Phan Đăng Lưu, ông giáo đã từng nghe những chuyện tương tự nhưng còn bán tín bán nghi. Bây giờ thì ông giáo hiểu rằng

dân chúng khắp nơi bên ngoài thương những phạm nhân chính trị vô cùng bởi vì chính chồng con cha anh họ cũng đương bị giam giữ ở một trại tập trung cưỡng bách lao động nào đó. Đám em bé kia sớm trưởng thành, sớm có ý thức về tình thương, vì các em đã lớn lên trong hoàn cảnh đó giữa mẹ cha anh chị và đồng bào.

Tới Pleiku nghe lời một bà trên xe, ông giáo đi sắp hàng lấy vé xe về Saigon ngay, nhưng không kịp, hàng còn dài mà vé đã hết. Vào nhà trọ xếp gọn đồ nơi giường nằm. Thực phẩm do trường nữ thăm nuôi ba tuần lễ trước đây nay còn đường thẻ, bột sữa, mì vụn và bơ. Số tiền 25 đồng chính phủ cấp với số tiền của mình còn cộng thành 65 đồng tất cả. Vé xe đò về Saigon có 15 đồng, vậy phải ăn tiêu dè sẻn sao cho cầm cự được 4 ngày.

Nhìn cung cách chen lấn nhau và kêu la khi sắp hàng lấy vé, ông giáo dám nghĩ có thể bốn ngày nữa mới lấy được vé, số tiền vừa xoắn.

Dẫu sao thì cũng phải ăn một bữa lấy no cho xứng đáng một con người được trở về với xã hội công dân. Ông giáo bèn ra bến xe (ngay bên ngoài nhà trọ) mua hai ổ bánh mì bụi, hai đồng một ổ. Xuống bếp nhà trọ xin được một thố nước sôi mang về giường pha bột sữa với đường. Lúc đó khoảng hai giờ chiều, ông giáo định chỉ ăn một ổ bánh mì, còn một ổ để dành đến tối, không dè thuận miệng nuốt trôi tuồn tuột, loáng cái hết nhẵn cả hai ổ mà còn thòm thềm. Buổi chiều xẩm, ông giáo vào tiệm ăn quốc doanh gọi một tô phở ba đồng. Toan đánh liều gọi thêm một ly cà phê, nhưng một đồng tư một ly, đắt quá, giá lỏm lẻm cả một ổ bánh mì

bộ ăn tạm no, nên ông quyết định uống nước trà của tiệm không mất tiền rồi về ngủ. Ngày đầu tiên làm công dân tự do, ông đã vỗ về cái dạ dày đỡ đói hẳn. Suốt ngày hôm đó, và suốt mấy ngày hôm sau, ông luôn luôn nhìn ánh nắng, nhìn đồng hồ, nhìn ánh đèn để tưởng giờ đó các bạn đồng đội của ông đang làm gì ở hiện trường hay ở trại. Được cái cơ quan nào gần đấy cũng dùng hiệu keng, ông giáo có cảm tưởng cả nước Việt Nam từ Sài Nam Quan tới mũi Cà Mau bây giờ đều sống giờ giấc theo hiệu lệnh của tiếng keng lạnh lạnh, vừa khắc nghiệt, vừa lạc hậu. Thật là một ám ảnh hãi hùng.

Tại nhà trọ đêm đầu, khoảng một giờ sáng ông thức giấc ngồi thiền, rồi theo dãy hành lang hẹp thăm thăm ông ra cửa sau đi tiểu, rồi đứng trên một khoảng đất phẳng đỉnh đồi, ngửa mặt ngắm vòm

trời sao, tìm các chòm sao quen thuộc: Đại Hùng Tinh, Tiểu Hùng Tinh với sao Bắc Đẩu, chòm Cassiopee, chòm Orion, chòm Thập Tự Nam. Đêm không trăng nên ánh sao càng vàng vạc, nhiều vì sao như những chấm nhòe rục rờ trên thảm nhung, cả bầu trời sao như thu nhỏ lại đầy đủ trọn vẹn, tia nhìn không bị vướng mắc.

Hôm sau, có thông báo không có xe đò về Saigon, ông giáo lo lắng. Tối lúc đó ông mới nóng lòng trở về với gia đình. Nếu ngày mai xe Saigon cũng vẫn không có thì biết đến bao giờ ông mới về với vợ con đây. Buổi chiều ông tới phòng bán vé, thấy cảnh hành khách chen lấn nhau, cãi nhau, kêu la như chợ vỡ để cố mua lấy tấm vé về Qui Nhơn mà thấy nẫu lòng. Người lấy xong vé chẳng còn lối nào ra thoát, đành trèo lên khoảng gờ

ghi-sê rồi giẫm đạp lên đầu, lên vai, lên cổ những người quanh đấy mà nhẩy xuống khoảng tương đối trống. Thỉnh thoảng lại có tiếng thét lạnh lạnh bất thần của một người đàn bà bị giẫm lên chân đau điếng, tiếng thét hốt hoảng thê thảm y hệt tiếng thét la của một người bị giải phẫu không có thuốc tê.

Chợt cả đám đông náo động giạt về bốn phía, những tiếng gì nghe như tiếng chày giã gạo.

“Thằng ăn cắp, đánh chết mẹ nó đi!” Một người bộ đội đương đâm cần cù những cú đâm chắc nịch vào giữa mặt chú thanh niên mặt mũi trắng trẻo khôi ngô khoảng mười bảy mười tám tuổi. Người bộ đội lực lưỡng vẫn tiếp tục thoi đều vào mặt đứa ăn cắp rồi lôi xềnh xệch nó ra khỏi phòng, kéo xuống khoảng rộng của bến xe.

– Tao sẽ đánh cho mày kỳ chết – người bộ đội nghiêng răng nói.

Ông giáo cảm thấy cả cơ thể, cả tâm hồn tê tái, ông không cầm được hai giọt lệ ứa ra.

Thằng nhỏ ăn cắp trạc tuổi mấy đứa con ông ở nhà, ông tưởng như người bộ đội đương đánh con ông, đánh đập vùi, đánh đến chết, vô phương cứu gỡ.

Ông cảm thấy lòng dạ cồn cào khi trở về phòng trọ. Làm sao về sớm được với vợ con ông bây giờ, trong đám con ông – tám đứa – có bốn đứa con trai sinh liên nhau từ mười bảy đến hai mươi hai tuổi cũng khoảng tuổi chú nhỏ sa cơ đi ăn cắp bị đánh đập vùi sống dở chết dở. Ông nghĩ thầm trong trí xem mình còn bộ đồ nào khả dĩ bán được lấy tiền mua vé chợ đen vậy. Nhưng quần áo của ông

cũ quá rồi, ngoài ra ông còn vật gì đáng tiền nữa đâu.

Hôm sau, biết là một giờ chiều người ta mới bán vé, ông ra xếp hàng từ mười giờ vậy mà cũng còn đứng sau trên mười người. Dù cho mỗi người đứng trên ông mua hai vé, đến ông vẫn còn chỗ ngồi. Ông nghĩ đến cha mất vào đúng năm miền Nam thất thủ – 1975 – Ông khẩn thắm: “Thầy ơi, xin thầy phù hộ cho con mua được vé hôm nay để sớm về với gia đình.” Phòng vé đông dần. Bên ghi sê bán vé Qui Nhơn Bình Định lại đông nghẹt, lại những cảnh leo trèo thường lệ, tiếng la hét thất thất thanh thường lệ. Một giờ chiều bắt đầu bán vé về Saigon. Ông giáo lại khẩn thắm và bám sát lấy người đứng trước, hết sức cảnh giác không cho kẻ nào chen ngang vào như mấy người phía trên. Còn ba người nữa tới ông, rồi còn

hai người. Chắc chắn ông lấy được vé hôm nay, mai lên xe sớm, sớm một đã có mặt ở nhà giữa đám vợ con reo vui tung bùng. Còn một người nữa ông vươn tay nắm chắc lấy gờ cửa ghi-sê, rồi ông tiến lên chắc nịch. Tới phiên ông xuất trình giấy xuất trại và mười lăm đồng tiền vé. Nhận tám vé, ông nắm chặt trong tay tưởng như vò nát, ông vui sướng đến bàng hoàng, ông tuột ra khỏi đám đông thiết tha nói thầm với hương hồn cha: “Thầy ơi, con mua được vé để về với gia đình rồi.” Thêm mấy lần nữa trong nửa ngày còn lại ông giáo nhắc thầm câu trên thiết tha như hệt. Thành thử chính lúc ông hay tin được trả tự do ông giữ được bình tĩnh, nhưng đến lúc mua vé xe đò, kể cả sau lúc ông mua được vé rồi, ông nôn nao bồn chồn, mất bình tĩnh hẳn.

Gần trọn một đêm thao thức, mấy

lần ông ra phía cửa sau ngẩng nhìn vòm trời sao. Sáu giờ sáng ông lên xe. Rồi xe rời khỏi Pleiku, qua khoảng cây số 124 – 125 là khu trại tập trung cưỡng bách lao động ông vừa thoát khỏi, xuống đèo An Khê, xuống Qui Nhơn. Trên xe ngồi gần ông giáo là một bà cụ và một thiếu phụ cũng vừa đi thăm nuôi con và anh ở trại cưỡng bách lao động Cao Nguyên về. Cả hai đều là những sĩ quan học tập. Cụ già – người Bắc – có con trai ở trại tập trung Thanh Hóa, người thiếu phụ – người Nam – có anh ở trại tập trung Vĩnh Phú. Khi biết ông giáo chính là kẻ từ cỏi chết trở về cỏi sống, hai người quý và mừng rỡ tưởng như chính người thân của mình về vậy. Người thiếu phụ có vẻ đẹp Tây Phương, nét mặt thanh tú, thân hình chắc lẳn. Giọng nàng cao và trong kể lại cho ông giáo nghe truyện nàng ra Bắc tới trại Vĩnh Phú thăm nuôi anh

tháng trước. Khuôn mặt, ánh mắt nàng khi kể vừa hồn nhiên vừa đau đớn, niềm đau đớn tuy nhói buốt nhưng nàng cố làm chủ ghìm giữ nó ở chiều sâu. Đôi lúc giọng trong sang sảng của nàng như vỡ ra vì vấp phải tiếng nấc bên trong, đó là vào giây phút nàng không kìm được xúc động.

– Tốn kém lắm bác ơi – nàng nói – mỗi lần đi thăm nuôi cho hai ông anh con là một lần bán đồ, khi thì chiếc cà rá, khi thì cái tủ, khi thì bộ sa-lông. Dọc đường có những cái tốn bất ngờ mình không thể lường trước được. Lần vừa rồi tới trại kiểm soát cuối cùng của trại Vĩnh Phú họ bắt con phải đóng thuế đồ thăm nuôi một trăm đồng nữa. Biết là chúng làm tiền con không chịu đóng, thi gan ngỏi lý đó nửa ngày. Chúng nó mặt sứa gan lim lắm bác ơi, sau cùng con đành

chịu đóng và đòi bằng được chúng phát cho một giấy biên lai.

Nhận trao biên lai xong con đi được một quãng xuống bến đò sửa soạn thuê đò vào trại, nó cho một thằng khác tới chặn đòi lại biên lai. Con không trả. Đóng thuế phải có biên lai chớ, ngộ trước khi vào trại còn gặp một trạm kiểm soát nữa bắt đóng thuế nữa thì sao. Nó lạnh lùng bảo con: “Không trả biên lai thì chị cứ ôm đồ ngồi đây.” Thì ngồi! Con lại thi gan với chúng một lần nữa xem sao. Nhưng cả vùng Trung Du đó vắng lặng, người qua lại thưa thớt câm lặng, cảnh như cảnh tiền sử, người như người tiền sử. Con đàn chịu thua trả nó tấm biên lai. Lúc đó thằng đó mới nói: “Chị cứ yên tâm đi, trạm kiểm soát của chúng tôi là trạm kiểm soát cuối cùng.” Người dân yếu đuối trần trụi không bầu vúi vào

được bất kỳ cái gì để hòng che chở. Les citoyens sans défense! Ba con, cứu công chức bộ Ngoại Giao vẫn nói vậy đó, thưa bác! “Đói quá chị ơi!” “Đói quá má ơi!” “Cái gì cũng thiếu, cái gì cũng thèm, Má!” Đó là những lời chúng con được nghe khi bước vào khu vực của trại gặp những người quân nhân học tập đương lao động gánh đá. Thưa bác, sáng họ được một khúc sắn, trưa hai khúc, chiều được một bát cơm sắn nếu làm đủ chỉ tiêu, nếu không nhịn luôn. Thưa bác, từ ngày má con nghe kể chuyện này má con bùng lên miệng bất kỳ thức gì cũng khóc ròn. Thương anh con đói. Có đứa trẻ theo mẹ cùng ra Bắc thăm bố, nhìn bố lắc đầu rút cổ nói với mẹ: “Không phải bố, bố không bé thế.”

Trong phòng gặp thân nhân và nhận đồ thăm nuôi, một bà vợ té xỉu khi thấy

chồng mình đã lẹ tay ăn cắp của một bà tới nuôi bên cạnh một miếng thịt gà rán cho vào miệng nhai ngấu nghiến. Đói quá, thèm quá! Bác có biết không, lá thư cuối cùng ba cháu viết cho anh cháu ở trại Vĩnh Phú đại ý nói kín đáo rằng: “Nếu có thể tự tử được thì cứ tự tử đi.” Chính vì ba con thương anh con, thương lắm, mà đành phải xui vậy.

Bà cụ người Bắc cũng kể lại cho ông giáo những nét đối khổ tương tự của một địa ngục tương tự ở Thanh Hóa. Có điều giọng cụ kể bình tĩnh hơn, đôi khi đượm chút khôi hài. Cụ nói gặp thằng cán bộ nào cụ cũng huych toẹt vào mặt, cụ nói thẳng, cụ chửi tuốt. Cụ 73 tuổi, gần đất xa trời rồi, cụ sợ gì! Gặp con cụ đã nói thẳng: “mẹ nhận được thư con nói ngày mới giải tới đây gặp trời mưa đá, ăn trầu cho đỡ lạnh! Thì con cứ nói phăng là bị

một tổ chức trá hình dân chúng ném đá chảy máu miệng, việc gì phải che giấu sự thực. Chính phủ nào thì cũng dạy dân phải luôn luôn ngay thẳng, phản ánh đúng sự thực mà!” Một người cán bộ đứng giám sát gần đấy lơ đi như không nghe thấy gì.

Chuyến xe về với gia đình của ông giáo chạy ngon lành đến Đèo Cả thì pan, cũng là loại pan giả vờ để làm tiền thêm hành khách, nhất là đám hành khách con buôn. Sự gian dối đã được mặc nhiên chấp nhận thành một nếp sống của cái xã hội bị tước đoạt, bản cùng hóa đến mức này, nên biết là pan giả vờ nhưng mọi người cũng góp kẻ ít người nhiều cho xong chuyện. Hôm nghe Thiện kể đến mảnh lời này, ông giáo mỉm mỉm cười không nói gì thêm. Ông không muốn tô đậm thêm một nét bi quan vào tâm hồn

trẻ. Âu đó cũng là một “méo mó nghề nghiệp” của một người trong ngành giáo dục. Ấy, tuy là pan giả vờ nhưng xe cũng dừng lại trên đèo qua đêm (hẳn là cho đám ét, lơ, và tài xế ngủ qua đêm).

Xe về tới bến lục tỉnh Saigon cũng khoảng bốn giờ rưỡi sáng. Vai khoác sắc, tay xách lẳng ông nôn nóng rảo cẳng đi về nhà cách đấy chừng nửa cây số. Trời còn tối, đêm qua có mưa, hơi nước mờ mờ, kính cận bị võ từ lâu, ngần nhiều bất lợi làm cho ông giáo bị lúng túng khá lâu khoảng bùng binh Ngã Bảy. Tìm ra đúng hướng về nhà. Vào đúng hẻm chính nhà mình, ông giáo cũng loay hoay tìm mãi không ra nhà. Ông gọi nhũ danh bà giáo trước một căn nhà hao hao giống nhà mình, bên trong có tiếng người ngái ngủ vọng ra là không có ai tên đó. Ông lật đật bứt rứt đi rồi lại chột dừng lại trước vài

nhà nữa, có lúc chột cuống quýt như con chuột bị dồn vào thế chân tường.

Sau cùng gặp một căn nhà đã có người thốc đèn bật sáng ngoài phòng khách, ông hỏi lớn:

– Cô chỉ giúp tôi nhà bà giáo Q. ở xóm này.

– Ông đi sâu vào thêm ba nhà nữa.

Người đó đáp chẳng buồn ngẩng nhìn. Ông đi sâu thêm ba nhà nữa. Đứng nhà mình đây rồi. Ông giáo gọi ngay tên cô trưởng nữ: “Hoa ơi, bố về nè!” Tiếng một đứa reo như reo cho cả nhà, như thể nó ngồi lắng đợi như vậy từ bao nhiêu đêm thâu rồi. “Bố về!” Tiếng reo ngắn gọn như có hào quang bùng lên trước, rồi đèn bật sáng ngay sau. “Bố về! Bố về! Bố về!” Không phải là những tiếng vang

dội tự vách đá mà là tiếng reo vui của nhiều giọng cao thấp khác nhau, của bà giáo, của lũ con trai, của lũ con gái, của lũ cháu. Thoát thôi, cả phòng khách đã đầy đủ mặt đại gia đình... Rồi hàng xóm nữa. Ông giáo kể chuyện lung tung tìm nhà. Trưởng nữ Hoa nói:

– Từ Thức nhập thiên thai rồi về, mấy trăm năm qua, không nhận ra nhà.

Hải, thằng con trưởng phát biểu giọng điệu khôi hài:

– Bố xa nhà lâu hơn Từ Thức nhiều, nhiều lắm chứ. Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại mà! Còn là tù cộng sản nữa!

11

Vẫn chưa thể có điện tín đánh về được. Chúng nó mới đi vừa được một tuần. Ông giáo tự khám phá thấy rằng sở dĩ ông tránh không muốn nghe thêm những chuyện vượt biên bi hùng và bi thảm là để giữ cho lòng bình yên, tin tưởng đám con cháu mình ra đi chuyển vừa rồi êm đẹp. Ông không muốn nghe thêm , còn vì bây giờ ông thấy nỗi bất hạnh của người cũng là nỗi bất hạnh của ông, của con cháu ông. Ông thương

và lo sợ cho người chính là thương và lo sợ cho mình, cho con cháu mình. Rõ rệt nhất là suốt buổi sáng nay mưa đông lớn, những làn gió mạnh như muốn thốc tung những mái tôn, ông thấy hải hùng lo sợ cho những ghe vượt biên đang chao chát như chiếc lá rụng trên những cồn sóng hung hãn dập chùng. Mười giờ gió dịu, mặt trời ló ra khỏi vùng mây, nắng vàng hoe thành nụ cười mênh mông của tạo vật, ông cũng cảm thấy lòng bùng sáng và nụ cười của ông hòa với nụ cười của tạo vật làm một. Ông như nhìn thấy bằng con mắt tâm linh những ghe vượt biên lúc đó rập rình xao xuyến nhưng rất an ninh trên mặt biển sóng rợn hiền hòa và chan hòa nắng vàng.

Tuy nhiên, việc ông Giáo tránh không lang thang đến thăm nhà bè bạn để khỏi phải nghe kể chuyện những chuyến

đi bi thảm và chuyển dòn tư tưởng ôn lại chuyện tù thì cũng chẳng khác gì tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa. Mặc dầu ông đã để cho lòng hồi niệm rất lâu và đi vào chi tiết rất kỹ phần đoàn tụ với gia đình, nhưng điều đó đâu có làm cho dịu đi dù là muôn một những ray rút, hải hùng của cảnh tù đầy địa ngục trần gian chà đạp nhân phẩm tàn phá nhân cách đã có và đương còn kia.

Tư tưởng ông lại một lần nữa chuyển hướng tìm về một điểm tựa nào để giữ vững cho nhân sinh khỏi lật nhào, che chở cho nhân sinh khỏi hủy diệt. Tư tưởng ông hướng về một người bạn, một tình bạn hy hữu. Đây là người bạn già, người bạn vong niên, hơn ông dễ đến mười tuổi. Người bạn già ở thế hệ Tự Lực Văn Đoàn, tuy không làm văn nghệ nhưng rất được giới văn nghệ tiên chiến

(thế hệ Tự Lực Văn Đoàn) cũng như hậu chiến (văn nghệ miền Nam tự do sau ngày đất nước qua phân, 1954) gần gũi quý mến. Người bạn già của ông bao giờ cũng bận đồ rộng thùng thình, mặc áo sơ-mi và quần tây gò mà như bận áo cà sa.

Vào một buổi chiều lộng gió (ôi chao, cách đây xa lắm, trên hai mươi năm lận) ông giáo nhận ra người bạn già ngay từ xa đi lại phơi phới như đi trên mây. Ông giáo và người bạn già rất ít gặp nhau, xuân thu nhị kỳ, hoặc ba, bốn lần là cùng mà kỳ dị thay lần nào gặp nhau cũng tưởng như mới xa nhau mấy hôm trước và câu chuyện tiếp nối (câu chuyện văn nghệ dĩ nhiên), nồng đượm tức khắc như vẫn nồng đượm tự bao giờ. Lần cuối cùng hai người gặp nhau – cách đây hai mươi năm, đó là điều ông Giáo không

bao giờ ngò tới – rủ nhau đi ăn cơm gà ở một quán bình dân nổi tiếng về món này trong Chợ Lớn.

Ông Giáo được trả tự do về được một tuần thì một người trẻ đã đỡ bác sĩ thời “ngụy”, bạn của lũ con ông giáo, hỏi ông:

– Thưa bác, bác có quen ông Hoàng Nguyên (tên người bạn già)?

Ông Giáo đáp:

– Tôi quý ông ấy lắm. Có thể nói chúng tôi là tri âm tri kỷ với nhau. Anh bạn đã gặp ông bạn tôi ở đâu?

– Cháu là con nuôi ổng.

– Vậy à. Khi nào tiện anh bạn đưa tôi đến thăm ổng nghe!

– Vâng. Hôm nay cháu đi xe đạp, để

mai cháu đi Honda lại đây chở bác đi cho
lẹ và tiện.

– Được lắm!

Hôm sau chính ông bạn già Hoàng Nguyên của ông giáo lọc cọc đạp xe đạp tới thăm. Dĩ nhiên, hai người nhìn nhau có thấy nhau già đi chút ít, chút ít thôi. Nhưng khi nghe ông bạn già nói: “Thế mà hai mươi năm qua rồi đấy anh nhé, kể từ buổi chiều chúng ta ăn cơm gà với nhau,” thì ông Giáo trợn tròn mắt thoát nhất định không tin. Ông Giáo không quên ông vừa ra tù và ông đã ở tù ngót bốn năm, nhưng cảm giác tổng quát tươi mát đến nỗi ông có ý nghĩ rất tổng quát rằng ông chỉ mới xa người bạn già có vài năm. Thời gian tâm lý ở trường hợp này bị thu ngắn lại đến tối đa, thiệt là hy hữu.

Suốt buổi nói chuyện của đôi bạn

hôm đó nhẹ về văn nghệ, nặng về đạo học – một trường hợp đặc biệt chẳng. Nhân nói đến tinh thần vô cầu siêu thoát hai người tìm hiểu về nội lực. Phải rồi, giờ ngón tay cái cho một hài nhi nắm, nó nắm chắc đáo để, vậy mà nó đâu có ý thức, có chủ tâm nhắm môi trợn mắt nắm? Phải rồi, một hài nhi ngã từ trên giường xuống sàn, hoặc dữ hơn, ngã lăn theo thang gác, thường thì chẳng sao đâu, các cụ nhà ta xưa nói là được mụ đỡ, sự thực vì nó không gồng mình nhắm môi trợn mắt lấy gân lấy sức phản ứng lại, nó buông thả mà cũng chẳng biết là mình buông thả nữa, do đó nó đã trung hòa được bạo lực. Hãy vô cầu như đứa trẻ để trung hòa mọi bạo lực, tham sân si làm nên nghiệp quả.

Thượng Đế, Phật, Chúa, Tiên, Thánh là những gì rộng lớn bao trùm thời gian,

không gian. Bởi vậy khi cái ta nhỏ bé cầu nguyện, các siêu-thể-bao-trùm đó trực cảm ngay tấm lòng thành của thế nhân. Thế nhân dốc lòng tu tâm dưỡng tính cũng là cách cầu nguyện Trời, Phật, Chúa, Tiên, Thánh, bởi Chân-Thiện-Mỹ là thuộc tính cả Trời, Phật, Tiên, Thánh chứ còn gì nữa. Thì bao giờ Siêu-thể bao trùm chẳng là niềm vui, ánh sáng, đấng che chở cho thực-thể-hạn-hẹp-trong-thời-không, nhưng đừng bao giờ quên thực thể đó nằm gọn trong lòng siêu thể và với siêu thể là Một, đạo học về Nhất Thể và Hổ Tương là như vậy, nhất thể và vô thể bao hàm và dung nạp nhau là thế: một là tất cả, tất cả là một, nhất đa tương dung là thế.

Câu chuyện vừa tới điểm hào hứng nhất người bạn già điềm đạm đứng dậy:

– Thôi tôi phải về.

– Tôi muốn đến thăm anh vào giờ nào thì tiện? Ông Giáo hỏi bạn.

– Anh khỏi bận tâm. Khi nào rảnh rồi tôi đến với anh, chúng ta trọn vẹn được nói với nhau. Anh đến đảng tôi gặp nhiều loại khách, khách mặt chược, khách trà dư tửu hậu, chúng ta bị phân tâm nhiều trong câu chuyện.

Hai người vai kề vai ra tới thêm cửa, người bạn già bỗng dừng lại thân ái nắm lấy bờ vai ông Giáo, đầu hơi cúi, nhìn như nhìn vào tâm linh, nói cũng như nói với tâm linh:

– Tôi không hiểu là anh đã viết lại chưa, nếu viết rồi e sẽ phải viết lại. Hãy nên để một thời gian suy ngẫm. Chỉ xin nhấn mạnh thêm một điều: hãy tránh căm thù. Căm thù làm thấp kém, làm nhỏ bé, làm xấu xí con người. Có thể

câu này tôi nói với người khác thì không đúng, nhưng với anh thì đúng. Chắc anh cũng chẳng hỏi là vì sao. Chúng ta đi vào vết xe đổ của họ làm gì!

Ông Giáo cũng nắm lấy hai cổ tay bạn:

– Anh nghĩ sao về sự kiện kinh tế suy sụp đến bi thảm, vàng chạy trốn ra ngoại quốc? Anh nghĩ sao về chất xám của nã cũng thất thoát ra ngoại quốc: bác sĩ, kỹ sư, văn nghệ sĩ... ngày một vắng hoa?

Giọng người bạn già nhường như càng bình tĩnh:

– Tôi hỏi thực anh nhé, la fuite de l'or, vàng thất thoát, vàng chạy trốn ra nước ngoài, nhưng vàng đâu có như Kinh Kha một đi không trở lại? Rồi đây sau khi dân tộc ta đã trả xong nghiệp chương có cả

ngàn lẻ một cách “vàng về... Hợp Phố.” Mà cái mình cần lưu ý đâu phải là vàng? Cái mình lưu ý là cái dụng – cách dùng – của vàng kia, anh thừa biết đấy. Trí thức chạy ra nước ngoài ư? Tôi hỏi anh nhé, anh có dám đánh cuộc với tôi không, trí thức Việt Nam cho đến lúc chết chẳng bao giờ từ khước được mình không là trí thức Việt Nam. Họ ra đi ư? Đứng ở quan điểm hướng nội thì kêu là thất thoát, nhưng trên quan điểm hướng ngoại thì đó là đóng góp. Ra đi là một dịp họ mài dũa cho sắc bén hơn. Rồi cũng như vàng trên đây chúng ta chú ý ở cái dụng của trí thức đó. Trí thức được tôi luyện như thế rồi được sử dụng thế nào cho nhân bản đây? Phục vụ cho con người là đủ rồi dù trong Việt Nam hay ngoài Việt Nam. Ôi anh có thấy không, quả địa cầu nhỏ như trái cam, nhỏ như hòn bi, nhỏ như hạt cải, giờ đây.

Chợt người bạn già chép miệng:

– Mà rồi tất cả những thứ đó cũng là cái huyền trôi lăn mà thôi!

Ông Giáo cười hiền. Tới lúc đó ông mới hoàn toàn ôn lại trong trí câu người bạn già vừa nói “có thể với người khác thì không đúng, nhưng với anh thì đúng!” Và ông nói:

– Tôi biết ý anh muốn nhắc nhở chẳng nên thù hận chán ghét thứ gì, vì thứ gì cũng là ảo huyền mà thôi. Tôi còn là nhà văn nữa nên đôi khi anh cho phép tôi được nhìn thấy chư Phật, chư bồ tát không phải ở tòa sen lồng lộng sáng ngời năm sắc, trái lại thấy khuôn mặt các ngài cũng hoảng hốt, xót xa, bi phẫn, đứt ruột như vợ mất chồng, mẹ mất con, thấy các ngài cũng hăm hở lộ mặt nạ những ác quỷ khoác áo thiên thần. Tuy nhiên

tôi vẫn phải thành thực xin anh thứ lỗi cho, đặc biệt là lần này! Câu chuyện giữa chúng mình bao giờ chẳng luôn luôn nhìn trên những đường nét chiến lược bao quát và ý tại ngôn ngoại, tôi đã vô tình và vô lễ kéo anh vào những đường nét chi tiết chiến thuật.

Người bạn già cười, nụ cười siêu thoát rộng rãi làm sao, vừa lúc một luồng gió nhẹ lùa dọc theo đường hẻm, bộ ba rộng thùng thình của Hoàng lão-hữu có ngay những nét gọn phôi phôi. Người bạn già tri kỷ nói:

– Anh cũng như tôi, sức mảy mà chúng mình nô lệ cho ngôn từ. Tôi xin đọc anh nghe bài kệ của tôi cô đọng cả một đời nghĩ nhiều nói ít – (ông bật thành tiếng cười lớn tuy đầu vẫn cúi) – nói nhiều chẳng, chỉ khi nói chuyện với anh.

Rồi người bạn già ngẩng đầu lên (tia nhìn trầm tĩnh giao thoa với tia nhìn chân thành của ông giáo lắng đợi) khẽ gật gù:

– Vâng tôi xin đọc:

Tử vô úy hà úy

Sinh vô tham hà tham

Tử vô sinh vô tử

Sinh vô tử vô sinh

Tử sinh đồng nhất thể

Hà úy hựu hà tham.

Ông Giáo bật tiếng cười sáng khoái, tiếng cười rộng lớn không có góc cạnh, ông đọc lại sáu câu kệ chậm và chắc không sai một chữ.

Tới lúc đó hai người bạn mới thật

chia tay. Cả hai cùng vô ngôn. Rõ ràng họ muốn vậy.

Chết chẳng sợ, sợ gì

Sống chẳng tham, tham gì

Chết: không sống không chết

Sống: không chết không sống

Chết sống cùng một thể

Còn sợ gì tham gì.

Phải, chết không hẳn là sống, không hẳn là chết, mà sống cũng không hẳn là chết không hẳn là sống; sống chết đã cùng một thể, như vậy thì còn sợ gì tham gì nữa!

Quả là nghĩ về người bạn già vào lúc này lòng ông Giáo êm ả hẳn:

Tử sinh đồng nhất thể

Hà úy hựu hà tham.

Vừa một tuần qua sau ngày đám con cháu ra đi. Chưa thể có điện tín được! Cứ bình tĩnh! Long êm ả, giờ êm ả, chẳng sao đâu! Ông Giáo lại cho ý nghĩ xoay quanh sáu câu kệ của bạn già. Giáo lý nào cũng là nhữn dòng chữ chết, nhữn xác hoa xác bướm nếu không có nguồn sinh lực liên tục của từng cá nhân tu chứng giúp cho giáo lý vận hành liên tục để mãi mãi sắc bén tinh khôi với thời gian. Niềm cảm hứng trầm hùng của người bạn già quả đã đủ sâu và mạnh để kết tinh thành nhữn lời vắn thuận phác mà vẫn lấp lánh.

Có tiếng trẻ khóc rộ ông Giáo về với thực tại vườn trẻ. Một đứa đái lênh láng trên sàn gác, một đứa ỉa be bét trong chiếc vũng làm bằng một tấm vải dù. Ông Giáo làm vệ sinh cho đứa trẻ ỉa trước, rất

nhanh rất gọn (ông vẫn nói đùa với vợ con là rất courant service), rồi lau nước đá trên sàn, vừa làm ông vừa độc thoại nội tâm, hay đúng hơn như nói với đám con cháu vắng mặt (rất có thể đương ở trên một chiếc tàu vớt nào đó): “Thấy bố lau cứt đá hào hứng không? Phải thành tựu vô hạn ngay trong cái hữu hạn chứ! Phải xây dựng hạnh phúc vô biên bằng chính những cái tưởng là phiền muộn. Đạt được niềm cảm thông đó là thành tựu được cái khoảnh-khắc-mà-thành-thiên-thu. Bố mặc manh áo rách nè, con cháu thấy không, mà lồng lộng gió cuốn mây trời đó!”

Bỗng ông Giáo nín bật suy tư, không để tiếng nói tâm linh vang vọng lên lời nào nữa. Bao giờ cũng vào đúng lúc cần thiết ông Giáo chợt thấy gớm sợ ngôn từ, dù là ngôn từ chỉ vang vọng trong nội

tâm. Ngôn từ lúc đó như hết những sợi
tơ con tằm nhả ra... nhả ra để tự quăn
lấy, tự bao quanh lấy mà giam giữ chính
mình.

12

Bà Giáo nhắm trong bụng đã tám ngày qua rồi kể từ ngày chúng ra đi. Mỗi ngày sao mà dài, chẳng nhận được điều gì phật ý là bà gắt. Cái cách giáo dục con cái của ông Giáo làm bà đi6n cái đầu. Bà thấy không chịu nổi thái độ lười, làm ẩu, tiêu ẩu, tiêu ẩu của hai thằng con trai đầu (nhưng theo thứ tự là thứ tư và thứ năm sau ba chị gái đầu lòng). Bà lớn tiếng gắt:

– Con hư tại bố! Cái gì cũng để tự giác. Lười như quỷ, phá như quỷ, tự giác cái quỷ gì!

– Ô, ông Giáo đã dễ dàng đáp lời bà – tôi mà nuôi chúng được đầy đủ một chút thì lòi thòi mắng như tát nước vào mặt chứ rồn sao. Khốn nỗi mình nuôi chúng nó đói mẹ nó thấy không, quà bằng hữu từ ngoại quốc gửi về bán đi được khoảng một ngàn đồng, vườn trẻ của cô được thêm khoảng hai trăm đồng. Hàng tháng một ngàn hai trăm đồng nuôi tám đứa con đương tuổi lớn, chúng nó gây rạc như vậy, thiếu thốn đủ thứ như vậy, mắng nhiều làm gì, tội chúng nó. Cô còn nhớ mấy tháng đầu “giải phóng” đã có lần đêm cô khóc thút thít thương các con thềm từ muống muối vừng. Thì mới hôm qua đây, để phần thức ăn cho hai thằng lớn một bát nước canh trắng loãng

như mắt ma, một đĩa nhỏ mặng xào chạy qua hàng mớ, chính mẹ nó cũng lại rơm rớm nước mắt thương chúng nó đương sức ăn sức lớn mà thiếu ăn như thế này rồi thì chẳng bao lâu lại thành một lũ người dài ngẵng, cổ ngẵng, răng hô, đẹp như... khi Trường Sơn.

Cách ông Giáo gọi bà Giáo như vậy, khi thì “mẹ nó,” khi thì “cô” khi thì gọi nhũ danh cả bà Giáo “cô Hảo.” Bà Giáo nghe ông Giáo nhắc lại toàn những điều đã xảy ra thật nhưng bà tiếp tục gắt:

– Bố gì chiều con, hút điếu thuốc lá mời, còn nữa cũng gọi cho con, có khi không hút để dành cho con, quý thế, có lần còn châm sẵn dúi cho nó nữa.

Mấy điều mà bà Giáo vừa tố cáo đều đúng cả. Chết, ông Giáo đâu có ngờ bà lại kín đáo nhận xét đủ điều. Ông đương

loay hoay chưa biết tìm cách chống chế ra sao, bà lại tiếp:

– Hai đứa đi làm lính lương có biểu mẹ được đồng nào không, hay là chỉ vui với bạn bè, với bồ, đi cà phê, cà pháo hết cả?

– Khốn nạn lương công nhân viên một thằng được bốn mươi mốt đồng, một thằng được năm mươi lăm đồng mỗi tháng, chúng trả nợ miệng nhau, kéo nhau đi ăn phở một lần, uống cà phê một lần là hết rồi. Hôm nợ thằng Hải vá sắm xe đạp một đồng cũng phải xin bố. Chiếc xe của thằng Vi tôi đạp thấy nặng như cùm phải đưa cho người ta vô dầu mỡ hết sáu đồng.

Thấy trong phòng đã tạm đủ mặt các con, ông giáo làm bộ nghiêm căn dặn mấy câu để lấy lòng bà Giáo:

– Tao bảo chúng mày nhé, hể tao có khách ở phòng khách đưa nào đi đâu về đừng có thao láo mắt ra mà không chào nhé. Tao đến nhà ai mà thấy thế tao cũng khó chịu.

Thế là mấy bố con bèn cố tình bàn bạc rất ồn ào về thái độ nên có khi đám con bước vào nhà thấy khách của bố. Đến đây hoàn toàn chuyển sang chuyện giữa bố con rồi, mà ông giáo và lũ con lại thích khôi hài. Câu chuyện hể hơi nghiêm trọng một chút là y như bố hoặc con nêu ra được một điểm khôi hài nào để hóa giải. (Đây là một khía cạnh khác trong nếp sống tình cảm của ông Giáo). Ly, đứa con gái thứ ba nói:

– Thì bọn con đưa nào cũng chào đấy chứ. Có lần con chào to “Bác ạ!” thì đúng là Bà, vai Dì của mẹ. Thành thử kệt.

Lại mấy phút bố con bàn bạc sôi nổi, sau cùng tất cả bố con hiện diện đều đồng ý hể đưa nào vào phòng khách thấy có khách lạ, trước hết điều cần yếu là phải có thái độ khép nép nghiêm cẩn, rồi khẽ cúi chào, khuôn mặt tươi, miệng tươi, nhưng có thể chỉ nói lí nhí không thôi cũng được để tránh kẹ vào vụ chào lầm vai vế.

Vừa lúc có tiếng gõ cửa. Hy đứng sát đó mở cửa, ông giáo nhận ra bạn ngay, bảo khẽ mấy đứa con: “Chúng bay chào bác.” rồi ông nói lớn như thường lệ:

– Anh Bình, mời anh vào!

Bình dạy cùng trường với ông giáo trước đây – dạy môn Pháp văn – và giờ đây còn dạy. Mấy đứa con có mặt cùng chào “Bác ạ” khá lớn rồi lui vào phòng trong.

Thế là nhờ có lũ con ông Giáo đã đánh lạc hướng để khỏi bị bà Giáo kỳ kèo về “con hư tại bố” bây giờ lại có thêm bạn đến để tiếp chuyện, ông như được rút vào căn phòng có hai lần cửa khóa an toàn. Thêm nữa đỡ tẻ lạnh một ngày chờ điện tín của lũ con cháu.

Miễn là – ông Giáo nghĩ thầm – ông bạn đừng kể lại những chuyện vượt biên gian nguy bi thảm. Quá đủ rồi! Sursaturé rồi!

Ông Giáo niềm nở bắt tay bạn trong khi bạn nói:

– Được tin anh về đã lâu rồi mà nay mới lại thăm anh được, anh thứ lỗi cho.

– Cám ơn anh đã tới. Bây giờ ai cũng bận chết lên ấy, anh còn nói sớm với muện làm gì. Tôi được biết anh vẫn dạy

Pháp văn ở trường Sư Phạm của chúng ta từ ngày nào đó tới nay. Ngoài ra anh có làm gì để kiếm thêm không?

– Mỗi ngày tôi còn làm thêm tám tiết xích lô (tiết là danh từ miền Bắc dùng để chỉ mỗi giờ giảng dạy trong lớp), ngoài mười bốn tiết Pháp ngữ mỗi tuần tại trường.

Ông Giáo đỡ khay trà của con mang ra, vừa rót một tách mời bạn vừa lơ đãng hỏi, lòng chưa ngờ chút gì:

– Anh nói, “tám tiết xích lô” là thế nào?

– Là tôi kiếm thêm bằng cách đạp thêm tám giờ xích lô, thường thì sáng bốn giờ, chiều bốn giờ, trung bình kiếm thêm được ba chục đồng nữa, nhưng đạp xích lô phải bồi dưỡng đúng mức cả về

phẩm lẫn về lượng, nên tuy trung bình tôi kiếm thêm được ba chục đồng nhưng chỉ trao cho vợ con nửa số tiền kiếm thêm đó, nửa kia phải tự bồi dưỡng ngay khoảng giữa những tiết lao động, vì khổ cái đập xích lô đói quá không đập nổi đã đành, mà no quá đập cũng lạc điệu. Phải ăn lai rai để dạ dày lúc nào cũng ở khoảng lưng lửng. Thực ra đập xích lô vất vả lắm đấy anh ạ, kiếm chừng nào ăn chừng ấy mới đúng, nhưng ai lại thế, đâu có được.

Thôi còn nghi ngờ gì nữa, ông bạn đồng nghiệp giáo sư Pháp văn giải thích liền một hồi như vậy vừa nhập đề vừa thêm cả một phần thân bài rồi còn gì. Mà ông Giáo khi nghe vỡ câu chuyện cũng chẳng hề ngạc nhiên. Thì có trường nữ Hoa của ông trước đây há đã chẳng cùng Lịch (lúc đó còn là vị hôn phu) mở một

xe rau má ngay trước cửa nhà cô chúng nó (Quỳ) ở ngay kế bên xe đồ liên tỉnh miền Đông. Con bé ngồi cầm cúi đọc sách Pháp, phần nhiều là tiểu thuyết, từ các tác giả thế kỷ XIX, Victor Hugo, Balzac... đến các tác giả thế kỷ XX, Romain Roland, Saint Exupéry, Albert Camus... Nhiều khi khách đã gọi tới ba lần con bé mới chột nghe ra và vội vã làm theo com-măng. Nơi đây Hoa đã gặp một số các bạn cũ từng xong các loại cử nhân Văn, Triết, Sử Địa, đập xích lô ghé qua uống một ly rau má của cô bạn Sư Phạm Pháp văn như họ vẫn gọi đùa.

Ly, con bé thứ ba lanh chao tháo vát nhất nhà, học xong năm thứ nhất Đại Học Khoa Học thì “cách mạng” vào, nó phải bỏ học và đã hai lần mở quán cà phê với “tham vọng” kiếm thêm tiền chợ giúp mẹ. Cả hai đứa (Hoa và Ly) đều

thất bại. Chúng chịu thương chịu khó đấy, nhưng vẫn quá ngây thơ và lơ đãnh trong việc buôn bán. Ly rau má phải đủ đậm và ngọt, phải đường cát trắng đúng tiêu chuẩn vệ sinh. Cà phê phải là thứ origine không được pha thêm bột bắp... Như thế thì lãi được bao nhiêu?! Rồi lơ đãnh, bán rau má thì để lũ trẻ lưu manh ăn cắp mất ly, muống; bán cà phê còn để mất cả phích nhỏ đựng nước sôi nữa.

Một lần Ly thấy một anh chàng trẻ măng dùng xích lô lại, nhoẻn miệng cười, Ly nhận ra ngay anh bạn cùng học năm thứ nhất Đại Học Khoa Học với mình xưa. Ly hỏi: “Ủa, tôi tưởng dạo đó anh tiếp tục học kia mà?” Anh bạn đáp: “Chứ sao!” Ly ngạc nhiên: “Thế anh học xong chương trình bốn năm cử nhân rồi sao?” Người bạn lại đáp “Chứ sao!” Ly hỏi ngay: “Ủa thế sao anh không đi dạy

học?” Lần này thì anh bạn đành phải trả lời dài dòng hơn một chút: “Đi dạy học để lĩnh năm chục một tháng sao? Sức mấy! Vả lại còn phải khai lý lịch, ba tôi hiện đương học tập cải tạo mà, sức mấy mà họ bổ dụng mình.” Ly bảo người bạn học cũ: “Thôi hãy để xe đấy, ngồi uống một ly cà phê đã.”

– Sức mấy mà từ chối phải không chị Ly nhỉ.

Anh bạn cười tưởng như vui, kỳ thực buồn, ngồi lên một chiếc ghế đầu nhỏ và thấp, trước một chiếc bàn cũng nhỏ và thấp (cái gì cũng mi-ni hết). Chẳng biết anh bạn lúng túng thế nào đánh rơi vỡ chiếc phích nhỏ đựng nước sôi. Dĩ nhiên anh bạn đòi Ly phải nhận tiền đền chiếc phích là điều mà Ly không bao giờ quan niệm nổi – quen nếp sống hiếu khách, phóng khoáng của nhà. Anh bạn đành

vừa xin lỗi vừa cảm ơn rồi đập xích lô đi.

Cả Hoa, cả Ly sau khi đã “đẹp tiệm” rau má và cà phê đều tuyên bố với bà Giáo:

– Chúng con cũng như bố mẹ không có lộc buôn bán đâu, chỉ có thể làm được những gì ba cọc ba đồng thôi.

Và từ đấy chúng nhận đơn móc thuê, hoặc hết đồ đơn móc thì đi cuốn thuốc lá thuê, đồng thời nhận làm gia sư mấy nơi. Tuy đã dứt khoát giải nghệ bán rau má là vậy mà cả nhà sau này vẫn thỉnh thoảng ới ới gọi đùa Hoa là “người đẹp rau má” và Lịch là “người hùng rau má” để gọi là ghi dấu vang bóng một thời.

Ấy đấy, ông Giáo vừa nâng chén trà mời bạn vừa nghĩ lại về lịch sử kiếm thêm tiền chợ cho mẹ của hai cô con gái, thì

việc ông bạn đồng nghiệp còn trẻ hơn mình cỡ mười tuổi, mỗi ngày đập thêm tám tiết xích lô có gì mà phải ngạc nhiên đâu. Bởi vậy đôi bạn vừa uống trà vừa tiếp tục đàm đạo xoay quanh nghề đập xích lô một cách rất thoải mái (vừa tránh cho ông Giáo khỏi nghe đến, nghĩ đến những chuyện vượt biên). Chủ thì tò mò đúng tác phong một... nhà văn, khách thì hào hứng vì đã nắm vững cả bề rộng lẫn bề sâu – đúng là một nhà đập xích lô trí thức.

Chủ – Vào những tiết đập xích lô hảnh đôi khi anh có khách hàng là đồng nghiệp và học trò.

Khách – Có chứ. Nếu là học trò, tôi lảng lảng đập, dù là cuốc xa đến mấy – từ Chợ Lớn sang Gia Định chẳng hạn – và nhất định không lấy tiền, dù trò vật nài đến mấy. Có lần tôi phải tác sắc lập

nghiêm gắt như thê đương đứng trên bục. Nếu có một đệ tam nhân nào mà chứng kiến cảnh đó ắt phải lấy làm lạ lắm. Anh xích lô rách mướp thì nghiêm gắt, người khách thì lúng túng khúm núm. Nếu là bạn đồng nghiệp hay bất kỳ người quen thân nào tôi cũng chân thành phục vụ không, nhưng bạn trả tiền thù lao bắt phải lấy ngay để bạn đỡ thắc mắc.

Chủ – Hẳn anh phải có bộ đồ riêng khi hành nghề lao động này.

Khách – Dĩ nhiên. Y phục xứng kỳ đức, anh ơi. Bộ đồ đạp xích lô phải càng rách càng tốt, nhưng phải là thứ vải bền, bộ đồ kaki đi trận cắt cụt thì nhất. Chỗ rách vá sơ sài thôi, khoảng túi áo, gấu áo mà rách khỏi cần vá để khi đạp nghe thấy tiếng gió phấp phật. Khoái vô cùng, chính niềm sướng khoái tưởng như vô lý đó làm mình quên mệt đi rất nhiều. Là

một người xích lô sà vào ăn chỗ nào bên lề đường cũng được tính theo giá bình dân. Một lần tôi dạy học ở trường ra, thấy đói, sà vào ăn cơm đĩa của một bà bên vỉa hè, cũng ngần nhiều cơm, ngần nhiều thịt sườn nướng, bà tính tôi giá gấp đôi lần khi tôi là bác xích lô. Bà chỉ chú ý sự khác biệt về quần áo, không nhớ mặt.

Chủ – Ấy tôi cũng có một chú em nuôi, trước là sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến, sau bốn năm chín tháng đi học tập cải tạo về hiện cũng đương hành nghề xe ôm. Chú ta chỉ có cái Honda mà.

Khách – Vâng, xe Honda thường phải chạy loại xăng không pha dầu hôi, khách sành điệu ưng lắm đó, chạy lẹ, ít khói, không hỏng tầm bảy tám bậ, nhưng anh phải bảo chú ấy coi chừng kéo lỗ bị lừa tới quăng vắng bị cướp mất xe, có thể

mất mạng nữa. Mới một tuần trước đây, một người bị giết ở ngay trước Sở Truyền Hình đường Hồng Thập Tự. Khoảng bảy giờ sáng tối qua đấy, xác đã được chở đi, chỉ còn vết máu; nghe nói nạn nhân bị giết khoảng bốn giờ sáng và bị cướp mất xe. Cũng là dân xe ôm đây.

Chủ – Có, có, chú ấy biết hết đấy anh ạ. Thanh niên sĩ quan mà. Tôi còn nhớ một lần chú ấy ngồi uống cà phê với các cháu trong bếp kia, vấn đề bảo vệ tính mạng và xe có được đề cập và chú nói thao thao: “Bí quyết giữ thân và giữ xe là ban đêm không bao giờ đi xe vào hẻm nhỏ; không tham chở hai người; đỗ xe cho khách xuống phải đỗ ngay dưới cột đèn sáng hoặc có cảnh sát”.

Khách – Anh nên bảo chú ấy nếu có chở khách ban đêm hãy tránh khu Nhà Bè, khu Trường Đua Phú Thọ, khu Ngã

Tư Bảy Hiền, khu Bà Queo, khu Tân Thuận, những nơi có băng cướp xe đồ. Chú ấy là thanh niên, anh bảo chú ấy đừng bao giờ nghĩ rằng chở con gái, nhất là con gái đẹp, mà lại không bị cướp, có thể nó làm con mồi để nhử mình đến chỗ vắng nào đó...

Chủ – Nhưng hãy trở về chuyện xích lô của anh! Nhờ hành nghề xích lô anh đã được chứng kiến những gì của bộ mặt xã hội?

Khách – Nhiều cảnh thương tâm lắm anh ơi, Túng đói mà. Đói ăn vụng túng làm càn. Lũ người bán vé chợ đen ngụy trang bán bánh mì, bán thuốc lá, cùng lũ trẻ móc túi cướp đồ ở ngay các bến xe. Đội bảo vệ bến xe, đồng Công an bắt họ, giam họ, đánh họ, rồi cũng phải thả. Túng đói còn đó, làm sao mà tệ trạng hết được. Một lần tôi chứng kiến cảnh một bà mẹ

trên tay ôm một con mọn, lũn cùn quần dưới chân hai đứa con mọn nữa, từ Đà Nẵng vô Saigon rồi lên Tây Ninh thăm chồng là sĩ quan học tập, trên đường về, tới bến xe Saigon bị mất cắp hết tiền, hết giấy tờ. Trong tội không thể tả được. Bốn mẹ con lếch thếch vào đồn Công an có, công an cấp giấy chứng nhận, rồi bốn mẹ con lại bồng bế dắt díu ra bến xe trình bày hoàn cảnh với chủ xe. Hành khách trên xe cũng biết chuyện. Chủ xe thông cảm cho lên xe, về tới Đà Nẵng trả tiền sau. Hành khách an ủi, mua bánh mì mời ăn. Cùng giả tắc biển, cảnh đời không thể làm sao sống nổi. Còn cảnh dân bỏ vùng kinh tế mới về hoặc, vượt biên thất bại về, nhà cửa đã bị tịch thu, sống cảnh màn giời chiếu đất, cả gia đình tụ tập dưới mái giọt tranh của một công ốc nào đó, ăn đấy, ỉa thì ra miệng cống gần đấy, mùa nắng còn tạm ổn, mùa mưa

bão trông cảnh vợ chồng con cái họ dưới ánh đèn khuya vàng vọt quẩn những tấm ni lông tả tơi, anh ơi, thê thảm không thể nào nói cho hết được. Ở nước văn minh, người ta có hội bảo vệ Súc Vật, vô ý mình nắm chân con gà dốc ngược lên có thể bị kiện rồi...

Chủ – Ấy hồi chúng tôi còn ở trại tập trung đã có nói “ninh vi thái bình khuyển, bất vi loạn thế nhân.” Thà làm con chó thời bình còn hơn làm người thời loạn huống chi lại còn làm tù nhân dưới chế độ cộng sản.

Khách – Tôi đã đạp xích lô cho những ông bà đi lĩnh quà gửi từ ngoại quốc về, nghe họ kêu trời về bên trong bị đổi, bị mất, đồ còn lại bị trưng mua những món đắt giá nhất. Người dân trần như nhộng, yếu như sên, không có một điểm nhỏ nào để bầu víu kêu gào pháp luật chống

với những tệ đoan ăn cắp, ăn cướp trắng trợn vô liêm sỉ đó. Cũng nhờ đạp xích lô tôi chứng kiến cảnh không biết nên cười hay nên khóc đây, đó là cảnh một anh to gấp rưỡi tôi, hăn mà hành nghề xích lô thì ngon lắm, nhưng hăn hóa trang, băng chân, băng tay, băng mặt, rồi thuê tôi chở xích lô xuống Ngã Tư Bảy Hiền, rồi hăn kín đáo cởi áo ra nằm xấp xuống vệ đường giả câm không nói, chỉ giờ chiếc ghế gỗ xin tiền bố thí. Anh xem, đi sâu và đi rộng vào xã hội chính là đám anh em hành nghề xích lô chúng tôi.

Cả hai cùng cất tiếng cười sảng khoái. Tới đây câu chuyện hoàn toàn được hâm nóng và thường là ông bạn toàn quyền tường thuật, ông Giáo chỉ có đôi lời điểm xuyết cho đúng phép lịch sự của chủ nhân. Người bạn nói nghệ thuật quan sát khách hàng không phải bất kỳ cuộc

xe nào – từ cầu Chữ Y đến chợ cá đường Trần Quốc Toản chẳng hạn – cũng ba đồng, và giá cả từng cuộc xe cũng chẳng hề nhất thiết phải theo tỷ lệ thuận với số hàng chở kèm nặng hay nhẹ. Cuộc ba đồng có thể tăng thành mười đồng, nếu quan sát cách ăn mặc mình biết khách lên Saigon là dân ghe chài túi đầy cộm tiền mới từ miền ruộng mang hàng lên.

Mắt nhìn, tay lái, chân đạp phải phối hợp rất gần bó nhịp nhàng khi mình vừa thoáng phát hiện ra một người chờ xe, có thể mới không bị xe sau, hay xe từ phía đối diện đi lại cướp mất khách. Ông bạn nói là xe chạy ở Saigon dĩ nhiên phải chọn những khu phố đông đúc, hoặc buôn bán mà đón khách; trong Chợ Lớn thì trái lại chỗ nào cũng đông như chỗ nào, dễ kiếm khách. Ông bạn nói tuy không tin dị đoan nhưng quả

thật buổi nào chuyển xe mở hàng mà gặp được khách dễ dãi thì buổi đó làm ăn trôi chảy, phát tài. Ông bạn nhận xét mặc dầu trong đám khách đi xe vẫn có những kẻ ỷ mình có tiền coi khinh giới lao động xích lô, nhưng rất nhiều người đã biết có nhiều trí thức đạp xích lô nên họ có thái độ rất nhã nhặn lịch thiệp, trả tiền mình xong còn kèm theo lời cảm ơn. Ông bạn còn nói nhiều nữa về nếp sống của người đạp xích lô. Ông nêu lên một ý kiến so sánh của riêng ông là việc đạp xích lô đi kiếm khách chẳng khác anh chàng vác cần đi câu cá. Gặp hôm may thì cá đầy giỏ, chẳng may thì xách giỏ về không. Thiếu gì lần ông bạn đạp xe đi rồi lại đạp xe về.

Để câu chuyện được toàn diện và phong phú, ông bạn còn kể cả chuyện ma nữa. Khoảng từ nhà thương Cộng

Hòa đến Ngã ba Chuồng Chó có lần xảy ra một tai nạn xe hơi đâm vào cột đèn. Đôi thanh niên nam nữ trên xe tử nạn máu me phủ đầy mặt đầy người rất rùng rợn. Có đêm – nghe nói – có một bác xích lô qua đây thấy một thanh niên mặt đầy máu đứng dựa vào cột đèn, đoán chắc là ma bác xích lô đạp gấp, trốn gấp. Có bóng một thiếu nữ trong khoảng tối trước mặt vẫy xe, bác dừng lại cho lên. Bác hỏi “Cô về Saigon hả, tốt, hai người thế này cho vui, tôi vừa thấy một thanh niên dựa cột đèn phía sau, mặt đỏ lôm nhữn máu. Ma đấy!” Tiếng cô như vẳng tự âm ti: “Như tôi nè...” Và cô nhòe lên, quay lại, khuôn mặt nhễ nhại máu...

Khi người bạn đứng dậy tạm biệt ông giáo, ông cười thật giòn, bắt tay bạn rồi khư khư nắm hoài ra tận cửa:

– Cảm ơn, cảm ơn anh đã tới thăm và nói chuyện vui suốt ba tiếng đồng hồ, cảm ơn, cảm ơn anh...

Thật ra trong thâm tâm ông giáo còn cảm ơn người bạn đã giúp ông qua đi một ngày chờ đợi điện tín, được nghe loại chuyện khác loại chuyện vượt biên bí hiểm.

Nhưng còn bà giáo?

13

Phải, nhưng còn bà giáo? Bà nóng lòng sốt ruột lắm rồi, những lời tự vỗ về ảnh con nó tươi lắm, mấy ngày liền sau khi chúng nó ra đi trời êm nắng đập gió hiu hiu, bà không cần nghe. Giệp, giệp đi hết, bà chỉ cần điện tín! Bà đương ngồi trong bếp thì ông trưởng nam Hải dẫn xác vào. Bà mắng liền:

– Chúng mày mấy đứa con giai có biết xót bố mẹ không? Bố mẹ lau cứt, dọn đái, dỗ ngủ lũ trẻ suốt ngày được hai

đồng một đứa, miệng chúng mày ngậm
lệch điệu thuốc lá ngoại quốc, sướng lắm
hả?

Vi – thằng thứ hai – cũng tự ngoài
toan vô bếp vào nhà cầu, nghe tiếng mẹ
đương mắng anh vội đứng khựng lại, rồi
quay gót ra không vào nữa. Vi đây rầy tội
lỗi, vào thì chết: bán quần, bán áo, bán
thuốc của mẹ lấy tiền đi thết bạn cà phê
thuốc lá. Rút cục chỉ một mình Hải lãnh
đủ. Bà giáo tiếp tục kể tội lũ con trai:

– Ngủ chín, mười giờ sáng mới dậy
– (lúc khác bà thương chúng thiếu dinh
dưỡng) – để mặc bố mẹ giặt quần áo,
quét nhà, rửa bát, dội cầu tiêu, lau bàn
ghế...

Ly mới đi thăm bạn về ngay tình đi
thẳng xuống bếp. Vi nhìn theo chị nói
thăm: “chết bà rồi!” Quả nhiên tiếng bà

giáo từ dưới bếp vang lên, chuyển mũi dùi sang Ly:

– Tao mới lục thấy một đồng áo sợi móc của lũ con gái chúng mày kia, tao phải đem ngâm xà bông giặt kia. Lúc thích, móc hai ba tuần xong chiếc áo, mặc được ít lâu chán bỏ, để vàng khè...

Ông Giáo cũng muốn vào bếp nói vài câu đỡ đòn cho lũ con, nhưng ông biết nói vào lúc này không lợi, chỉ tổ đổ dầu thêm vào lửa. Vả lại chính lúc đó bà giáo cũng đương nghĩ đến ông giáo, vẫn cái tội chiều con. Xe đạp chúng nó đi hỏng thì kệ xác chúng nó đi mà chữa lấy, bố lại lẳng lặng giặt đi sửa cho chúng. Thỉnh thoảng lại dọa: “Để rồi tôi mắng cho nó một trận!” Nhưng để là để dành, chiều con mà, mắng sao được. Chúng nó tắm thì sẵn nồi nước điện đun sôi khệ nệ bưng vào phòng tắm đích than pha

nước cho con tắm. Về lỗi nuông chiều con nơi ông giáo như chấy rận nơi con nhà nghèo, sờ đâu cũng thấy. Dạy con như thế dạy làm sao được!

Có tiếng ông giáo gọi lớn từng bừng từ phòng khách:

– Cô Hảo ơi, có tin vợ chồng con Hoa này! Bao nhiêu bức dọc tưởng ngàn năm không nguôi vụt biến hẳn không còn một chút vết tích.

Giọng bà reo lên:

– Có điện tín đấy ư anh?

– Cô ra đây có bác tới chơi này.

Bà Giáo ra gặp ông thông gia – bố chồng Hoa.

– Có tin cháu rồi ư bác ? Có tin cháu rồi ư bác? – Giọng bà cuống quýt, đáng

bà cuống quýt như đứa trẻ lâu ngày mới gặp bà nội lại được cho quà.

Ông thông gia thuật lại một lần nữa dài dòng hơn vì lần này có đủ cả ông bà Giáo và đám con trai gái. Ông nói là một đứa con của một gia đình có cổ phần trong việc đóng ghe vượt biên vừa qua vừa tới nói với ông rằng ghe ra tới hải phận quốc tế đã được tàu Hoa Kỳ vớt và sẽ cập bến Tân Gia Ba, ở trại tị nạn nơi đó, đợi làm thủ tục xong là được bốc đi Mỹ liền. Tàu Mỹ vớt thì định cư tại Mỹ, trừ phi mình có người nhà nơi nào khác muốn xin định cư nơi đó. Cô Chu đã từ trên gác xuống cũng chảy nước mắt vì sung sướng như bà Giáo. (Bà nội đi lễ chùa chưa về).

Bà Giáo nói quả thực mới sau tám ngày đi đã sớm được tin như thế là hi hữu lắm (bây giờ thì bà công nhận là sớm

một cách hi hữu), nhưng làm sao người đó biết tin? Ông thông gia cho hay là nhà đó nhận được điện, và là điện của ông thuyền trưởng Mỹ. Chắc hẳn là vì lòng nhân đạo họ đánh điện vắn tắt cho biết để loan báo cho nhau. Câu chuyện tới đó thì ông thông gia cáo biệt, ông còn đi báo tin mừng đó tới vài gia đình người thân khác nữa. Bây giờ chỉ còn chờ điện tín của chính chúng nó, chừng vài ngày nữa thôi chứ gì.

Ông Giáo ngồi vào dương cầm đánh rất nhẹ (như lời thủ thi) bản nhạc xinh “Nhớ Ai” mà ba mươi sáu năm về trước ông đã làm tặng bà, thuở bà còn là cô gái mười mà đương thuở “Đông đào Tây liễu.”

Tiếng đàn thật dịu thật êm, giọng ông hát khẽ còn dịu còn êm hơn:

Sương chiều thu buông trắng xóa

Trăng mùa thu xa vắng quá

Ai nhớ ai mắt say mơ màng

Rằng ai có thấu ai chăng.

Ngày đó, sau bản nhạc tặng này “chàng” dắt “nàng” đi học dương cầm cùng một bà thầy người Pháp ở đường Tràng Tiền, Hà Nội. Hai người nói dối bà thầy là... hai anh em. Bà thầy quá giỏi về dương cầm, nhưng lại quá gà mờ về nhận xét nét mặt, khi nghe hai người nói vậy thì gật gù khen ngay là hai anh em giống nhau lắm. Hai người cùng học dương cầm một năm thì làm lễ thành hôn, cô dâu nghỉ tập đàn, tưởng là tạm nghỉ nhưng sau đó cuộc kháng chiến bùng nổ, rồi những ngày cực nhọc của toàn thể gia đình, rồi con cái đứa nọ kể

tiếp đứa kia... Trường hợp này của bà Giáo y hệt trường hợp của Quỳ “đệ nhất danh ca”. Bà Giáo cũng hoàn toàn quên bản thân mình đã từng một năm học dương cầm, đã từng đánh rất trôi chảy những bản Valse Favorite của Mozart, Danse Villageoise của Beethoven... trong *Classiques Favoris* quyển I. Và cũng như Quỳ, tuy không còn đích thân theo đuổi nghệ thuật nhưng ý thức nghệ thuật còn sắc bén.

Ngày ông giáo mới được thả về, hì hục tập đàn lại những bài ngày xưa ông đã chơi quen thuộc lắm, nhưng vì hai bàn tay lao động cực nhọc suốt mấy năm trời nên tiếng đàn thô lậu. Bà Giáo phê bình:

– Ngày xưa, tiếng đàn của bố bà bạn đều khen là bay bướm tài hoa, bây giờ tiếng đàn của bố nghe nặng nề như bố

củi. Tội nghiệp bố!

Đến ba bốn tháng sau tiếng đàn của ông Giáo mới thuần hơn, bớt đi tính chất cứng nhắc, nặng nề... bố củi.

Trong khi ông Giáo đàn lại bản nhạc xưa thật dịu, thật êm thì Chu đạp xe đi ngay để báo tin cho gia đình bên nhà Phương, Quỳnh. Chỉ còn đợi điện tín của đám bên ấy nữa là hoàn toàn yên chí. Thực ra Phương, Quỳnh cũng rất yên chí vì theo dõi hai đài phát thanh VOA và BBC thì mấy ngày ngay sau hôm bọn nhà ra đi, tàu của nhiều nước túc trực ngoài khơi để vớt những người vượt biên. Tội nghiệp, chả vì họ thấy mình chết nhiều quá. Nghe nói Hải Quân Hoa Kỳ cũng đã tặng cho Hải Quân Thái Lan một chiếc tàu nhẹ trang bị đặc biệt thuận tiện cho việc săn đuổi và bắt bằng được những tàu hải tặc. Cụ bố chồng Quỳnh mất. Tang

ma làm rất đơn giản. Chừng ba ngày sau Phương Quỳnh nhận được điện của Hoàn (cô em đã mang thằng Út đi và đã định cư tại California Hoa Kỳ):

“Có tin các cháu Bích Vân Tỉ sẽ tới Tân Gia Ba.” Quỳnh mừng rơn tới nói với ông Giáo:

– Em chắc là cả hai ghe của hai nhà cùng được một tàu ngoại quốc vớt, tất cả chúng nó gặp nhau trên tàu đó anh ạ.

Ông Giáo gật đầu.

– Có thể lắm chứ, cả tụi nó mà gặp nhau thì tha hồ tổ chức văn nghệ văn gùg.

Nhưng rồi mấy hôm sau nữa, ông Giáo vẫn chưa nhận được điện của Hoa Lịch. Bà Giáo lại bắt đầu sốt ruột. Bà đạp xe lại đàng ông bà thông gia hỏi lại về bức

điện hom nọ có thực mục sở thị không. Ông bà thông gia cho hay là không được chính mắt đọc bức điện, chỉ nghe thằng bé thuật lại, mà địa chỉ nhà thằng bé ông bà cũng không biết.

Thêm vài ngày qua đi không thấy gì, tất cả mọi người bắt đầu lo, nhất là tới ngày đó mới hay thêm là ngày xuất phát có một ghe taxi bị đám cướp sông chận đường lột nhẫn vàng, tiền và một sổ hành trang, nhưng người vẫn lên kịp thuyền lớn, và ghe chở lương thực đã thất lạc, không biết vô tình hay cố ý. Như vậy thuyền đi thiếu lương thực, e rằng nếu hai ngày lên đên ngoài khơi mà không được cứu vớt thì đói. Tiếu gì chuyện vượt biên trẻ con người lớn đói xỉu người đi. Lần này bà Giáo lo âm thầm nung nấu, có tiếng động ngoài cửa là bà dừng mọi công việc lắng nghe xem có phải điện tín

của tụi nó gửi về.

Đã đến ngày Chu phải từ biệt gia đình anh chị trở ra Bắc. (Bà nội còn ở lại.) Bề ngoài Chu cố giữ vẻ bình tĩnh, trong lòng Chu cũng lo lắng chẳng kém gì bà Giáo. Chu ân cần dặn ông giáo ngay tại nhà, ân cần dặn lũ cháu ra tiễn tại ga xe lửa Bình Triệu, là hễ có điện của Hoa, Lịch, Thiện thì điện ra Hà Nội báo cho cô hay ngay lập tức.

Vào đúng trưa ngày chủ nhật, vừa năm tuần qua, ông giáo nhận được điện của người bạn thân từ Pháp đánh về bằng tiếng Pháp:

“Hoa Lịch Thiện đã được nhận vào Đại Học Nam Dương. Đâu bình thứ”.

Bà Giáo khóc, (bao giờ cũng vậy, vui bà cũng khóc mà buồn bà cũng khóc,)

còn tất cả những người khác trong gia đình thở phào nhẹ nhõm. Ông Giáo sai một đứa đi đánh điện ra ngay Hà Nội cho cô em gái, một đứa khác đạp xe đi ngay một tua báo cho Phương, Quỳ, gia đình bên ông bà thông gia và một số người thân khác.

Thôi thế là bây giờ chỉ còn đợi thư của tụi nó kể tỉ mỉ cuộc hành trình của chúng. Việc này có càng sớm càng hay, muộn cũng chẳng sao!

14

Sau niềm vui chan hòa cả nhà cùng thưởng, Ánh cảm thấy buồn nản, buồn nản đến rã rời cơ thể. Ánh nghĩ tới một tháng hè về phép sống giữa gia đình của mình chẳng còn bao lâu nữa, còn có không đầy hai tuần. Ánh nay là cô giáo mà nghĩ ngày phải dời gia đình trở lại trường buồn chán đến muốn ứa nước mắt, y hệt đứa trẻ ham chơi, sau dịp nghỉ Tết sắp phải dời cha mẹ trở lại nhà trọ chuẩn bị tới trường. Trường và

thầy và bạn với đứa trẻ lúc đó y hệt với Ánh lúc này là tất cả những yếu tố kết hợp lại thành địa ngục tâm hồn.

Ngay từ năm 1975, “cách mạng” vừa vào tới Saigon thì Ánh và Hoa cũng vừa học xong chương trình Đại Học Sư Phạm bốn năm ban Anh Văn và Pháp Văn. Nhưng tất cả đám sinh viên này đều phải học thêm một năm vừa để “bồi dưỡng” về chính trị vừa để ban giám hiệu mới (dĩ nhiên toàn những người “cách mạng” từ Bắc hay Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định vô) thanh lọc những phần tử “không hợp với cách mạng.”

Bởi vậy, tuy đã phải học thêm một năm mà còn thêm một năm sau nữa đợi tuyển dụng. Hoa tốt nghiệp ban Pháp Văn đòi được tuyển bổ ngay tại Saigon mới chịu đi dạy, không thôi. Lý lịch gia đình thuần “cách mạng” đòi thế còn không

xuôi hướng chỉ lý lịch Hoa có bố đi học tập. Vì vậy Hoa ở nhà giúp mẹ trông nom vườn trẻ, đi làm gia sư cho mấy nhà. Hoa cũng như Ánh, cũng như cô (Quỳ) rất có khiếu về dạy học. Học trò rất mến và biết ơn. Sau này Hoa còn mở một xe rau má như chúng ta đã biết. Ánh được bổ dụng làm giáo viên cấp ba trường Vũng Tàu. Ánh chịu nhận để công an phường khóm khỏi dòm ngó gia đình, và bà Giáo cũng dễ mua một số nhu yếu phẩm.

Trong bốn chị em, Ánh nhu mì hiền hậu nhất và ưa đi vào chiều sâu suy tư, nên mặc dầu vụng về khâu vá bếp nước và rất hay quên, bà Giáo cũng ít mắng con, trái lại còn săn sóc cho đủ điều. Có quần áo tốt bè bạn từ ngoại quốc gửi về không bao giờ bà Giáo quên giành phần cho “cô giáo Vũng Tàu.” Một số quần áo tốt đó đã bị kẻ cắp rạch sắc lấy mất trên

những chuyến xe đò Ánh đi từ Saigon tới Vũng Tàu hay ngược lại. Mỗi lần Ánh bị mất cắp như vậy về là cả nhà lại mỗi người có một cách giơ tay lên trời thống trách tên ăn cắp là “ngu,” vì ăn cắp của ai kia chứ ăn cắp của cô giáo Ánh thì còn gì là hào hứng nữa. Quả thực Ánh hiền đến mức mọi thủ đoạn bố trí lừa lọc rõ ràng thừa một cách vô ích.

Hồi còn ở trại cải tạo cao nguyên ông Giáo có nhận được một lá thư của Ánh đặc biệt báo cáo về bước đầu vào ngành gõ đầu trẻ với bố. Lần đầu tiên bước lên bục gỗ, Ánh cũng ngại nhưng không hề lúng túng mà làm chủ được bài giảng ngay. Theo ý Ánh viết cho bố thì dạy học cũng như viết văn, đóng kịch, có những nét sáng tạo bất ngờ do cảm hứng và không lần nào giống lần nào. Dạy học được hai tháng thì một lần có

bà thanh tra tới thật bất ngờ. “Con bình tĩnh không thể tả được bố ạ – lời thư Ánh – bà thanh tra khen con hết lời.” Có lẽ đó là lá thư duy nhất Ánh báo cáo với bố về nghệ thuật dạy của mình không hổ danh bố, còn những bức thư khác Ánh hoàn toàn viết về việc nhà hoặc những nhận xét của Ánh về cuộc sống xung quanh:

“... Dạy cùng trường với con có những người chỉ trạc tuổi chú Phương, kém bố tới chục tuổi, vậy mà cuộc sống chật vật khó khăn và phức tạp bây giờ đã khiến họ rã rời, lụ khụ trông rất thê thảm, họ già hơn bố nhiều, thiếu sức sống hơn bố nhiều...”

“... Con về trường này kể ra thì đã là may mắn lắm vì ở đây khí hậu tốt, trường sở lớn, nhất là nơi ăn chốn ở có thể nói là không đâu bằng. Ấy vậy mà cũng có những lúc con chán nản lắm. Cuộc sống

bây giờ vừa phức tạp vừa đen tối, bố vắng nhà lâu quá chắc không mừng tượng nổi đâu. Đôi khi con tưởng như không sống được, những lúc như vậy con vội nghĩ đến bố, đến những bức thư đầy lạc quan, đầy sức sống, đầm đăm và khoan dung của bố...”

“... Ở nhà tuy mẹ vẫn vất vả, nhưng các em thì mỗi ngày mỗi ý thức được bốn phận của mình. Mỗi đứa một công việc giúp mẹ, xong việc rồi căn nhà mình lại tung bừng với tiếng đàn, tiếng hát. Tất cả chúng con không đứa nào nhắc nhở đứa nào, nhưng đều noi gương bố, sống vô tư lạc quan, tự tạo hạnh phúc cho chính mình...”

Thường thường cứ hai tuần một lần Ánh lại từ Vũng Tàu về thăm nhà một lần. Chiều thứ bảy về, sáng thứ hai đã

phải thức giấc từ bốn giờ sáng ra bến xe sắp hàng, nhiều khi tới mười giờ sáng mới mua được vé lên xe. Cũng may nhà gần bến xe. Từ ngày ông giáo về với gia đình, lần nào ông cũng thức dậy thật sớm, rang cơm hay xào mì hay nướng bánh mì phết bơ và pha cà phê cho Ánh, rồi đích thân đưa Ánh ra bến xe. Vài lần vào bảy, tám giờ sáng biết con chưa lấy được vé, bố lại mua bánh chưng hay xôi và pha thêm một cốc cà phê nữa đổ vào chiếc lọ xinh mang ra cho Ánh. Thường thì ít khi Ánh ăn thêm hay uống thêm những thứ đó, mà để dành mang ra Vũng Tàu chia sẻ với đám bạn bè cùng dạy ngoài đó.

Cả nhà bất kỳ muốn tổ chức ăn uống gì đều đồng ý là đợi “cô giáo Vũng Tàu” về đã. Có những cuộc sinh nhật ăn uống xôm xôm một chút được tổ chức sớm hơn vài ngày hoặc muộn hơn vài ngày

cũng chỉ cốt có sự hiện diện của “cô giáo Vững Tàu.”

Lần ở Vững Tàu về hay tin chị (Hoa) ra đi thất bại còn bị giữ ở khám lớn Mỹ Tho, Ánh khóc âm thầm vào đêm ở nhà cũng như khi đã trở lại Vững Tàu. Lần thứ ba Hoa đi biết trước là vào ngày Chủ Nhật, ông Giáo đã ra nhà bưu điện gọi điện thoại nói trực tiếp với Ánh là hãy về “bằng mọi giá chiều thứ bảy. Lần này Ánh xin nghỉ bất thường một ngày, về vào chiều thứ sáu và quẩn quít với Hoa suốt cho đến mười giờ mười lăm – Ánh nhớ lắm – hôm Chủ Nhật. Khi đến lượt toán Hoa Thiện và một người nữa ra đi vào lúc 10:15, Ánh cũng thấy lòng ghen ngào, cơ thể rã rời, cõi đời hoang vắng, chẳng khác gì ông Giáo, và Ánh vào bếp vực nước ở chậu rửa mặt cho loãng hai dòng nước mắt cứ chảy liên tiếp, liên

tiếp hoài. Bốn giờ sáng hôm sau (thứ hai) Ánh ra bến xe xếp hàng lấy vé. Tám giờ lên xe, mười hai giờ trưa ra tới Vũng Tàu, lòng bồn chồn không lúc nào yên cho đến khi lại chính ông Giáo ra nhà dây thép gọi điện thoại báo cho Ánh hay Hoa đã được tàu Mỹ vớt và hiện ở Tân Gia Ba.

Hai tuần sau vừa hết niên học, Ánh được nghỉ hè một tháng, về nhà chia xẻ nỗi sốt ruột với cả nhà về việc chưa hề nhận được điện của chính Hoa. Cho đến ngày gia đình nhận được điện biết đích xác Hoa, Lịch, Thiện hiện ở một trại tỵ nạn Nam Dương thì Ánh cũng vừa nhận ra rằng hạn phép nghỉ hè của Ánh đã vơi đi quá nửa, chỉ còn hơn mười ngày nữa thôi. Ánh cảm thấy buồn nản đến rã rời cơ thể. Ngày phải về trường như ngày phải về địa ngục, chỉ được nhìn đám đào

phủ Hiệu bộ, đâu đã được nhìn mặt học trò.

Hơn hai tuần qua được sống trong sự đùm bọc yêu thương của gia đình, nay Ánh cảm thấy nhức nhối đến không chịu nổi khi ôn lại cảnh sáng sáng không có giờ dạy cũng phải tới trường để nghe đọc báo và tập hát với đám học trò và xem có ai nghỉ thì có thể mình dạy thay thế; ôn lại cảnh họp toàn thể giáo viên ít nhất là một tuần một lần để nghe đám hiệu bộ lái nhải những gì mà chính Ánh cũng không buồn nhớ nữa; ôn lại cảnh tiền lương năm mươi một đồng một tháng, góp tiền ăn tập thể mất ba mươi đồng, tiêu gì vào cái thời “gạo châu củi quế muối hạt trai” này, nếu không có tiền của mẹ cho thêm; ôn lại cảnh Tết vừa qua ra Vũng Tàu chậm phép một ngày, dù chưa phải là ngày học, cũng bị

đám hiệu bộ họp phê bình gay gắt bắt làm kiểm điểm. Mấy giáo viên phản đối dọa đệ đơn xin thôi (dù biết họ không bao giờ cho nghỉ việc) thì bị đám hiệu bộ chụp cho cái mũ là khiêu khích, là chống đối... cách mạng; ôn lại cách quản lý người của tụi hiệu bộ mà rõ ràng lý tưởng của chúng, cứu cánh của chúng là hành hạ con người, chà đạp lên tự do, dày xéo lên trí tuệ. Rồi đây – Ánh nghĩ – khi bọn họ hết thời mùa may, nhưng sẽ phải mất bao thế hệ để phục hồi lại đất nước xác xơ, tâm hồn cháy xém, trí tuệ cần cỗi, nhân phẩm, nhân cách, tự do tàn lụi?

Buồn thảm nhất chính Ánh cũng như một số giáo sư kỳ cựu bậc thầy Ánh đều phải công nhận rõ ràng học sinh mỗi năm một dốt đi một cách thê thảm... Đám giáo viên khuynh cách mạng trước đây, vào năm đầu “cách mạng” mới vào,

họ làm việc tích cực chọi lợi dễ sợ, nhưng nay thì họ hoàn toàn vỡ mộng, họ xuống dốc hoàn toàn, họ như hết chiếc lốp xì hơi, họ bỏ giờ, về phép trễ vượt xa các giáo viên khác, bắt họ làm kiểm điểm thì họ làm nhưng rồi trở về nếp cũ ngay, tỉnh bơ.

Hồi “cách mạng” vào Nam được nửa năm, Ánh rên rầm với chị và lũ em: “Trước đây hàng tuần được đọc bao nhiêu sách báo ngoại quốc mà còn thấy mình dốt, bây giờ tuần này qua tuần khác, tháng này qua tháng khác, rồi năm này qua năm khác, sách báo ngoại quốc cũng không có, chỉ có sách báo của Đảng và Bác như thế này thì rồi trình độ của mình sẽ xuống dốc đến đâu đây”.

Bây giờ thì Ánh quên sự cùn nhụt trí thức của chính mình mà chỉ thấy rùng mình lo sợ cho lũ học trò mỗi năm một

dốt một cách thâm. Ánh nghĩ con người với tự do như chiếc đèn với ánh sáng. Con người bị tước đoạt mất tự do như chiếc đèn bị tước đoạt mất ánh sáng, có còn gì nữa đâu. Động lực không còn, chất xúc tác không còn, nguồn cảm hứng không có, nói chi đến trí thức, đến tiến bộ, nói chi đến nhân phẩm, nhân cách, nói chi đến văn chương, nghệ thuật. Nhân sinh biến thành tăm tối âm u là phải.

Tuy là cô giáo cấp ba, nhưng Ánh tự biết mình còn non nớt lắm, vẫn định bụng có hôm nào thư thả sẽ hỏi thêm bố về vấn đề này. Chỉ biết bây giờ đương năm êm ấm trong tình thương gia đình, nghĩ về nếp sống mình sắp tiếp tục nơi trường sở, Ánh thấy sao nó tăm tối buồn thảm, sao cả xã hội nào nề tuyệt vọng, phi lý và phi nhân, như nhìn rừng không

cây, nhìn cây không lá, nhìn đá không rêu. Và cũng đến bây giờ, Ánh mới thật thông cảm với tất cả những người hoặc âm thầm, hoặc lồng lộn nhưng cương quyết ra đi bằng được, bất chấp mọi gian nguy bị bắt tù, gặp hải tặc, chết đói chết khát, chết nắng thiêu, làm mồi cho lũ cá.

Lũ nắm chính quyền đúng hết lũ ngồi đáy giếng nhìn cục bộ ngõ là toàn bộ. Tội nghiệp cho họ!

Tội nghiệp cho cả dân tộc bất hạnh này rơi vào một hoàn cảnh các cố ngu muội man rợ thắng văn minh. Để rồi chuyện này Ánh cũng sẽ hỏi lại bố.

15

Con người xứng danh với Thượng Đế chính là ở điểm tự chốn hữu hạn luôn luôn ngưỡng vọng về vô biên. Đám người cương quyết ra đi chính là cương quyết vùng ra khỏi cái ngọt ngào cục bộ tìm lại cái mệnh mông toàn bộ, như cá thềm khát vùng nước mệnh mông. Tội nghiệp cho những kẻ giữa đường đứt gánh. Hải, trưởng nam của ông Giáo, nghĩ tương tự như vậy, mừng chị và em đi thoát.

Trước đây, vào tối hôm 30-4-1975, chính Hải là đứa con đầu tiên đã nói với bố:

– Bố phải đi, tư tưởng của bố chống họ như vậy, bố ở lại sao được!

Ngày 2-5 Hải xin phép bố ra đi với thằng bạn thân cùng học ở tiểu học và cùng tên là Hải, chỉ khác đứa thì tầm vóc đẹp trai kiểu thư sinh (Hải, con ông Giáo), đứa kia thì to lớn lực lưỡng lực sĩ. Phải, tự ngày đó ông Giáo đã hiểu cái cảm giác nhói buốt nơi tim, thót buốt nơi bụng của sinh ly. Bà Giáo đi chợ chưa về, ông Giáo lấy ra mười ngàn cho con, giúp con ghi địa chỉ một số bạn thân bên Pháp và Mỹ và ân cần dặn con là chỉ khi nào cực chẳng đã hãy phiền đến các bác, và khi đã cầu cứu thì cũng chỉ phiền các bác ở mức tối thiểu. Ông Giáo vốn tối kỵ

cung cách lạm dụng lòng tốt của người khác.

Bà Giáo xách giỏ từ chợ về, bà rụng rời khi được ông Giáo cho hay Hải đã đi. Giỏ thức ăn rớt khỏi tay bà, bà ôm mặt quay đi. Bà lên lầu. Trưa hôm đó bà không làm cơm, mặc mấy đứa con gái. Buổi chiều hai mắt bà sưng húp. Ba hôm sau cũng vào buổi chiều, bà lật đật chạy lên gác, gọi ông Giáo từ dưới cầu thang: “Anh ơi, thằng Hải về rồi!”

Nguyên do: Mười giờ ngày 2-5 hai thằng Hải lên xe đò tại xa cảng miền Tây đi Gò Công. Tới đây không khí vắng lặng rờn rợn, dân chúng ngơ ngác, súng vút đầy đường, cờ giải phóng kéo phấp phới trên dinh Tỉnh Trưởng, trước dinh, hàng đông súng gom lại. Các cửa biển đều đóng, hai thằng Hải đi kiếm hoài mấy

ngày không gặp ghe cho ra khơi. Đành về. Lên xe đò làm bộ là lính ngự trở về với gia đình, chủ xe cho đi quá giang nhờ không lấy tiền, dọc đường còn thấy trên mười xác Việt Cộng chết nằm rải rác bên vệ đường chưa chôn. Xe chạy được nửa đường thì kẹt không tiến lên được vì một chiếc cam nhông nào đó pan nằm chình ình giữa đường. Hai chú xuống đi bộ trên mười cây số mới gặp được một xe chở heo cho đi quá giang về Sài Gòn.

Một tuần sau hai thằng Hải lại thử một chuyến đi nữa. Lần này trưởng nam ông Giáo không xin thêm tiền bố. Hải lực sĩ, nhà bán phở phát tài, được anh cho hai lạng vàng đủ để hai đứa tính chuyện ra đi. Hai đứa xuống ghe ở ngay bến Hàm Tử khoảng tám giờ sáng. Trên ghe chở hai mươi bảy khách hàng (không kể chủ ghe) trong số có một người, ý hẩn là một

cựu quân nhân, nhét một khẩu súng sáu xinh xinh vào một ổ bánh mì, nói khề với đôi bạn Hải:

– Các chú cứ yên chí, nếu chủ ghe ra khơi giờ quẻ đã có anh.

Ghe máy lên đường, có mấy chặng bị du kích chặn hỏi, chủ ghe nói cho những người này đi Vũng Tàu vì đường xe hơi bị nghẽn. Cũng có đám du kích xuống khám, lật ván ghe, không thấy gì khả nghi, cho đi. Ghe lênh đènh ngoài khơi hai ngày hai đêm, một lần gặp tàu Hòa Lan, ghe kéo cờ trắng cầu cứu, tàu có quay mũi lại định vớt, nhưng lúc đến gần chẳng hiểu nghĩ sao lại bỏ đi. Kế đó gặp một tàu Hải Quân Hoa Kỳ loại chiến đấu nhỏ, tàu chạy song song bên hông ghe một quãng nhỏ rồi cũng bỏ đi. Hải Quân Mỹ trong khoảng tháng 5 năm

đó (1975) đương rút khỏi hải phận Việt Nam thì phải.

Sang ngày thứ ba lênh đênh, biển hết êm đẹp bắt đầu sóng lớn. Một đám quân nhân hiểu biết trên ghe (trong số có anh chàng nhét súng sáu vào ổ bánh mì) đề nghị với chủ ghe chở mọi người đi Thái Lan, tới nơi họ cũng sẽ trả bằng vàng. Chủ ghe không chịu, trở về còn đi chuyến khác. Như vậy chắc ăn hơn. Và ghe đã trở về bến Hàm Tử trong Chợ Lớn an toàn. Thế là lần thứ hai bà Giáo khóc nhìn con đi rồi lại khóc thấy lại con.

Buổi đầu “cách mạng” các bà con miền Nam tiếp đón nồng nhiệt bà con miền Bắc, coi đây như một thứ trang điểm thời thượng, một thứ bùa hộ mệnh, ra cái điều gia đình cũng có người “cách mạng,” cũng có hơi hướng “cách mạng,”

cũng thấp thoáng ra vô những người mũ cối dép râu. Bầu không khí hân hoan này qua đi rất mau với phong thái những cán bộ tự miền Bắc tới tổ chức cơ sở quần chúng trong phường khóm, reo rắc mâu thuẫn, căm hờn kiểu miền Bắc nhưng hết sức lạc điệu tại miền Nam; với phong thái xảo, tham lam của một số lớn người miền Bắc vào thăm họ hàng tại miền Nam. Khuôn mặt Sài Gòn – cũng là khuôn mặt của cách mạng – bệ rạc đi trong thấy với thời gian.

Một cán bộ văn nghệ có tinh thần vô tư tới Sài Gòn ngay những buổi đầu, ngủ khách sạn Caravelle đường Tự Do, trên thượng tầng nhìn xuống đám xe cộ ngút ngàn trên các ngã đường giao thông của khu trung tâm Sài Gòn mà cảm thấy choáng váng. Anh không ngờ đời sống Sài Gòn phồn thịnh vượt xa các thủ đô

Đông Âu (kể cả Moscou của Liên Xô) là những nơi anh đã từng đi qua. Anh có cô em gái cũng đã từng du học sáu năm ở Roumanie, anh viết thư về Hà Nội giục em hãy cố gắng xin vào Sài Gòn tham quan ngay đi. Càng về sau anh càng nóng lòng mong cô em gái vì, thật là thê thảm, anh rõ ràng thấy Sài Gòn từng ngày đương tắt ngấm đi rất nhanh những hào quang cũ và giống dần Hà Nội. Anh là đảng viên, và với các bà con bằng hữu thân tình anh gặp lại Sài Gòn, anh tâm sự thẳng là chỉ vào Đảng để yên thân. Là đảng viên nên anh hiểu đường lối Đảng nhất định sẽ triệt hạ bất kỳ kẻ nào có nền kinh tế độc lập với Đảng, triệt hạ bất kỳ kẻ nào không cần biết tới Đảng mà vẫn sống thoải mái. Đời sống không riêng gì Sài Gòn mà cả miền Nam sẽ như hết miền Bắc hắt hiu nghệt thở, lúc đó tổ chức Đảng đã theo thể chân rết bám

tới tận đơn vị tổ, dân chúng đói khổ đến đâu Đảng vẫn giữ được địa vị độc tôn. Và tới lúc đó tất cả chỉ còn thuần danh từ, dĩ nhiên càng những danh từ hoa mỹ càng cho người nghe một cảm giác chán chường đến náo nức, tác dụng ngôn từ không còn là để chuyên chở, phản ánh sự thực nữa mà là một phương tiện để dối người và dối mình. Người cán bộ văn nghệ có tinh thần vô tư đó, là đảng viên chỉ để yên thân đó, luôn luôn thẳng thắn nghĩ vậy. Anh rất khoái đi gặp lại một thằng văn nghệ cũ di cư vào Nam từ 1954, có một cảm quan và cái nhìn hết sức bén nhạy, hắn đã thân mật nói thẳng với anh bằng một giọng hài hước đặc biệt của những kẻ quen sống trong bầu không khí tự do dân chủ:

– Tao nói thực với mày, nhìn vào đời sống thực tế rõ ràng ngày một xuống dốc

thật nhanh, nghe những lời hoa mỹ nơi đài phát thanh, đọc những lời hoa mỹ trên khắp các mặt báo, tao có cảm tưởng chúng kiến cảnh một thằng chủ bất lực vì cù đĩnh thiên pháo đương hăm hiếp một cô gái thất thế bằng cái lỗi ngô hay củ khoai gì đó, trong khi đám đàn em (đám văn công, văn nghệ, văn nô) của nó ôm đàn cất cao giọng đồng thanh ca ngợi chủ soái chúng đương ân ái với Hằng Nga và sẽ hạ sinh ra những hoàng tử kiêu hùng, những công chúa chi sa cá lặn. Đ.m. đúng là thủ dâm bằng mồm!

Đám sinh viên đã thấy rõ biển khơi trí thức đương biến thành vũng lầy rồi vũng chỗ trí thức và hai câu thơ của người bạn trẻ nào đó thống thiết và hiện thực làm sao, được phổ biến rất nhanh rất rộng:

Dép cao su giẫm nát hồn tuổi trẻ

Nón tai bèo che khuất nẻo tương lai.

Dân chúng Sài Gòn sợ đói, có những ông bố bà mẹ mang gạo từ miền ruộng lên tiếp tế cho con cháu ở đô thành bị công an chặn. Một bà mẹ phản ứng bộc trực theo tính tình người Nam đứng ngay trước cửa đồn công an la lối:

– Trước đây ai che chở cho bọn mi, ai tiếp tế cho bọn mi mà bây giờ bọn mi ớn trả nghĩa đền như vậy?

Tại chợ có những bà miền Nam nói với những bà miền Bắc di cư vào Nam từ sau hiệp định Genève, đại ý:

– Bây giờ chúng tôi mới thông cảm sự ra đi bỏ làng bỏ nước của các bà.

Các bà miền Bắc cũng đáp lại đại ý:

– Chưa hết đâu các bà ơi, đây mới là màn đầu thôi, còn nhiều cụp lạc về sau này nữa.

Vào đạo này ông Giáo đã bị bắt và còn giam ở trại Phan Đăng Lưu, Gia Định. Hải học xong lớp 12 trung học, bỏ không thi và bỏ học luôn, kiếm việc làm giúp thêm cho ngân quỹ gia đình của mẹ vài chục bạc hàng tháng, thêm chút nhu yếu phẩm tiếp tế cho bố. Cũng khoảng thời gian này Hải thử thời vận vượt biên hai lần nữa, đều đi về miền Tây, một lần tới Rạch Giá, một lần tới Vĩnh Long nhưng đều thất bại, may không bị bắt tại trận, về được đến nhà an toàn. Công an phường gọi Hải đi nghĩa vụ lao động, Hải không đi. Gọi đi nghĩa vụ quân sự. Sức mấy! Công an phường đòi bà Giáo là chủ hộ mang sổ hộ khẩu tới, chúng đóng dấu loại Hải ra khỏi sổ hộ khẩu. Mặc kệ!

Nếp sống Hải hoàn toàn tạm bợ từ đây.

Chiến dịch kiểm kê tài sản đánh tư sản thương mại, rồi đánh tiểu thương, rồi kiểm kê văn hóa đạt tới tối cao độ vào năm 1978, cả Sài Gòn sống trong cơn sốt kinh hoàng chạy đồ, bán đồ, gửi đồ, gửi sách, giấu vàng. Đám cán bộ nòng cốt đã chuẩn bị thiết lập một đấu trường điển hình ở ngay đầu xa lộ Biên Hòa. Phúc thay cho những người miền Nam thật thà, rộng rãi, bộc trực, chính quyền bị mắc sâu vào cuộc chiến Việt Miên, rồi lại cuộc chiến biên giới Hoa Việt, cả guồng máy đấu tố, khủng bố miền Nam giảm hẳn tốc độ. Tất cả những người dân Việt miền Nam nghe những lời nguyên rủa, kết tội Việt Nam ngu xuẩn hiếu chiến trên các đài phát thanh quốc tế đều cảm thấy như họ nguyên rủa ai, kết tội ai, tuyệt nhiên không một ai đồng hóa

mình với danh từ Việt Nam giả trá đó. Người Việt Nam thực không phải thế, nước Việt Nam thực không phải thế.

Khi Hải vừa bị gạch sổ hộ khẩu, một người học trò cũ của ông Giáo mang Hải đi làm rẫy tại Bà Rịa. Khi guồng máy khủng bố của chính quyền xã hội chủ nghĩa buộc phải giảm phần khắc nghiệt vì bị mắc vào vòng chiến tranh, Hải lại trở về với gia đình, mang tên em (Vi) vào làm một cơ sở tổ hợp sản xuất lớp xe đạp.

Vào dịp cuối năm Kỷ Mùi đó (ông Giáo còn bị giam giữ trên cao nguyên), chính bà Giáo đã cùng hai bà bạn đồng cảnh cùng đứng ra giao thiệp tìm đường cho ba bà gửi được ba đứa con trai (Hải, Đông, Phán, cùng đã bị xóa tên hộ khẩu) vượt biên theo đường bộ qua Miên. Ba bà liên lạc được với một anh bộ đội tên Bàng, cấp Thiếu úy. Chín giờ tối hôm

đó Bàng đến kiểm soát chặn màn, ba lô của ba thanh niên vượt biên xem có đúng cách không, nhắc lại tên, số quân, ngày nhập ngũ của từng người. Những tên đó đều có thật nhưng về phép ngoài Bắc chưa vô. Bốn giờ sáng hôm sau Bàng đến đón cả ba (quân phục đảng hoàng, đeo ba lô đúng cách), đưa ra Ngã Tư Bảy Hiền đón xe đi nhờ. Mãi tới tám giờ sáng Bàng và ba thanh niên vượt biên mặc giả đồ bộ đội mới gặp đoàn bốn xe đi về phía Tây Ninh cho quá giang. Xe chạy đến chiều thì tới một đồn bên chiếc cầu lớn, chỉ còn cách Nam Vang có sáu mươi cây số nữa.

Họ ngủ lại trong đồn, sớm hôm sau lên xe đi tiếp. Rủi thay khi xe chở bốn người vừa qua khỏi Nam Vang được một quãng thì đụng phải một xe vận tải của người Miên, trên xe có ba người thì hai

người chết, một bị thương nặng. Quân xa bỏ chạy, tới một trạm liên lạc xe ngừng chạy, bốn người quá giang vội xuống thì trưởng trại cũng vừa nhận được điện báo phải giữ chiếc quân xa gây tai nạn lại.

Bàng đem ba thanh niên vào nhà một người Miên quen để chờ tìm người dẫn đường tiếp tục tới biên giới Thái Lan, nhưng nhà họ bận đám cưới nên không đi được. Bàng bèn rủ Phân (võ vẽ nói được tiếng Miên) đi tìm lấy tại nhà một người quen khác. Gia đình Miên này đãi cơm. Bàng uống rượu quá chén nằm lả ra ngủ nên hai người đến tối mới về. Trong khi đó Hải và Đông ở nhà đợi mãi, nghĩ rằng Bàng và Phân đã bỏ đi rồi, bèn thú thật với người đàn bà Miên biết tiếng Việt với ý định nhờ người này giúp đỡ cho được vượt sang biên giới Thái Lan càng sớm càng hay. Chính vì vậy mà

việc đổ bể, tên tổ trưởng là người Việt tới định bắt, vừa lúc Bàng và Phân về. Bàng kịp thời can thiệp để tên tổ trưởng bỏ qua vì đôi bên vốn là chỗ quen biết cũ. Bốn người tiếp tục lên đường, ngủ lại ở Sisophon. Mười hai giờ khuya đèn đỏ hai phe cộng sản bắn nhau mấy giờ liền. Ngày xưa là cộng sản đột kích, công đồn quốc gia. Ngày nay là cộng sản đột kích, công đồn cộng sản. Lâu lắm, ba thanh niên vượt biên mới được nghe những tiếng súng phản phúc bất ngờ thành liên hồi ác liệt bất phân thắng bại, nhưng coi bộ cả ba cùng hả dạ vì hết còn ở địa vị nạn nhân mà sang địa vị khán giả, tuy là thú khán giả bất đắc dĩ và đương ở một hoàn cảnh cheo. Cả ba cùng đương theo Bàng khom lưng chạy nép theo các bờ ruộng. Có bộ đội Việt Cộng chết.

Hôm sau Bàng tìm được hai bạn nằm

dưỡng bệnh tại Sisophone sắp về đơn vị
 bèn nhờ họ dắt theo Hải, Đông, Phân
 lên sát biên giới. Từng ở biên giới lâu rồi
 nên họ rất rành đường, có thể qua Bat-
 tangbang họ sẽ đưa ba thanh niên vượt
 thẳng sang Thái Lan. Ba thanh niên còn
 bốn chỉ vàng. Bàng bảo đưa cho hai bạn
 y ba chỉ làm tiền thù lao. Trước khi khởi
 hành ba thanh niên nấu cơm nhờ tại nhà
 một người Miên ngay bên quân y viện
 Sisophone. Trong khi Đông và Phân phụ
 trách nấu cơm, Hải đi tìm mua thịt kho
 hay thịt quay về. Hải đi khá xa và khá
 lâu mới tìm được một tiệm ăn và mua
 được ba chiếc đùi gà luộc. Về tới nhà
 người chủ nhà cho Hải hay hai bạn đồng
 hành đã bị bộ đội bắt rồi. Hải sang bên
 nhà thương báo cho người bạn của Bàng
 hay, hai người này đưa cho Hải một tờ
 giấy phép hết hạn bảo phải tìm đường về
 ngay. Chẳng còn chọn lựa nào khác, Hải

hết sức lo sợ nhưng cũng giữ được đủ bình tĩnh ra đón xe quá giang.

Một xe dân sự đã đưa Hải đi quá Nam Vang một chặng khá xa. Từ đấy Hải phải đi bộ khoảng hai mươi cây số gặp lại đồn canh bên cây cầu lớn bữa nào cả bốn người cùng ngủ lại. Lần này Hải cũng vào đồn xin ngủ nhờ. Sáng hôm sau lại ra đường đón xe xin quá giang, trở về Tây Ninh. Qua một đồn chốt bên Miên, Hải có bị bộ đội xét giấy tờ, may mà y đọc không thạo, không biết là giấy phép đã hết hạn nên cứ cho đi. Hú vía, Hải về đến Sài Gòn khoảng năm giờ chiều, còn bạn y nguyên bộ đồ... Việt cộng.

Bà Giáo thấy con mà muốn té xỉu, chưa cần nghe con kể lại một lời mà bà đã linh cảm thấy hết những gian truân nguy hiểm con vừa trải qua. Bà khóc nức nở và ngay buổi chiều Hải ngã bệnh

đến một tuần sau mới tạm gọi là bình phục, thì vừa đúng ngày Đông và Phân lù lù... dẫn xác về như Hải. Thì ra Đông và Phân bị bộ đội bắt vì cho là lính đào ngũ, nhưng cả hai đều khai là công nhân viên có đủ giấy tờ đưa cho họ coi, lại giải thích thêm là vì đói quá nên theo bộ đội sang buôn đồ về Sài Gòn bán vào dịp nghỉ phép thường niên, nhưng chẳng may bị bộ đội lừa lột mất hết tiền nong bỏ bơ vơ không còn tiền về. Cả hai được giao cho công an biên phòng và bảo nhau giữ đúng lời khai. Trại giam khá đông, toàn thanh niên nam nữ vượt biên. Gặp được viên công an trưởng đồn, Đông, Phân lấy ra chỉ vàng còn lại biểu và năn nỉ làm ơn cho về.

Viên công an trưởng đồn hỏi vặn sao bảo bị lột hết mà lại còn chiếc nhẫn một chỉ vàng. Đông và Phân cùng nói là

đã cố giấu trong gấu quần. Viên công an hỏi còn gì nữa không, cả hai đều đáp là không. Viên công an lần khám hết gấu áo gấu quần không thấy gì nữa bèn đồng ý tha, tiện thể có việc về Sài Gòn y còn cho đi nhờ xe về nữa. Phúc đức!

Một trong ba bà mẹ đã phát biểu:

– Giá như biết quân đội bí mật của mình ở đâu, tôi gửi cháu nó đi ngay. Thà nó chết bờ chết bụi còn hơn sống chui sống lủi sống như súc vật, sống héo mòn u tối với tội mọi rợ này.

16

Hai đứa con trai còn lại của ông Giáo – Vi và Hy – đều đã lớn, một đứa mười tám nên đều đã có thái độ với cuộc sống. Vi mới mười chín mà cao tới 1,75 mét, cao hơn anh Hải, cao hơn cả bố. Vi có thái độ khác hẳn về đi. Có tin ai đi, ai thoát, ai bị bắt, ai bị nạn hải tặc... Vi luôn luôn giữ thái độ bình tĩnh. Vi rất ít nói, nhất là với bố mẹ. Đã nhiều lần bà Giáo nghe Vi trả lời lí nhí phải quát lên:

– Mày mở mồm ra to to một tí cho tao nghe rõ!

Một lần Ánh dí dỏm nói khế với mẹ:

– Vặn không đúng tần số đấy mẹ ạ.

Kể ra khi Vi ngồi giữa bạn bè nói có lớn hơn chút ít, nhiều hơn nhưng không bao giờ ồn ào, giọng thật êm, thật ngọt, nhưng trái lại nếp sống của Vi thật ầu, hễ muốn tiêu tiền mà không có tiền thì vớ được cái gì bán cái ấy, bán quần áo của mình và của anh chị, bán thuốc men của bà Giáo (loại ầu được bằng hữu gửi từ ngoại quốc về để bán lấy tiền chợ dân), hoặc lấy tiền nếu lục được đúng gói tiền của mẹ. Đã có lần các chị giận quá cương quyết nói với mẹ:

– Đã bao lần mẹ mắng nó mà vẫn chúng nào tặc ấy, lần này mẹ hãy đuổi ra

khỏi nhà, một là nó ra khỏi nhà này, hai là chúng con ra khỏi nhà này. Bố ở tù, nó không biết thương mẹ còn lấy đồ của mẹ đi bán lấy tiền tiêu, còn giờ đất nào nữa!

Lần đó nhân đà tức giận của lũ con, bà Giáo lớn tiếng đuổi Vi ra khỏi nhà. Bà biết thừa ngay trong lối xóm nó cũng có mấy thằng bạn thân vẫn cà phê cà pháo với nhau. Khi Vi cúi đầu ra tới cửa bà còn hét lên cốt để giữ mình khỏi chuyển hướng: “Mày không xứng đáng là con bố!” Bữa cơm trưa hôm đó vắng bóng Vi, mà Vi cũng không hề ăn nhà bạn. Buổi chiều Vi lảng vảng về gần nhà, ngồi ghéch trên thành xe ba gác của nhà hàng xóm. Bà Giáo đã thương hại lắm rồi nhưng còn cố làm ra cứng rắn vì thấy Hy đã xúc đẩy đĩa cơm trộn với canh dưa lại gắp thêm mấy miếng tóp mỡ lảng lạng mang ra cho Vi. Chiều xẩm, gà lên

chuồng đã lâu, Vi mới lén về. Bà Giáo vẫn cố moi ra công việc dưới bếp, khi kín đáo quan sát thấy Vi lén vào nhà rồi mới yên tâm lên gác mà lòng nuối như càng vô cùng xúc động vì thương con, vô cùng ân hận vì đã quá cứng rắn với con.

Mấy ngày sau xảy việc một đứa trạc tuổi Vi trong lối xóm đi cướp giật đồ ngoài bến xe, bị bắt tù, bà Giáo thêm một lần giật mình hết hoảng, đôi mắt sáng lên và nói với mấy chị gái Vi:

– Thà để nó lấy của nhà đi bán còn hơn dồn nó vào thế đi ăn cắp ăn trộm của người.

Một tuần sau hay tin thằng bé lối xóm đã bị đưa đi trại cải tạo tít ngoài miền Trung, bà Giáo càng hủ vía cho thái độ cứng rắn của mình với Vi.

Bà nhớ đã có lần trước đây ông giáo được người bạn xem số tử vi cho, rồi nói với cả ông bà: “Số anh chị suốt đời lo lắng cho con. Chẳng được hưởng cái gì cả.” Người bạn nói đúng, có điều là cả ông lẫn bà đều lấy việc lo lắng cho con làm niềm vui sướng của chính mình. Tựa như chính những lo lắng đó cho những đứa con thân yêu làm ông bà ý thức được rằng mình đang sống và cuộc sống do đó có được một ý vị đậm đà đặc biệt. Cái gì cũng nhường nhịn thu vén cho con, nhìn con mặc thấy mình đẹp, nhìn con ăn thấy mình no.

Khoảng thời gian này ông Giáo có được đọc những giòng chữ của Vi trong xấp thư gia đình gửi tới trại cải tạo:

“... Bố ơi, trường Chu Văn An của con vừa giải thể ở niên khóa 1978–1979, tụi con được chuyển sang trường Hùng

Vương. Một số lớn giáo sư ở đây có gửi lời thăm bố, phần lớn là học trò cũ của bố. Việc học của con vẫn tiến hành đều. Khoảng cuối năm lớp 11, theo lời bàn của một số chú ở Hà Nội, con định thi vào trường Kỹ Thuật, nhưng việc học đòi hỏi quá nhiều công phu về toán học, mà con lại đang theo ban Sinh Hóa. Trở ngại trên khiến con phải theo nốt năm cuối của chương trình phổ thông mặc dù việc học bây giờ thấp kém và chán nản lắm. Tuy nhiên con đã sắp sẵn một dự định là khi tốt nghiệp cấp ba xong con sẽ thi vào một trường chuyên nghiệp về canh nông theo đúng lời nhắn nhủ của bố là gia đình cần một người làm việc ruộng vườn gần thiên nhiên...”

“... Thừa bố, kỳ thăm nuôi vừa rồi đã làm nét mặt ngày càng gầy xanh của mẹ tươi lên vì chị Ly báo cáo là bố vẫn

gầy đen nhưng mạnh khỏe hơn những lần thăm nuôi trước. Mẹ chỉ sợ bố không chịu đựng được cái khắc nghiệt của vùng núi nếu bất ngờ ngã bệnh thiếu thuốc men, thiếu người săn sóc thì làm sao. Ước nguyện của chúng con bây giờ là mong sao cho bố khỏe mạnh, giữ vững tuổi già trong ngày tháng còn lại nơi trại đợi ngày trở về xum họp với bà, mẹ, và dạy dỗ chúng con...”

“... Bố ạ, chương trình phổ thông học hành chẳng ra gì, quá thấp kém, có có ý định bỏ học theo một ông bạn của chị Hoa học nghề. Ông ta là một điêu khắc gia và họa sĩ cỡ lớn. Ông đã nhận xét là con rất có năng khiếu về hai bộ môn này, ông hứa nếu gặp dịp thuận tiện ông sẽ tận tâm chỉ dạy con tới mức, đủ trình độ cảm nhận màu sắc và hình tượng của cái thế giới đầy trùu tượng đáng yêu này.

Con biên thư cho bố vào lúc trời thật khuya và con thật buồn ngủ, chữ lem luốc khó đọc, bố đừng mắng con. A bố cần phải mặc thật ấm bố nhé! Trời dạo này đã bắt đầu lạnh, bố mà bị cảm hẳn sẽ cản trở không ít tính lác quan của bố đấy...”

Ngày ông Giáo được tha về mới hay Vi đã bỏ học, không thi Tú tài, có theo học về điêu khắc và hội họa nhưng ông thấy lại bận việc khác nên bỏ dở, Vi xin được một chân làm ở tổ hợp sản xuất hóa chất.

Cảnh khắp các hẻm Sài Gòn những người già trẻ lớn bé đủ cỡ ngồi cần cù sảy gạo nhặt thóc, nhặt sạn. Gạo nhà nước bán vốn đã nhiều thóc trấu, tới phường còn trộn thêm trấu cát vào nữa trước khi bán cho dân chúng theo giá chính thức. Cảnh đường phố Sài Gòn nhan nhản

những bảng nhỏ bằng giấy bìa gấp, đề: “Mua giấy.” “Mua giấy đủ loại.” “Nhận bơm mực bút nguyên tử.” Cảnh hè phố có những người trái tằm ni lông bày bán đồ phụ tùng xe đạp, đồ điện, thuốc tây... hễ thấy bóng áo, mũ vàng (công an, cảnh sát) thì ai nấy gói gọn lại thành một túi xách trốn lảng vào những hẻm gần. Cảnh những hè phố được vun lên thành những luống khoai gầy do những người gầy đói hàng ngày trông nom. Cảnh những người dân gầy nuôi đàn vịt gầy ngay trên những vỉa hè tương tự có cái nhìn nửa như vỗ về nửa như nài nỉ vịt hãy chóng lớn để có tiền. Buồn thảm nhất là sáng sáng con chó đói nhà hàng xóm tới vọc mồm vào thùng rác lục tung tóe tìm cái ăn, mỗi lần bị đuổi còn lẩn khân, bịn rịn tần ngần đứng ngay ngoài cổng ngoái nhìn lại.

Nói tóm lại khuôn mặt bệ rạc bị biến cùng hóa của Sài Gòn. Vì có biết và có thông cảm – nỗi sầu hận mệnh mông của xứ sở bất hạnh, niềm sầu hận đó chắc chắn sẽ thể hiện thành những nét nhạc buồn đây đó trong ba ca khúc ngắn Vì sáng tác mà các anh chị em trong nhà cùng đám bạn trẻ của gia đình gọi đùa là concerto số 1, concerto số 2 và concerto số 3. Tuy nhiên, Vì cũng nhận thấy những nét đẹp Sài Gòn không hiếm. Có biết bao gia đình hàng tháng nhận được qua cửa thân nhân bằng hữu gửi về: quần áo, thuốc men, thực phẩm. Nên kinh tế tư nhân – mà chính phủ xã hội chủ nghĩa muốn bóp nghẹt hoàn toàn để giành lấy độc quyền phân phát sự sống – vẫn còn đó ng– hên ngang bất trị phản ánh lên khuôn mặt còn hồng hào đầy đặn, lên những ánh mắt còn tinh khôn dí dỏm. Đúng như một họa sĩ hay một điêu khắc

gia thực thụ Vi thích thú thấy mình bất chợt gặp được những nét mặt thật đẹp, những đường cong cơ thể thật đẹp. Điều làm Vi vui nhất chính là Vi nhận thấy những nét đẹp đó rõ ràng tượng trưng cho một cái gì bất trị bất biến, chúng sẽ còn đó mãi mãi như một thách thức với những bàn tay tàn bạo muốn nghiền nát chúng, muốn tận tình hủy diệt chúng. Cán bộ nòng cốt tại những địa phương xa Sài Gòn thấy không hoàn toàn siết chặt được cái dạ dày quần chúng để điều khiển khối óc bèn xử dụng dư luận chụp mũ thường tình: những người nhận quà ngoại quốc là những người nhận tài trợ của C.I.A. Mỹ. Nhưng ăn thua gì những mảnh mây đen tối tả muốn che mặt trời đó.

Quả thực tuy chưa là một họa sĩ, một điêu khắc gia nhưng Vi nhìn và thưởng

thức những đường nét đẹp, màu sắc đẹp như một họa sĩ, một điêu khắc gia thực thụ với cái nhìn bất chợt, tình cảm bén nhạy. Một khuôn mặt bầu bĩnh hay trái soan, nước da nâu hồng tràn bờ sinh lực hay trắng mịn kín cổng cao tường, khoe mắt sáng ngời yêu đời tin tưởng lai hay mơ màng chìm vào xa vời, cặp đùi khỏe như một lực sĩ hay dáng đi uyển chuyển thanh tân, một nét son môi, một nụ cười tươi với hàm răng ngà, hay nụ cười chúm chím e dè kín đáo, một thoáng nước hoa theo gió, hương thơm của một thời văn minh xa xưa luôn luôn tôn trọng và đề cao cái đẹp...

Tất, tất cả những thứ đó với Vi rõ ràng tượng trưng cho một cái gì bất trị bất biến, chắc chắn chúng sẽ còn đó mãi mãi như một thách thức với những bàn tay tàn bạo muốn nghiền nát chúng,

muốn tận tình hủy diệt chúng. Tất nhiên phần đẹp nhớn như bất trị đó của cuộc đời cũng được phản ánh thành những nét nhạc tươi tắn trong ba ca khúc của Vi.

Riêng về việc đi, Vi không hề băn khoăn thắc mắc nghĩ tới. Trong tâm hình như Vi chỉ đơn giản nghĩ: bố mẹ còn ở đây thì mình ở đây, chẳng sao; mai đây bố mẹ đi tất nhiên mình cũng đi theo thôi.

Hy, thằng con trai thứ ba cũng có khuynh hướng thích đi vào chiều sâu của suy tư giống chị Ánh của nó. Đọc kịch Hamlet của Shakespeare Hy rất khoái đối thoại giữa vua và Hamlet. Vua hỏi về Polonus, Hamlet đáp Polonus đương ăn bữa tối. Vua hỏi ăn bữa tối ở đâu? Hamlet đáp là không phải ở chỗ bữa ấy ăn mà là ở nơi lại ấy đang bị rời bỏ ăn, chúng ta

nuôi béo các sinh vật khác để ăn cho béo và ăn cho béo để làm mỡ cho rời bỏ.

Trong những cuộc họp vui Hy nói đùa khá nhiều và khá lớn tiếng (thực ra về tinh thần hài hước thì cả gia đình ông Giáo không ai thiếu). Hy cũng rất chán nản về thời cuộc như các anh chị, đặc biệt chán đến cảm thấy như bị sỉ nhục mỗi khi nghe nhắc rằng thi vào đại học sẽ có được hàng tháng 16 ký gạo và mười tám đồng trợ cấp. Tuy nhiên khác với hai anh (Hải, Vi) Hy vẫn học xong cấp ba và thi vào đại học. Hy thi vào Trường Bách Khoa ngành cơ khí. Một ngàn năm trăm thí sinh lấy có tám mươi.

– Bố ơi, mở tung cửa đại học cho ai học được gì theo năng khiếu thì học, sao lại hạn chế hở bố? Hy hỏi bố.

– Đây là họ quy hoạch trí thức quốc

gia với nền sản xuất quốc gia đó, con ạ – ông Giáo đáp lời con.

Và Hi cũng như Vi không hề nặng lòng thắc mắc về vấn đề đi cho lắm, hoàn toàn nghĩ là mình sẽ đi với bố mẹ theo con đường chính thức H.C.R. (Cao Ủy Tị Nạn) can thiệp chứ không phải đi chui bằng G.H.E (Ghe) như mọi người trong gia đình thường nói đùa.

Một lần vào lúc có đúng hai cha con ngồi ngoài phòng khách, radio nhà hàng xóm vang lên buổi phát thanh thiếu nhi. Tiếng kèn đồng nguy nga vừa dứt, tiếng một em gái vang lên chững chạc nhiệt tình: “Vì lý tưởng của bác Hồ vĩ đại, vì tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chúng ta hãy sẵn sàng!”

Thoáng thấy khuôn mặt Hy muốn phẫn nộ, ông Giáo dịu dàng nói với con:

– Con có thấy giọng em bé hô khẩu hiệu thật trong sáng thơ ngây. Em đâu có ngờ tâm hồn, tư tưởng đã bị bao vây, đúng hơn là nằm gọn trong nanh vuốt ác quỷ mất rồi. Đám quỷ vừa bồm bẻm nhai nhau hài nhi tán nhỏ, bào thai tán nhỏ trộn với bột nghệ làm thuốc trường sinh vừa bình tĩnh đắc thắng nhìn các em sẽ lớn lên thành cán bộ nòng cốt xây dựng sự nghiệp cho “Bác muôn vàn kính yêu”, sự nghiệp tàn phá nhân tính, hủy diệt nhân phẩm con người tự do.

– Con hiểu – Hy đáp lời bố – vì vậy nhiều khi con cứ muốn nổi khùng. Như vậy có thiếu bình tĩnh không hở bố?

– Con còn ít tuổi nhưng con cũng có thể hiểu rằng không có giận hờn thực sự thì cũng không có tha thứ thực sự. Bước thứ hai là bước con phải cố gắng đạt tới. Chúng ta phải biết phần nộ, tởm lợm cái

xấu, do đó mới biết thiết tha với cái đẹp để mà tha thứ, sửa chữa cho cái xấu. Rồi lớn lên con sẽ hiểu dần. Có những điều thể đốt giai đoạn hiểu ngay được.

Hy nhớ suốt thời gian bố ở tù không một lá thư nào bố kêu đói, luôn luôn là “bố ở trên này cái gì cũng thừa đủ, mẹ và các con ở nhà cứ yên tâm”. Nhưng một lần Hy ăn phải củ khoai hà vội lè ra vứt vào thùng rác. Lần đó bố thủ thủ với Hy: “Bất kỳ loại động vật nào cũng biết chê khoai hà. Ném củ khoai hà cho chó cho lợn, dù đói đến mấy chúng cũng không thèm ăn, kiến không thèm tha, nhưng với tù nhân trong trại cải tạo cộng sản thì khoai hà vẫn nhắm mắt nhắm mũi nuốt được và tự an ủi chất đắng của khoai hà có thể là môn thuốc chữa đau dạ dày. Sự thực nuốt vào chỉ để cho dạ dày đầy thêm chút xíu, an ủi phần nào

cảm giác đói, đói thường xuyên, đói dần vật, đói ngơ ngác”. Ấy, nhiều khi Hy có được những câu chuyện tâm sự như vậy với bố.

Kể từ ngày bố tự trại cưỡng bách lao động cộng sản về, lần nào bố nói chuyện hay giảng dạy cho chị Hoa nghe những đề tài có tính cách siêu hình và phá chấp về sắc không của nhà Phật thường cũng có Hy hiện diện (Hy có duyên với bố ở điểm này chẳng). Và Hy thành tâm lắng nghe, đôi khi hỏi thêm, và tuy còn non tuổi thật, Hy nghĩ rằng mình cũng đã hiểu được phần nào những tình những ý bố gói ghém qua những lời bố nói. Có khi lần nói chuyện trước Hy chưa hiểu, sang lần sau, đề tài khác, Hy lại do đó mà vỡ lẽ đề tài trước. Rõ ràng – Hy thấy rõ lắm – bao nhiêu đề tài khác nhau bố đề cập chung quy vẫn hướng về một mối

như trục trái đất hướng về sao Bắc Đẩu. Ấy là không kể nhiều khi cùng một đề tài nhưng bố diễn giảng mấy lần khác nhau bằng những hình ảnh khác nhau, hoặc ngược lại nhiều đề tài khác nhau được bố chỉ cho thấy mẫu số chung của tất cả, nên chỉ cần gỡ mỗi một đề tài là thấy cách gỡ mỗi cho tất cả. Lời và ý của bố vẫn nồng nhiệt mà vẫn bình thản, cứ như là được đưa vào một phòng có lò sưởi điện ngầm vẫn hưởng hơi ấm đấy mà không thấy lửa. Hy nhớ lời bố thấp thoán đây đó trong vài mảnh đàm thoại:

– Vô tư như trẻ thơ, như thiên nhiên cỏ cây cầm thú là nhất đấy, nhưng không bao giờ mình muốn bản thân sinh ra là cỏ cây cầm thú, mình cũng chẳng thể sinh ra vĩnh viễn là trẻ thơ, trừ những người chẳng may sinh ra bị bệnh mất trí. Khổ nạn của con người ý thức là biết rồi lập

tức tự xóa nhòa để thoát ra khỏi cái biết đó (như không còn biết nữa). Dòng sông in bóng nhận vô tư hoàn toàn, nhưng dòng sông tâm thức con người thì thoát biết có bóng nhận qua nhưng lập tức sau đó phải siêu hóa thành dòng sông thiên nhiên để vẫn phản chiếu bóng nhận mà vẫn như chẳng hề hay mình phản chiếu.

– Bám vào ý thức là các con sa vào cái nhìn nhiễm đối đãi có–không, yêu–ghét, tốt–xấu, khổ– vui... Hãy siêu lên thành bình lặng không nọ không kia.

Hy còn nhớ đã cố gắng theo lời bố, nghĩ rằng mình có hiểu, đồng thời Hy thốt lên “Đạt được như vậy khó quá bố ơi!” Chị Hoa chín chắn hơn đã tiếp lời Hy:

– Đạt được như vậy là đạt đạo rồi. Khó lắm chứ. Nhưng đường đi phải vậy.

Đạo mà, phải không bố?

– Đúng đấy con! – lời bố đáp đầm ấm và trầm tĩnh như bao giờ. Được rồi sẽ mất, được mà không được thì mới không mất!

– Các con đạt được thành công mà không biết giữ cho lòng chan hòa bình lặng – một hình thức của vui thanh tịnh đấy – lại đi vui kiêu, vui ồn ào tức là các con chưa phải hiểu trong thắng có mầm bại, trong vui có mầm sầu, các con tránh đâu cho thoát nỗi buồn thất bại tất nhiên sau đó. Cổ nhân khuyên thắng không kiêu là thế!

– Thế còn bại không nản, hờ bố? Hy luôn có ứng phó mau lẹ như vậy khi chợt thấy điều muốn hỏi.

Thì thất bại là liều thuốc đắng dẫn mình tới thành công, là mầm thành công chứ còn gì nữa. Các con ý thức điều đó là các con đương uống thuốc đắng và đợi trước ngày lành bệnh. Có điều các con nên nhớ... Điều gì nào?

Lần đó Hoa cười đáp lời bố:

– Giữ cho lòng chan hòa bình lặng khi khỏi bệnh. Thắng không kiêu bại không nản, bố nhỉ.

– Đúng! Không lìa dòng đời mà cũng chẳng để dòng lời cuốn!

Ông Giáo có vẻ hài lòng ra mặt, mặc dầu cả ba bố con cũng tự riếu như vậy là lòng rên lên đó, không bình lặng đâu! Người mà!

– Thấy đời bản mà mình đứng riêng chỗ sạch, đời ồn ào mình đứng riêng chỗ

bình lặng, như vậy có mang tiếng “đào ngũ” không bố?

Bố cười hiền nhìn thẳng con tốt hỏi:

– Mình chỉ giữ cho không nhiễm ngay giữa ô tạp, giữ cho bình lặng ngay giữa hỗn độn đấy chứ. Mình như ngọn đèn tùy theo khả năng mà chiếu sáng mà sưởi ấm đấy chứ. Mình có đào ngũ đâu. Chữ nhà Phật nói “chân không mà diệu hữu” là như vậy đó con. Mà ông Lão Tử nói “vô vi nhi vô bất vi” cũng là như vậy đó con.

Ấy, Hy là đứa con hay nghĩ nhất trong bốn đứa con trai và bạo hơn chị Ánh nên hay được nói chuyện loại này với bố. Âu cũng là cái duyên bố con!

Và điều này Hy vui đến cảm động nữa, là tất cả những bức thư bố gửi về

hồi bố còn nơi trại tập trung với những ngày gặp lại bố, gần bố, được trực tiếp nói chuyện với bố, rõ ràng là câu chuyện giữ được vẻ liên tục thuần nhất như con sông dòng suối từ cao nhìn xuống đương miết mãi xuôi dòng.

Hy có duyên với bố, phải, có duyên với bố về loại chuyện này. Nhưng vì tuổi Hy còn non nên mỗi khi thấy Hy loay hoay suy nghĩ về mặt đăm chiêu là các anh chị lại rúc rích cười gọi riêu là Hy gàn. Chính vào dịp sinh nhật mình năm ngoái Hy cũng đã nhận được món quà hình một chú thanh niên chơi violon gọt bằng gỗ đứng trên đế cao hình vuông có hàng chữ khắc: Hy gàn. Hy còn vụng nữa, vụng nhất nhà nếu không phải là nhất xóm, nhất trường. Khi ngồi vào bàn ăn hai tay khuỳnh khoàng xới cơm chan canh, đụng đầu đồ vãi đấy. Trường hợp

đi đâu về muộn hết cơm, Hy hùng hực thối lầy trên sống dưới khô là thường. Được cái Hy ăn vẫn thấy ngon vì trong khi ăn Hy suy nghĩ về những vấn đề Hy khoái nhất, mặc dầu cơm vãi đẳng cơm, canh vãi đẳng canh. Nhiều lần bà giáo phải kêu lên:

– Mày ăn uống gì mà cơm vãi như hoa nắng, canh đổ tung tóe thế này, Hy ơi!

Trở lại vấn đề ĐI. Duy bà nội không phải là người ra đi nhưng bây giờ cụ lại là người quan tâm thắc mắc nhiều đến chuyện ra đi của cả đám con cháu trong gia đình kể cả thằng con trưởng của cụ – ông Giáo! Cụ lắng nghe mọi câu chuyện cả đứng đắn lẫn vui đùa của đám con cháu, kể cả đám khách của ông Giáo. Cụ luôn luôn niệm Phật, cầu nguyện cho thế giới hòa bình, quốc gia an lạc, chiến

sĩ trận vong, đồng bào tử nạn được siêu sinh tịnh độ.

Dư luận tại Sài Gòn vào dạo này bàn tán nhiều đến những điều tui này (ý chỉ chính phủ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam) đã ký với Cao Ủy Liên Hiệp Quốc tại Genève tháng 7 năm 1979 về những người tỵ nạn. Tui này ký nhận bằng lòng để cho những người Việt còn trong nước được quyền chính thức ra đi đoàn tụ với gia đình; những người Việt không thích hợp với chế độ cũng vậy, trừ trường hợp những người này nắm giữ bí mật quốc phòng, hay thiếu nợ nhà nước, hay bị tù thường phạm. Ngược lại tui này do đó mà được nhận viện trợ tính theo số đầu người ra đi, thường dân bảy tám trăm Đô-la một đầu người, giá đó tăng dần theo các cấp Ủy, Tá, Tướng. Nghĩa là một cách tui này bán dân lấy tiền. Lẽ

ra chiến dịch di cư đại quy mô này thực hiện từ tháng 6-1980 vừa qua nhưng tại này lươn lẹo gian dối luôn luôn viện cớ này cớ nọ không chịu thực thi những lời chúng cam kết. Và mặc dầu những gì chúng cam kết công khai ở Genève về đến Việt Nam đã được giấu nhem cũng đã khoảng 80 vạn dân chúng Sài Gòn chuyển được đơn xin tỵ nạn tới tay Cao Ủy Liên Hiệp Quốc khiến – vẫn theo dư luận quần chúng tố cáo – tên Thủ tướng chính phủ phải đập bàn mắng đàn em cấp dưới là giăng màn lưới công an thế nào mà tới gần nhiều đơn xin tỵ nạn lọt qua!

Sang tháng 8-1980, dân chúng được biết nghe đâu Cao Ủy Liên Hiệp Quốc bằng lòng cho tị này lĩnh tiền trước bằng xe buýt, máy cày, lương thực. Cách nộp đơn tỵ nạn ngày một phổ biến bán

công khai, nơi di dân sẽ là Úc châu. Nếu tụi này không nuốt lời hứa, camion sẽ đón từng gia đình tập trung rồi cho lên Tân Sơn Nhất vào những giờ giới nghiêm từ nửa đêm đến bốn giờ sáng. Năm phi đạo bên trường bay quân sự cũ đã được sửa chữa cẩn thận cho cuộc di tản mau lẹ và kín đáo (để tụi này đỡ mất mặt) bằng đường hàng không. Trường hợp chúng cố tình lơn lẹo, Liên Hiệp Quốc sẽ trực tiếp cứu trợ dân chúng không qua tay chính phủ (trường hợp bên Cao Miên). Vào dịp trực tiếp cứu trợ này người dân sẽ trực tiếp nộp đơn xin tỵ nạn, tụi này sẽ không còn viện được cớ gì để cản trở nữa. Nếu giải pháp thứ hai này cũng không thực hiện được, Liên Hiệp Quốc đành thực hiện kế hoạch Okinawa, trực thăng rợp trời, quân đội mũ xanh Liên Hiệp Quốc đổ bộ xuống giữ trật tự cho những người dân tỵ nạn lên phi cơ. Thoạt hầy

cứ mạnh ai nấy lên rồi với phương pháp quy mô khoa học và nhân đạo cha con, vợ chồng, anh em... trong một gia đình sẽ gặp nhau rất chóng. Đã nhận tiền viện trợ – tiền bán dân – trước rồi tội này tới lúc đó không còn thể viện bất kỳ có gì để cản trở.

Vẫn trong dư luận dân chúng cho hay tội này đã bắt đầu phải cho bật đèn xanh: đám trẻ con lai, những thương phế binh của chế độ cũ, những người dân bỏ vùng kinh tế mới về sống cầu bơ cậu bất trên vỉa hè Sài Gòn, đã được chuyển dần tới trường bay Tân Sơn Nhất khu quân sự cũ, hàng ngày ăn đồ hộp đợi phi cơ tới di tản dần.

Đã có người gặp được nhân viên ngoại quốc thuộc Cao Ủy Tỵ Nạn biểu lộ thái độ bán tín bán nghi hỏi liệu câu chuyện di tản đại quy mô dân Việt lánh

nạn Cộng sản qua Úc có thực không?

Nhân viên ngoại quốc đó đã đáp dí dỏm:

– Nếu quý bạn ra ga mà thấy một đầu máy xe lửa đã nối liền với các toa cho hành khách thì chuyển xe tất sẽ tới lúc khởi hành. Tuy nhiên, từ lúc xe đậu nơi ga tới lúc xe khởi hành cũng còn phải qua một số thủ tục cần thiết, bán vé cho hành khách, xếp hành lý, xếp chỗ ngồi cho hành khách, kể cả việc huýt còi và phát cờ đỏ làm hiệu cho đoàn xe đi.

Tất cả những chuyện trên bà nội đều lắng nghe và mặc dầu cụ đã cố gắng lắm mà vẫn là chỗ được chỗ không. Tuy nhiên về đại thể cụ cũng hiểu.

Một lần trên gác chỉ còn hai mẹ con, cụ nói với Giáo:

– Này con ạ, con đừng đi chui nhé. Nó bắt được thì khốn đốn đó.

Ông Giáo cười rất lớn, rất thực tình nói với cụ:

– Không đâu cụ ơi, xin cụ đừng lo, khi mà con ra đi phải là đi cả gia đình và có công an cảnh sát hộ vệ..., chứ không đi... chui như đám nhóc đâu.

Trước khi ra Bắc, cụ vẫn lắng nghe mọi câu chuyện, và cụ biết ở miền Nam này càng ngày càng nhiều người xông xáo đi chui. Thế giới nhường như đã hết xúc động về thảm trạng người Việt Nam chạy trốn ra nước ngoài rồi. Cụ nghe thấy nói – chẳng biết có đúng hay không – Nam Dương, Mã Lai, Tân Gia Ba đã lập những đội tuần tiểu ngăn không cho thuyền những người vượt biên cập bến nước họ, vì người tỵ nạn vào đông quá

rồi làm mất quân bình nền kinh tế nước họ. Cụ cũng nghe nói những lời cam kết ở Genève hồi mùa Thu năm ngoái, nghĩa là phải để cho những người không thích hợp chế độ ra đi chính thức với những phương tiện do Liên Hiệp Quốc cung cấp để tránh những thảm cảnh vượt biên làm thương tổn quá nhiều đến uy tín của chính phủ xã hội chủ nghĩa.

Lại một buổi chiều chỉ có hai mẹ con trên gác, cụ nói với ông Giáo:

– Hay là nếu người ta chỉ có thể cho từng người một, thì con cứ đi trước đi.

Ông Giáo cũng lại cười lớn thưa với cụ:

– Chưa có chuyện đó đâu cụ ạ. Ra đi chính thức đâu có phải là chuyện dễ thực hiện được. Ít nhất là vào lúc này. Cụ

cứ yên chí, con còn ở Sài Gòn, cuối năm nay khi được cấp đầy đủ giấy tờ hợp lệ con còn ra Bắc cải táng cho thầy đã.

Cụ gật đầu ưng ý:

– Ờ, ờ thế thì còn gì bằng. Nhưng dù con ở hay con đi thì con cứ yên tâm rằng mẹ ở đâu thì mẹ cũng niệm Phật cầu Phật phù hộ độ trì cho các con cháu, mà mẹ nói thật đấy, dù con có đi Tây đi Mỹ, khi nào nhận được điện là mẹ có thể đi máy bay gặp con cháu ngay. Thì mẹ đã máy bay từ Hà Nội vào Sài Gòn đấy, có sao đâu.

Ông Giáo vội vã gật đầu rất hỉ hả:

– Cụ nói đúng lắm, người ta đi ngoại quốc bằng máy bay như đi chợ ấy mà có gì là trở ngại đâu.

Bà nội nhìn đám cháu còn lại. Cụ biết rồi đây khi cụ đã ra Bắc rồi, nếu cái tổ chức gì (ý cụ nghĩ về H.C.R) mà bảo lãnh cho chúng đi tất nhiên chúng sẽ ra đi hết. Nhưng cụ vẫn cảm thấy gần chúng nó. Có bao giờ cụ quên niệm Phật cầu nguyện cho chúng đâu.

17

Cũng may, mấy ngày sau lá thư của Hoa gửi về từ trại tỵ nạn Nam Dương, qua Pháp tới tay gia đình, kế tiếp thư Hoa là một lô thư liên tiếp của lũ con Quỳ. Những lá thư mang niềm vui vô biên cho cả đại gia đình nội ngoại, đặc biệt giúp cho Ánh quên được nỗi buồn phải trở lại Vũng Tàu sinh hoạt học tập chính trị với đám hiệu bộ một tháng trước khi vào niên học mới thật sự.

Thư của Hoa:

Indonésie ngày 2-6-1980

Kính gửi bố mẹ, cô chú,

Chúng con đã đến Nam Dương an toàn vào ngày thứ Bảy 31-5. Để con xin kể từ từ.

Sáng Chủ Nhật 25-5, chúng con xuống Cần Giuộc, buổi chiều xuống ghe taxi ra cửa biển. Lúc sắp rời ghe taxi để lên ghe bầu đợi thuyền lớn ra (khoảng chín mười giờ khuya) thì chúng con bị du kích xã cướp vợ vét đồ đạc mang theo, nhưng may chúng không bắt. Mười hai giờ khuya chúng con lên thuyền lớn vượt thoát trạm xét cùng mấy hàng đáy an toàn. Mấy ngày đầu biển rất lạnh, vậy mà nhiều người vẫn say sóng, ốm liệt bệt. Cả hai vợ chồng con và em Thiện thì không

sao, khỏi chê. Đã vậy vào những lúc ghe ngừng máy để đổ dầu là bọn con cùng anh Lịch và đám “văn nghệ bỏ túi” nhà nhẩy xuống biển bơi luôn. Chiều thứ Năm bọn con gắp giàn khoan dầu của Anh và Hy Lạp. Họ không vớt nhưng tiếp nước ngọt, nhiên liệu, thực phẩm cho mình, rồi lại chỉ đường nữa. Tối thứ Sáu bọn con ra ngay tuyến đường của tàu buôn đi Singapore, gắp bao nhiêu là tàu lớn. Bọn con bấm S.O.S loạn xạ, họ có đi sát lại, nhận ra mình, sợ quá, chạy cong đuôi chẳng ma nào thêm vớt.

Sáng thứ Bảy đã thấy đảo ở xa xa, đến trưa cập bến làm thủ tục rồi vào trại KuKu. Bọn con thừa hưởng trại này của dân tỵ nạn thời 1979, thuê đó bán chính thức đông đảo nhất. Nhà ở là lều tranh nhưng có nước máy thỏa thuê và Ủy ban H.C.R. yểm trợ đầy đủ về đời sống. Ở đây

đúng là thiên đường của bọn trẻ. Trước mặt là biển, sau lưng là núi đồi có suối nước. Đám nhỏ suốt ngày đi câu cá, đi bơi, leo núi hái thanh trà về để con nấu canh chua... Thú vị lắm.

Bọn con chỉ ở trại KuKu vài ngày sau đó sẽ sang đảo Galang lớn hơn, sẽ ở đấy cho tới khi nước nào đó nhận mình. Ở đây người ta đã lấy lý lịch của bọn con rồi. Bọn con ghi nguyện vọng đi ba nơi: Hoa Kỳ, Can-ada và Úc. Vì anh Lịch là sĩ quan và sức học của con cũng khá nên chúng con có triển vọng được Hoa Kỳ nhận. Hiện thời chúng con đang nhớ nhà ghê lắm, nhưng ở đây không có cách gì đánh điện hay viết thư. Họ không cho liên lạc thẳng tới Việt Nam. Vì vậy những dòng chữ này là con cứ viết sẵn khi nào có điều kiện nhờ được một đệ tam nhân là sẽ gửi ngay. Con tạm ngừng nhé, con

sẽ viết đều kể chuyện cả nhà nghe.

Thương nhớ cả nhà nhiều lắm. Con,
Hoa

Bức thư của Hoa được chuyển ngay cho Phương, Quỳ đọc. Quỳ lập tức làm photocopy bức thư để gửi ngay ra Bắc cho tất cả các cô chú ngoài đó yên lòng. Sau đó Quỳ về làng anh (ông Giáo) gặp các cháu để cùng chia sẻ niềm vui, ôi chao niềm vui càng chia sẻ càng chan hòa. Cô cháu nhiều khi chẳng có chuyện gì cũng gặp nhau tìm ra chuyện nói cười một lúc coi như một cuộc tập thể dục tình cảm giúp cho tâm trí thoải mái. Cảnh anh em nhà trong Nam ngoài Bắc đùm bọc nhau luôn luôn là điều làm Quỳ mãn nguyện lắm.

Vừa “giải phóng” được một năm thì anh bị bắt. Quỳ hết sức nhịn ăn nhịn tiêu,

thu vén bù trì cho chị và các cháu lúc đó chẳng khác cảnh “mẹ góa con cô” trong khi Chu và lũ em ngoài Bắc cũng dè sẻn thu vén y hệt Quỳ gửi tiền vào Nam giúp chị, tiện ai vô thì gửi thêm đường sữa và một số nhu yếu phẩm khác. Một đứa con của Chu nói với mẹ:

– Chúng con ngoài này chịu khổ quen rồi, chịu khổ thêm một chút không sao, mẹ cứ gửi những thứ đó vào cho các anh chị con.

Thực là ngược hẳn với cảnh “Miền Nam nhận họ, Miền Bắc nhận hàng,” mà dư luận thường nêu lên làm đề tài giễu cợt. Ngày đó ông Giáo mới bị bắt khoảng hơn một năm, còn bị nhốt ở trại Phan Đăng Lưu, Gia Định, ông có viết ra cho các con: “Bố coi tám con như tám mảnh hình hài cơ thể của bố mẹ, các con hãy noi gương các cô các chú trong Nam

cũng như ngoài Bắc đùm bọc bố mà đùm bọc lấy nhau mãi mãi về sau này, nhất là vào những lúc hoạn nạn.” Lúc đó đọc đoạn thư của anh viết cho các cháu mà Quỳ tưởng như nghe chính lời anh đương thủ thủ khuyên dặn con, và

Quỳ ứa nước mắt lúc nào không biết.

Bước vào phòng khách Quỳ gặp ngay ông Giáo và khoe liền:

– Em đã làm photocopy bức thư của cháu Hoa và gửi ngay ra Bắc rồi.

– Tốt quá! – Lời ông Giáo.

– Cô mới mỗ dạ con nhớ là phải đi rất ít, đạp xe rất gượng nhẹ – lời bà Giáo.

Quỳ lên gác với đám cháu gái, ông Giáo chẳng cần lắng nghe cũng nhận ra rất rõ tiếng từng đứa con gái và cô em riu rít trên đó.

– A, cô, – mấy đứa con gái cùng reo mừng cực kỳ sáng khoái như cảnh tha hương ngộ cố tri.

– Hôm qua tao nằm mơ.

– Cô lại mơ thấy tụi nhóc Bích Tô, Vân, Tỉ

Ánh phản ứng liền.

– Không tao mơ thấy rắn.

– Eo ơi! – Út Hương rút cổ lại khiếp sợ.

– Không, – Quỳ tiếp – nhất định là giấc mộng của tao báo trước điềm lành, vạn sự hoàn hảo.

Thấy cả ba đứa cháu gái cùng một cử chỉ phản đối (chúng đều sợ rắn) Quỳ vội nói ngay:

– Chúng mày cứ bình tĩnh nghe tao kể đã. Tao mơ là trong một góc tử tao để một cái gì đó, và tao biết cái gì đó luôn luôn đi đôi với rắn, gọi rắn tới. Mình đã biết trước vậy, đâu có sao. Nhưng lại có một đứa bé đi tới chỗ tao để cái gì đó và kêu thất thanh: rắn! Một đứa bé khác xông tới cầm một cái gì nhẹ hều đánh tới tấp vào một con rắn bạc (Quỳ khoát tay) vẩy toàn bạc lấp lánh bò ra chui vào lò sưởi.

Út Hương rụt cổ:

– Eo ơi!

– Bình tĩnh – Quỳ tiếp – tao đã bảo cứ bình tĩnh mà! Thằng bé tiếp tục đánh, những cái đánh nhẹ hều đó làm sao rắn chết, nó chỉ ngủ thiếp đi. Khi cô tiến tới thì nó vừa nhồm dậy, toàn thân vẩy bạc trắng xóa. Tay cô cầm một cái gì khá

nặng bằng sắt thì phải, nhưng cái gì đó có phép lạ nên khi cô đập xuống lập tức đầu nó nát vụn, lập tức cô đập thêm mấy cái nữa cho chắc ăn, cả khúc đầu con rắn bạc nát vụn như cám.

Bây giờ Ly cười khanh khách:

– Ủa thế cô chỉ đánh khúc đầu, để dành khúc đuôi nấu cà ri chẳng?

– Đúng vậy – Quỳ hấp tấp đáp liền – chính trong giấc mơ tao nghĩ mình bạch dút khoát như vậy đó. Chỉ đánh cho nát đầu, cho rắn độc thật chết, còn lại sẽ chặt ra từng khúc nhỏ xào lăn ăn chơi. Đúng là thịt rắn ăn như thịt gà đấy các cháu ạ.

Ánh tiếp:

– Cháu tiếc là không giỏi về thuyết phân tâm học của Freud để phân tích

giấc mộng giết rắn bạc vẩy lấp lánh của cô.

– Ấy ngày xưa Lưu Bang trăm bạc xà rồi khởi nghĩa về sau được cả thiên hạ, cô mơ đập nát đầu con rắn vẩy bạc lấp lánh, cô cũng tin là điềm lành. Hễ cô mơ diệt được giống gì độc ác thì bao giờ cô cũng thấy hồ hởi và chắc chắn đó là điềm lành.

Chuyện rắn đến đó bế mạc, Quỳ lấy ra ở chiếc túi vải xách tay một quyển vở. Út Hương biết là cô sắp có câu chuyện vui khác về quyển vở đó bèn hỏi:

– Cái gì trong quyển vở đó thế cô?

– Thơ của con Vân!

Ánh ngược mắt nhìn trời thở hắt ra:

– Trời ơi! Con Vân cái lương nó làm thơ thật ư hờ cô?

(Vân vốn khoái xem những phim tuồng cải lương lại hay hát bài trong phim Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài nên bị các anh chị riễu là “Vân cải lương”)

Quỳ vừa dở quyển vở vừa nói:

– Ủ, nó làm thơ thật chứ bộ. Đến năm sáu bài lận! Cũng là vô tình cô lục cặp của nó, mở ra xem mấy quyển xếp trong ngăn mới khám phá ra những tác phẩm đó của nó. Chúng mày xem này, toàn là thơ tặng và thơ vịnh mà nào nó có khoe với cô với chú tí nào đâu. Nó đã làm từ năm 1978, cách đây hai năm, hai năm lận. Trời, con bé thiệt là kín tiếng.

Thế là bốn cô cháu chuyển đề tài sang bình thơ của bé Vân. Được cái đề tài rất cụ thể (thơ bé Vân sẵn đó mấy cô cháu chỉ tranh nhau đọc, tranh nhau phẩm bình và tranh nhau cười. Tất cả những

bài thơ này bé Vân làm cách đây hai năm – năm 1978 – vào năm bé Vân mới mười một tuổi. Bài thơ nào cũng được bé Vân minh họa hoặc ở trên hoặc ở dưới, hoặc ở một góc nào đó của trang thơ. Bài đầu tiên là bài lục bát, hoàn toàn không có vần, với đầu đề “Thơ Tặng Mẹ.” Do đó Quỳ đích thân đọc:

THƠ TẶNG MẸ

Mẹ tôi vất vả sớm hôm

Nuôi đàn con nhỏ ngây thơ trong nhà

Suốt ngày khổ cực chẳng than

Chỉ lo tròn đạo thánh hiền mẹ cha

Chúng con lớn bé nhủ rằng

Lớn lên ta phải biết công ơn người

Mong sao mẹ sống dài lâu

Để được nghe tiếng khuyên răn dịu hiền.

Cả bốn cô cháu cười bò, mãi sau mới cố nín cười để còn thưởng thức nét vẽ minh họa bên dúi. Bé vẽ mẹ theo đúng hình ảnh một thứ nữ tài tử xi nê, trẻ đẹp, một tay đặt lên gối, một tay dương xoa đầu con. Vì đứac con đây chính là mình nên bé Vân đã vẽ rất cẩn thận, khuôn mặt bầu bĩnh, tóc gọn gàng, đôi mắt nhìn về phía xa và môi là một điểm nhỏ xinh tô bằng bút nguyên tử đỏ, trông rất nũng nịu dưới bàn tay vuốt ve của mẹ.

Ảnh phê bình:

– Nét vẽ của nó coi bột trưởng thành hơn lời thơ cô ạ.

Sang bài thứ hai là “Thơ tặng Ba.” Lần này mấy cô cháu ngắm bức minh họa của bé Vân trước. Bé vẽ Ba bận

veston, thắt cravate rất trịnh trọng. Sự
 thự Phương luôn luôn bận sơ mi cụt tay.
 Vào ngày Tết, Phương mới thắt thêm
 một chiếc cravate. Cả nhà ai nấy mang
 máng nhớ vào một ngày xa xưa lắm –
 ngày cưới Quỳ – Phương là chú rể, ngày
 đó Phương quả có bận veston thật. Bài
 thơ này bé làm vào thời ba còn đi học
 tập thuộc diện quan nhân biệt phái giáo
 sư trung học, vì vậy chỉ có bốn câu ngũ
 ngôn tứ tuyệt, Út Hương cao giọng đọc:

THƠ TẶNG BA

Ba tôi đi học tập

Đã suốt hai năm liền

Mẹ nhà lo cơm nước

Chăm sóc đàn con thơ.

Vào dịp này bà nội vô Nam lần thứ

nhất, ông Giáo đã bị bắt giữ, cụ chờ mười ba tháng, ông Giáo vẫn thăm thăm trong tù chưa biết ngày nào mới được ra, cụ đành trở về Bắc.

Bài thơ thứ ba của Vân “Tặng Bà Ngoại” trở về thể lục bát. Ly ca giọng đọc:

THƠ TẶNG BÀ NGOẠI

Bà tôi nay tuổi bảy ba

Dáng người thâm thấp nước da hồng hào

Thương con thương cháu bà vào

Đầu xoa lưng gãi bà nào ngời tay

Mỗi lần bà đến em hay

Em pha một tách trà đường bà xơi

Bà cười đậu phụng lấy ra cô ạ.

Miếng bà bẻm bẻm đỏ tươi miếng trầu

Nay bà về Bắc buồn sao

Vần thơ nho nhỏ con trao tặng bà.

Bé Hương gật đầu:

– Đã có sự tiến bộ, nghĩa là đã có câu có vần

Ly lắc đầu:

– Nhưng còn nhiều câu vẫn tỉnh bơ không vần. Mà năm 1978 bà bảy mươi lăm tuổi chớ có phải bảy mươi ba đâu.

Ánh nêu ngay điểm giảm khinh:

– May mà nó nhớ lăm tuổi bà ngoại nên câu thơ vào bài đó mới có vần!

Bức minh họa bên dưới bé Vân vẽ bé đương cung kính dâng bà ngoại chén trà đường bốc khói. Chắc chắn những nét vẽ

bà ngoại làm bé Vân loay hoay gấp năm gấp sáu lần khi vẽ mẹ (vẽ người già bao giờ cũng khó) và mặc dầu bé đã cẩn thận vẽ tới ba nét nhăn trên trán mà nhìn bà ngoại trông vẫn còn trẻ, quá trẻ so với bà ngoại thực bên ngoài.

Kế tiếp là mấy bài bé Vân vịnh cái tú (đựng quần áo), cái phi-de nhà em (tủ lạnh) và một bài tả cảnh làm mút chuối, bài nào cũng đều được minh họa, và đều có những câu “tĩnh bơ” không vần, nhưng luôn luôn là cái nhìn ngộ nghĩnh, những ý nghĩ ngộ nghĩnh chỉ có thể ở tuổi đó mới nhìn ra thế, nghĩ như thế. Cả bốn cô cháu đều rất thưởng thức những vần thơ đó. Hai bài thơ cuối cùng của bé Vân được thay phiên đọc lại mỗi bài hai lần:

CON MÈO

Nhà em nuôi một con mèo

Suốt ngày nó chạy leo trèo nghịch ghê

Nhưng ai chớ vội cười chê

Tuy rằng nghịch ngợm chẳng hề phá
ai

Một lần chuột đến ra oai

Móng xòe mắt sáng chuột to cũng gờm

Khi chuột hết mèo lành như bụi

Nằm khoanh tròn đôi mắt lim dim

Hai tai nghe ngóng im lìm

Đuôi dài phe phẩy như tìm vật chi

Chúc cho mèo nhỏ ngoan hơn.

Và bài sau chót “Nội Trợ” được chia thành hai chương đánh số la mã hẳng hoi. Về điểm này quả thực bé Vân rất

ngoan, chịu khó đi chợ mua những thứ giản dị tại các bà các cô bán hàng quen, rồi về nhà vừa phụ bếp vừa hát vang (bé Vân rất hay hát), thường được mẹ khen là “con gái mẹ đảm ba đảm bốn” (đảm lắm) chẳng lười sụt xác như chị Bích tổ:

NỘI TRỢ

I

Sáng rồi tỉnh dậy đi mau

Quét nhà, đun nước, nhặt rau, xào mì

Ăn rồi ta chuẩn bị đi

Ra chợ Bà Hạt mua gì được đây

Đầu tiên mua ký khoai tây

Thịt bò mềm thớ hành tây xen vào

Mua dăm ba củ xu hào

Củ to xanh lá lại thêm mỡ hành
 Xong rồi mua một hào chanh
 Thịt heo băm nhuyễn nấu canh với hành
 Nhịp nhàn chân bước nhanh nhanh
 Túi tiền đã sạch sành sanh còn gì
 Bây giờ chuẩn bị đi về.

II

Về nhà thịt cắt phi de
 Rau ta đem nhặt, muối mè ta rang
 Tang tang tịch tịch tình tang
 Ngân nga tiếng hát vang vang khắp nhà
 Chanh, hành, tiêu, tỏi lấy ra
 Bắc cơm lên bếp chúng ta nhóm lò
 Xong rồi ta thái thịt bò

Nêm mắt nêm muối ta cho lên xào

Lại còn gọt củ xu hào

Xanh xanh màu lá ngọt ngào tô canh

Công em quên được sao đành

Đảm ba đảm bốn nổi danh trong nhà.

Ở dưới nhà ông bà Giáo lắng nghe thấy tiếng cười đám cô cháu đã ngớt coi bộ kỳ này gần hết chuyện rồi.

Quả thực đề tài vui của mấy cô cháu đã hết. Quỳ đứng dậy sắp về, chợt đưa mắt nhìn ra khoảng bao lơn rồi nói giọng trách móc:

– Trời ơi, chúng mày bận quá, ai lại để cây ngâu và đám chậu hoa ngoài kia thiếu nước héo cong cả lá. Hồi Hoa còn ở nhà có bao giờ nó để thế đâu. Để cây cỏ khát nước như vậy, chúng mày bận thật!

Thế là mấy cô cháu xúm nhau lại tưới cho các bồn cây và chậu hoa. Quỳ luôn miệng nói:

– Chúng mày để cho cây khát nước thế này là bậy quá, bậy quá.

Bỗng Quỳ chuyển hướng câu chuyện:

– À, này chúng mày, tao mới được biết cái khó đặc biệt của người vượt biên, đó chúng mày biết là cái gì?

– Nhớ nhà có phải không cô? – Út Hương nói.

– Nhớ nhà, nguy hiểm trên mặt nước, nguy hiểm gặp cướp biển... tất, tất cả những cái đó để qua bên, không kể. Đó là những điều dĩ nhiên mà. Phải chột khám phá ra điều gì mới kia.

– Đi là khổ biệt ly rồi – Ánh nói – chẳng còn tránh vào đâu được.

Quỳ giơ một ngón tay lên:

– Hơn một lần biệt ly, các cháu nên nhớ như vậy. Lúc ra đi biệt ly với người thân. Được tàu vớt, lênh đèn trên tàu ít ngày tới trại tỵ nạn biệt ly với tàu với những ân nhân trên tàu. Tới trại tỵ nạn ở vài tháng, có khi trọn năm, kết bạn với những người đồng cảnh ngộ, rồi lại biệt ly với họ, người này được bốc đi định cư nơi này, người kia được bốc đi định cư nơi khác. Rồi đến chính mình được bốc đi định cư, biệt ly với những bạn thân còn ở lại, biết có bao giờ còn gặp lại nhau.

Ấy, tiếng là bàn về biệt ly nhưng giọng Quỳ vui như Tết, thêm những tiếng cười ranh rách của mấy đứa cháu gái góp thêm những ý ngộ nghĩnh ngược đời.

Lòng bà Giáo vui không kém, không

cần phải nhìn ảnh con Hoa, chỉ cần nhìn lại tập bài học trong giảng khóa in ronéo của nó, bà cũng có cảm tưởng được nhìn thấy mặt nó. Nhân bà bạn hàng xóm có đứa con đầu vừa sinh con so nặng ba ký hai, bà Giáo ôn lại chuyện sinh đẻ của mình.

Tôi ấy bác ơi, sinh tám cháu mà không đứa nào được ba ký hết. (Vi vừa đi vào). Thằng Vi này, bây giờ cao lớn nhất nhà mà ngày đẻ có hai ký chín, thằng Hải hai ký tám, con Ly hai ký sáu, con Hoa hai ký bảy, con Út Hương hai ký tư...

Bà nói thuộc vanh vách. Ở trên đời những học trò ngoan nhất thuộc bài lâu nhất cũng chỉ đến thế là cùng. Bà hàng xóm hỏi:

– Cháu Út Hương có hai ký tư có thiếu thán không bác?

– Không đâu bác ạ, giá như có thiếu thì chỉ thiếu một hai tuần. Vì các cháu nhẹ ký nên tôi dễ dễ lắm, có lần anh ấy đèo vespa tôi tới nhà thương, lên giường dễ liền, cứ y như dễ rơi. Có đuôi có đầu nuôi lâu cũng lớn!

Và bà Giáo cười, tiếng cười giòn tan.

Nếu họa vô đơn chí thì phúc cũng hữu trùng lai. Ngày hôm sau Quý nhận được thư của cô gái trưởng, Bích tổ.

Dagmar Maersk, ngày 13-4-1980

Ba mẹ kính yêu,

Chắc rằng ba mẹ mong tin tức con từng giờ từng phút, biết vậy mà mãi đến hôm nay con tàu cứu sống chúng con – Dagmar Maersk – mới cập bến cho nên chúng con viết thư về thăm gia đình.

Năm ngày lênh đèn trên biển với một cái ghe chút xíu quả thật vô cùng hãi hùng với tụi con. Hôm đầu tiên nằm trên ghe taxi thoải mái vô cùng, ăn uống đủ hơn ở nhà nữa đó, nói chuyện cười đùa và chọc phá mấy người trên ghe. Ôi quả thật là sung sướng! Sang đến ngày thứ hai đã lên ghe lớn, chao ôi giai đoạn thử thách đã đến, sóng gió dập vùi. Dây điện lại quấn vào chân vịt, đã tưởng chuyển này hỏng luôn, may sao cuối cùng có một người hùng lặn xuống đáy ghe cắt gỡ được. Hú vía! Chật chội khó chịu đến mức ba mẹ không sao tưởng tượng nổi đâu, giờ đây chỉ mới thoáng nghĩ đến mà con đã muốn bệnh. Ui chao; không sao kể xiết được sự dơ dáy của cái gọi là quần áo mà chúng con mặc trên người, tắm đủ nước biển, mồ hôi, nước ói, dầu nhớt, kể cả... nước tiểu nữa. Chúng con được ăn cơm sống, khô, nhão đều đặn, dĩ nhiên

gạo không hề vo. Ấy thế mà con gái kén ăn của mẹ vẫn xức ngon lành, nhiều nữa là đằng khác.

Mẹ ơi, chanh mẹ mua công hiệu vô cùng, chúng con bóc vỏ mà ăn từng múi ngon lành tỉnh táo vô cùng mẹ ạ! Ba mẹ đừng lo, con đúng là phái mạnh, không hề say sóng. Hai hôm đầu, sóng khá to đấy, con chỉ ói chút xíu, còn bà Vân thì khỏi chê, ói mửa cả bạch, tùm lum. Khiếp lắm mẹ ạ. Chỉ có vài hôm mà con thấy đứa nào mặt cũng vêu ra. Tóc tai rối bù. May mà trước khi đi chị Hoa cắt tóc ngắn như con trai cho con nên không bị rối. Trên con đường lênh đêngh như vậy, tụi con gặp nhiều tàu lắm mẹ à, không biết của nước nào. Lần nào gặp cũng nhốn nháo cả ghe, nào bắn đạn sáng, nào phát cờ trắng, nào đàn bà con gái tủa ra ngoài vậy, nhưng vì một lẽ bất khả kháng nào

đó họ đi luôn. Mãi đến chiều 9-4, tụi con mới nhìn thấy một chiếc tàu nữa. Lúc đó con quá nản cứ nằm lỳ một chỗ mặc cho mọi người xôn xao không hiểu đó là tàu nước nào. Chú Phúc cho bắn pháo hiệu và cho ghe cập sát gần tàu. Thật sự kể cả tới lúc đó con cũng chả hy vọng tí nào. Con nghĩ may ra thì xin thêm được nhiên liệu và nước ngọt. Chị Kim đã đại diện ghe nhà lên nói chuyện với thủy thủ đoàn trên tàu. Trời ơi không thể tả nỗi vui mừng khi biết được rằng người ta đã chấp thuận với tụi con. Con là người thứ ba leo lên thang dây.

Đây là chiếc tàu chở dầu Đan Mạch, bề dài ba trăm thước, bề ngang năm chục thước. Lúc lên tàu lớn vững vàng rồi, con và mọi người mới thấy đầu óc choáng váng, chân tay run lẩy bẩy. Lúc đó tất cả chúng con là những cái bia cho hàng

chục cặp mắt xanh. Ba mẹ ơi, nghĩ đến bây giờ con còn thấy xấu hổ. Dơ dáy hơi hám như đoàn người ăn xin mặt hàng nhất. Chỉ một số rất ít người mang được dép lên, còn hầu hết đi chân không. Tội con ngơ ngác đi từ ngạc nhiên này sang ngạc nhiên khác. Trời ơi, người ta sang trọng và lịch sự quá mẹ ơi! Ngay trên tàu có cả piscine, thành ra con rất khoái cứ rủ tội thằng Tỉ con Vân nhào xuống bơi hoài à. Con cũng có việc trên tàu đấy nhá, con làm phụ bếp và servir bữa ăn. Ông đầu bếp tên Henry khoái con lắm, cười đùa với con suốt ngày. Mẹ ơi, con không hổ danh là con mẹ và em chị Hoa đâu, con rất chịu khó nói tiếng Anh (hì, hì xử dụng cả chân lẫn tay nữa) để làm quen với hầu hết mọi người trên tàu, từ thuyền trưởng đến phụ bếp. Con thấy ông mũi lõ mắt xanh nào hiển hiển một tí là chọc phá loạn cào cào. Nhưng có

qua có lại, họ cũng biết trả đũa đấy, ba mẹ ơi! Nói tóm lại mọi người rất vui vẻ, cởi mở, hồn nhiên như con nít vậy. Thú ghê! Trên tàu chúng con có bao nhiêu là phương tiện giải trí: cờ ca-rô, cờ đam, trò chơi mikado, cá ngựa, bơi lội, xi nê. Cười đùa suốt ngày.

Thôi con phải stop here để còn phải viết thư cho bà và hai bác nữa. Chúc ba mẹ luôn luôn vui khỏe và luôn nhớ đến tụi con.

Nhớ ba mẹ nhiều, thiệt là nhiều.
Bích

Bà và hai bác kính yêu!

Cháu vẫn mạnh khỏe và sung sướng vô cùng! Chỉ tiếc hôm ra đi cháu không kịp lại chào bà và hai bác. Bà ơi, cháu nhớ những đêm được bà gãi đầu xoa

lững quá! Cháu mong bà luôn luôn khỏe mạnh sống vui với con cháu.

Bác trai ơi, ở đây bơ sữa ê hề nhưng chẳng bao giờ cháu quên cháo mì xào hoặc cơm rang của bác đầu, cũng như không bao giờ cháu quên những lời khuyên răn dạy bảo của bác. Bữa trưa ăn thịt ngán luôn đầy hai bác ơi. Mỗi người một miếng to tổ bố bằng miếng mà cả nhà ta ăn hai buổi. Có bữa dư rất nhiều đồ đi cỡ mấy ký thịt cá nữa, hai chảo cá mà có hôm chỉ ăn hết có một chảo, dư một chảo nguyên, cũng đồ luôn, hai bác tính thế có tiếc không. Cháu quen hầu hết trên tàu. Cháu lại mới quen một ông thủy thủ người Hòa Lan nữa, dễ thương, hiền, tốt kinh khủng hai bác ạ. Cháu đã tình nguyện giúp ông sơn, trước tiên là ở ngoài boong, sau đó xuống hầm máy, ở đây trời ơi nóng kinh khủng, 69 độ đấy.

Mặc dầu mồ hôi nhễ nhại cháu vẫn cần cù sơn. Hôm sau Vân nó cũng theo cháu gia nhập công tác sơn tàu giúp. Người ta khen các cháu bác lắm đấy. Cháu nhớ câu đầu tiên hỏi khi nói chuyện với người Đan Mạch là: “Do you have a piano?” Người ta đáp: “No”, làm cháu thất vọng ghê. Mấy tuần nay cháu đâu được tập piano. đành chờ vậy thôi.

Cũng trên thuyền vượt biên trước đây cháu có thấy mấy người mà nhân cách làm cháu ngại lắm, nhưng lên đến trên tàu này ăn uống no đủ, thừa mứa, nếp sống ngay thẳng cởi mở, tất cả những tính xấu ti tiện nơi họ làm cháu lo sợ hoài nay bỗng biến mất, họ cũng trở thành vui vẻ, cởi mở, và ngay thẳng nữa. Đúng như trở thành vui vẻ, cởi mở, và ngay thẳng nữa. Đúng như lời bác thường nói: về vật chất được nuôi dưỡng

no đủ thừa mứa, về tình cảm được nuôi dưỡng trong tình người, nhất định con người dễ đẹp dễ cao thượng. À trên này cháu mới làm quen với hai đứa trẻ Đan Mạch, một trai một gái. Cháu khá thân với đứa con gái tên Hane. Bọn chúng cháu nói chuyện với nhau hầu như chỉ bằng chân tay – múa loạn xà ngầu. Ôi chao, chúng đẹp như thiên thần (tại ăn uống đầy đủ và nuôi dưỡng trong tình người, bác nhỉ).

Tàu cập bến Đài Loan đã, rồi mới về Tân Gia Ba, tính ra tụi cháu lênh đênh theo tàu hai tuần lặn thưa bác. Đêm hôm qua, trước khi từ giã chiếc tàu đầy ơn nghĩa, đám người vượt biên chúng cháu có tổ chức một văn nghệ nho nhỏ trình diễn trước thủy thủ đoàn của tàu. Thoạt chúng cháu giới thiệu dân ca ba miền. Chị miền Bắc mặc bộ bà ba đen (đáng lẽ

nâu mới đúng), chít khăn mỏ quạ hát bài “Qua Cầu Gió Bay.” Chị miền Trung mặc áo dài trắng đội khăn vành dây, hò mái đẩy giọng thật dễ thương và xúc động. Cháu đóng vai miền Nam, mặc bộ bà ba vải bông, có chiếc khăn che đầu như mấy bà bán cá bên chợ chiều khu nhà, hát bài Lý Qua Kêu. Cháu mới ra, máy hình đã bấm tanh tách. Vì hai bài đầu nhẹ nhàng quá đi, nên cháu vừa cất tiếng hát “kêu cái mà quạ kêu...” toàn bộ khán giả Đan Mạch và Việt Nam cười ồ lên. Trong buổi đó cháu hát đến khan cả giọng đủ hết các bài Anh, Pháp và Việt Nam. Cả đám thính giả thủy thủ đoàn tàu thích lắm, nhìn họ vỗ tay cháu khoái ghê.

Ngoài những người Đan Mạch, họ còn gồm cả một số Thụy Sĩ, Hòa Lan, Tây Đức. Ngay từ hôm chúng cháu mới lên tàu còn đói rách dơ dáy mà họ không hề

tỏ ra khinh bỉ, trái lại còn sống hòa mình nữa. Cháu còn nhớ ngày đó ông Henry đầu bếp còn đặt cho cháu thêm một cái tên hiệu “Miss only skin and bone and spaghetti hair.” Ở Việt Nam cháu thuộc hạng mảnh khảnh, nhưng dưới mắt những ông mũi lõ mắt xanh này cháu hoàn toàn là cô bé da bọc xương thôi. Còn tóc cháu sờ dĩ lờm chớm mì ổng, vì trước khi đi, chị Hoa cắt tóc ngắn như đàn ông cho cháu, chỉ sợ tụi hải tặc Thái Lan.

Sau buổi tối trình diễn văn nghệ, hôm sau vào lúc chia tay, mỗi người (Đan Mạch và Việt Nam) đều khóc. Cháu vừa khóc vừa nhớ đến chiếc ghế chờ tụi cháu. Hai bác có biết không, hôm chúng cháu vừa bước lên chiếc tàu chở dầu này đầu óc còn choáng váng... chân tay còn run lẩy bẩy, cháu có nhìn xa xa thấy chiếc

ghe tí hon của tụi cháu. Nó bập bênh, bập bênh trôi dạt. Lúc đó nhìn nó cháu cũng chảy nước mắt như thế này. Sao nó cô đơn quá!

Các anh chị yêu quý! Em nhớ các anh chị vô cùng! Hẳn nhà mình cũng im lặng bớt phải không vì vắng cái giọng rè rè của con Bích tổ và vắng tiếng đàn âm âm của nó! Em sẽ viết thư sau dài thiệt dài há.

Cháu của hai bác, em của các anh chị. Bích

Rồi những bức thư kế tiếp có cả ảnh nữa. Chuyển đi, cuộc sinh ly giữa ruột thịt, những người thân yêu nhất, đã làm cho cả đám trẻ đó trưởng thành biết lo lắng, biết thương nhau. Những dòng chữ đôi khi cuống quýt kể lại những chuyện, nhắc lại những chuyện (đủ thứ chuyện)

với ba mẹ, với hai bác.

Thư con Vân:

“... Chị Bích chăm học các lớp Anh ngữ lắm ba mẹ ạ. Suốt ngày học thôi à, đôi khi quên cả nấu cơm. Bây giờ chúng con ngán thị gà luôn, bữa nào cũng thịt gà, gà rô ti, gà rán, gà hầm, gà nấu canh. Chợ cách trại có nửa cây số, chỉ bán có thịt gà, họa hoằn mới có thịt heo, còn thịt bò thì hoàn toàn vắng bóng. Từ hôm chúng con rời chuyến tàu Đan Mạch, chẳng được ăn miếng thị bò nào nữa...”

Thư thằng Tỉ:

“... Hồi còn ở trên tàu ngày ba bữa chúng con ăn sáng bánh mì săng uých, bơ, trứng gà, sữa tươi. Ở trại Tân Gia Ba này cũng sêm sêm thôi ba mẹ ạ, cũng ngày ba bữa, bữa sáng bánh mì săng uých

kep trứng hay cá hộp (đôi khi chúng con ăn mì gói) và một ly cà phê sữa (sữa rẻ vô cùng). Sau những bữa cơm, chúng con thường đét-se vài quả cam hoặc táo. Nho hơi đắt nên thỉnh thoảng chúng con mới ăn. Xế chiều buồn buồn tụi con làm một cây kem ét-ki-mô. Tụi nhóc thì tha hồ suốt ngày nhóp hóp suynh-gum. Bác gái ơi, ở nhà bác thích sô-cô-la, ở đây chúng cháu đứa nào cũng ngán vì ngọt quá, kể cả những đứa hảo ngọt như cháu...”

Thư Bích:

“... Bác ạ, sáng nay cháu vừa đi xem một chiếc piano ở một thương xá Singapore. Đẹp vô cùng nhưng cũng mắc vô cùng, khoảng từ năm đến sáu ngàn đô la Singapore. Cháu nhào zô đập thử bài Polonaise của Chopin, chết thật, cháu quên tùm lum, bác ơi. Cháu nhớ cái đàn Đức cũ kỹ nhà mình quá. Tiếng của nó vẫn là

ấm vang thanh thoát bác nhĩ...”

Thư con Vân:

“... Hôm nay tự nhiên con nhớ ông Doede, cái nhà ông thợ sơn người Hòa Lan trên tàu Đan Mạch, chị Bích xuống hầm tàu sơn cho ông, con sơn được ba bức tường, sơn bắn tùm lum lên đầu, lên cổ, lên quần áo, đúng là thợ sơn con nít mẹ nhĩ. Đêm cuối cùng con cắt móng tay cho ông, ông vừa làm hiệu vừa hỏi đại ý: “Những ngón tay sút mẻ xấu lắm phải không?” Con đáp là “Phải.” Con thấy mặt ông buồn buồn. Cắt xong ông khen con: “Very good.”

Thư của Bích:

“... Thấm thoát con ở trại này đã được ba tuần rồi. Thương nhớ ba mẹ vô cùng!!! Đêm nào con cũng nằm mơ về

thăm nhà đó. Con thềm canh chua rọc mừng của mẹ quá. Ủy, còn cả canh dưa và canh cà bung nữa chứ, mẹ. Bây giờ thì con tham gia hầu hết các lớp Anh ngữ trung cấp ở đây, có tập nghe, tập nói cho trơn tru. Các bà thầy đều khen con nói Anh ngữ rất khá (con mẹ, em chị Hoa, phải thế chứ, hì hì). Các bà ấy dạy có phương pháp và tận tâm lắm, nhưng vẫn chưa hay bằng mẹ đâu, hì hì). Con đọc thêm những quyển truyện của bà giáo. Chữ nào bí con tra tự điển. Khổ nỗi chỉ có tự điển Anh-Anh, nhiều khi tra một chữ lòi ra một đồng chữ hổng rành, để lại có cái màn đi hỏi bà giáo lung tung, xử dụng cả “ngôn ngữ quốc tế” (là múa chân múa tay) đó mẹ. Rồi cuối cùng cũng ra. Con đã đặt mua cuốn tự điển Anh Việt nhưng chưa có. Người Việt tỵ nạn mình đến ngày một đông ba mẹ ạ, tới 2.600. Chúng con vừa gặp anh Đạt (được tàu

Tây Đức vớt) mới hay rằng ông nội mất sau mấy ngày chúng con đi. Chúng con bàng hoàng và thông cảm nỗi buồn xót xa của ba mẹ. Các cô chú ở đây đương sửa soạn làm lễ phát tang ở ngay một ngôi chùa Singapore gần trại. Nhà ta bây giờ vắng vẻ quá ba mẹ nhỉ, con thương ba mẹ quá, biết làm thế nào bây giờ...”

Thư con Vân:

“... Chị Bích đúng là con mẹ, em chị Hoa, giỏi Anh văn đáo để, hôm nay chị làm thông dịch viên đầy mẹ ạ. Chả là có một phái đoàn ngoại quốc tới diễn múa rối cho tụi nhóc trong trại xem, nội dung nói về Chúa ở trong lòng tin của mọi người, Chúa đem lại hòa bình cho nhân loại. Chị Bích đã báo trước với bà Mỹ đó là nghe được chút xíu nào thì dịch cho khán giả nghe, nhưng suốt buổi chị dịch rõ ràng lắm mẹ ạ. Các bà khen chị Bích

lắm và cảm ơn, rồi mời chị Bích và cả con nữa ăn một bữa cơm chay Cơ Đốc gồm cơm, bắp, bánh mì, cà chua và nước lạnh. Thức ăn thanh đạm nhưng vui và ấm cúng. Nhân tiện nhà các bà ở có pi-ano, chị Bích bèn tập một lúc. Chị Bích kêu là quên quá xá mẹ ạ...”

Thư thẳng Tỉ:

“... Tối hôm qua có một chiếc ghe sáu thước gồm mười mấy thanh niên, một đàn bà và một con nít được tàu Na Uy vớt, con vôi vàng chạy ra, mong ời là mong được gặp lại những khuôn mặt thân yêu, nhưng toàn dân thuyền chài và một số công an cộng sản cũng ở Vũng Tàu trốn đi. Mấy hôm sau là 147 người được tàu Tây Đức vớt. Dạo này biển đã bắt đầu có bão nhưng mọi người vẫn tiếp tục “over sea” với những chiếc ghe ngày càng nhỏ nhắn, xinh xắn, máy móc giản

dị hơn trước nhiều!

Ba mẹ ạ, từ dạo các cô chú hùn tiền mua cho chị Bích chiếc cassette hai loa bốn băng (260 Đô-la Singa- pore) nghe nhạc rất hay, nhưng chị Bích chỉ có bằng học Anh văn mà thôi. Chị học tẩn tới lắm. Chị thay mặt cả nhà trả lời những câu phỏng vấn của nhân viên sở di trú Mỹ. Nếu giấy bảo lãnh cô Hoàn tới lệ, thì khoảng hai tuần nữa là tụi con được ký giấy nợ (sở phí chuyên chở tới Mỹ) và passeport. Ba mẹ ạ, ông nội thương con lắm, từ ngày ông nội mất, ông nội phù hộ cho chúng con gặp nhiều may mắn lắm...”

Thư Bích viết cho hai bác:

“... Thưa hai bác, mấy hôm nay tàu Tây Đức lại vớt được thêm 428 người (mười hai chiếc ghe nhỏ), cháu vội vã

chạy ra xem có phép lạ nào mà gặp được mấy anh chị không. Nhưng... buồn thay! Có lẽ tại tội cháu lấy hết cái may mất rồi. Theo nguyên tắc chúng cháu được tàu Đan Mạch vớt sẽ được đi định cư tại Đan Mạch, nhưng vì thằng Tú đã ở Mỹ với cô Hoàn nên chúng cháu đã theo lời khuyên trong điện của ba cháu là xin đi Mỹ, để đủ bốn anh em đoàn tụ một nơi. Chúng cháu cũng có học qua tiếng Đan Mạch. Ngôn ngữ này hơi rắc rối và nặng nề hơn tiếng Anh, về văn phạm chúng cháu chưa rõ mấy vì họ chỉ dạy những câu đối thoại thông thường. Cháu đã bập bẹ được vài câu xã giao rồi. Thực ra vì cháu rất mến những người Đan Mạch trên tàu nên cũng ráp tâm sang đó học hành, mọi người đều biết đời sống bên Đan Mạch rất cao, dân chúng hiếu hòa. Hơn nữa, cháu muốn mai sau khi học hành đã thành tài cháu còn phải làm cái

gì để trả ơn những người đó (ôi chao, nói nghe ghê quá hai bác nhỉ). Nhưng nay đã nhận được điện của ba cháu khuyên hãy sang Hoa Kỳ để sống với thằng Tú cho đủ bốn anh em, thôi thì học hành ở đâu cũng được, miễn là khi thành tài mình phải làm cái gì để trả ơn người Đan Mạch cho xứng đáng với lòng tốt của người ta, hai bác nhỉ?

Hai bác ạ, nhiều đêm chợp ngủ cháu lại mơ nhìn thấy chiếc ghe tí hon của tụi cháu bập bênh trôi dạt. Lần nào cũng vậy khi thức giấc cháu đã thấy mình chảy nước mắt rồi. Thương nó cô đơn quá, không có người lái tất nhiên chỉ qua một thời gian ngắn là nó chìm ngấm mất thôi. Để một chiếc ghe đã chở mình và bao nhiêu người thân khác bập bênh cô đơn đợi lúc lật chìm chắt đuối như vậy

có phải là bất nhân, bất nghĩa không hờ hai bác...”

Ông bà Giáo đọc xong lá thư trên của cháu gái nghẹn ngào rơm rớm nước mắt, vừa thông cảm nỗi buồn da diết của cô cháu gái về chiếc ghe bông bênh cô đơn đợi lúc lật chìm, vừa ngùi ngùi sung sướng vì thấy tình cảm cháu mình trung hậu.

Quỳ thì đọc đi đọc lại cả xấp thư của lũ con, rồi lại ngắm bốn tấm ảnh màu của chúng gửi về, đứa nào trong cũng như cao lớn vồng lên. Thằng Tỉ trong như Tây con, con Vân chụp nhìn thẳng hai má phình phính đến cả hai vợ chồng cũng phải ngạc nhiên, người nọ hỏi người kia: “Con Vân đấy ư? Trời ơi, mới có hơn một tháng trời mà trong chúng lạ hoắc. Của đáng tội duy có Bích tổ là trông không

khác mấy; con bé để sau anh Thiện hai ngày, năm nay mười bảy tuổi coi bộ lớn hết cỡ, rồi lại tạng gầy nên trông thì cũng có vẻ lên cân đấy những không khác xưa là mấy.

Chợt Quỳ rùng mình liên tưởng đến bức thư người chồng cô bạn vượt biên qua ngả Miên "... Tất cả phụ nữ bị hãm hiếp hết, cưỡng lại bị bắn chết ngay, trong nhóm cùng đi có một cô la hét kháng cự bị bắn chết ngay tại chỗ. Đói, khát, cá sấu, trăn rừng, rắn, rết, đĩa, vắt, voi, hùm, beo, rồi người (còn tàn bạo gấp ngàn lần hơn tất cả những giống vật trên hợp lại) đều không thành vấn đề, người đi tìm tự do quả thực phải có một ý chí sắt đá biết tiến không lùi mới thành công được."

Quỳ không hề cảm thấy hạnh phúc tăng bỗng lên khi so sánh sự may mắn cùng cực của lũ con cháu mình với sự

bất hạnh cùng cực của người thiếu nữ bạc phước vì la hét kháng cự mà bị người lính nhảy dù Miên trong lực lượng tự do Sihanouk bắn chết ngay tại chỗ. Quỳ chỉ cảm thấy xót xa thấm thía. Quỳ (nghĩ là mình) cũng giống ông Giáo ở chỗ thương người còn hơn thương chính thân mình. Quỳ tưởng như mình đứng trên một đỉnh chót vót cao ngất Trường Sơn, tuy phía bên Đông chan hòa nắng vàng nhưng phía đồi núi Tây Nguyên chập chùng thì mây đen cuộn cuộn, sấm chớp ngợp trời. Họa phúc sao đây? Quỳ chỉ thấy lòng nặng trĩu u sầu về phía cả vùng đồi núi ngập trong bão tố. Một lần Quỳ được Bích dẫn đi dự một buổi hòa nhạc tại Quốc Gia Âm Nhạc Viện. Nghe tiếng cor núc nở trong một khúc giao hưởng của Haydn, Quỳ chợt thấy lòng nao nao thổn thức tưởng như chứng kiến một con thú bị đoàn người đi săn

theo hiệu lệnh của tiếng cor bi hùng dồn vào bước đường cùng. Họa phúc sao đây với đám người nối tiếp nhau không ngừng nghỉ, chỉ một ngày một nhiều đến nỗi cả thế giới tưởng như đã có một phút cảm thấy bão hòa về nỗi thống khổ của đoàn người trùng trùng điệp điệp ra đi. Không hề vì cái họa kia mà cái phúc này chói lọi thêm. Quỳ chỉ thấy xót xa. Mấy chục ngàn người đã chết chìm nơi biển sâu. Còn biết bao nhiêu nữa chết vùi dập, chết tan rữa trong rừng sâu, bùn lầy.

Tuy buồn thì buồn thật, buồn lắm, nhưng Quỳ cương quyết giữ lòng can đảm. Y như lần đi thăm nuôi ông Giáo ở trại cưỡng bách lao động về, Quỳ viết thư ngay cho anh:

“... Chuyến thăm anh vừa rồi em phải tự nhận là can đảm. Không khóc. Chị em cùng chuyến đi đã dặn nhau

từ lúc còn ngồi trên xe đò: Đừng khóc! Khóc sẽ mất hết thì giờ nói chuyện! Chỉ có lúc anh nhắc đến mẹ và ghen ngào, em cũng ghen ngào lây, thế rồi thôi.”

Nhưng khi nhận bức thư cuối cùng của lũ con ở Tân Gia Ba trước khi chúng được di chuyển qua Mỹ, thì Quỳ đã khóc thật lực, khóc thở không được khi đọc đến đoạn thư của thằng Tỉ:

“... Con vừa nhận được thư cô Hoàn và thằng Tú He-lù gửi từ California, Hoa Kỳ. Tội nghiệp thằng Tú quá mẹ ơi, nó tưởng chúng con đi Đan Mạch, bỏ nó một mình không ba mẹ, không anh em ở bên đó. Nó viết mà như rống lên: “Hay là chị Vân hay là anh Tỉ, hay là chị Bích hãy sang đây với em. Buồn quá rồi. Không có ai cả sao?” Bây giờ thì con mới thấy là mẹ nói đúng. Khi còn sống chung con ghét thằng He-lù, khi xa mới thấy thương em.

Hôm qua con được lá thư nhật ký của mẹ, con vừa đọc vừa khóc, vì con đọc trang nhật ký nào cũng thấy những lời mẹ thương chúng con, và buồn nhất là câu: “Mẹ đã giữ được làm kỷ niệm mỗi con một bộ quần áo xếp trong rương kia. Đêm đêm mẹ ngủ thỉnh thoảng mẹ thức giấc nhìn sang giường thấy vắng tất cả tụi con, mẹ chỉ còn biết gọi thầm tên từng con...”

Và đoạn thư khác của con Vân:

“... Tối hôm qua con nằm mơ thấy mẹ đang ngồi viết viết cái gì đó mà con không biết. Con vội chạy tới vòng tay ôm mẹ và hỏi mẹ có buồn không. Mẹ nói là không buồn nhưng con lại thấy mẹ khóc. Con nói là bây giờ con không đi đâu nữa (vậy mà bây giờ con lại ở đây). Lúc đó con chợt tỉnh dậy nghe tiếng sáo nhạc Việt nam ở radio, con nhớ mẹ quá và

khóc. Mẹ có thương con không?”

Kèm theo trang thư của Vân là một tờ khác, nguyên trang bên này Vân nắn nót chép lời ca bài “Lòng Mẹ” với dòng chữ ghi giữa hai ngoặc đơn (chép lại để dâng mẹ). Trang kia Vân ghi một số ý nghĩ của Vân về mẹ, ghi theo kiểu cách tư tưởng của danh nhân. Trang chép bài ca “Lòng Mẹ” Vân gạch dưới bằng bút đỏ những lời ca Vân ưng ý nhất: Tình mẹ bao lao như biển Thái Bình dạt dào... Thân gầy mẹ hiền chẳng quản nắng mưa dãi dầu... Dù muôn trùng xa, lòng con luôn luôn hướng về bóng mẹ yêu...

Sang trang ghi những dòng tư tưởng trân trọng của Vân, tiêu đề “Mẹ” tô rất đậm, dòng chữ bên dưới cực kỳ nắn nót. Tư tưởng nhất định trưởng thành hơn những bài thơ hai năm về trước của Vân.

Mẹ!

Mẹ: Ngôi sao sáng nhất của đời con,
ngôi sao Bắc Đẩu!

Mẹ: Tượng trưng cho sự thương yêu
vô bờ bến. Mẹ: Tượng trưng cho sự chịu
đựng bất diệt tất cả mọi khổ đau để con
mình nên người.

Mẹ: Không một sức mạnh nào có thể
lấn át được tình thương bao la rộng lớn
của một người mẹ.

Mẹ: Đôi mắt mẹ sáng hơn mặt trời
và dịu dàng hơn mặt trăng.

Mẹ: Cái nhìn trù mẫn an ủi của mẹ
xóa tan mọi sự tăm tối, ngờ vực, lo sợ
trong đầu con.

Mẹ: Ba nhớ mẹ không bằng mẹ nhớ
con khi đi xa. Mẹ: Dưới mắt chúng con,

mẹ là một người trọn vẹn!

Khi ông Giáo đọc xong những trang thư trên của Vân, ông nói với Quỳ:

– Cô với lũ nhóc nhà này cứ trêu con Vân là cái lương, nhưng tình cảm của nó dạt dào và sâu sắc ra phết đấy chứ giỡn sao.

Quỳ nói:

– Em nghĩ về sau nó có thể viết văn làm thơ được, lúc đó bác... huấn luyện cho cháu.

– Dĩ nhiên! Tôi vẫn còn giữ cả khóa trình dạy về tiểu thuyết ở Văn Khoa Sài Gòn kia kìa!

Ông Giáo cười thật giòn và nói thật vui để cố xoa dịu nỗi buồn tưởng như không bao giờ nguôi của Quỳ lúc đó.

Cũng may, ít lâu sau là lá thư vui của Bích tổ tường thuật lại chuyến di chuyển qua Mỹ của mấy chị em bằng phi cơ, và cuộc xum họp của cả bốn chị em nó ở Westminster, California.

Pan Am ngày 17-7-1980

Ba mẹ kính yêu,

Con, Tỉ và Vân hiện đang ngồi trên chiếc Boeing 747. Ba đưa chúng con được ngồi gần nhau, con lại được xếp ngồi ghế sát cửa sổ nên tha hồ ngắm phong cảnh bên ngoài. Để con tường thuật từ đầu đến cuối cuộc hành trình vĩ đại này nhé. Chúng con đã sửa soạn sẵn sàng hành lý từ chiều hôm qua để sẽ lên đường vào lúc bốn giờ sáng. Tối hôm qua con và Vân đi chào từ biệt tất cả những người quen trong trại đã từng cùng nhau gần bó gần ba tháng trời. Đúng thế mẹ ạ, bây

giờ con mới biết quả thiệt cuộc chia ly nào cũng buồn. Về nằm trần trọc mãi đến gần một giờ sáng con mới chợp ngủ được một tí. Ba giờ rưỡi, mọi người lục đục dậy lo sửa soạn. Bốn giờ rời trại ra phi trường. Ba mẹ ơi, con cố gắng ghi sâu trong óc hình ảnh thương mến của trại và căn nhà 22 đầy kỷ niệm. Gần năm giờ tới phi trường, lo sửa soạn gửi hành lý, lãnh vé máy bay. Xong mọi thủ tục, khoảng bảy giờ chúng con đã cùng gia đình các chú thím ngồi thoải mái trên những chiếc ghế nệm êm ái. A, ba mẹ có biết các con ba mẹ ngồi trên chiếc phi cơ hùng vĩ và lịch sự này ăn mặc ra sao không? Con và Vân cùng bạn quần Jean, áo sơ mi thun tay dài xắn lên, đeo kính gọng trắng, mang sandal trắng và vớ trắng. Thằng Tỉ thì mặc áo sơ mi ca rô màu gạch, trước hôm đi nó còn lên chợ mua một cái áo mặc đi tuyết có cái mũ

đẹp lắm.

Ôi chao, các con của ba mẹ lịch sự lắm kia, ngồi lịch sự, nói chuyện lịch sự, cười lịch sự, cảm ơn mỗi khi cô chiêu đãi phục vụ mình (hì hì, mèo khen mèo dài đuôi!). Mười lăm phút sau máy bay chuyển ra phi đạo rồi cất cánh. Ngồi trên phi cơ tiện nghi như ở nhà, con bấm nút nghe nhạc cổ điển, con được gặp lại bản Scherzo du Carnaval de Vienne của Schumann, mười ngón tay con ngứa ngáy quá! Con đành xử dụng 36 cái răng để nhai suynh gum cho... hả giận vừa để chống ù tai nữa. Bữa sáng của chúng con trên phi cơ: cơm chiên với đùi gà, trái cây đét se, cà phê. 10g45 tụi con xuống Hồng Kông chuyển sang một phi cơ Pan Am khác để đi Tokyo. Xuống Tokyo đợi khoảng một giờ (7g30) chúng con lên lại chiếc phi cơ cũ. Lần này thẳng tiến đến

Los Angeles ba mẹ ạ. Khoảng 8g00 hôm sau (tức 15g00 nước Mỹ) chúng con đã sửa soạn xuống phi trường trên đất Mỹ. 15g45 tụi con đã có mặt ở tại phi trường Los Angeles. Khí hậu ở đây ngột ngạt, nắng vẫn chiếu xuống chói chang, mà gió lạnh vô cùng. Chờ đợi ở qua thuế để lo thủ tục định cư mất gần 2 tiếng. Rủi thay máy bay về Santa Ana không còn chỗ, xe buýt thì không muốn được, nhân viên phụ trách bọn con bảo mọi người hãy ra ngoài cổng phi trường đợi người nhà (họ đã gọi điện thoại báo).

Tụi con chống mắt lên ngắm cái xe nào màu đỏ của cô Hoàn (như cô đã dặn) trong đó có cả thằng Tú tới đón. Trời gió lạnh quá, con cứ thọc tay vào túi áo len mà xuýt xoa. Những gia đình khác đều đã lần lượt có người tới đón; tụi con đều nôn nóng vô cùng. Mãi tới 19g30 (trời hãy

còn ánh nắng mẹ ạ) thành linh con thấy một chiếc xe đỏ xuất hiện. Con hét lên (tất nhiên giọng con vẫn rè rè) một tiếng: “Cô Hoàn!” Mọi người đổ xô lại. Con vội vàng mở cửa xe hét lên: “He-lù đâu rồi?” Và nước mắt dần dụa chảy ra. Vân và Tỉ cũng thế. Thằng He-lù bây giờ cao hơn và mập hơn trước một tí. Buồn cười nó quen “à há, à há” mỗi khi trả lời tụi con (như người Mỹ vậy đó). Để thử tài Anh văn nó, con đã hỏi ngay: “What’s your name.” Nó xưng danh ngay: “My name’s Tú!” Câu thứ hai: “How old are you?” (bao nhiêu tuổi) nhưng con đã chơi xỏ nó, nuốt nhanh chữ “old” (câu hỏi thành: khỏe mạnh không?) Quả nhiên He-lù mắc bẫy đáp: “I’m fine, thank you!” (Tốt, cảm ơn!) Cả bọn chúng con cười ồ trêu nó, nhưng nó tỉnh bơ cười hếch mũi. (Điều này y như hồi nó ở nhà). Bây giờ nó ăn mặc lịch sự lắm đó, quần tây, giày

ba ta, mang vợ đàn ông. Câu chuyện còn dài, con sẽ kể tiếp thư sau vì hết giấy rồi.

Con nhớ ba mẹ nhiều, Bích

18

Trong bóng tối nhờ nhờ của gian gác, tiếng bà giáo ú ớ nói mơ giọng như van xin thê thiết. Ông Giáo nằm bên vội nắm chặt cánh tay bà Giáo vừa lắc vừa gọi: “Cô Hảo! Cô Hảo!” tiếng bà Giáo: “Dạ!” Rồi tỉnh dần, rồi thút thít khóc.

– Cô Hảo nằm mơ thấy gì mà ú ớ mãi thế – ông Giáo hỏi – bây giờ dễ đã đến ba giờ sáng.

Bà Giáo vẫn thút thít khóc, giây lâu mới đáp lời dứt quãng theo tiếng khóc trong đêm khuya:

– Em mơ thấy con Hoa nó trở về... Nó đương lau bếp... Nó gầy chỉ còn phân nửa bố ạ. Em... bảo nó con gầy quá con ơi... Việc gì con phải lo nhiều... Để thằng Lịch nó lo cho... Nó trả lời... con cũng phải lo chứ mẹ... tránh sao được...

Bà Giáo khóc nức lên:

– Thương nó quá!

– Trời ơi, mẹ thật vớ vẩn, làm như gặp con thật, thấy con gầy thật. Nó bây giờ thì được ăn đầy đủ, lại khỏi phải lo nghĩ bực bội, phải béo gấp đôi ở nhà chứ, mẹ chỉ vớ vẩn!

Đã đành ông Giáo nói có lý, nhưng không làm cho bà Giáo vơi nỗi sầu khổ

âu lo. Bà đã thôi khóc, nhưng hơi rùng mình, vừa thương nhớ Hoa, Thiện xót xa, vừa lo cho hai đứa con trai – Hải, Vi – đương bị câu thúc trong tuổi nghĩa vụ quân sự. Nhất là vụ thằng Vi suýt bị tóm cổ hôm qua làm bà bất kỳ lúc nào nghĩ lại cũng thấy thảng thốt cả người. Nguyên do sang tháng 7-1980 này, đám công an nhận được chỉ thị mở một cuộc bố ráp đại quy mô. Những cảnh tượng điển hình của thời phát-xít Đức tái diễn trảng tráo và khốc liệt. Đám công an quần áo vàng, mũ vàng trang bị súng AK xông vào các quán cà phê vỉa hè, bắt các thanh niên giơ hai tay lên quay mặt vào tường, súng AK chia thẳng sẵn sàng nổ đạn rồi một tên công an khám xét túi áo quần, kiểm tra giấy tờ. Thanh niên để tóc dài, để râu cũng là một có để tổng lên xe buýt bùng, không được cãi, hạ hồi phân giải. Ai cũng dư kinh nghiệm biết rằng một

khi công an cộng sản bắt giữ thì chẳng có gì bảo đảm là nhất thiết vô tội. Giấy tờ nào mà chả khả nghi. Họ muốn giữ bao lâu thì giữ thôi. Cái tóc cái tội, họ giải thích thế nào cũng thành tội. Cảnh bắt bớ gởi cảnh ngày tàn của bạo tàn. Đúng như lời nhà báo Pháp nói:

– Chúng sinh ra trong cảnh khốn cùng, lớn mạnh trong chiến tranh, sống bằng gian dối và bạo lực giờ đây chúng hấp hối trong ngu đần và bất lực.

Nhưng dù chúng đương hấp hối trong ngu đần và bất lực đi nữa, chuyện Vi suýt bị cảnh sát công an tóm cổ đêm qua luôn luôn làm bà Giáo rưng rờ chân tay mỗi khi nghĩ tới. Vi vốn ít nói và nói khẽ, đặc biệt lần này lời Vi hơi to. Vi thuật lại khá đầy đủ cảnh mình vừa trải qua để bố mẹ anh chị em nghe:

– Con vừa đạp xe tới ngã tư Hiền Vương – Hai Bà Trưng thấy bốn bề người qua lại cũng bình thường, một trật tự viên giao thông bằng tay đỏ đứng bên lề đường vẻ bình thường thôi. Chợt một tiếng còi xé lên, một công an áo vàng vừa từ dưới hàng hiên nhô ra ngoắc tay làm hiệu con dừng lại. Con cũng vừa nhận ra có rất nhiều áo vàng đứng phục kích sẵn đó dọc theo hàng hiên. Con cũng nhận ra một ông cụ già trên bao lơ gần đấy nhìn con thất vọng (Cụ đã làm dấu bảo Vi quay đi ngã khác mà Vi không thấy). Tội nó chĩa súng bắt con quay mặt vào tường, một tên tới tú tay lục túi áo túi quần, lấy ví ra, mở rút hết mấy tờ tiền nong. Nó hỏi con đi đâu. Con đáp đi làm về. Nó hỏi sao đi làm lại về vào lúc tám giờ tối này. Con đáp tôi đi làm ca chiều từ một giờ rưỡi đến bảy giờ rưỡi. Nó cười hần học bảo: Anh mà đi làm gì, nói

láo, anh là dân buôn bán chợ trời. Giấy chứng nhận đăng ký quân sự của anh đâu. Con đáp phờng tôi không phát giấy chứng nhận đó. Nó nói: Vậy tôi có quyền giữ anh lại, anh hãy ra xì hơi bánh xe của anh! Lúc con cúi xuống vặn đầu van, con nhận thấy thêm mấy xe bịt bùng phía xa bên trong có thấp thoáng bóng người bị bắt. Con nghĩ mình “tiêu” rồi, nhưng con chỉ xì lốp một cái thật mạnh cho chúng nó nghe thấy rồi ngừng, vừa lúc một thằng huýt còi ra lệnh cho một thanh niên khác dừng lại, một thằng chĩa súng AK làm hiệu con hãy trở lại chỗ cũ quay mặt vào tường.

Mười lăm phút qua, thêm hai thanh niên bị khám xét nữa. Sắp đủ chuyến để dẫn lên xe bịt bùng phía xa, thì một chuyến xe đồ tới, bị vẩy dừng lại để khám xét. Thời cơ thuận tiện, nhân lúc bất ngờ

mấy tên công an cũng bận quay người, quay súng về phía xe đồ, con vùng chạy tới chỗ xe đạp nhảy vù lên, quẹo theo góc sang đường Hiền Vương, tiếng súng AK bắn chỉ thiên và tiếng giày rượt theo, con quẹo ngay vào hẻm nữa, cố tình càng đi sâu vào lắt léo càng nhiều hy vọng thoát nạn. Tiếng một bà già đón từ phía trước: “Vô ngay đây cháu, vô!” Con dừng lại dắt xe vô gấp, bà cụ đóng cửa lại. (Vào những ngày này các người già cả vẫn tự động xuất hiện làm bộ đứng phát phơ trên các ngã đường đưa đến khu công an đương chặn hỏi giấy tờ để ra hiệu cho các thanh niên kịp tránh sang ngã khác). Vì ở nhà bà cụ tới mười một giờ khuya, đường phố yên tĩnh vắng bóng công an mới từ già gia đình bà cụ ân nhân len lén đạp về.

– May thoát nanh vuốt quỷ, con ơi

– bà Giáo vừa khóc vừa nói. Thôi từ mai bỏ việc đi, làm làm gì, ham mấy chục bạc lương nhờ nó tóm cổ lần nữa khó thoát đó con ơi! Bố mày đã về từ cõi chết, chúng mày đừng dại dột để sa vào nanh vuốt chúng!

Buổi tối Vi suýt bị công an tóm cổ thì sớm hôm sau đã đến ngày Ánh phải rời gia đình đi Vũng Tàu. Thời gian nghỉ hè còn đầy nhưng Ánh phải tới trường theo học lớp chính trị. Ánh biết đây chỉ là cách chúng quản lý người cho chặt chẽ chứ lớp học chính trị có gì mới lạ đâu. Bà Giáo đã thổi cơm nếp cho Ánh từ tối hôm trước (khoảng thời gian Vi phải gơ hai tay, quay mặt vào tường...). Bà đã rót cho Ánh một lít dầu hôi mang đi theo. Sáng sớm chưa đầy 5 giờ, cả hai ông bà đã cùng Ánh thức dậy. Trong khi Ánh kiểm soát lại hành trang, ông bà giúp

nhau đem đĩa xôi, lấy muối vùng trợn đường đổ ra chiếc bát nhỏ, pha phin cà phê, tất cả đều cho Ánh.

Bà Giáo bảo Ánh:

– Ngồi ăn nấp đi con, lên xe cho vững dạ. Cà phê đây, uống đi con, cho tỉnh. Con đã soạn đủ đồ chưa? Mày đang trí lẫn kia, ai lại lần trước lọ đường mẹ để dành cho, chiếc áo mưa mẹ gấp sẵn cho, rồi lúc đi cũng bỏ quên tuốt lốt.

Ông Giáo nói đùa cho ấm buổi sớm:

– Lần này áo mưa con đã nhớ mang đi lên xe phải nhớ giữ cho cẩn thận kẻo lại bị kẻ cắp rạch sắc lấy mất thì cũng uống công nhớ mà thôi.

Rồi ông Giáo đích thân xách sắc cho Ánh, đưa Ánh vòng vèo theo con hẻm ra đường Nguyễn Hoàng đi đến bến xe

(cách nhà chỉ khoảng 300 thước). Khi ông Giáo về, bà Giáo còn ngồi trước máy giặt, chưa cho máy chạy. Cả hai ông bà không nói ra nhưng cũng cảm thấy lòng hoang vắng quá đỗi, chẳng muốn ăn uống gì, người như phát sốt. Ánh đi Vũng Tàu mà hai ông bà thấy buồn nhớ da diết như thể Ánh ra đi vượt biên như Hoa một tháng trước đây.

Ông Giáo thấy thương thấm thía cả loạt trẻ cỡ tuổi con ông sống tạm bợ, bế tắc phí hoài tuổi xuân trong một xã hội ngày một nhộp nhúa, lầy lội, u tối. Cả gian bếp chỉ còn vang tiếng nước rỏ giọt tự những vòi nước hỏng mà không thay được vòi mới, vì thứ nhất là không tiền, thứ nhì là có nhịn ăn bớt tiêu mua được vòi mới thì cũng chẳng được mấy ngày mà đã hỏng còn tồi tệ hơn thế này. Cái gì của quốc doanh cũng tồi tệ điều bạc như

thế cả, ngày nay còn ai ngạc nhiên nữa đâu. Bà Giáo cũng không buồn nói là lần này Ánh lại quên mang theo sợi dây điện trở mà bà đã mua cho từ mấy hôm trước, rất cần thiết để chữa lại cái bếp điện nhỏ của Ánh đã mang ra Vũng Tàu từ trước, mới hỏng.

Chính những buồn lo vời vợi chồng chất này làm bà Giáo cả ngày hôm đó vẻ mặt lúc nào cũng héo hon, lòng sầu dằng dặc, và là nguyên nhân đưa đến giấc mộng sâu thm gặp lại Hoa gầy chỉ còn một nửa. “Con gầy quá con ơi... việc gì con phải lo nhiều... để thằng Lịch nó lo cho...” – “Con cũng phải lo chứ mẹ... tránh sao được!”

Nước mắt bà Giáo lúc đó đã lại đổ ra ướt đầm mặt gối. Nếu tình thế không sớm đổi thay – bà Giáo nghĩ thầm – thì phải cố tìm cách gửi cho ít nhất là hai

thằng Hải, Vi đi nốt nữa. Mùa bão tới rồi, cơn bão số 4 thổi vào đất liền miền Thanh Nghệ Tĩnh tốc độ tới 130 cây số giờ, thật kinh khủng. Hai thằng Hải và Vi nếu được đi có thể gặp cơn bão tương tự, có thể ghe đắm, có thể chết. Chết trên biển cả, làm môi cho cá vẫn là cái chết của người đi tìm tự do, hay đúng hơn cái chết của người tự do, vì lúc đó Hải, Vi hoàn toàn là con người tự do đấy chứ. Thốt nhiên đến lúc đó bà Giáo mới hết hoảng hoàn toàn thông cảm với lời nói của bà bạn ngày nào:

– Giá như biết quân đội bí mật của mình ở đâu, tôi gửi cháu nó đi ngay. Thà nó chết bờ chết bụi còn hơn sống chui sống lủi, sống như súc vật, sống héo mòn u tối với tội này như thế này.

Đó là những xung động biến thái của tình mẹ, bà Giáo làm sao mà tránh được.

Ông Giáo thì cứ vào đúng những lúc tình cảm và lý trí sa lầy vào hệ lụy như vậy là tự động – tự động như một máy điện tử tinh vi – phóng trí tưởng tượng vào không gian vô tận hòa vào với thời gian vô cùng để thấy rằng phiền não với hạnh phúc chỉ là những đường tần số uốn éo vi ti trong cái toàn bộ Thời – Không là Một. Ai mà nhốt được cái Toàn Bộ đó trong những danh từ Tốt Xấu, Thiện Ác! Có phải ngẫu nhiên đâu, người bạn già của ông Giáo – Hoàng lão hữu – đã ghi tặng ông Giáo bài kệ kia “...Tử sinh đồng nhất thể, hà úy hựu hà tham.” Chẳng phải nếp phản ứng tự động đó giúp ông Giáo hoàn toàn thoát khỏi dấn vật, hoàn toàn thanh thoi hơn bà Giáo. Không đâu! Mà chính ông Giáo cũng chẳng ưa thế – ông còn là một nhà văn mà – nhưng ít ra đó cũng là một lối thoát, một nắp xi hơi an toàn hữu hiệu.

19

Hoa, Lịch, Thiện cùng những người đồng cảnh rời đảo Kuku đặc biệt lần này vào khoảng 5 giờ sáng. Trời còn mờ mờ. Chòm Đại Hùng Tinh sáng chói. Thiện nhớ bố mẹ – nói sao cho xiết! Bao nhiêu hình ảnh của bố mẹ, bao nhiêu kỷ niệm với bố mẹ! Thiện chỉ thấy buồn, buồn ứa nước mắt. Thiện vừa theo Hoa Lịch đi vừa ngẩng nhìn trời tìm ra sao Bắc Đẩu theo cách bố đã một lần chỉ dẫn. Ánh sáng của sao Bắc Đẩu heo hút

như nỗi nhớ niềm thương của Thiện lúc đó. Thiện nhìn sao Bắc Đẩu một nữa như nhìn vào một kỷ niệm luyến tiếc. Lên tàu rồi và tàu đã mở máy hướng về đảo Galang, nơi đây mới là trại tị nạn chính thức, quy mô hơn trại nhỏ ở Kuku nhiều. Thiện tiếp tục ngẩng nhìn vòm trời sao. Giữa khoảng biển mênh mông này, các chòm sao gần gũi nhau như hai người hàng xóm. Chòm sao Thập Tự Nam bao giờ cũng đứng ở thế chênh vênh nửa như một dũng sĩ ngang tàng, nửa như một nghệ sĩ khinh thế ngạo vật.

Khoảng 6 giờ sáng, Thiện thấy ngôi sao sát chân trời của chòm Thập Tự Nam đã lặn mất còn lại hình tam giác bên trên. Thiện thôi nhìn trời sao mà tựa cả thân hình mảnh khảnh của mình lên thanh sắt trên boong tàu. Khi tàu vào một khoảng eo biển ngang qua một

mỏm núi loang lỗ đá trắng và xanh mượt mầu lá dừa, sóng bạc đầu làm con tàu hơi lao đao, cả một vùng khói sóng trắng xóa phía trước mũi tàu trong khi mặt trời bên trên chói chang vàng lộng. Thiện lơ đãng nhìn một căn nhà chon von trên một mỏm núi nhô ra biển. Nhìn vào bất kỳ cái gì Thiện cũng chỉ thấy cô quạnh và nhớ nhung và luyến tiếc nữa.

Lịch, Hoa đứng đấy không xa. Lịch chỉ cho Hoa căn nhà chon von trên mỏm núi nói khẽ:

– Giá chúng ta có được căn nhà kia làm nơi nghỉ ngơi sau mỗi ngày làm việc tận lực chắc chắn chúng ta có thể yêu nhau ngàn vạn năm.

Lịch bật cười để tự chế giễu lời nói thật sáo nhưng lại thật chân thành của mình. Hoa buồn rầu (nổi lòng như

Thiện) lắc đầu nói khẽ:

– Chẳng thể yêu nhau ngàn vạn năm được đâu anh ạ, nhưng nếu chúng ta có căn nhà đó chúng ta được hưởng hạnh phúc yêu đương trong một giờ thì cũng bằng trọn đời hay vạn kiếp.

Hoa cũng như Thiện, hai chị em cứ giữ tâm trạng buồn rầu đó ngay cả sau khi đã lên đảo Galang, nhập trại tỵ nạn Tanjung Pinang, nơi ăn chốn ở tạm yên tề yên tất. Buổi chiều hai chị em không bảo nhau cùng ra ngồi trên một tảng đá cao nhìn về phía biển Đông. Mặt trời sắp lặn trông như gót chân rực rỡ của một mỹ nữ thiên cung nào đương e dè rúng xuống nước. Mặt trời xuất hiện tròn trịa vừa chạm mặt nước trông như hệt chiếc bát vàng thần thoại đặt trên mặt biển thần thoại, khi mặt trời đã ngập gần nửa mới cho hai chị em cảm tưởng

đương nhìn quả bóng bênh bồng. Mặt trời ngập thêm nữa, bên trên chỉ còn hình một chóp mũ. Khi mặt trời đã lặn hẳn, bên trên lẫn sau những vệt mây đen vẫn là những khoảng đỏ lộng. Cả Hoa cùng Thiện tưởng như màu đỏ đó sẽ tắt ngấm đi rất mau, ai ngờ càng lóe sáng rực rỡ lên bội phần ban phát ánh sáng huy hoàng cho cả vòm trời sang tận chân trời Đông. Nơi nào có mây trắng, nơi đó nhuộm màu đỏ rực hoặc vàng lộng, đám mây lớn nhất phủ trọn vẹn từ Nam sang Bắc đỉnh trời. Ánh vàng càng rực rỡ khi chiếu xuống mặt biển lung linh, duy mặt biển phía Bắc là giữ nguyên màu tối uy nghi xanh thẳm. Những đám mây trắng nhuộm màu đỏ rực thì dịu đi rất chóng, nhưng những đám mây vàng lộng thì còn dai dẳng bịn rịn như người đàn bà làm đóm cổ búi giữ nhan sắc.

Nhìn về phía mấy dương-vận-hạm đậu trong vịnh, phía đèn vàng buông neo trông đỏ kạch như ánh màu viên ngọc giả, những đèn đỏ lưu ý phi cơ trên đỉnh cột buồm như những viên hồng ngọc thật quý giá trang điểm cho mầu chiều rực rỡ. Nhìn về một phía đảo, ánh hoàng hôn thấp thoáng qua những thân cây đỉnh núi như muôn vành ánh lửa trại từng bùng. Gió rất hiền mà sóng xô vào bờ thật mạnh, bọt trắng xóa. Tựa như sóng nhớ đất liền mà lăn xả vào. Một vùng dừa gần đấy tiếp nhận ánh hoàng hôn từ trên đỉnh cao đổ xuống như tiếp nhận một dòng thép vẫn rực rỡ mà vẫn hiền hòa. Màu sắc và ánh sáng thì lỏng lẻo huy hoàng như vậy, nhưng vạn vật đặc biệt câm nín.

– Đúng vậy – Hoa cười băng quơ với Thiện nhưng tự nhủ thầm – màu sắc

hoàng hôn rực rỡ như kia chỉ thứ âm nhạc siêu âm như vậy mới sánh kịp.

Thấm thoát một tuần đã qua!

Mấy lạng vàng còn kia, Hoa, Lịch, Thiện – trong khi đợi ngày được định cư tại một nước nào đó – đã xin được việc làm ngay trong trại tỵ nạn này. Thành thử tiểu gia đình ba anh chị em rõ ràng là dư dật của ăn của để. Nhưng cả ba cùng một chiều suy tư, đời sống hiện tại càng tương đối đầy đủ, cả ba càng cảm thấy thương cảm xót xa cho những người thân còn ở lại quần quai nơi quê nhà.

Hôm nay Thiện nhận công việc làm ngay nơi trại. Hoa, Lịch cùng một số anh chị em khác xuống tàu nhỏ ra khơi chuyên chở đồ tiếp tế từ tàu lớn của Liên Hiệp Quốc vô. Công việc làm suốt buổi sáng, ăn trưa rồi tiếp tục buổi chiều, lúc

nào cũng bận rộn làm Hoa và Lịch quên được nỗi bận tâm thương nhớ gia đình.

Đây là chuyến ra khơi thứ hai của buổi chiều và chắc chắn cũng là chuyến cuối cùng. Mọi người trên chiếc tàu nhỏ cùng cảm thấy thành thoi đôi chút, kẻ ngồi người đứng tựa vào thành tàu. Vài người đàn ông bật quẹt châm thuốc lá. Phụ nữ dường như cùng lắng nghe tiếng máy tàu vang lên đều đều theo một tần số nào đó.

Lịch đã châm thuốc lá tiến tới bên Hoa:

– Em nghĩ gì vậy?

– Để tránh suy nghĩ về gia đình – Hoa đáp – em ôn lại cá tính ngộ nghĩnh từng người còn ở lại, nhiều khi em ôn lại những lời bố nói và rút ra ở đấy những bài học xử thế.

– Được đó, sáng kiến hay!

– Em thấy bố thật là dễ dãi nhưng có điều tối kỵ với bố.

– Điều gì vậy?

– Bố sợ những ràng buộc đảng phái. Có lần em được nghe cuộc đàm thoại giữa bố và người bạn có khuynh hướng chính trị. Đại ý bố nói: Tham vọng là điều cần nơi mỗi người cầu tiến về đường là thứ tham vọng bá quyền. Riêng về các chính khách tôi thấy cần phải tránh cái tham vọng khá phổ biến này, là cứ muốn ngự trị nghệ thuật. Không! Đây là hai lãnh vực với hai nhiệm vụ khác biệt. Văn nghệ sĩ cảm ơn các chính trị đã nhập thể khéo tổ chức xã hội, khéo giữ vững kỷ luật trật tự cho đồng bào trong khi nhiệm vụ của văn nghệ sĩ là bay bổng để gây niềm cảm hứng mới. Cũng có thể nhiều

khi văn nghệ sĩ trong khi tung hoành tự do đã lạc hướng mất hút, chẳng gây được niềm cảm hứng mới nào, nhưng đó là cái giá mà thế nhân phải trả để có những đồng bào nghệ sĩ, có những tác phẩm văn nghệ quốc gia mà giá trị nhân bản tràn bờ thành quốc tế. Đừng nuôi ảo tưởng sử dụng nghệ thuật như một tên đầy tớ, bởi lúc đó nghệ thuật đâu còn là nghệ thuật. Hãy ngược nhìn nghệ thuật như tia sáng tuyệt vời soi bùng hướng tiến...

– Anh thì nhớ buổi chiều trước hôm đi, anh có nói với bố: “Đi là chấp nhận phần nguy hiểm thứ nhất là nhà đá, thứ nhì cá ăn bố ạ.”

– Thế bố bảo anh sao?

– Giọng bố buồn buồn: “Có được bầu nhiệt huyết sôi bỏng như vậy mà mù

quáng thì ích gì. Tất cả những lời chúng nó đều có vẻ đúng, khổn nạn thay tất cả những việc chúng làm đều sai. Thứ nhất nhà đá thứ nhì cá ăn! Cậu thử nghĩ lại xem, những ai thích đề cao dân tộc tính Việt phải biết nêu sự kiện này lên. Trong số khoảng hai triệu người đã cảm tử vượt biên chỉ cần lấy một phần tư là 500.000 người ở tuổi nam nữ thanh niên trung niên còn năng lực hoạt động. Nửa triệu người đó mà kết hợp thành từng nhóm lớn để nổi loạn, từng nhóm nhỏ để phá hoại khủng bố, liệu cộng sản có thể ngồi yên như bây giờ trên nửa phần miền Nam đất nước này? Không, dân tộc tính cái tác động trong sâu thẳm tiềm thức dân tộc là lòng hiếu hòa, tính nhẫn nại, hiếu hòa và nhẫn nại đến nỗi có thể bị ngộ nhận là ương hèn, mình đã chọn liều chết ra đi, không chọn ở lại làm loạn. Hình như bằng một trực cảm mẫn nhuệ

lạ lòng dân tộc mình đã biết chọn con đường đổ máu ít nhất mà kẻ thù vẫn thân bại danh liệt. Ở các nước tiên tiến người ta dùng lồng nung bằng tia cực tím cự hồng gì đó, dân tộc ta hiện thiêu đủ các thứ ác độc quái đản bằng những tia siêu hiên hòa, siêu nhân nại. Rồi việc tới sẽ tới! Mà cậu cũng thấy sự việc đương tới rồi đấy. Chúng bây giờ còn gì?

Khi còn lẫn lút trên Trường Sơn thì chỉ một đường phải chiến đấu. Chiếm được miền Nam, màu đỏ sơn quét lột đi, chỗ điểm tựa để tuyên truyền gian dối không còn, màng ảo hóa tan rã đến chẳng còn cách gì cứu vãn nổi. Chính trị tự cô lập, ngoại giao tự cô đơn, quân sự – ở Miền, ở biên giới Việt Hoa – tự sa lầy.

Chúng còn gì nữa đâu, ù lì trước hiện tại, mù lòa trước tương lai, tự ve vuốt bằng những vàng son giả trá trong

dĩ vãng. Miền Nam phải mất, đó là niềm đau cần thiết – le mal nécessaire – để cộng sản lộ nguyên hình trước toàn thế giới. Chỗ này giọng bố tung bùng lắm em ạ.

Bố nhận định phân tích. Kể từ 30-4-1975, chúng “giải phóng” miền Nam, “giải phóng” được – nghĩa là ăn cướp được – khoảng 200 tỷ đô-la đủ các thức: xe cộ, máy móc, súng ống, bất động sản... Hai trăm tỷ đô-la đó giá chính phủ thổi nát miền Nam cú giữ rịt lấy chỉ để mua giấy viết lách chống cộng cũng vẫn thất bại, có lẽ càng thất bại. Nhưng để cho cộng sản chiếm miền Nam bằng cái ngu dốt của chúng, chiếm trọn hai trăm tỷ đô-la chiến lợi phẩm và triển lãm trước thế giới cái ngu dốt hùng vĩ, lì lợm, tởm lợm của chúng. Thế là xong!

Căn bệnh đã được chữa tận gốc, sau đây cả căn bện ung thư cộng sản thời đại được chữa khỏi tuyệt nọc. Bắt đầu từ Việt Nam! Em có biết không, nghe tới đây anh gián tiếp đặt câu hỏi với bố: “Nhưng giờ đây thì dân chúng vẫn ra đi, thứ nhất nhà đá thứ nhì cá ăn!” Bố đáp ngay: “Vẫn ra đi chứ cậu! Tựa như người dân ra đi nói với chính quyền cộng sản ở lại: Thôi thì các anh tạm thắng, chúng tôi tạm ra đi, ra đi tìm cái mà hiện các anh không thể cho, không có mà cho: tự do và nhân phẩm.

Lạ lắm! Càng biết chúng chỉ tạm thắng – cái ác nào cũng có thể tạm thắng – càng ra đi gấp. Càng ra đi gấp chúng càng tan rã gấp. Chắc chắn sụp đổ gấp! Chắc chắn! lạ lắm! Dĩ nhiên chồn cáo không thể đội lốt hoài sư tử, ánh đèn dầu chẳng thể soi sáng như mặt trời mặt

trắng. Nhưng rồi đây chúng sẽ sụp đổ như thế nào? Trùng trùng duyên khởi của thời gian, không gian sẽ cho chúng ta thấy. Biết thế nào mà đoán trước được!

Hoa nói:

– Bây giờ có khoảng lùi xa như thế này ôn lại lời bố nói, việc bố làm em hiểu sự cố gắng của bố về nếp sống kiến nhẫn, khoan hòa, từ bi, nhân ái; em hiểu quan niệm về đau khổ với hạnh phúc của bố; em hiểu lời bố đã có lần bảo em từ lâu, từ thời bố còn ngày ngày đi dạy học kia. “Con nên nhớ mọi sự trên đời này đều có lý do tồn tại của chúng. Thì nguyên sự hiện diện của chúng ta há đã chẳng khẳng định một cách đương nhiên là chúng có lý rồi sao: nào đau khổ, nào chiến tra–nh, nào bóc lột, nào lừa đảo... Phải thẳng thắn chấp nhận chúng thì sau đó mới tự gỡ mối mà giải thoát khỏi

chúng được chứ!” Ngày đó nghe bố nói em không hiểu nhưng bây giờ thì em hiểu quá đi. Biết vậy chắc bố bằng lòng lắm.

Lịch gật đầu, hút một hơi thuốc lá, khuôn mặt cuối xuống, cái nhìn cũng chìm vào suy tư như Hoa:

– Em nói đúng. Quả thực nhiều lời bố nói lúc nghe mình chỉ thấy là những khối âm thanh tung lên như những chùm bong bóng xanh đỏ, nhưng rồi chợt một lúc nào đó hoàn cảnh giúp mình có được tần số cảm nhận để hiểu những âm thanh ấy thành lời nói. Anh nhớ một lần khác, cũng từ thời miền Nam còn tự do, anh than phiền về nỗi khổ thất bại, bố nói: “Cá nhân mình chỉ là một giọt nước trong cái dòng sinh hóa bất tuyệt trôi cội ời. Nếu cậu chỉ chú ý nhìn vào cái cục bộ cá nhân nhỏ xíu thì suốt đời

cậu kêu khổ. Nhưng nếu tự đẩy cậu giữ được bình tĩnh, bình thản, thanh thoát, giải thoát, hòa với cái toàn bộ của dòng sinh hóa bất tuyệt kia thì còn gì là đau khổ sâu muộn nữa. Mình với tiền nhân, mình với hậu thế là một cái chan hòa miên tục mà. Tôi nhớ hôm nào đọc thơ Trần Tử Ngang:

Tiền bất kiến cổ nhân

Hậu bất kiến lai giả

Niệm thiên địa chi du du

Độc thương nhiên nhi thế thạ.

Chúng ta kính trọng niềm đau khổ của Trần Tử Ngang cảm hoài khi lên đài U Châu:

Trông trước không cổ nhân

Nhìn sau xa hậu thế,

Ngắm trời đất vô cùng,

Thương mình dòng lệ nhỏ.

Chúng ta thán phục lời thơ kiệt tác của nhà thơ đời Đường đó, nhưng chúng ta cũng hiểu rằng sở dĩ nhà thơ khổ vào lúc đó vì lúc đó ông để mình đắm vào cái nhìn cục bộ. Ngược lại nhà thơ Việt, Tản Đà, thì lại nhìn cả đại cục chu kỳ nước đi ra biển lại mưa về nguồn, nước non hội ngộ còn luôn trong kiệt tác “Thề Non Nước” của ông. Dĩ nhiên, chúng ta cảm ơn cả hai nhà thơ, tuy từ hai cái nhìn trái nghịch nhưng vẫn để lại hai kiệt tác về rung động và suy tư. Em thấy không, lúc đó anh cũng nghe rồi để đó, nhưng bây giờ dường như anh đã thấy rõ quan niệm của bố luôn luôn mở rộng các cửa sổ tinh thần, tiếp nhận người và vật, tăng thiện giảm ác.

Hoa vẫn nhìn xuống mỉm cười với chính mình:

– Em nhớ một lần ở trong tù bố viết trả lời câu em xin bố hãy luôn luôn vui: “Yêu thiên nhiên, yêu con cháu, và yêu con người như bố thì muốn không vui cũng không được!” Nghịch cảnh nào với bố cũng là cơ hội để trui luyện kiên nhẫn và vũ khí đối phó lại bao giờ cũng là khoan hòa nhân ái. Vì vậy bố hóa giải được mọi nghịch cảnh.

Ít nhất cũng phải mười lăm phút nữa tàu nhỏ này mới cập ngang hông tàu lớn để dỡ đồ tiếp tế chuyển chót. Lịch chợt cảm thấy lòng phơi phới, rõ ràng mềm yếu trước cái đẹp của biển cả mênh mông lúc đó và trước cái đẹp của những cuộc đời tự do đã được cứu sống như những bằng hữu Lịch trên chiếc tàu này. Bất giác Lịch mỉm cười đưa mắt nhìn về mũi tàu.

Thoạt một mảng biển xuất hiện như cái nháy mắt tình tứ với trời cao: thiên nhiên cũng giao tình! Màu mây cao thăm thẳm và màu nước bập bênh mênh mông, trời biển như hai tâm hồn tri âm chợt gặp nhau thù tạc chến choáng trong men chiều. Cả trời biển hòa quyện với nhau bao trùm lấy vạn vật hư hư ảo ảo quyến rũ lạ lùng.

Niềm vui của Lịch rõ ràng bùng bật khỏe mạnh. Nhưng Hoa thì dăm chiêu hơn vì Hoa chợt nhớ một lần bố nói: “Ai sáng tạo mà chẳng muốn duy trì, nhưng nếu không chạm trán với hủy diệt làm sao có được tái tạo, làm sao có được những sáng tạo mới mới hoài hoài.” Tia sáng bất chợt của trực giác đã giúp Hoa thông cảm được lời bố. Lời nói đây đó của bố như hòa lẫn vào cái mênh mông của biển và trời lúc đó. Tự nhiên nước

mắt ứa lên. Hoa nhớ bố và thương mẹ vô cùng. Thương mẹ suốt đời héo hon, hết lo âu này đến lo âu khác. Bây giờ có được khoảng lùi xa Hoa mới nhận rõ được nguyên do toàn thể bức tranh đời của mẹ. Bốn chồn vất vả suốt ngày, tâm tư lo lắng suốt ngày, làm sao mà khuôn mặt không héo hon cho được!

Hoa cúi mặt xuống kín đáo thấm nước mắt nói với Lịch, giọng nhẹ thoảng như hơi gió, nhưng không vì thế mà Lịch không nhận ra những thoáng gọn của ghen ngào:

– Barracks của mình quay lưng về biển, chiều chiều quả thực em ưa đứng phía sau trại nhìn biển:

Chiều chiều ra ngắm biển sau,

Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều.

Tại đất nước mình thì có hòn vọng phu, những người con gái tự miền xa nhìn về quê mẹ nhớ mẹ qua biển khơi trùng trùng này chết thì hóa gì hờ anh?

Lịch cũng cảm thấy tê tái khi nghe câu hỏi đó của Hoa, vội vã vút điếu thuốc cháy nửa xuống biển tưởng như vừa cầm phải cục than, rồi lại châm ngay điếu mới, dáng run rẩy rõ rệt.

Biết bao giờ gặp mặt! Biết bao giờ gặp mặt! Có thể rồi mai đây được bố đi định cư ở một xứ sở xa xôi nào, rồi ở đâu đâu đó, tiểu gia đình Hoa sẽ mọc rễ nơi đó như bố mẹ trước đây đã di cư vào miền Nam rồi mọc rễ ở miền Nam. Ông nội mất, bố có được gặp mặt đâu! Biết bao giờ gặp mặt! Biết bao giờ gặp mặt!

Hoa ngẩng nhìn trời thăm thăm và trong suốt như để tìm những vì sao –

(lúc đó làm gì có sao!) – nhưng là nhìn vào một tiền kiếp xa xưa nào, hồi bố mẹ còn là những vì sao trên trời.

Sài Gòn 28/5–30/7/1980

